

NGUYỄN THỤY LONG

THÂN PHẬN MA TRỜI



TIẾNG QUÊ HƯƠNG

THÂN PHẬN MA TRỜI

Nguyễn Thụy Long

TIẾNG QUÊ HƯƠNG
xuất bản 2000

thân phận ma trời

Nguyễn Thụy Long

Bìa: M.C.P

Nguồn: Internet

Trình bày: Muôn Phương

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

thân phận ma trơi

NGUYỄN THỤY LONG

MỤC LỤC

Tựa	9
1. Hồn bút	33
2. Cái còng	65
3. Cái quần	97
4. Kim loại màu vàng	129
5. Cái giường	169
6. Thân phận ma trời	257
7. Bà mẹ sương sa	285
8. Bà cháu, bố con	361

9. Ông Đồng Trời	389
10. Đồng gạch	449
11. Ngày xưa	487
12. Chim trên ngọn khô	543
13. Người ở lại thế gian	595

TRUA

NĂM 1987, SAU KHI RA KHỎI TÙ và hết hạn quản chế, tôi bắt đầu gặp lại một số bạn cũ, phần đông do tình cờ. Và người chủ động tìm tới trong đó có Nguyễn Thụy Long. Long tới nhà tôi vào dịp cuối năm để cho tôi một chiếc bánh chưng vì biết loại thực phẩm này nằm ngoài tầm tay tôi. Long cũng là người đã tìm gặp vợ con tôi khi anh ra khỏi tù và đã viết vào trong tù cho tôi mấy chữ. «Cứ yên tâm về vợ con mày.

Tao đã tới nhà và rất mến phục bà xã mày».

Long viết mấy chữ đó trên bao thuốc Đà Lạt gửi cho tôi qua một người quen đi thăm nuôi chồng.

Sau khi tới cho tôi chiếc bánh chưng, Long biến mất.

Thỉnh thoảng nghe vài người nhắc tới cảnh lận đận của Long, tôi cũng chẳng lưu tâm, vì bản thân tôi đã dư loại chuyện này. Một thằng cháu phát biểu khi gặp lại tôi: “Những người như chú không thể bắt kịp xã hội hiện nay. Lúc này đừng nói chuyện lương tâm mà phải tìm ra cách căn xé người khác, nếu còn muốn mở mặt với đời”. Tháng 4.75, thằng bé tròn mười bốn tuổi và khi nói với tôi câu đói nó đã là một kẻ từng trải

có mười hai năm đối mặt tới cuộc sống của quê hương.

Rồi tôi lại gặp Long.

Sau nhiều năm trôi nổi mưu sinh, tôi trụ lại với một việc tương đối gần gũi sinh hoạt chữ nghĩa. Cái vốn ngoại ngữ lôm côm chữ còn chữ mất của tôi vẫn có người muốn dùng nên tôi được mượn dịch những bài báo ngoại quốc về cách trang điểm phấn son của nữ giới, cách xào nấu các món ăn, cách giao tế sao cho vừa lòng thiên hạ. Công xá không nhiều nhưng đủ giúp gia đình tôi tránh khỏi cảnh cơm ăn cách nhật như mấy năm đầu tôi ra khỏi tù. Việc làm này tự giúp tôi tiến thêm một bước là ngồi gõ máy thuê, tạo dịp cho bạn bè lui tới. Hai người thường gặp tôi là Thế Phong và Thanh Thương Hoàng, dù tôi đổi chỗ ở

như cóc nhảy. Thanh Thương Hoàng tỏ ra ngán ngẩm cho cái thân phận “Làm đầy tớ thiên hạ” của tôi như anh vẫn nói nên thỉnh thoảng ghé qua dắt tôi đi chích một mũi thuốc xổ, hoặc mua cho vợ tôi một con gà, một miếng thịt để cũng có chất bồi dưỡng. Thế Phong có lẽ ngậm ngùi trước cảnh mỗi buổi sáng tôi chỉ có một chén cháo trắng hoặc một chén cơm nguội nên lâu lâu lại bất ngờ xuất hiện thật sớm dắt tôi đi ăn phở.

Rồi một hôm, Long xuất hiện cùng Thế Phong. Anh đưa ra một xấp giấy, nói:

– Đánh giúp tao. Công xá bao nhiêu, tao thanh toán đủ.

Mấy ngày sau, Long trở lại một mình, lầm lỳ trao cho tôi một tập bản thảo. Anh ngồi xuống ghế nhắc cặp kính ra lau

bằng mấy ngón tay. Trong khoảnh khắc đó, tôi nhớ lại hơn mười năm trước, khi chúng tôi ở chung trên tù. Những ngày nghỉ lao động, tôi thường ngồi bên bàn cờ từ sáng sớm và gần như lần nào cũng vậy, tôi chưa chơi xong một ván, Long đã lù lù hiện ra hết hàm, nói cụt ngủn:

– Đi mày !

Thuở đó Long có cái tên “Long mù” và được đám tù trẻ gọi là chú, là bố. Tối giờ này, tôi chưa tìm ra lý do khiến đám trẻ xưng hô với Long như vậy trong khi tất cả đều gọi tôi bằng anh, dù tôi hơn Long 5 tuổi. Long may mắn không rơi vào cùng đội với tôi là may mắn hơn là thỉnh thoảng lần được thăm nuôi nên ngày nghỉ có thể kéo tôi qua chỗ anh nhâm nhi vài hộp cà phê. Những dịp đó, Long thường rỉ rả với cách nói nhát gừng kể về những hoạt cảnh luôn hiện lên trong

trí anh, lúc cửa phòng giam khóa lại vào buổi chiều. «Hơn sáu chục thằng tù lăn kênh trên những tấm ván sần sùi vỡ bụng lạch bạch đua nhau đánh rầm tùm lum». Anh nhả mặt nhắc tới con vệt ở trạm xá “chỉ biết nói độc hai tiếng khắc phục” và chấm dứt câu chuyện bằng một lời chữ thề. Tôi thường ngồi im, nghĩ đến cảm giác Long có. Long nói chậm, đôi lúc tựa hồ run giọng, nhưng cặp mắt lơ dờ của anh lóe sáng từng chập.

Lúc trao xấp bản thảo cho tôi, mắt anh cũng chột lóe sáng như vậy. Rồi vẫn bằng cái giọng nhát gừng, anh nói:

– Bây giờ tao thấy chỉ có mình mày thôi, chỉ mình mày là hiểu về tao hơn hết, nên tao muốn mày viết cho tao một bài giới thiệu tập truyện này. Muốn viết thế nào thì viết.

Đề tài của chúng tôi tức khắc rời khỏi chữ nghĩa và như lệ thường tôi ngồi nghe Long nói. Anh kể những điều từng trải khi sống trong gian chuồng heo ở khu Tân Phú, rồi nhắc việc gặp một người bạn từ ngoại quốc về thấy cảnh sống của anh đã ngỏ lời muốn chăm sóc giúp đứa con nhỏ. Anh tả nỗi vui khi tưởng tượng đứa con trai được ăn no mặc ấm, được cắp sách tới trường, dù anh rất khổ sở vì phải xa nó. Thế rồi bất chợt anh chửi thề, mặt đổi sắc hầm hầm. Anh đưa cả hai cánh tay ra trước ngực như sắp lâm trận dăm đá, giọng trở nên khó nghe:

– Nếu là mày, tao chắc mày đã đâm vào mặt nó. Tao phải cố dằn, chỉ nhắc nó đừng bao giờ trở đi tìm tao nữa.

Thì ra sau phần mở đề bằng tình cũ nghĩa xưa, mấy hôm sau người bạn trở

lại, đưa ra một tờ giấy viết sẵn bảo anh ký tên xác nhận tự nguyện cho con. Anh hậm hực kết luận:

– Nó chó má đến mức để trống tên người nhận nuôi đứa nhỏ. Nó đang làm cai trò buôn trẻ nít.

Tôi nghĩ Long còn may hơn tôi vì vẫn phát bản được. Từ lâu bạn bè thường chê tôi không nết xã giao, lúc nào cũng lậm lậm lì lì, lời lẽ nói ra như đâm vào mặt người nghe. Nhưng lúc đó tôi chỉ thấy mệt mỏi. Tôi không nổi cục được nữa. Mức độ chua xót và nhờm tởm đã biến tôi thành một kẻ dửng dưng.

Dù thế, tước mắt tôi vẫn bùng dậy hàng trăm mảnh đời hàng trăm khuôn mặt mà tôi từng gặp. Tôi nhớ lại ngày 1.5.75. tôi phải ráng sức nhắc bổng chiếc Honda để tránh lăn bánh qua xác một

người lính Biệt Động Quân nằm úp ngang mặt đường trên cầu Thị Nghè trong lúc cả thành phố đỏ rực cờ! Một tuần sau đó, tôi bắt gặp một hình ảnh mới của thành phố Sài Gòn vừa đổi tên là những phụ nữ trùm khăn kín đầu, chân trần, quần xắn ngang đầu gối, rạp mình trên những chiếc xe ba gác chất đủ mọi thứ chổi cùn chiếu rách. Tại sao những phụ nữ kia lại gấn mình trên những chiếc yên ba gác? Họ đạp đi đâu làm gì? Tôi không biết, nhưng người nào cũng ướm dẫm mồ hôi.

Tôi chỉ trở lại Sài Gòn hơn mười năm sau nữa và hình ảnh đầu tiên của buổi tái hội là một người đàn ông cụt cả hai cánh tay loay hoay len lỏi giữa bên xe mới lập gần cầu xa lộ. Tôi đang ngơ ngác nhìn quanh thì ông ta chìa phần cánh tay còn lại cho người đứng kế bên tôi. Ông ta bán vé số bằng cách buộc những tấm vé lên

đầu cánh tay bị cụt ngang cùi chỏ. Tôi thắc mắc không hiểu ông ta thực hiện việc mua bán những tấm vé số cài trên mấy sợi thung quấn quanh khúc tay còn lại ra sao, vì cánh tay kia của ông ta cụt sát vai. Đang chờ để được thấy thì tôi bắt gặp ánh mắt lạnh như băng của người đọc mời mua đáp lại cái nhìn khẩn nài của ông ta. Phản ứng duy nhất của tôi là lật đật quay đi để tránh gây thất vọng cho ông ta, vì chắc chắn tôi sẽ là khách mời kế tiếp. Bộ quần áo phát cho những tên tù được thả chỉ đủ đổi lấy tấm vé xe đưa tôi về đây và tôi còn chưa tính xong khoảng đường cuốc bộ vào thành phố. Trong bóng tôi chấp choạng lúc ngày tàn. Tôi bước đi với ý nghĩ hỗn loạn về cảnh sống của con người và về cái cách con người nhìn nhau. Sau hơn mười năm cách biệt tôi đã gặp lại Sài Gòn, nhưng là một Sài Gòn xa lạ, thăm nảo, lạnh lùng.

Tôi thấy mình lạc lõng, bơ vơ và nổi da gà khi nghĩ tới ngày mai.

Cảm giác này bùng sống lại khi tôi đọc truyện Nguyễn Thụy Long. Bóng tối chụp xuống là tôi cứ lòng vòng giữa một vùng nhầy nhụa, hôi thối với tâm trạng căng thẳng. Không một tia sáng nhỏ lóe lên không một điểm tựa cho tôi bám víu. Trong tối tăm ngột ngạt, tôi chỉ thấy ở khắp nơi những con người khô đét như cây khô, nổi bật hai hố mắt với cái nhìn đờ đẫn vô hồn. Những con người này khi thì bám lấy nhau, khi lại nhào vào nhau như một bầy chó đói giành mỗi trên lớp bùn đen quánh của con kinh len lách dưới những cây cầu thành phố, trên những đồng rác ruồi nhặng bay như ong vỡ tổ ở các góc đường Trương Minh Giảng, Nguyễn Thiện Thuật và giữa những nghĩa địa đang bị đào xới lổn nhổn

gạch non, nông nặc xú uế. Tôi không xua nổi hình ảnh từng đám đông bu quanh những tấm ni lông đựng các đồng xương nhám nhúa nặng mùi mới vét lên từ lòng mộ, dưới cái nắng như đổ lửa, mà quơ múa tay chân đe dọa lũ chó đói lớn vờn xung quanh vừa ồn ào ngã giá một tấm bia, một chiếc túi nhựa bọc xác, một sợi dây lưng chưa mục của người chết. Đó cũng là thế giới văn chương của Nguyễn Thụy Long, thế giới văn chương không có gió mát, ào màu, không có những nụ cười e ấp. Ngay cả lời ca cất lên ở đây cũng chỉ là âm vang ai oán khơi nguồn cho những dòng nước mắt, những cảm giác nhức nhối.

Chính Nguyễn Thụy Long đã tâm sự là vẫn mong có những tác phẩm đem lại cảm giác nhẹ nhàng, thanh thoát cho người đọc, nhưng biết làm sao, khi văn

chương không thể tách rời cuộc sống? Hơn một lần tôi nghe Long nói về điều này, rồi anh nhắc cặp kính ra, đưa mấy ngón tay lên mắt. Có thể anh chỉ làm cử chỉ ấy cho con mắt đỡ ngứa, nhưng tôi luôn nghĩ anh đang cố chặn một dòng nước mắt. Cuộc sống hàng ngày của Long, của tôi, của những người đang có mặt ở đây đã bó tay người cầm bút khi muốn vẽ một cảnh ấm áp, hiền hòa. Đối diện tới sự thảm khốc thì sự đọa đày chỉ là sự tàn nhẫn vì háo hức “mở mặt với đời”. Từ những ổ phế liệu sặc sụa hôi thối trong vùng Tân Phú, Bình Hưng Hòa tới những tòa nhà cao ngất giữa trung tâm thành phố luôn sáng lóa ánh đèn xanh đỏ tím vàng khó tìm thấy thứ gì khác, ngoài những trái tim quắt queo vì roi đòn của thực tế hoặc vì những mê loạn của bản thân.

Tôi lại nhớ về mặt hải hùng của một người tù K.3 vào dịp cả nước chào mừng một ngày kỷ niệm lớn. Người tù là một nhà sư được gọi bằng cái tên thật Nguyễn Tiên Khánh đã đưa cả hai tay lên che mặt không nhìn phần đồ ăn đặc biệt nhân dịp này, do trại giam tặng cho tù, vì ba miếng thịt heo kho lớn cỡ ngón tay cái. Vừa bưng mặt quay đi, Nguyễn Tiên Khánh vừa la thất thanh: “Không, không ăn được! Máu đó, máu đó!”

Tiếng kêu hốt hoảng của Nguyễn Tiên Khánh luôn vang lên trong đầu tôi hai chục năm nay khi tôi nghĩ đến thực tế xung quanh. Tôi không đập nổi ý nghĩ bên cạnh những con người đang cạn máu vì mọi lý do, là những kẻ say sưa uống máu đồng loại. Bằng mọi cách, trò uống máu diễn ra dưới trăm ngàn hình thức với nhịp độ tiếp nối không ngừng

và quê hương chúng ta dường như càng lúc càng vắng bóng người. Trước mắt tôi hiện ra hình ảnh một thiếu phụ sang trọng đi bên chồng với nụ cười thỏa mãn là ánh mắt kiêu kỳ ngó xéo trên đầu một kẻ mặt rệp ngồi lọt giữa đồng xương bò heo trâu chó nhớp nhúa chất cao như đụn rạ trên mặt nền xi măng nóng hầm hập ở một góc nhà kho bên chợ Cây Thị. Kẻ mặt rệp đó là tôi đang chùi rửa những lóng xương cho một cơ sở chế biến thức ăn gia súc để có bữa cơm trưa. Dán mắt vào những lóng xương nhầy nhụa hôi thối, tôi nhớ tới nét mặt kinh hoàng của vợ tôi khi kể lại cách vượt lên của một thiếu phụ. Chị ta đã dắt đứa con gái gần năm tuổi ra mé sông vắng dìm cho chết, thả xác trôi theo dòng để trở thành người phụ nữ “cô đơn” như lời chị ta mô tả với người đàn ông đang theo đuổi mình. Tôi thấy câu nói của thằng cháu

chưa diễn tả được bao nhiêu, khi nghĩ tới những người biết rõ chuyện đó, kể cả những người nhìn tận mắt nhưng không có hành vi nào khác một thoáng hoảng hồn rồi lật đật bỏ chạy, miệng ngậm chặt như bị xiên lình. Người ta đã quen với nếp sống hồn ai nấy giữ, xác ai nấy lo.

Tôi đang sống ở đâu là giữa bấy lũ nào đây?

Một hình ảnh khác bỗng nhiên lên. Đó là hình ảnh con chó xác xơ với khung sườn nổi u như nắm que củi, chạy xiêu vẹo quanh mấy ngọn đồi ngoài vòng rào trại tù, ráng sức chồm tấp mấy con cào cào. Đám tù trong đội tôi đều biết con chó. Nhiều tay đã mơ có thể bỏ nó vào nôi. Riêng một tay tù trẻ sau nhiều ngày quan sát chột lên tiếng chửi đồng:

– Mẹ kiếp, tới cái mức cút cho chó ăn cũng không còn!

Đúng là con chó đói lắm, nhưng đã hơn một lần tôi bắt gặp nó nằm dài dài gốc xoài bên đường, dạng háng cho hai con chó con rúc nhảy nhảy cái vú teo nhếch như giẻ rách. Nó không kiếm nổi «cút để ăn» là nó chỉ là chó, nhưng nó không cắn xé con và vẫn cố nuôi con bằng cái thân xác héo tàn.

Tôi đang nghĩ gì đây?

Dường như tôi chẳng nghĩ gì mà chỉ tự nhiên gợi lên những hình ảnh nằm trong ký ức.

Nguyễn Thụy Long đã vẽ lại thế giới đó của chúng tôi mới nguyên màu sắc cho thấy không ít kẻ đã bằng lòng xóa tiêu cái mức nhân tính còn sót lại, vì sự

tồn tại của nó ở nơi đây chỉ có tác động cào xé tan nát thêm con tim đã tan nát trăm bề. Dễ gì sống với tim óc con người giữa bầy thú đói! Nhưng Long không chỉ vẽ lại mà vật vã vô vọng giữa thế giới đó. Qua từng dòng, từng chữ của Long, tôi luôn bắt gặp nét giễu cợt, lời lẽ bông lông bất cần mọi sự, những chập chờn ẩn hiện ở phía sau là nỗi đau xé ruột và tiếng than ghen uất.

Thằng lưu manh cổ lột cái quần của con điếm đứng đường khách, thằng đàn ông què giò uốn bẻ chân tay đứa con sơ sinh cho thành dị dạng để tạo một “cục vàng” trong nghề ăn mày, tay cán bộ cách mạng nhiệt tình không chịu nổi một bà già còm cõi thờ tẩm hình đứa con trai con là lính ngụy đã chết từ lâu... trở thành cơn vật vã với thực tế và chữ nghĩa của Long, làm dấy lên những day dứt khó tả

nổi về cuộc sống, về con người, nổi day dứt do tuyệt vọng pha lẫn hờn oán, xót thương.

Tại sao Long phải vật vã đau đớn để đẩy lên nổi day dứt như vậy? Từ lâu, tôi thường nghĩ mỗi người có mặt trên đời đều gắn chặt vào một nghiệp dĩ. Long cũng thế thôi. Anh ra đời với điều kiện bẩm sinh không thể xa rời nghiệp dĩ văn chương. Cái không may của anh là phải sống trong thời kỳ con người bị bóp nghẹt, bị ngược đãi, bị biến dạng thành hoang thú. Ai còn ý thức mình đang là người mà thoát khỏi bị dẫn vật khi đối mặt với những mưu tính, những hành vi, những xu hướng tước đoạt mọi điều kiện tối thiểu để tồn tại của con người?

Có phải tôi đang biện bạch cho thái độ sáng tác của Long trước thói quen chẻ

xác văn chương theo những ý nghĩ chủ quan?

Người ta sẽ soi mọi màu kính lên tác phẩm của Long để thấy là vàng, là đỏ, là trong, là đen. Người ta sẽ ban cho nó những cái tên hiện thực, tượng trưng hoặc gì gì đó để chứng tỏ trí tuệ của mình. Người ta sẽ xưng tụng nó là tiếng nói chính nghĩa, là văn chương phản kháng hoặc kết án nó là đồi trụy, phản động, đi ngược khuôn vàng thước ngọc của văn nghệ cách mạng để biểu dương ý chí đấu tranh hùng hực.

Tôi thấy những trò đó chẳng đáng gì trước thực tế mà cây bút thẳng tay Nguyễn Thụy Long ghi lại. Những trò đó cùng những con người đó cũng như tất cả những kẻ đang thét mưa gọi gió, *những kẻ đang lãng xăng đồng hóa với*

chính nghĩa đều chẳng đáng gì trước cơn giã giũa hiện nay của con người. Khi xã hội như cỗ xe đang lao xuống vực thẳm thì chẳng loại người nào, chẳng vấn đề nào trên xe lớn hơn một hạt bụi.

Chắc hẳn Long chẳng cần biện bạch và cũng chẳng cần ai biện bạch giùm. Anh bị cột vào nghiệp văn chương và chỉ cố làm phần nào công việc của mình trong ý thức và trong cả nỗi đau về cái thân phận nạn nhân đang bị xô xuống đáy vực. Đúng như Long vẫn nói, dù tha thiết mong muốn, anh không thể viết khác. Vì văn chương không thể tách rời thực tế, vì thực tế bao giờ cũng là *thực tế không thể đổi trắng thay đen bằng bất kể cách nào, bởi bất kể lý do nào.*

Thêm nữa, chắc hẳn anh cũng không nghĩ ngợi mảy may về màu sắc văn chương và không có một giây so đo

về mức độ Việt Nam tính, thế giới tính hay giai cấp tính, cách mạng tính trong tác phẩm của mình. Điều đó chỉ cần thiết cho trò chơi chữ nghĩa vì những lý do nằm ngoài đòi hỏi của văn chương chứ chẳng ăn nhập gì tới việc sáng tác văn chương. Long đã viết bằng cảm xúc của một nạn nhân bị đập vùi, viết về những thân phận bị đập vùi và viết bằng ý tình chân thật của một con người chưa biến dạng. Có lẽ Long cũng chẳng mưu cầu điều gì ở tác phẩm của mình ngoài hy vọng khơi gợi một nỗi đồng cảm nơi tất cả những người còn là người đang có mặt trong cuộc sống, bất kể là ai và bất kể ở nơi đâu.

Riêng tôi, để chấm dứt những ý nghĩ lan man dấy lên khi đọc truyện của Long, tôi mong không bao giờ còn phải gặp những thân phận ma trôi, những bà mẹ

sương sa, không bao giờ còn phải nghe Diêm Vương phán “mọi hình phạt lột thịt lột da, chặt đầu đến cắt cổ, đun nấu trong vạc dầu nơi địa ngục đều không sánh nổi với việc trả bị cáo về làm người trên trần thế”.

Sài Gòn tháng 6 – 1999

UYÊN THAO

HỒN BÚT

BUỔI SÁNG TÔI THỨC GIẤC
CÙNG TIẾNG CHIM HÓT.

Nhưng không phải là những buổi sớm mai êm đêm trước kia, khoảng năm tháng trước.

Thú thật hồi nửa năm về trước, tôi cũng chẳng có thì giờ nghe chim hót. Tôi ra đi lúc còn tối trời, ngồi tòa soạn nghe tin tức đài phát thanh, làm những bản tin thế giới xảy ra trong đêm. Công việc tòa báo tắt bật đến chín giờ sáng tôi mới có

thì giờ ăn điểm tâm, rồi lại viết vài trang tiểu thuyết cho nhật báo. Công việc bận rộn suốt ngày, về đến nhà cũng phải bảy tám giờ tối. Coi truyền hình, chơi đùa với vợ con một lúc rồi đi ngủ. Thời gian để nghe chim hót hoàn toàn không có, cũng bởi tại nhà tôi ở trong thành phố. Ngay bên kia sông Cầu Bông. Nay tôi về ở với mẹ, bên này sông, một vùng nửa thành thị, nửa thôn quê. Nhà cửa tôi đã mất, gia đình tôi thành ra ly tán từ sau ngày thành phố giải phóng. Tôi bị đuổi ra khỏi nhà, chỉ mình tôi, vì tôi thuộc thành phần ngụy phản động. Những tác phẩm của tôi bị đốt ngay trước cửa nhà, vì bị kết tội là tác phẩm đồi trụy, phản động, bản thân tôi cũng chẳng còn chút an ninh nào. Tôi về với mẹ, nơi căn nhà xưa. Căn nhà trống huếch trống hoác chỉ còn hai mẹ con. Em trai tôi đã lên đường trình diện đi học tập cải tạo bởi nó là sĩ

quan quân đội chế độ cũ. Gia đình tôi đương nhiên phải có tên trong sổ đen. Hàng xóm nói, ban đêm, công an và những tay “cách mạng ba mươi” thường rình nghe ngóng trước cửa nhà. Giấc ngủ của tôi, của mẹ tôi thường không yên, khi nghe tiếng chó sủa, khi nghe tiếng bước chân đi rộn rịp ngoài hẻm. Tôi nằm cứng cả hai bàn chân như bị tê dại khi nghe có tiếng xe gắn máy ngừng lại một nhà nào đó trong xóm. Tiếng đập cửa, kiểm tra hộ khẩu. Mẹ tôi ngồi dưới nhà tụng kinh cầu Phật Bà Quan âm cứu khổ cứu nạn. Một đêm qua, tôi biết mình an toàn thêm được một ngày. Sáng ra, nghe chim hót ở khu vườn chùa sau nhà, mẹ tôi và tôi tạm thời an tâm.

Đồ đạc trong nhà bán dần dần để ăn. Cái đồng hồ treo tường, radio, bộ sa lông, chổi cùn rế rách gì cũng bán được

ráo. Tôi chẳng có gì bán ngoài bộ quần áo mặc trên người khi ra khỏi nhà. Tôi là một tên văn sĩ ngụy, vợ tôi là con nhà liệt sĩ, gia đình cách mạng đương nhiên không thể thích hợp với nhau. Hai đứa con tôi, theo «luật» phải theo mẹ. Cuộc chia tay thảm hại. Tôi ra khỏi nhà tay trắng, vật vờ trên đường phố như cô hồn các đảng với niềm đau mãi khôn nguôi.

Tôi nằm nường trên sàn gác, ngoài tiếng chim hót bên vườn chùa, tôi còn nghe đủ thứ âm thanh của những thành phần mua bán. Có người rao mua tôn, gạch bông, thế có nghĩa là dỡ nhà ra mà bán đồ lạc son và cả vỏ bút nguyên tử hết mực, bút máy hư hỏng. Tại ngôi nhà này tôi còn để lại cả ngăn kéo vỏ bút bi, lưu cữu từ bao nhiêu năm nay. Từ khi tôi mới vào đời làm nghề cầm bút. Cho đến ngày người ta gọi tôi là nhà văn. Bây giờ thì

là nhà văn chế độ cũ hết thời. Tôi có thể bán số tàn dư đó cũng được vài ba bữa cơm, điều thuốc, ly cà phê đỡ vã. Nhưng khoan nào, tôi có thể sửa chữa lại những cây bút. Tôi đã học được nghề sửa chữa và bơm mực bút bi của một anh bạn như tôi sớm ra nghề. Đồ nghề để thực hiện ý đồ kiếm ăn đó thật đơn giản. Một cây cầm xe đạp mài nhọn để thọc viên bi ra khỏi ngòi, lau chùi hết xết rỉ. Một chút acétone rửa ruột bút, cái ống tiêm bơm mực hoặc không thì mấy cái lọ kín, lọ péniciline, đựng mực làm theo nguyên tắc bình thông nhau cũng được. Mực tự chế bằng mực in pha với dầu nhớt loãng là xong. Nếu không làm được, bạn bè tôi sẽ giúp đỡ lúc ban đầu. Tôi chỉ cần tìm địa điểm ngòi hành nghề. Tôi miên man với suy nghĩ đó. Mẹ tôi lên lầu:

– Con chưa dậy sao?

– Con dậy lâu rồi.

– Mẹ muốn hỏi ý kiến con, mình có nên dỡ mái tôn bán không, nhà mình cũng được vài chục tấm.

Tôi lắc đầu:

– Không mẹ à, mình dỡ mái tôn bán rồi sẽ cậy gạch bông bán hết. Đừng mẹ...

– Không lẽ mình chịu chết đói sao, mẹ muốn có chút vốn liếng bán bún riêu. Mẹ nấu, bán, con rửa chén bưng tô...

Tôi vẫn lắc đầu:

– Không cần đâu mẹ à, có cách sống rồi. Hôm nay con ở nhà sửa soạn đồ nghề, mai con ra đường kiếm ăn được. Chiều mai con có thể mang gạo về nhà, chút mắm muối.

Mẹ tôi xuống nhà, còn nói với lại:

– Ôi dào, cậu chỉ nói cái môm, đi rong chợ trời mãi có đến đâu.

Từ xưa tới nay tôi vẫn nổi tiếng là thằng con ba hoa, chẳng thực tế chút nào. Nói một tắc tới trời. Thằng láo khoét, phét lác, ưa tưởng tượng rồi cứ tưởng thật và phát ngôn bừa bãi. Có lần thì chết vì cái môm! Mẹ tôi gọi là vạ miệng.

* * *

Kiểm để có ăn chẳng mấy khó. Tôi ngồi bên hông tường một trường học nữ nay đã đổi tên. Học trò mặc áo bà ba đủ thứ màu chứ không còn mặc áo dài tha thướt như hồi trước. Trường học không thuần nữ mà lẫn lộn cả nam sinh. Thời trang hiện tại là áo bỏ ngoài quần, có cậu còn diện cả dép râu. Học trò bỏ học

nhiều, trường lớp xơ xác. Nhưng điều đó chẳng liên quan gì đến tôi và những bạn đồng nghiệp ngồi dọc theo tường bơm bút bi kiếm tiền lẻ. Tôi đã sửa được vài ba cây bút hoàn chỉnh, mực chảy tốt. Tôi có thể bán được hoặc cho khách hàng mượn vào lớp viết bài trong khi chờ đợi tôi sửa bút. Mới ra nghề vài ngày, tôi đã thành thợ sửa bút có tay nghề cao, sửa được đủ loại bút viết. Thời gian này toàn miền Nam chưa sản xuất được bút bi và cũng chẳng có bút nhập cảng. Những cây bút Bi được coi là hàng quý giá, đắt tiền. Cái khó ló cái khôn, tôi tạm thời sống được.

Tôi thú vị với cái nghề mới của mình. Tôi bơm mực, thử bút qua những đường gạch xem mực chảy đều chưa, rồi tôi viết nguyên chữ, mực chảy nhuần nhuyễn tôi mới trao cho khách hàng, lấy tiền. Cuốn

tập cũ dùng để thử bút lem nhem mực và những chữ ký tên của tôi do quen tay. Thói quen sẵn có từ xưa khi đang viết, bút bi trở ngại, tôi thử lại bút bằng cách ký tên mình.

Tôi gặp nhỏ khách hàng vào một buổi sáng sớm trước giờ vào học. Cô bé kháu khỉnh đôi mắt tròn to, luôn có vẻ ngạc nhiên khi nhìn, thêm chiếc răng khểnh coi thật duyên. Cô bé chừng mười sáu mười bảy tuổi. Nhìn dáng dấp và quan sát cách xử sự, tôi đoán cô bé là con em của người thuộc chế độ cũ. Cô bé còn học hành được là điều may. Tôi biết nhiều con em phải bỏ học gia nhập nghề buôn bán chợ trời. Nếu có thân thể do liên quan với người làm cách mạng, xin được chân công nhân viên, quét, hết rác cho sở vệ sinh là nhất rồi. Chính mắt

tôi đã được đọc những tờ giấy chứng nhận có công lao, giúp đỡ cách mạng của một vài người quen. Viết lem nhem trên một tờ vở học trò. Có người mang bọc lát-tích cẩn thận. Tôi cũng đã thấy tại nhà một anh bạn viết báo trước kia, có treo một tấm bằng, chứng nhận “Gia Đình Vẻ Vang”. Tấm bằng có đóng mộc ký tên, lộng kiếng treo ngay tường giữa nhà, ai vào cũng nhìn thấy. Như người xưa treo hoành phi câu đối. Anh khoe hai đứa con trai của anh sắp sửa đi làm công nhân viên, chân bảo vệ gì đó. Riêng tôi ngạc nhiên về anh, vì tôi biết anh là người đóng bè vượt biển vào Nam sau đợt di cư 1954. Sau đó anh là người viết nhiều bài báo chống Cộng kịch liệt. Tôi không biết gia đình anh vẻ vang nổi gì, ở cái khổ nào. Thây kệ họ?

Cô bé ngồi xem tôi bơm mực, thử bút, chăm chú nhìn chữ ký của tôi. Mắt hơi nhú lại, bất ngờ hỏi tôi:

– Thưa chú, nếu cháu không lầm, cháu đã thấy chữ ký này trên một cuốn tiểu thuyết ký tặng ba cháu.

Tôi ngẩng nhìn cô bé:

– Ba cháu là ai, tên gì?

– Ba cháu là thiếu tá Phùng Đại Hải, bây giờ đã đi học tập cải tạo rồi.

Tôi nhìn sững cô bé:

– A, thiếu tá Hải, chú có quen.

– Chính chú ký tên tặng sách ba cháu?

Tôi gật đầu thú nhận:

– Chính chú!

– Trời ơi, chú là nhà văn... bạn của ba cháu.

– Đúng thế, đừng nhắc lại nữa, thời gian đổi thay rồi. Cám ơn cháu còn nhắc đến chú.

Cháu cũng từng là độc giả của chú, bây giờ gặp được chú, ai dè chú lại làm nghề này...

Tôi không muốn cô bé thương thân phận tôi. Vì chính thân phận cô bé cũng đáng thương. Bố bé đi học tập cải tạo mẹ bé bán hàng rong, anh chị của bé chạy chợ trời. Bé sửa soạn bỏ học, thành phần gia đình Ngụy rất khó sống. Người ta truy tìm lý lịch đến ba đời! Bé cười nói thế. Tôi an ủi cô bé, muốn bé vui, đừng quá sớm chán đời:

– Tất cả đều vậy thôi, chú phải làm công việc này vì “sứ mạng”.

– Chú nói gì?

Máu bố lão hình như lúc nào cũng có sẵn trong người tôi, ít khi tôi nghiêm chỉnh được. Tôi bịa ngay ra được một câu chuyện để chống chế cho cái nghề mình đang làm:

– Chú làm nghề này vì phải đền mạng cho hàng bao nhiêu ngàn cây bút do chú đã tàn sát chúng cả chục năm trời nay. Đây là lệnh của Diêm Vương.

Cô bé cười giòn:

– Chú xạo ?

– Ừ thì xạo. Giấc mơ hoặc cơn ác mộng nào chẳng xạo. Một đêm chú ngủ gặp một cơn ác mộng rồi sau đó chú

quyết định phải làm nghề này.

– Chú kể cho cháu nghe với.

– Xong ngay.

* * *

Tủ sách của tôi bị xô đổ, cơ man là sách vở. Trong số đó có những tác phẩm của tôi viết hai chục năm qua, những cuốn sách quý hiếm của các bậc tiền bối, bậc thầy, đàn anh cổ kim mà tôi đã mất công sưu tầm cả đời. Những chồng sách quý giá ấy bị đám thanh niên nam nữ đeo băng đỏ, độ tuổi choai choai khìêng từ nhà tôi ra, chất đống tươi xằng thiêu hủy. Khói lên cuộn cuộn ngút từng mây, vướng mắc cả vào cây thánh giá mỏng manh trên nóc tháp chuông nhà thờ Tân Định. Trong khu phố có nhiều

đám cháy thiêu hủy sách vở báo chí bị kết tội là đồi trụy phản động. Tôi nhìn sách vở của mình bị thiêu đốt mà nhột nhột cả người. Tôi nhìn theo những tàn tro bốc lên cao, những mảnh giấy cháy thành than như vẫn còn linh hồn, còn vương vẩn trong lưới lửa bạo tàn. Tôi thấy những trang sách cháy đen bay nhấp nhোang như những bóng dơi trong hoàng hôn. Tôi nhìn lũ trẻ tay đeo băng đỏ đang trưng cho quyền lực vừa vỗ tay vừa ca hát những bài ca mới học thuộc. Chúng nhảy múa quanh lửa hồng, vô tư và vô tội, vì chúng không biết mình đang làm gì. Chúng biết gì đâu mà cãi cò với chúng, chúng giống như một đoàn âm binh bị phù thủy ếm bùa, phù phép sai khiến.

Tôi bước đi trong thống khổ, trong bóng dơi ma tro tàn khói bay và từ đó

ném tôi vào cơn ác mộng. Tôi bị xô ngã xuống vực sâu. Hình như có đám khói đen nào đó đỡ lấy tôi, êm như đệm bông, đưa tôi xuống tận đáy vực, không đau, không sây sát. Nhưng ở nơi đó tối đen, lạnh lẽo. Tôi đang ở đâu? Tôi ngơ ngác trong bóng tối mông lung. Mất tôi còn tốt mà như mù tịt. Hay là tôi bị chôn sống? Không, tôi vẫn còn thở được mà, và còn có thể kêu được, nếu tôi dám kêu.

Nhưng sao tôi hãi sợ nơi thâm u này quá.

Tiếng rì rào xa rồi gần, tới sát bên tôi. Hai mắt không nhìn thấy, nhưng tai lại nghe rõ hơn. Các hồn ma rên rỉ, khóc lóc than thân trách phận cùng oán hờn ai đó. Sao lại là tôi? Có lời than nhắc tên tôi, lời lẽ xúc phạm, nhục mạ hạ cấp. Chỉ ma quỷ mới nhìn rõ được trong bóng tối, tôi còn là người nên tôi không thấy

gì. Lửa bùng sáng làm tôi giật mình, lóa cả mắt. Tôi định thần, đúng là cảnh âm ti địa ngục. Tấm màn đỏ kéo lên, như sân khấu tuồng hát bội nơi đình miếu. Trên một án thư rộng, một vị coi đáng đường bệ hách dịch, mặt đen như nhọ chảo, mắt trắng dã, trông trắng nhiều hơn trông đen, râu dài thậm thượt bạc trắng như cước coi quái gở làm sao, đầu đội mũ hoàng đế, mình bận áo bào thêu đỏ tía, thay vì thêu rồng phượng lại thêu toàn hình xương đầu lâu có hai gióng bắt chéo như cờ cướp biển. Hai bên án thư hai tên quỷ dữ cầm đinh ba, bồ câu. Đứa đầu trâu, đứa mặt ngựa. Sau lưng ngài, một thị tỳ xoa tóc, mặt dơi tai chuột, cầm quạt lông lợn lòi đứng hầu. Xung quanh tôi, đứng chật cả hàng động không biết cơ man nào là các dạng bút hư hỏng. Cả những máy chữ bể càn gầy gọng. Quỷ sứ mặt thú cầm vũ khí ngấn đám đông,

tôi đứng giữa hang, trước mặt là một vạc dầu nấu sôi sùng sục cùng đủ thứ của xẻ, kim kẹp, kéo xiên, móc ngoéo. Tất cả dụng cụ đều được nung đỏ, bốc khói. Chỉ có loài quỷ mới sử dụng được. Tôi sợ hãi, hoang mang.

Vị tai to mặt lớn yên vị, vỗ án thư đến rầm một cái ra uy. Tiếng vỗ làm rung chuyển cả hang động, kinh hồn bạt vía thẳng tôi nhỏ bé. Tiếng ngài vang như tiếng sấm rền:

– Tên Nguyễn Văn Tèo kia, trước đây trên dương gian người làm nghề văn sĩ phải không?

Tôi run sợ, lắp bắp thưa:

– Dạ thưa, chính phải.

Tôi bị quỷ sứ mặt chim bồ nông có

cái bùi cổ thật to đập một cái vào nhượng chân, ngã thành thế quì gục.

– Hồn, quì xuống tâu bầy!

Vị tai to mặt lớn đưa bàn tay ngón chuối mẩn lên vuốt râu, cười ha hả:

– Cho người biết ta chính là Diêm Vương tằng địa ngục thứ mười tám, hôm nay được lệnh Ngọc Hoàng thượng đế xét xử tội ác người đã gây ra trên dương gian. Nguyên cáo là hăng vạn cây bút để viết lách kiện người phải được đem ra xét xử, vì trong đời người đã tàn sát chúng quá nhiều, một tội ác thô bạo không thể tha thứ, làm ngơ được... Bị cáo chính là người.

Tôi vỡ lẽ hoảng hồn. Nguyên cáo quá đông mà bị cáo chỉ có mình tôi. Bản cáo trạng ngắn gọn buộc tội tôi nặng nề.

Diêm Vương hỏi tôi:

– Trên dương gian, nhà người hành nghề viết văn làm báo được bao nhiêu năm?

– Thưa ngài Diêm Vương, con không nhớ chính xác được ngày tháng hành nghề. Nhưng tính tới nay cũng cỡ hai chục năm trời.

– Người dùng gì để hành nghề ấy?

– Thưa ngài, tôi dùng đầu óc tôi và bút, mực, giấy, máy chữ.

– Đầu óc người không cần nói đến, vì đó là rác rưởi. Ta muốn nói đến những cây bút kia.

– Thưa vâng, phải có giấy bút mới diễn đạt được đầu óc tư tưởng mình.

– Nhà người coi những cây bút là thứ gì?

– Thưa là những dụng cụ để diễn đạt tư tưởng.

Diêm Vương nổi giận, tóc tai dựng đứng, mặt đỏ như cục than hồng, hai mắt như hai đèn pha:

– Láo, loài người nhà người ngu dốt lại còn giở giọng khinh thị. Người dám nói bút mực không có linh hồn sao? Chúng không phải dụng cụ vô tri. Nhờ có chúng, mi mới diễn tả được tư tưởng của mi, dù rằng thứ tư tưởng cỏ rác thấp hèn, chuyện đó loài người các người xử lý với nhau, và người đã được xử lý rồi. Ngày hôm nay người là bị cáo, người bị đòi từ dương gian xuống tòa án Diêm Vương mười tám tầng địa ngục để trả lời tội ác người đã gây ra trên trần thế.

Nếu đúng người có tội, pháp luật Diêm Vương sẽ xử phạt người. Người được phép bào chữa, được phép ăn năn tội lỗi để hưởng lượng khoan hồng của địa ngục do ta là Diêm Vương đang thống trị. Luật pháp là ta và ta là luật pháp hiểu không. Người có biện hộ viên, không lo luật pháp chốn địa ngục này không công bằng, không quang minh chính đại. Biện hộ viên, tức thầy kiện, luật sư bào chữa cho người là quỷ chim Chèo Bẻo. Chốn âm ti địa ngục ngày nay đã tiến bộ lắm rồi. Quyền quý quyền người đều được bảo vệ, tôn trọng. Nghe ta hỏi này, trong đời sử dụng bút của người, người đã tàn sát bao nhiêu cây bút, máy chữ?

Tôi run lập cập:

– Thưa ngài chánh án Diêm Vương, tôi làm hư hỏng bút cũng nhiều, nếu chúng không gây trở ngại khi nguồn văn

tôi đang lênh láng, bút Bic, hàng ngoại nhập mực chảy tốt, tôi xài đến hết mực mới liệng đi.

– Khá, người đã thành thật khai báo và nhận tội, vừa tàn sát bút vừa khai thác bóc lột sức lao động của bút đến cạn kiệt rồi liệng đi.

– Thừa đúng vậy, con thừa với Diêm Vương, con không nhớ là bao nhiêu cây bút đã hư hỏng hết mực trong tay con, vì thời gian hành nghề của con quá dài... Tòa Diêm Vương nhắc lại cho bị cáo rõ, tàn sát chứ không phải hư hỏng. Những cây bút cô linh hồn của nó, không còn là vật vô tri, chúng đã kéo nhau đến đây kiện người, hàng hàng lớp lớp. Coi kìa, xung quanh người, tất cả đều là nạn nhân của người. Phen này chắc chết, sao mà chúng đông đến vậy Bút Bic, bút máy Parker, máy chữ Remington, cả bút

lông, bút chấm mực. Tất cả họ hàng nội ngoại loài bút đều khập khiễng, thân tàn ma dại, sứt còng gãy gọng. Chúng nhao nhao đòi mạng, đòi tôi phải trả nợ máu. Diêm vương và quỷ sứ phải vãn hồi trật tự rồi mới cho những tên đại diện ratau bầu buộc tội.

Chàng máy chữ Remington khập khiễng ra trước tòa:

– Thưa ngài chánh án Diêm Vương, chính tên này một lần đã liệng con từ trên lầu ba ở tòa soạn báo xuống đường vì hấn bức tức. Hấn vô cùng tàn nhẫn, thế là con du địa phủ. Linh hồn con đến nay vẫn chưa siêu thoát.

Mụ nạ dòng bút Bic bước ra:

– Thưa ngài chánh án Diêm Vương, bậc đàn anh khả ái máy chữ Remington

nói rất đúng, tên văn sĩ này rất độc ác, cộc cằn, nó sử dụng chúng con vô cùng tàn nhẫn. Nó viết nhiều và viết rất lâu, bất kể giờ hành chánh theo qui định, bất kể đêm ngày. Con, chị em con mệt hụt hơi. Chưa kịp chảy mực là nó đâm ngay ngòi xuống bàn, hết mực nó đập bút luôn. Giận dữ nó cũng bẻ đôi thân thể con ra ngay. Ngài thấy con mảnh dẻ, liễu yếu đào tơ chịu gì nổi tên cầm bút thô bạo vũ phu như vậy.

Người đẹp Parker ỏn ẻn bước ra:

– Chính nó, có kẻ đến nói với nó chịu uốn cong ngòi bút một chút nó sẽ sung sướng cái thân, lại có tiền bạc. Nó không chịu nghe lời người ta còn dùng ngay con đâm vào mặt người ta đến đổ máu. Thân con bị tiêu diệt ngay tức thì.

À hức lên khóc thảm thiết, đòi tôi phải đền mạng, trả nợ máu. Tôi nghe buộc tội mà muốn tự sát chết luôn, toát mồ hôi hột, mặt dầu ở chốn âm ti vô cùng lạnh lẽo. Tôi không ngờ mình gây tội ác với tộc họ nhà bút kinh khủng đến vậy. Bây giờ chúng đòi mạng tôi, hối không kịp, tôi chỉ chết một lần, làm cách nào tôi đền mạng nổi cả chục ngàn cây bút. Phần buộc tội đã xong. Biện hộ viên mặt quỷ Chèo Béo nháy ra bào chữa cho tôi ác liệt không kém:

– Thưa ngài chánh án Diêm Vương, thưa quý tòa. Tôi là biện hộ viên của tên nhà văn thối tha bị lôi cổ ra tòa do đơn tố cáo của nhân dân loài bút. Qua lời buộc tội gắt gao của nhân dân thì tên nhà văn này đã gây ra không biết bao nhiêu tội ác, nước giải của Thiên Hà ngoài vũ trụ cũng không thể rửa sạch. Một triệu lần

chết hắn cũng không đền nổi tội ác của một đời lầm lỗi. Người biện hộ viên chân chính như tôi phải bênh vực bào chữa cho hắn cũng lấy làm xấu hổ và nhục nhã Nhưng vì lòng quỷ đạo, tôi cũng tình nguyện đứng ra bênh vực và bào chữa cho hắn. Tội ác đã rõ ràng, không thể chối cãi được. Nay thân chủ tôi đã cúi đầu chân tội. Vậy xin Diêm Vương mà chính Người là luật pháp mở lượng đèn trời soi xét tìm giúp cho thân chủ tôi một hình phạt xứng hợp với tội ác mà hắn đã phạm phải để chứng tỏ tính ưu việt của luật pháp tại tầng địa ngục thứ mười tám này trong cõi âm ti.

Tòa ngưng để nghị án. Tôi khát khô cổ nên được phép giải khát bằng một lít nước đá ngựa. Tôi không thể tả nổi mùi vị ra đây được. Quỷ mặt thú hỏi:

– Có đói không ta cho bị can ăn?

Tôi thất kinh trả lời không còn đôi khát gì nữa.

Sau mấy khắc nghị án, Diêm vương tuyên án, giọng ngài oai nghi vang như sấm:

– Xét rằng bị cáo, tên văn sĩ Nguyễn Văn Tèo là người ở dương gian đã gây nhiều tội ác nghiêm trọng. Xét rằng bên nguyên là những hồn bút kiện đòi mạng và có lời buộc tội chính đáng. Xét rằng qua lời bào chữa của biện hộ viên xin xỏ cho bị cáo là cao thượng, có tình có lý, có tính quỉ đạo Tòa án tối cao chốn âm ti, tăng địa ngục thứ mười tám ra quyết định số I/ĐN 18:

– Đối với bị cáo Nguyễn Văn Tèo, mọi hình phạt nơi chốn âm ti này như cắt cổ, mổ họng, lột thịt, lột da, nấu trong vạc dầu đều không xứng với tội ác mà

hắn đã phạm phải. Nên sau khi nghiêm túc luận tội, tòa nhất trí xử phạt lưu đày ngay hắn lên trần thế cho lao động cải tạo để đền tội ác. Hắn sẽ phải hành nghề bơm sữa bút bi. Các hồn bút sẽ được tái sinh trong những cây bút hư hỏng do tên Tèo sữa chữa.

Bản án được thi hành ngay.

* * *

Tôi choàng tỉnh cơn ác mộng và thấy mình là gã sữa bút bi ngồi dựa tường. Bấy giờ quanh tôi là các em học sinh há miệng ngồi nghe. Rồi đưa bút hỏng cho tôi bơm mực, sữa chữa, trả tiền sòng phẳng hậu hĩnh. Tôi vui dẫn tội ác.

Nhưng sau đó tôi lại hoảng sợ ngay, tôi thú thật với các em:

– Ta nói lão đấy, ta có máu láu cá, đừng tin lời ta nói, hãy xem việc ta làm.

Một hôm không xa ngày tôi phía chuyện nói cho vui với các em nhỏ, những người mang băng đỏ tới tuyên phán:

– Riêng anh, chỉ có anh thôi, lên đường đi nơi khác. Anh không được phép ngồi đây để bôi bác chế độ. Anh nhớ tai mắt nhân dân ở đâu cũng có.

Lời nói nghiêm trọng của người cách mạng choai choai khiến tôi phải tuân thủ liền.

Tôi khiêng đồ đi nơi khác.

Hồn bút ám quẻ tôi mãi tới ngày hôm nay. Tôi giống như một kẻ bị quỉ ám, cứ lẩn thẩn mãi với mấy cây bút, tôi

vẫn chưa trả hết nợ máu với chúng. Mà
tôi thì không thể quít nợ chúng. Tôi cặm
cui với cây bút trên tay và nâng niu nó.

CÁI CÒNG

CÁI CÒNG! NÓI ĐẾN TỪ ẤY TÔI THẤT KINH. Mạng số không ra quái gì, bởi vậy nhiều lần trong đời tôi dút tay vào còng. Thời Ngô Đình Diệm làm tổng thống, tôi bị tổng giam vào khám Chí Hòa. Hai tay bị còng, cái còng Tây để lại, bằng đồng, vặn vít chứ không khóa. Tất cả «quái khuếch» đều chịu thua khi bị mang loại còng này.

Thời Nguyễn Văn Thiệu là nguyên thủ quốc gia, tôi cũng bị ném vào Chí

Hòa vì tội chống đối lăng nhăng gì đó. Bị khóa tay. Nhưng cái còng năm xưa vắng bóng đâu rồi. Một loại còng mới có răng cửa, dây xích ngắn, khóa chắc chắn do Mỹ quốc viện trợ. Tôi nhìn thấy cả thùng còng chưa dùng tới có dán nhãn hiệu hai bàn tay nắm lấy nhau, tỏ rõ lòng thân thiện, ném ở góc phòng can nhơn khám Chí Hòa.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, tôi quờ quạng lại bị tóm và bị còng. Nhìn lại cái còng, tôi thấy nó đã cũ kỹ, đúng là cái còng tàn dư của Mỹ Ngụy bỏ lại. Tôi bị khóa tay giải đi khám Chí Hòa. Tôi vô phúc nên bị khóa bằng cái còng xét rì. Khóa hóc, càng cựa quậy lưỡi răng cửa ở cái còng tối tân càng thít chặt, đến độ hai tay tôi sưng lên, đỏ lựng. Người cán bộ công an lôi tôi đi phá chiếc còng bằng

búa và đục sắt. Hai cổ tay đau điếng mà không dám kêu. Tôi còn bị chửi lên đầu:

– Tổ cha thằng phản động, mày làm tao tiêu mất một cái còng rồi.

Khi vào xà lim, tôi bị cùm bằng sắt. Tối trại học tập cải tạo tay tôi bị cùm bằng tre, chân thì bị cùm gỗ cây thau lau, cổ cũng bị gông nốt. Khi bị kết tội chống đối hay trây lười lao động.

Nói tóm lại, cái còng, cái cùm, cái gông đều là một thứ dụng cụ để khống chế cơ thể con người. Nó muôn hình vạn trạng.

Tôi muốn quên chuyện đó khi được trả tự do.

Quên vĩnh viễn cái còng. Nó lắm sự xui xẻo cần được đốt vĩa xua đuổi đi như thầy pháp trừ tà ma quỷ quái. Tôi trở về

tự do, thanh thoi sống bằng nghề mua bán ve chai. Tôi rong chơi khắp thành phố, rao hàng và nhiều khi cũng trúng mảnh. Thâu mua được nguyên một cục răng vàng, một cái đỉnh bằng bạc, một cái huy chương bắc đẩu bội tinh bằng vàng 18 K của một ông tướng, ông tá nào đó ở cư xá sĩ quan mà nay phải đi học tập mút mùa tận Hà Sơn Bình. Thăng con trai ngu dốt đại khờ của ông ta lục ra bán cho tôi. Thế là tôi trúng mảnh...

Rõ ràng tôi là thằng mua gian bán lận. Đạp lên đầu nhau mà sống. Để chắc ăn, tôi móc ra hai chai át xít. Một chai nước màu vàng, một chai nước màu trắng. Chấm lên đồ vật mình định mua. Một vệt đen nổi lên. Trúng rồi! Tôi phải ếm giá. Cái đồ khỉ này chỉ đáng giá một ly cà phê đen, thêm cho ba điều thuốc lá Samit lậu Thái Lan! Tôi nói với chú nhóc:

– Cho chú em năm đồng đi uống cà phê, hít Samit cho đỡ vã, thật ra tôi chẳng muốn mua cái khuy đồng này làm gì.

– Cái huy chương của ba tôi, Bắc đấu bội tinh.

– Chẳng cần biết, cũng như cái khuy đồng thôi. Chỉ có kẻ ngu dốt như tôi mới mua một cái khuy đồng tới năm đồng bạc.

Chú nhóc vã, đành ô-kê ngay. Thế rồi tôi thơ thối ra đi. Thật ra chẳng cần mua bán nữa, tôi đã trúng mảnh rồi. Tôi chạy về bọn thu mua ngồi ở góc đường Nguyễn Thiện Thuật, hùng dũng gọi rượu thuốc uống để nung chí anh hùng. Thằng thu mua cân vàng trả tiền cho tôi theo giá vàng thị trường. Mặt tôi cứ vác lên, ra lệnh cho đám ve chai hết thời gọi rượu uống thả cửa. Thằng bạn tôi có bút

hiệu là Sao Biển, trước kia làm nghề viết báo, nay cũng ra nghề ve chai mang cái bản mặt sừng tím, lỗ đầu, lỗ mũi ăn trầu, treo quai hàm trở về:

– Xui quá, tao bị chúng nó quây lại «phện» cho một trận thừa chết thiếu sống. Chút xíu nữa thì chúng nó móc mắt tao cho tao chuyển sang nghề bán vé số.

Tôi thân róc ly rượu xây chùng mời bạn:

– Cạn ly, lý do?

– Tao thử vàng, một bà lão có chiếc răng vàng lung lay muốn bán cho tao, nhưng còn ở trong miệng bà. Để chắc ăn tao biếu bà há miệng ra, lấy át xít thử. Không may một giọt át xít rớt ra nước răng bà, bà giẫy lên tê tê. Vậy là con cháu

bả xúm lại đập tao. Phải thử vì răng vàng bây giờ nhiều loại giả, làm bằng đồng mạ vàng hay i-nốc. "Đại đế ve chai" đã cảnh giác anh em như thế.

Chúng tôi học lên cười, uống rượu như điện, an ủi bạn gặp cảnh tai nạn nghề nghiệp. Thay vì ca hát, chúng tôi mở cuộc thi rao hàng xem đứa nào hót hay nhất. Nội dung bài thi chỉ như thế này:

– Mất kiếng bể, vỡ đồng hồ, vỡ cà rá, răng vàng, bạc vụn, tiền xưa bạc cũ, ai bán không. Mua hết, bán hết, bà con cô bác ơi...

Ấy vậy mà nhiều thằng rao không ra lời. Thằng thì ghen lời, thằng tủi thân, mấy con «ghệ» rao như khóc. Thằng bị bệnh sốt rét tắt tiếng ngang. Thằng sút môi rao có âm điệu ểnh ương kêu. Tôi dĩ

nhiên rao được, công phu tập luyện đi lại theo đại để ve chai hết sáu tháng trời mới vỡ giọng.

Hôm nay tôi giật giải vì tôi là người trúng mảnh.

* * *

Không phải ngày nào cũng giống như ngày nào.

Ngày vàng son có và ngày thê thảm cũng có. Vận bĩ đến không hẹn, tôi rao rất cổ bồng hòng mà chẳng có ma nào mang đồ ra bán. Tôi đi vào một xóm xưa, theo tôi đánh giá hẳn là có cối giã trầu bằng bạc, hay tiền xưa bạc cũ, chắc cũng bằng quý kim. Xóm Gà này có nhiều bà già trầu, ưa để dành chắt bóp, tiền bằng bạc chôn giấu cả hũ ngoài vườn. Thế là

tôi cất tiếng rao giữa buổi trưa nắng cháy. Nâng giá đồ vật mình muốn mua lên cho thêm phần hấp dẫn.

Trong xóm có một quán nhậu đông đảo khách hàng. Tôi nhận ra họ đều là thanh niên, ở trần, mặc quần đùi ngồi chồm hổm ngay giữa quán nhậu để với một mâm xiu quách, chấm nước mắm chanh ớt. Bữa nhậu đang đến hồi gay cấn, bầy hầy. Chẳng biết họ đã «cửa, hết bao nhiêu lít đế, văng tục và chửi bới nhau đến từ thứ bao nhiêu triệu. Những cục xương văng vung vãi khắp nơi. Ruồi nhặng bay như vãi đậu. Có người nghe tiếng rao, anh ta ngoắc tôi vào:

– Mà mua tiền xưa bạc cũ phải không?

– Dạ, đúng vậy.

– Mua với giá cao, một đồng ăn chín mười đồng?

– Đúng vậy.

– Kim loại màu vàng?

– Chính thế!

Người đàn ông hỏi tôi mặt đỏ như mặt gà chọi, kêu thằng nhỏ ngồi cùng bàn:

– Bấy, mày về nhà tao mở cái ngăn tủ, lấy sang đây cho tao đồng kim loại màu vàng. Chủ quán đâu, đưa thêm một can rượu nữa, hết xiu quách thì nướng khô...

Thằng Bấy phóng rọc một cái. Nó sang đến bên kia đường. Chạy vào nhà, lục lọi. Tiếng đàn bà la chối lới. Thằng nhỏ chạy sang quán đưa đồng tiền cho tôi:

– Chung tiền đi, quý lắm đó?

– Cha mẹ ơi, một đồng tiền điều, dùng để cạo gió.

Đồng tiền dùng lâu ngày mòn vẹt, màu vàng, bóng loáng. Không phải đồng tiền bà đầm xòe. Tôi chưa kịp nói gì mẹ đàn bà đã nhào sang xoe xoe chửi:

– Nhậu nhẹt từ đêm qua tới giờ chưa đã sao, bây giờ lại về nhà khiêng cửa đi bán nữa.

Gã lớn tuổi bình tĩnh:

– Đừng ồn lên vậy, bà yên tâm bán được cho chú ve chai này, tôi chia cho bà năm chục.

Tôi lắc đầu đưa lại đồng điều:

– Tôi không mua đâu.

Một gã khác trong đám nhậu:

– Tại sao không mua, rõ ràng mày nói mua mà.

Mụ đàn bà nhảy chơi chơi:

– Không bán, tao không bán cho đồ lưu manh chợ trời. Bọn này ghê lắm, chuyên đi lừa gạt người lương thiện.

Tình thế trở nên gay cấn. Đám đàn ông say rượu hung tợn. Chúng dám làm thịt tôi cướp hết tiền bạc vốn liếng lắm! Miệng mụ đàn bà điêu toa độc ác, kinh khủng không kém:

– Đồ buôn gian bán lận, trời ơi, đồng tiền cạo gió của tôi bằng vàng y mà rẻ mạt thế à. Lột da nó ra!

Không còn cách nào khác, chạy là thượng sách. Tôi nhảy nai. Tôi phải nhanh hơn bọn say rượu kia, khỏe hơn

mụ nái xề chân yếu tay mềm. Tôi phóng đi, vẫn nghe tiếng chân đuổi theo đồng thời nghe tiếng ngã ạch đui. Chín mươi chín phần trăm tôi thoát hiểm. Nhưng này, sao lại có bàn tay ai túm cổ tôi. Sợ chết, tôi liền giở mặt hèn ra:

– Lạy ngài, tha cho con, con còn phải nuôi mẹ già, vợ dại, con thơ.

Tiếng cười hể hể:

– Bình tĩnh đi...

Gã đàn ông mặt rỗ chẳng rỗ chịt, có hàm răng cái mả ố vàng, nam đen, trông cái mặt như trái xúp lơ.

Tôi vẫn chưa hoàn hồn:

– Thật tình tôi không thể mua được món hàng ấy của các ông. Tôi không gian dối gì hết...

Gã đàn ông buông cổ tôi, vẫn cười nhe hàm răng cái mả:

– Đúng rồi, tôi hiểu, cái đồng điều hạng bét đó mà mua gì được. Vào nhà tôi đi, anh có hàng mua được. Tôi biết anh là «chuyên gia mua đồ cổ».

Tôi hoàn hồn thật sự, đứng trước mặt anh ta.

Hình dạng anh ta coi xấu xí vậy nhưng cũng không có gì nguy hiểm. Tôi chỉ nhận thấy anh ta có biệt tài bắt người. Chỉ một cái nắm cổ, hết cửa quây. Hẳn là một cao thủ, giấu tung tích.

Tôi theo anh ta vào căn nhà rách nát. Mái lá, tường bằng tôn thùng khuy. Sàn xi măng loang lổ tro cả đất Hai đứa trẻ ở truồng, mặt mày lem luốc nằm ngủ. Đứa nhỏ đút ngón cái vào miệng mút, dải rớt

nhều nhão. Căn nhà nhỏ thấp lè tè, nóng hầm hập. Gã đàn ông mặt mũi quái gở mời tôi ngồi xuống sàn:

– Ngồi chơi chờ tôi chút. Tôi mang ra món đồ “gia bảo” này chắc chắn anh mua được. Hẩn khom người xuống mở cái cửa tủ nhỏ xíu lục lọi. Tiện tay tôi lột cái mũ ra quạt cho hai đứa bé. Tự nhiên tôi thấy thương chúng, như thương hai đứa con tội nghiệp của tôi. Mái tóc tơ của trẻ thơ phơ phất. Gã đàn ông lục một hồi, lấy ra một vật gói giấy cẩn thận đưa cho tôi:

– Đồ gia bảo đó, sự nghiệp đời tôi, bây giờ phải bán cho anh, tôi tiếc đứt ruột.

Vật tôi cầm trên tay nặng như sắt thép, có thể một vật gì đó không bằng

vàng cũng bằng bạc, đồng đen? Tôi vẫn chưa mở giấy:

– Cái gì đây?

– Anh có quyền mở ra xem hàng, mình thuận mua vừa bán, tôi chỉ cần tiền mua đủ năm ký gạo cho các cháu. Tôi nghiệp chúng cả tháng trời nay ăn mì sợi khoai lang. Con vợ tôi đi bán tàu hủ mà không đủ tiền mua gạo cho tụi nó. Tôi thất nghiệp mấy năm nay rồi, không làm gì ra tiền, cứ phải bán dần đồ đi ăn... Tháng trước tôi bán chiếc xe đạp cũ, sườn hiệu Tao cho lạc xoong. Người ta tân trang sơn phết lại lời đao để đó.

Tôi gỡ hai lần giấy gói lấy ra món đồ. Tôi thất kinh kêu lên:

– Trời, cái gì thế này, sao lại cái còng?

– Ủ cái còng đồ, cái còng gia bảo của tôi, mua đi rẻ thôi mà.

Tôi vẫn giãi lên:

– Không được tôi sợ cái này lắm.

Gã cười, nhe hàm răng cái mả và nước răng xám ngoét ra:

– Xem kỹ hàng đi, hàng tốt, cả một đời làm lính kín của tôi mới trúng thăm được cái này. Một triệu cái còng viện trợ mới có một cái đặc biệt, trong nghề tôi biết, không sét rỉ, khóa nhậy đàngh hoành, pặc một cái là khóa nghiêng lại, hết đường cục cựa.

Anh bạn mới say sưa nói đến sự nghiệp lính kín chuyên đi bắt người của anh ta ngày nào, nay đã là dĩ vãng. Những cái hay cái đẹp và cái tốt của chiếc còng gia bảo mà anh may mắn làm chủ. Anh nói

nó “o-li-din” đồ ngoại vì có chữ đề Made in USA. Tôi phải chặn anh ta lại:

– Tôi hiểu giá trị của nó rồi, nhưng cái này mua làm gì được?

– Để phòng kẻ gian.

– Thôi đi cha nội, mua rồi tôi bán cho ai đây?

– Sao lại không, công dụng của nó ghê lắm chứ. Bây giờ kẻ gian hơi nhiều, anh dùng cái còng này khóa xe đạp, ông nội thằng vô xế nào dám đụng đến. Mấy cái khóa xe đạp Trung quốc sản xuất đâu có bằng. Công dụng của nó đó, chưa kể...

Anh ta bỏ lửng câu nói, nhưng tôi cũng hiểu cái oai của cái còng khiến kẻ gian e ngại. Nhìn hai đứa bé ngủ say, tôi thấy tội nghiệp quá. Tôi nói thôi được. Trả cho anh ta năm đồng bạc, ném cái

còng vào túi xách khoác vai, ra khỏi nhà anh cựu lính kín, nói cách khác là công an chìm thời chế độ cũ. Trời vào trưa, nắng gay gắt, nhưng tôi phải đi nữa, mua được món gì kha khá một chút. Không thì coi như hôm nay lỗ sở hụi. Tôi nghĩ đến vài địa bàn hoạt động: Tại sao tôi không đến nhà một bà quen mà ở đó tôi từng mua được nhiều món quý. Giới thiệu người ăn hoa hồng. Khu đó là nơi béo bở cho những thằng ve chai như tôi.

Tôi cuốc bộ đến nơi đó.

* * *

Cư xá buổi trưa vắng tanh. Hình như chỉ có mình tôi cầm xâu chuối máng đồ ve chai, – vừa lắc vừa điểm ngón tay từng món hàng:

– Coi này, cái kiềng bể cũng mua được, cái nắp viết máy cũ rích cũng mua được. Cái vỏ cà rá mất hột cũng mua được. Tất cả mọi thứ trong nhà vứt đi đều mua được hết. Chúng tôi không mua rẻ bán đắt mà chỉ lấy công làm lời. Bán hết, bán ráo trôi đi bà con ơi. Tôi lắm nhảm độc thoại, ai muốn nghe thì nghe, không thì thôi. Tôi giống như một thằng điên. Cuối cùng tôi cũng đến được ngôi nhà đó. Nhà chị Tư. Rung xâu chuỗi ve chai lên, cánh cổng mở. ở nhà đã hiểu ám hiệu của tôi.

Chị Tư tiếp tôi ở phòng khách. Chị lúc nào cũng mặt hoa da phấn, áo quần là lượt diêm dúa. Hôm nay mà chị bận bộ đồ suýt bóng màu tím hoa cà, thêu ren, móng chân móng tay sơn phết công phu. Người chị đầy đà ấy vậy mà chị lại có bệnh. Căn bệnh hiểm nghèo là nhồi máu

cơ tim. Bệnh hoạn như vậy, nhưng chị lại làm một nghề cực kỳ nguy hiểm gai góc là chủ tàu chuyên đóng tàu vượt biên đưa người ra nước ngoài. Sự khôn ngoan của chị không để đâu cho hết. Lời nói chị như mật ngọt rót vào tai người nghe. Đứa con gái lớn của chị bung ra cho tôi một ly nước chanh ướp lạnh. Uống vừa mát vừa ngọt vừa giải cảm nắng. Chờ tôi uống hết ly nước chanh, chị hỏi tôi trong nụ cười:

– Thế nào, hôm nay định đưa đến chị mấy mối?

Tôi khẽ lắc đầu, chị hơi nhúu đôi lông mày “điều thuyên”:

– Ờ sao lạ vậy, tôi nói với chú cả tháng nay mà không tìm được mối nào sao?

– Dạ, cũng có tìm, nhưng người ta không tin em có tàu. Người ta sợ em bịp.

– Chú cứ đưa đến đây, tôi bao hết, tiền mặt thì ba cây một người, nếu chung tiền bên kia thì bốn cây. Chung tiền bên kia, ở đây tôi vẫn cho chú hoa hồng trước. Nhưng này, có đưa đến đây cũng phải đặt cọc cho tôi, tôi mới cho xem tàu. Dứt khoát là cọc năm chỉ, không ưng đi tôi trả lại cọc, không sợ mất, tôi giữ lại hai chỉ làm tin.

– Chi vậy chị?

Chừng nào tàu của tôi ra khỏi hải phận tôi trả hết. Chớ không nó đi tố cáo tôi thì ai chịu cho tôi đây, chiếc tàu của tôi cả mấy trăm cây vàng. Tính tôi thực thà có sao nói vậy, chuyện gì bảo đảm được tôi mới dám nói. Tôi bảo đảm bên bãi an toàn, tàu ra khỏi hải phận, được

chưa, khi ấy tôi mới hết nhiệm vụ. Ra ngoài đại dương tôi không bảo đảm được sóng to gió lớn hay cướp biển. Chuyện đó thuộc về chuyện của ông Trời rồi... Ta cầu xin Trời, Chúa, Phật. Người nào cầu xin theo đạo người nấy, nên cầu lấy bình an là đáng quý nhất. Sóng gió có thể vượt qua được, tàu của tôi không bao giờ dùng loại tàu nhỏ, ít lắm là dài hai mươi lăm thước, máy Ray 6. Bốn ngàn lít dầu dự trữ. Thủy thủ đoàn toàn là hải quân cũ, hai tài công một lái đường sông, một lái đường biển. Chú thấy đã mê chưa. Ba cây vàng rẻ rề...

Chính tôi nghe nói mà còn mê tí, vì tôi cũng muốn đi mà không có vàng, có cây cối gì ráo. Tôi đành thúc thủ, mặt buồn so. Nhặt lẻ vài ba phân vàng, mua bán ve chai, đòi thuở nào mới đủ «cây» để đi.

Chị Tư là người sến tâm lý, chị hiểu tôi, chị nói:

– Chú tìm cho tôi ba mỗi, mỗi mỗi ba cây chống tiền bên này. Tôi cho chú một chỗ.

Tôi không tin được tai mình. Tôi nhìn chị, tự chỉ vào ngực mình:

– Em ấy à?

– Chính chú, chú tưởng tôi nói giỡn đó hả. Chú biết tôi là người làm ăn đàng hoàng mà, một là một, hai là hai. Thôi cố gắng lên, tôi thương chú như em, đáng ra tôi cho chú đi không, nhưng tôi e rằng người ta dị nghị.

Nụ cười của chị Tư nở tòe loe coi rất là... đã.

Thân phận tôi là kẻ hèn nên đành

nhịn và cũng cười mỉm ăn theo. Chị Tư luôn luôn đoán trước được ý nghĩ của tôi, chị hỏi:

– Hôm nay không có mồi manh gì, chú đến chị có việc gì không?

Tôi như được gãi đúng chỗ ngứa, vọt miệng:.

– Chuyến này chắc chị có cho con chị đi theo tàu?

– Có chứ, hai đứa, cũng để làm tin với khách hàng.

– Vậy thì chị bán lại cho em thứ gì của cháu không cần xài nữa, chẳng hạn như đồng hồ, cát xét, ra-di-ô hay quần áo cũ gì cũng được. Em đi rạc cẳng từ sáng đến giờ mà chưa mua được gì.

Chị Tư lại cười:

– Mua bán khỉ gù, được rồi, tôi cho chú. Sang Mỹ thì xài đồ Mỹ, mấy thứ này ở Mỹ nó vút ra nghĩa địa.

Tôi khoái trong bụng. Tôi chợt nhớ ra tôi chưa hút điếu thuốc lá nào. Tôi có mấy điếu Đà Lạt xuất khẩu lẻ để trong túi xách. Tôi lục tôi tìm thuốc và cái bật lửa. Tay tôi lụp chụp, vô tình cái còng gia bảo mà tôi mua được lọt ra khỏi giỏ rơi cạch xuống nền gạch bông. Chị Tư nhìn xuống, hét lên một tiếng thất thanh, ngã bật ngựa ra ghế sa lông. Những đứa con của chị chạy ra cấp cứu mẹ vừa lúc tôi nhặt cái còng lên. Chị Tư chưa ngất xỉu hẳn, chị thều thào:

– Công an, chú ấy là công an, cái còng kia, còn súng... Chú ấy theo dõi nhà mình bấy lâu nay má không biết... Chuyển ngoài Bà Rịa mình bế... do... do chú... ấy...

Tôi cuống lên, xua tay lia lịa:

– Không phải, không phải...

Đứa con gái chị Tư, thuộc nòi làm ăn, phản ứng nhanh, quì ngay xuống chân tôi vái lấy như tể sao:

– Lạy chú, xin chú bỏ qua vụ này cho má cháu. Cháu không quên đền ơn chú ngay tức thì hai cây.

– Nhưng tôi.... số là thế này...

Tôi thấy chị Tư đưa bàn tay nguyên năm ngón lên. Đứa con gái lúu tít:

– Dạ, thưa năm cây vậy, cháu biết chú chia chác với anh em. Chú để cho tàu nhà cháu thoát chuyến này. Vâng, chú cứ cầm trước năm cây vậy. Tôi hết đường chối cãi. Tôi nhìn thẳng con trai to con của chị Tư, mặt nó lăm lỳ coi thiệt

dễ sợ. Tôi bắt buộc phải thả thế, một tay cầm cái còng, tay kia đút vào túi xách. Tôi vừa bóp nát một điều thuốc Đà Lạt. Không thể nói năng, giải thích gì được. Tôi lùi ra cửa và ra đường luôn.

Chỉ loáng sau tôi nhìn thấy chị Tư ngồi sau xe Honda của thằng con trai chạy vụt qua tôi. Họ mãi nhìn sang phường công an bên kia đường nên không nhìn thấy tôi. Thiệt là một ngày xúi quẩy.

* * *

Chưa ra hết chung cư, tôi gặp thằng Sao Biển. Nó lắc đầu chuối ve chai, nhẩn nại rao hàng, người nó rạc đi như con ve sầu, mặt đỏ gay, gân cổ kéo lên cả chùm. Nhưng gặp tôi, nó cười ngay:

– Trúng mảnh rồi hả, không thấy mày rao nữa.

Tôi chửi thế một câu:

– Đ. M. xui tận mạng.

Hai thằng kéo nhau vào quán, ăn đỡ đói rồi nhậu. Tôi kể cho bạn nghe vụ cái còng. Hấn nghe lấy làm thú vị. Rượu sừng sừng, hấn nói:

– Mày ngu quá, cứ lấy mẹ nó năm cây hối lộ đi, làm gì nhau nào. Mày đưa tao tới... Tao tính gọn sổ sách.

Tôi lắc đầu:

– Đầu óc tao chậm tiêu cũng có mà muộn rồi cũng có. Đừng nghĩ nuốt năm cây của nó dễ đâu. Nó có thể nhốt mình lại chờ cho chuyển của nó ra khơi mới thả. Hoặc bằm xác mình như xiu mại,

liệng xuống hầm cầu dội nước cho tiêu theo phân...

– Thôi ghê quá, mày? Đừng nói nữa. Có bao nhiêu bỏ ra đây mình ăn nhậu. Mai mình sẽ trúng mảnh, tao với mày chia nhau.

– Vốn đâu nữa mà làm ăn?

– Vay vốn con Bokassa nhà tao, "xanh xít đít đui" thôi, như bạn hàng chợ Tân Định.

Bokassa là cô gái lai da đen, con nuôi của bà mẹ vợ Sao Biển. Vì là da đen nên Sao Biển phong cho nó chức vị công chúa Bokassa, con gái hoàng đế Bokassa, vua kim cương, đá quý ở châu Phi.

Buổi nhậu của tôi với Sao Biển tàn cuộc về đêm. Khi trăng treo đỉnh đầu.

Trên đường về, Sao Biển nói với tôi rằng đã tìm ra nơi có chiếc thuyền buồm bằng bạc. Có khắc chữ Sterling, bảo đảm «din». Ngày mai trúng mảnh đó tha hồ mà về vàng.

Đi qua cầu Bình Lợi, Sao Biển hỏi tôi có chán sống không. Hấn hỏi mượn tôi cái còng và quăng tòm luôn xuống sông.

Hấn nói:

– Tưởng mày chán sống thì khóa tay mày lại bằng cái còng gia bảo này quăng mày xuống luôn.

Tôi dựng tóc gáy.

CÁI QUẦN

TRỜI CHIỀU NHỎ MẶT
 NGƯỜI. Khi đôi mắt già nua
 không còn nhìn rõ lỗ mọt ở cái ruột xe
 đạp khách đưa vá nữa. Chúng tôi dẹp
 hàng. Nói là cửa hàng xe đạp thì hơi
 quá, một trạm hay một điểm sửa xe thô
 sơ dọc đường thì đúng hơn. Chúng tôi,
 tôi và người bạn già, ngang nhiên chiếm
 một khoảng lòng lề đường để hành nghề
 sửa xe đạp kiểm chác qua ngày.

Tôi cũng như anh bạn đều không

phải thợ chuyên nghiệp. Chúng tôi là những tay ngang, đôi đầu gối phải bò, bỗng nhiên một ngày nào đó thấy mình trở thành thợ, kiếm ra đồng tiền nuôi sống bản thân bằng chính mồ hôi, sức lao động chân chính của mình. Điều đó đủ mãn nguyện rồi.

Tôi không phải người đầu tiên hành nghề ở chỗ này, chính anh bạn già của tôi, cũng là bạn cải tạo ngày nào. Anh đã ngồi một mình ở lề đường một thời gian dài rồi tôi mới vô tình ngang qua.

Chúng tôi tay bắt mặt mừng, ngồi với nhau, uống với nhau ly nước, hút điếu thuốc lào, hàn huyên kỷ niệm tù cải tạo. Khi biết tôi vẫn thất nghiệp, không nhà cửa, không gia đình, không hộ khẩu, nghèo kiệt xác anh đề nghị tôi hợp tác với anh.

Đúng khi đó có người đến bơm xe đạp, tôi ra bơm thay bạn, nhận tiền khách đưa anh. Anh đề nghị:

– Bây giờ cậu ở đây sửa xe với tôi, đừng ngại, rồi nghề dạy nghề thôi, chúng ta cùng chia nhau mà sống. Chịu không nào?

Chịu quá đi thôi. Từ ngày ấy, tôi trở thành anh thợ phụ, có thể thay anh trong những lúc anh phải vắng mặt. Buổi trưa tôi có cơm ăn, dù đạm bạc và không no lắm, đủ cho thể lực cầm được cái kìm vặn con bù loong. Buổi sáng là ly cà phê đen hạng bét, bánh thì thêm điều thuốc lá làm thơm râu, nếu không, điều thuốc Lào cũng xong thôi. Tôi được cái nết chịu thương chịu khó, thật thà như đếm nên bạn thương quý. Chập tối như bây giờ, bạn già gom những đồng tiền kiếm được suốt ngày, đếm chia cho tôi một phần ba

số tiền đó. Rất sòng phẳng, nhưng tôi vẫn thấy nét áy náy trong mắt anh:

– Đáng nhẽ tớ phải chia đôi với cậu, nhưng vì tớ còn phải nuôi mẹ tớ và thằng cu, cậu chỉ có một thân một mình, thông cảm nhé!

Tôi cười, nghĩ thật nhanh, thời buổi này trên đời dễ gì đã có người tốt với mình. Tôi có máu quân tử Tàu, bạn bè cần phải gìn vàng giữ ngọc cho nhau, bèn làm mặt giận, nói dối:

– Biết rồi, khổ lắm nói mãi! Mai mà cụ còn phát ngôn cái kiểu ấy là tôi bỏ cụ cô đơn, tôi lại đi bụi...

Nụ cười của người bạn hiền lành, anh đẹp đẽ chất lên xe đạp, dặn với tôi:

– Mai nhớ đến sớm, mình kiếm tiền uống cà phê.

Tôi khoác túi lên vai, lững thững quay đi. Tất cả cơ nghiệp tôi trong cái túi này. Một bộ quần áo cải tạo tương đối lành lặn, hai chiếc quần đùi, một đang mặc, một để «sơ cua», khăn mặt rách ngang giữa cái giẻ lau nhà, kem và bàn chải cùn đánh răng mang nhãn hiệu Cà Là Mèng, một cái ca nhựa mẻ miệng, một cái ve đựng đúng một xị rượu, một miếng ni lông nham nhở thay chiếu, một cái mền rách bươm mà ấm áp vì đụp vá lia chia.

Tôi có thể nằm ngủ ở bất cứ lề đường, hàng hiên nào, đúng cảnh màn trời chiếu đất mà chẳng sợ trộm cắp. Còn có gì đáng giá đâu mà sợ mất. Tôi, một người vô sản chân chính sống trong «thành phố mang tên Bác».

Tôi mở to mắt nhìn thành phố ban đêm, ánh sáng chan hòa khắp nơi.

Những công viên, những cửa hàng ăn uống, những xe cộ đời cũ được tân trang đẹp đẽ nối đuôi nhau, những lời ca tiếng hát rộn lên từ những quán cà phê, quán bia ôm. Thành phố thời gian này đang ở cuối thời điểm đỉnh cao của bao cấp, sửa soạn đổi mới, rập rình mở cửa bước sang kinh tế thị trường.

Tôi giống như một hạt bụi lãng đãng bay trong cảnh thanh bình. Tôi bay theo một anh bạn bán kẹo kéo, quần áo xanh đỏ «mô đen» chợ trời, nơi bán toàn những tàn dư Mỹ Ngụy, chiếc xe đạp chở quây kẹo kéo có máy cát-sét phát luồng âm nhạc chói tai. Hình như điệu nhạc Lambada thì phải, đèn âm thanh chớp chớp nháy nháy xanh đỏ. Tôi bay theo cặp nhân ảnh vào công viên lén nghe những lời tỏ tình lãng nhách nhạt phèo. Tôi bay theo những vị giám đốc đầy

quyền uy khạc ra lửa mưa ra tiền vào nhà hàng uống bia lon, nhậu đặc sản rắn chuột, có người đẹp son phấn phục vụ hầu hạ đến nơi đến chốn. Hạt bụi tôi vạt vờ lãng đãng dạo chơi khắp chốn khắp nơi như hồn ma quên siêu thoát.

Cuối cùng thì hạt bụi tôi đậu lại một quán cóc quen thuộc của bà già trầu mắt toét ngồi sau cái bàn bầy lổn nhổn nghêu sò ốc hến và những con khô đủ loại. Cái lò than nhỏ xiu bốc mùi thơm con khô đang nướng. Cái bàn nhỏ gần đó có mấy anh em vô sản ngồi nhậu la hét chẳng văn hóa tí nào: «Dô! Đô! Trăm phần trăm», chén tình chén nghĩa. Tôi đưa cái ve không cho bà chủ quán, khi bà ta đang đập chí chát con khô cá thiều trên cục đá:

– Để nếp Gò Đen nhé! Trăm bạc đậu phong đưa cay.

– Một xí thôi hả chú?

Bà già hỏi tôi câu thường lệ, tôi chẳng buồn trả lời Cái ve của tôi cũng chẳng thể đựng được hai xí. Có một cơn gió mát nào đó vừa thổi đến, cơn gió lành lạnh hơi nước. À, thì ra trời sắp mưa. Một tia chớp nháy lên ở cuối trời.

Cầm xí rượu và gói đậu phộng mà tôi thấy sáng khoái. Tôi sẽ đỡ chán đời, rồi ngày mai ra sao thì hãy hay.

Tôi giống như một đứa trẻ ăn tham, phải tìm một xó xinh kín đáo, riêng biệt để chẳng ai làm phiền mình. Rượu dứt khoát tôi phải uống một mình. Cha mẹ ời? Những lúc ấy tôi lại thích làm thơ, nếu nhớ không lầm tôi cũng có tí ti tâm hồn thơ, nhưng nhiều năm rồi tôi vẫn không rặn được một câu nào ra hồn, đành phải đọc thơ người khác vậy, mà chỉ nhớ lõm

bõm. Rồi thời gian cũng qua đi.

Tôi trở về nơi quen thuộc, nơi đó một mình tôi một côi, không một tên ăn mày, đui què mẻ sứt, một tay bụi đời chán đời hành nghề nhặt bao ni-lông. Tôi dừng bước giang hồ dưới hàng hiên một cửa hàng thương nghiệp lớn nào đó, tôi chẳng cần biết, chẳng thèm để ý đến bảng hiệu nó mang tên gì. Tôi trải tấm ni-lông, vậy là thành cái chiếu. Cái túi xách để lên đầu làm gối, cái mền vá chẳng vá đụp chống được muỗi mòng.

Phía bên kia đường lại đông đảo rộn rịp. Ở đó là một mái hiên rộng, dài nếu tôi nhớ không lầm thì nơi đó là cửa hàng ăn uống La Pagode xưa kia, nơi các anh nhà báo thường ngồi trao đổi tin tức cho nhau, mà họ dịch nôm ra là quán Cái Chùa. Nay tên La Pagode không còn nữa. Những khách hàng xưa

đã biến, như biến khỏi thế gian. Có một sự liên kết bất thành văn, hay hẹn ước bằng mồm, người về trước hay sau đều giữ «nhà» cho nhau, không cho bất cứ kẻ «lạ mặt» nào chiếm «nhà» của hàng xóm mình. Cái đó gọi là tình làng nghĩa xóm của tầng lớp người ở đáy tận cùng xã hội.

Cho dù tôi ở bên này đường, chưa bao giờ liên hệ với họ. Từ khi tôi đến ngủ, cho tới nay, chưa có ai xí chỗ của tôi, dù ban đêm nhiều khi tôi về muộn. Một luật hề phổ cho những khách bụi đời, trong đó có tôi. Tôi có tính xấu ít ai chịu nổi, khi uống rượu là rống lên đọc thơ. Tôi nói là đọc thơ, chứ không phải ngâm thơ, có rống lên thì cũng tiếng được tiếng không, tiếng còn tiếng mất.

Ba bài thơ tôi thường rống lên là bài Hồ Trường, Tây Tiến, Hành Phương Nam, đôi khi bài Tống Biệt Hành mà tôi

quên tiết tên tác giả. Tôi cảm khái lỗ lãng đến độ tưởng mình là hiệp sĩ, kiếm sĩ, hay cái con khỉ khô gì của thuở xa xưa.

« Vỗ gươm mà hát... nghiêng bầu mà hỏi... Trời đất mệnh mang ai người tri kỷ lại đây cùng ta cạn một hồ trường... ý... a... «

Thối không chê được, khi tỉnh rượu, lúc tàn canh tôi mới nhận ra điều ấy. Khốn nạn thân tôi, một thằng già keo bản, rượu chỉ uống một mình mà chỉ có một xị, lấy đâu ra vò ra hồ trường để mời khách thập phương. Chẳng ai thêm để ý đến làm gì.

Biên giới của sự sống là cái chết. một bậc hiền nhân chán đời nào đã nói như thế. Tôi thấy có lý. Cái thân khốn khổ của tôi sống muốn không nổi nữa thì chết có nhằm nhỏ gì. Nhưng còn ở lại thế gian

ngày nào tôi vẫn phải sống cho ra trò. Tuy cái miệng tôi có láo lếu nhưng tôi tự biết mình là người hiền, nên sẽ được hưởng phúc.

Tôi vẫn nghĩ đến một đêm nào, một làn gió độc vô danh dạo chơi, trúng ngay tôi, thế là ngủ luôn giấc ngàn thu, hồn phiêu diêu miền cực lạc, hoặc Chúa đứng ở cửa Thiên Đàng vẫy gọi, thế là tôi bèn trút bỏ cái thân xác thối tha cho cát bụi lại trở về với cát bụi...

Tôi tợp một miếng để cười khà khà, ném hạt đậu phộng vào miệng đưa cay. Bữa cơm chiều của tôi có thế. Trời bây giờ mới lất phất mưa. Tôi nhìn sang bên kia đường, những người hàng xóm của tôi lác đác tụ về. Qua màn mưa, tôi vẫn quan sát được họ: ông già cô đơn nằm cuối hàng hiên, gia đình mẹ mìn nằm kế, có anh chồng đui què mẽ sứt. Tôi nghĩ

gia đình ấy hành nghề mẹ mìn vì có cả «cô-lếch-xông» con nít san sát tuổi nhau, mỗi sáng tôi thấy có người tới lãnh đi suốt ngày, tối trả về cho chị ta, tiền thuê mướn sòng phẳng, đôi khi còn kèm theo quà cáp. Tối, chị điểm danh con, đếm như đếm vịt. Tối nay tôi nghe chị la lên:

– Còn đứa vắt chân lên cổ nữa, sao giờ này nó chưa trả tao? Trời ơi, muộn chút nữa là nó phải trả thêm tôi hai ngàn, không thì tôi...

Anh chồng chột mắt, cụt giò đang gầy bếp lửa nấu nướng chi đó, gắt lên:

– Làm chi mà ồn vậy, con nhỏ mới ra nghề nhưng coi bộ cũng đàng «giàng», mày thiệt...

Chị vợ lông lên với cơn ghen, chửi chồng không thiếu một câu tục tĩu nào.

Đổ thừa cho thằng chồng mê con ăn mày mới. Anh chồng cho con vợ lằm mồm một cái bạt tai, xáng luôn một cây nạng gỗ, rồi mọi chuyện êm ru. Anh chồng uống rượu, cuối cùng chui vào chiếu làm gì lục đục trong đó (tôi không biết). Dăm phút sau anh ta chui ra chửi thề một câu:

– Lần này mà mày không đẻ thêm đứa nữa thì chết mẹ với tao ghen. Nhớ lúc nào cũng phải khai là mới sanh lần đầu, đừng quờ quạng khai đã sanh nhiều lần, nó đẻ ra đoạn sản là mất giống. Tao sẽ bỏ mày, tao lấy con khác liền một khi. Đ.M coi đứa nào hận đứa nào.

Mụ mẹ mìn nằm trong chiếu, thò đầu ra quát lên:

– Giỏi thì vô đây thằng đui què kia, đừng đổ thừa tao, tưởng bánh hả?

Cùng lúc đó chị ăn mày bế thằng bé vắt chân lên cổ về. Chị ta moi tiền ra trả, nhưng mẹ mẹ mìn không chịu:

– Đâu được mày, giờ này mày mới đưa con tao về để gì... Đưa thêm tao, chớ không mai mày đi mượn chỗ khác nghen...

– Thì em đưa thêm chị một ngàn rồi.

Anh chồng tậ nguyên đĩnh đặc ra về một đàn anh đầu nậu chủ gia đình:

– Đâu được tao không binh vợ, nhưng bà ấy nói có lý. Vì thương mày mới ra nghề, vợ chồng tao giao "cục vàng" cho mày. Mày phải biết làm cái chân nó vắt lên cổ nghệ thuật được như thế không phải dễ. Tao mất bao nhiêu công phu uốn nắn còn hơn mấy cha nghệ nhân uốn cây kiểng. Khai đi, khai thiệt đi, mày trúng

mánh ở "tác phẩm" này phải không? Biết điều mai tao lại cho bế cây vàng của tao đi nữa, còn không thì biến đi nghe mậy.

Con ăn mậy mới lưỡng lự:

– Em có trúng mánh, nhưng không nhiều nhận gì, thằng nhỏ và em có được đĩa thịt bò lúc lắc thừa, chút xíu tiền bố thí mà.

Thằng què la lên:

– Ở đâu? Ai?

– Dạ nhà hàng nổi ngoài bờ sông!

– Việt kiều hay du khách nước ngoài?

– Hồng biết nữa, họ đều là người...

– Thôi mậy ơi, đúng là Việt kiều rồi, mậy trúng mánh rồi, đưa đây, đưa thêm cho tao vài đô thôi.

– Anh chị xử ép em quá, nhưng thôi cũng được, anh chị lên giá "goài" thì em cũng chết. Bộ dễ gì, em cũng phải «ca» chớ bộ...

Thằng què cười hô hố, nhét tiền vào cặp quần, hỏi tiếp:

– Mày ca sao, có thảm không, nói nghe coi!

– Dạ, em ca thằng bé bị "chất độc màu da cam" nên chân nó vắt lên cổ.

Bên này đường, tôi cười bò lăn bò càng. Đến bây giờ nhớ lại, tôi còn cười. Tôi nghĩ ngay đến bài hát gì đó có câu chất độc màu da cam mà tôi không nhớ hết nội dung. Quả thật con nhỏ ăn mày là thiên tài, có đầu óc sáng tạo.

Cuối hàng hiên bên kia đường, chỗ khuất nhất, bóng đèn đường chỉ rọi tới

lờ mờ là "nhà" của em. Nhưng tới giờ này em chưa về.

Tôi vốn là kẻ nòi tình nên thương người đồng điệu. Em bận bon chen kiếm khứa ở công viên nào đó, hoặc một khúc đường vắng nào chẳng?

Đêm mưa buồn lê thê như vậy có mấy ai ra đường, vui chơi, gái đứng đường ế độ, cho dù đóng vai con nhà lành, ngây thơ khờ dại lỗ độ đường hay gì đi nữa khứa vẫn ngoảnh mặt làm ngơ.

Nhiều đêm tôi thấy thương cô ta. Chờ mãi chẳng thấy nàng về, tôi tưởng tượng ra đủ thứ, dù tôi chưa một lần nhìn rõ mặt nàng, không biết tên nàng. Tôi thấy mình là một tay chơi. Một tay chơi gặp khó khăn ở giữa thành phố xa hoa, nhưng lại gặp nàng ở một nơi khuất tất nhất, đèn đường bị lưu manh đập bể,

tối đến độ không nhìn rõ mặt người con gái đối diện với mình, như trong một bài thơ của Jacques Prévert, mà tôi được đọc qua bản dịch, dùng làm giấy gói đậu phộng:

Ba que diêm trong đêm

đánh từng que một

Que thứ nhất nhìn tròn mặt em

Que thứ hai nhìn đôi mắt

Que cuối nhìn miệng em

Rồi tối hẳn cho anh nhớ lại

Tất cả nét yêu khi xiết chặt em vào lòng.

Một con diêm đứng đường được
thăng hoa do một tay chơi có máu thi sĩ.

Nhưng điều đó quan trọng gì, tôi thấy hồn tôi bay bổng nghĩ đến nàng, khi tôi cô đơn, tàn xỉ rượu mỗi đêm thay cơm chiều.

Tôi ngả người nằm xuống, giấc ngủ chập chờn và hình như nghe thấy cả tiếng bước chân em về.

Lãng mạn ra phết. Tưởng tượng ra cái lưng ong thon thả của em ngả xuống vĩa hè.

Mưa rả rích, những hạt mưa loang loáng qua ánh đèn đường. Tôi kéo cái mền phủ lên đầu. Tôi thiếp đi trong giấc ngủ bốc hơi men.

* * *

Tôi thức giấc không biết lúc ấy là mấy giờ đêm, mưa vẫn còn rả rích. Trong giấc ngủ vừa rồi tôi mơ thấy nàng, giấc mơ đẹp. Tôi và nàng cùng dạo chơi trong công viên và nói lời yêu đương chân thật, nhưng lời lẽ thế nào tôi đã quên ráo.

Bây giờ thì tôi tỉnh ngủ hẳn, tôi lại nghĩ đến nàng. Thế nằm của tôi xoay mặt vào tường, tôi muốn quay mặt trở ra. Nhưng hãy gượng nào, yêu mà, đi đâu mà vội. Con người như tôi chẳng nên làm chuyện gì hấp tấp, cứ từ từ rồi cũng có đêm tôi bò được qua bên kia đường.

Cũng một đêm mưa gió như đêm nay... Nghĩ đến mà tôi thấy nóng bừng cả mặt. Xây mộng đẹp mà nghĩ đến toàn chuyện ma bùn ma tịt thì thật chẳng còn ra làm sao nữa, nghiêm chỉnh chút coi. "Nhưng không, nàng phải bỏ ngay cái nghề đứng đường, phải sống trong sạch

và lương thiện kia". Khi tôi xoay được nửa người, tôi cũng đã xây được nửa giấc mộng. Nàng là bà chủ một hàng. bán nước trà nóng ở ga xe lửa. Một cái điều cày hút thuốc Lào kêu thật giòn, trên một cái chiếu nàng ngồi giữa rót nước trà cho khách giang hồ. Ở một góc gần đó, tôi đun nước cho nàng. Tiếng điều thuốc Lào rít lên xoe xoe, chuyện giang hồ nam bắc nổ như pháo ran. quanh chúng tôi. Tiếng còi tàu khởi hành rúc trong đêm. "Ôi chao, đời sống tuyệt vời và đơn giản biết bao".

Tiếng gió thổi vù vù, hình như có một vài giọt mưa hắt vào chỗ tôi nằm. Không biết giờ này nàng về chưa? Tôi xót xa và quay hẳn người hướng mặt sang bên kia đường. Tim tôi muốn đứng lại đập thành thình. Rồi tôi thở, rồi vã mồ hôi.

Tôi chớp chớp mắt, banh to mắt ra mà nhìn. Giấc mơ đẹp được thành hình bây giờ như một làn khói thuốc缭绕 vào không khí. Tụ lại phía bên kia đường, ngay tại chỗ «con điểm» nằm. Nó nằm chình ình thông thượt. Dáng điệu mời gọi cho hai bàn tay nhớp nhúa của gã con trai ngồi cạnh lần mò. Con nhỏ ngủ say quá chẳng, đến độ để cho thằng lưu manh quờ quạng làm chuyện đồi bại? Hay nàng làm «ca đêm» bắt khứa về ổ kiếm chác ngoài giờ?

Những lời dự đoán xoay vòng vòng trong đầu tôi như dự đoán thời tiết.

Bên kia đường mọi chuyện cứ diễn ra nhịp nhàng. Một pha gay cấn sẽ xảy ra trong ít phút nữa thôi. Tôi là người chứng kiến trọn vẹn.

Hai bàn tay nhóp nhúa của thằng khốn nạn "xoạng" loạn cào cào, thế mà con đười vằn ngủ say như chết.

Hay là mỗi tối khi nàng hành nghề xong nàng nốc vài viên «xì chọc xì kéo» hay «nốc tan nốc tiếc» gì đó, em «xỉn» nên không biết con mẹ gì nữa. Nếu quả vậy thì nàng đáng thương làm sao, ôi người tình một đời hư đốn.

Mắt tôi càng mở to hơn để nhìn rõ, quân khốn nạn kia bây giờ lần mò phần dưới thân thể nàng. Và rồi rất từ từ, rất thận trọng, hai bàn tay ma mãnh đụng vào dây lưng quần nàng. Cái quần được rút ra từ từ. Tôi quết nước bọt, tôi thấy hết. Đến đoạn nào đây, chắc sẽ tới ngay bây giờ. Ở kia, gã tuổi trẻ ấy thật từ tốn nắn vuốt cái quần vừa lột được gấp lại, lịch sự như Tây.

Rồi, thoát một cái và nhanh như con sóc, gã co giò phóng. Nhanh hơn cả tiếng la của cô gái vừa nhòe dậy. Gã đã biến dạng sau màn mưa bụi cuối đường. Cả khu xóm bên kia đường thức giấc, lao nhao. Chỉ riêng tôi còn nằm lặng người vì cảnh tượng vừa xảy ra. Cô gái bu lu ba loa chửi bới thằng khốn nạn. Rồi tiếng cười hô hố, khăng khắc của thằng chột què:

– Mẹ kiếp, ớ thúì, ngủ đến bị lột quần mà cũng không biết.

Con vợ mẹ mìn dài cái mỏ, luận điệu «giậu đổ bìm leo, cây cút chó cũng leo theo»:

– Đã gặp điểm rồi, con ơi? Ừ mà sao nó không biết gì vậy. Còn thằng đui què kia không nhìn nó nữa, tao thì móc luôn tròng mắt kia của mày bây giờ.

Thằng chột què vẫn cười ngặt nghẽo.
Cô gái tức tuổi khóc phân bua:

– Tôi biết chớ sao không, biết ngay
từ lúc đầu lận, nhưng...

– Nhưng mục nội mày, vậy mà để...

– Tôi đâu có dè nó đều như vậy.

Mục mẹ mìn chửi toáng, ra vẻ hiểu
đời:

– A thôi, tao hiểu rồi, mày là đồ
«nứng» bậy.

Con nhỏ la lên vì bị sỉ vả chàm tự ái:

– Nói cho các người hay, con này
kinh nghiệm đây mình không có nứng
bậy đâu, hôm nay trời mưa nên ế độ, về
đây đang nằm thì thằng khốn nạn kia
nhảy a thân phù vô, tưởng nó biết thông
cảm sau khi xong chuyện, ai dè... Trời

đất ơi, cái quần của tôi.

Cô gái lại khóc nức lên. Lão già cô đơn cũng bò dậy, chếp miệng chán cho tình đời đen bạc:

– Thời buổi làm ăn khó khăn, nói chuyện giá cả hàng hoàng chớ con, ủa mà quần gì vậy nhỏ?

Cô gái càng trở nên uất ức, tức tưởi:

– Cha mẹ ơi, cái quần của tôi là quần «mô đen» mới, có nhiều «li», nhiều túi, ống túm, dây nhợ tùm lum chớ đâu phải quần thường.

Gã chột què thôi cười:

– A, tao thấy thứ quần đó, bây giờ ở thành phố này mặc thiếu gì, nội hay "ngoại", mà sao mày có được?

Cô gái gào lên:

– «Ngoại», quần «ngoại» đang hoàng, mà tôi có đâu, tôi theo chị em đi muốn của người ta mới chết chứ. Làm sao mai tôi đến cho người ta đây, cả trăm ngàn...

Cô gái ở trường ngồi bó gối khóc hu hu. Đám con mẹ mìn cũng thức giấc bò lổm ngổm như cua. Thằng bé vắt chân lên cổ, lết đến cạnh cô gái, thao láo mắt nhìn, thò tay gãi đít xành xạch. Nó cũng đang ở trường, chỉ khác một điều là nó vắt chân lên cổ. Những ngón chân dị dạng quặp lấy một bên vành tai vít nghiêng cái đầu. Vợ chồng mẹ mìn, lão già cô đơn không còn để ý gì đến cô gái bị cời trường nữa.

Họ quay ra tranh cãi nhau về giá cả cái quần «mô đen». Ai cũng tự cho mình là người nắm vững giá thị trường. Giá trị cái quần, chỉ giá trị cái quần thôi mới là đáng kể.

Cô gái giầy đành ạch khi thăng bé
vắt chân lên cổ mất thăng bằng ngã lãn
kênh ra ngay dưới chân cô ta.

Mẹ mìn chồm lên xoe xoe chửi:

– A con dĩ thối không đáng một xu
kia, mày kẹp đầu con tao hả, tao thì xé
xác mày ra.

Thằng vắt chân lên cổ được mẹ nó
xách lên như xách một gốc củi khô, liệng
lại vào chỗ nằm cùng đám con nít bò lổn
nhổn.

Một thằng bé trong đám con mẹ
mìn, vỗ tay nhẩy từng từng hát:

– Á li ba ba... cái quần rách làm ba...
á li ba ba...

Cô gái bị trấn lột quần khóc vang cả
một góc phố đêm. Đã đến lúc tôi trở dậy

ra đi, vì muốn ngủ tiếp cũng chẳng được.

Trời vẫn còn tối, cô gái vẫn ngồi đó, rúc vào một xó tối nhất Nhưng đêm sẽ không dài mãi để che chở cho thân xác trần truồng của nàng.

Còn một chút xíu nhân tính sót lại trong người, tôi không đành lòng khi thấy một người gặp chuyện khó khăn. Tôi hy sinh chiếc mền rách quăng lại cho nàng. Tôi ra đi, không nghĩ ngợi gì nữa và quên luôn chuyện ấy.

* * *

Thời gian sau, tôi nghe có người nói. Thấy một cô gái nhem nhuốc, cởi truồng đi rong vỗ tay hát như điên:

– A li ba ba... cái quần Hara mất đêm qua...

Tôi thầm nghĩ, chẳng biết có phải nàng không?

Tự nhiên tôi thấy xót xa. Lại thêm một dạng điên, một hình thức điên nữa. Điên phải bị một cú "sốc" nặng, và quan trọng nhất là phải có thì giờ hành nghề điên, không thì người ta nói là điên giả vờ. Khổ kẻ muốn điên mà không được.

KIM LOẠI MÀU VÀNG

TÔI CHƯA TỪNG SỐNG TRONG MỘT PHÒNG giam nào chật hẹp, ngột ngạt, đông người và nóng bức như trong phòng giam này. Tôi từng có kinh nghiệm ở tù. Tôi cũng không tưởng tượng được một miền nhiệt đới, một bãi sa mạc nào khủng khiếp hơn. Nhưng chúng tôi vẫn phải sống, hy vọng, và tìm mọi cách thích hợp cho đời sống tù ngục.

Ngót trăm người đồng cảnh ngộ trong chuyến vượt biên, cùng với khoảng sáu bảy chục tù hình sự bị nhét chung một phòng giam, gồm ba phòng: một phòng nam, một phòng nữ và một nhà bếp. Trên lầu cũng có phòng giam nhưng tôi không biết chia ra mấy phòng, chỉ chừng bốn mét sáu mét cho trên một trăm tù nhân. Nghĩa là khi chúng tôi nằm xuống, phải lựa thế nằm đan háng vào nhau mới tạm đủ chỗ. Tắm rửa tiêu chuẩn chỉ có một ca nước, ngồi chồm hổm, để quần đùi dưới dít vò giặt cho ướt nước qua loa. Cả một bảy người hành động đồng loạt như thế nên người ta gọi là tắm heo.

Khi đó vào khoảng tháng tư âm lịch. Thời tiết miền Nam chưa mưa được mà chỉ ùn lên mây đen, những bong nước khổng lồ lơ lửng trên trời đe dọa sẽ trút xuống những trận mưa lớn. Không khí

hầm nóng khủng khiếp. Khắp cả miền đất rộng mênh mông còn như một lò lửa cây cối đứng im phăng phắc, nữa là đây một phòng hơi ngạt trong một lò lửa.

Người tù được làm tạp dịch ngoài hành lang nói đứng bên ngoài nhìn qua song sắt phòng giam thấy khói hừng hực bốc ra như đun bếp. Buổi tối qua ánh đèn mờ, hơi người bốc lên như sương mù. Tất cả chỉ mặc độc một chiếc quần đùi lúc nào cũng ướt nhem nhép, hôi thối. Cán bộ khi ló mặt vào phòng giam phải bịt mũi. Nóng bức đến độ cả phân nửa phòng giam phải trần truồng. Người ta nói bên phòng giam nữ cũng vậy, rồi có tiếng cười hí hí. Một anh nào đó pha trò vô duyên, bằng một câu tục tĩu. Một người khác nói:

– Đừng nói thế, bò heo bị nhốt trong chuồng dơ dáy nó có biết hôi thối đâu.

Chúng ta cũng vậy, mình không ngủi thấy mùi hôi thối của mình. Mày đang biến thành súc vật, mày có biết không?

Nước trong cơ thể vắt cạn từng giọt, cùng những chất độc xì ra, đâm chồi nảy lộc thành những mụn nhọt trên đầu, trên mặt, mông đít, háng. Đau đớn phát sốt. Nói tóm lại ở khắp mọi phân vùng trên cơ thể, mụn nhọt, ghẻ lở đều chen nhau tranh sống và phát triển được hết. Cơ thể con người trở nên nhầy nhụa trơn tuôn tuột như lươn trong giỏ. Vậy mà chúng tôi vẫn sống, dù rằng thỉnh thoảng bất kể ngày đêm vẫn có những tiếng la cấp cứu cho người ngạt thở. Nạn nhân được khiêng ra ngoài hành lang hộp lấy chút đỉnh không khí rồi tổng trở lại phòng giam. Đó là phương pháp cấp cứu của y tế trại giam. Ban đêm chúng tôi nằm đan háng vào nhau, xếp lớp như cá đóng hộp

nghe kể chuyện, hai tù nhân đứng giữa phòng cầm hai góc mền quạt cho anh em. Đứng ra không phải quạt mát mà lửa bốc hơi độc ra ngoài song sắt. Chúng tôi vẫn sống, thả hồn theo câu chuyện kể hấp dẫn hay chán phèo.

Sáng sớm tinh mơ, cửa phòng giam mở. Chúng tôi xếp hàng, công an trại giam dẫn ra ngoài ao cá làm công việc vệ sinh. Cố gắng hết sức, chúng tôi vẫn không đại tiện được. Lũ cá tra nuôi trong ao đớp chay bong bóng nước, đói meo. Đó là phản ứng sinh lý ắt có của người bị giam những ngày đầu tiên. Hơn trăm người tù tội vượt biên chúng tôi đã không đại tiện được bảy ngày hôm nay. Kể từ đêm hôm ấy... Khi chúng tôi bị lừa từ dưới hầm tàu lên bờ. Chiếc tàu dài 25 mét với 4000 lít dầu dự trữ, thuyền trưởng lẫn tài công, thủy thủ đoàn cho

biết con tàu có thể chạy thẳng một lèo tới Úc Nhưng tàu chưa ra đến cửa biển đã bị bắn gãy bánh lái.

Ba trăm người chúng tôi, đàn ông, đàn bà, trẻ con, được đánh giá cao và phân phối giam cầm ngay những trại giam nhiều nơi ở các huyện xã ven sông. Đánh giá cao chúng tôi, vì chiếc tàu vượt biên đồ sộ, hoa tiêu, thợ máy là những tay lành nghề, từng lái chiến hạm vượt đại dương an toàn. Những khách đi tàu hầu hết là người Việt gốc Hoa chịu chi. Còn khách thuần Việt được đánh giá là có "máu mặt".

– Hãy thành thật khai báo, đồ tể nhuyển của riêng tây mang theo cứ khai ra, chúng tôi giữ cho, có biên nhận đảng hoàng. Ngày nào các người di lý đi nơi khác chúng tôi trả lại đầy đủ. Nếu giấu giếm bằng bất cứ hình thức nào,

chúng tôi bắt được sẽ lập tức bị tịch thu và còn bị kỷ luật. Cách mạng luôn luôn công minh sáng suốt và nhân đạo.

Người cán bộ trưởng trại giam nói với chúng tôi như thế. Hầu hết người bị bắt đều thành thật khai báo. Nhưng riêng tôi biết cũng có người chưa mấy thành thật có trăm phương ngàn cách giấu giếm.

Ngay sau đó, họ thực hiện một loạt khám xét qui mô ti mỉ không chừa một ai. Từ cái lai quần, lai áo, lỗ tai, lỗ mũi, lỗ đít được lục soát kỹ càng, vẫn chẳng kiếm đâu ra một tí vàng.

Riêng tôi không có gì, nhưng vẫn phải làm thủ tục há miệng cho gã tù hình sự khám răng. Chống mộng, tụt quần đến gối khám lỗ đít. Tên tù được tin cần kê lên đít tôi bị trĩ lòi con trê thối hoắc. Thời gian khám xét đó, khi

ngước mặt, khi chống hông, chỉ nhìn qua hàng cũng đủ giúp tôi quan sát nơi mình bị giam giữ: một lô cốt lớn hai tầng chia làm nhiều phòng giam xây giữa một cánh đồng ven sông, có lẽ là một pháo đài nhỏ thì đúng hơn. Lô cốt có thể chứa được một trung đội lính Lê dương ngày xưa, khống chế cả một vùng đồng rộng và làng mạc xung quanh. Nay thuộc xã ấp nào đó, cách mạng dùng làm nơi tạm giam tù hình sự và tù vượt biên.

Tháng ba bà già đi biển. Chúng tôi đã chậm hết hơn một tháng nên mới gặp sự cố xui xẻo này. Thế là tôi không đến được đảo Bidon mà đang «bi đất». Tôi chắc lười, liêu với số phận. Thành thật nhận với chấp pháp mình là kẻ có tội, đã dám bỏ quê hương ra đi. Tôi phải trả nợ tội lỗi đó bằng giá nào chưa biết. Tôi nhìn qua lỗ châu mai phòng giam, cánh

đồng xa tí tấp rực nắng lửa. Hàng dừa ven sông đứng im trong nắng. Vẫn không một cơn gió mát nào. Khí độc ùn lên như khói.

* * *

Anh trật tự trưởng phòng giam can tội làm huyện đề, người có nhiều kinh nghiệm sống trong phòng giam đông dặc ra lệnh:

– Tôi ra lệnh và cấm anh em không ai được nói lớn, không được nói, vì cả phòng giam này mỗi người một lời, hơi thở của chính chúng ta sẽ làm chúng ta ngộp thở. Để giải trí cho anh em đêm nay, chỉ có một người được nói thôi. Đó là anh bạn «quay phim». Nhưng rất tiếc anh bạn quay phim của chúng ta tối nay

lại đau vì một cái nhọt mọc trúng quai hàm. Vậy thì... (anh ta hơi ngáp ngừng nhìn sang phía chúng tôi). Tôi thấy rằng trong đám anh em vượt biên không thiếu gì người tài, có văn hóa, trí thức lẫn kinh nghiệm đời cũng lắm. Không lẽ hôm nay anh em vượt biên chẳng ai là người cống hiến cho anh em một câu chuyện vui vui nào hay sao? Đẹp bỏ chuyện buồn tù tội sang một bên, vui lên mà sống.

Anh trưởng phòng dứt lời. Tiếng vỗ tay rào rào. Đám tù vượt biên chúng tôi lặng thinh một lát, vì phần đông là người Hoa. Cuối cùng có một thanh niên trẻ, mụn nhọt đầy người ngồi dậy. Anh ta nhìn chúng tôi, nhìn những anh em hình sự, chậm rãi lên tiếng, giọng cố làm ra nhẹ nhàng, gợi cảm, nhưng vẫn không che giấu nổi vẻ láu cá:

– Xin lỗi quý bạn, tôi biết nói sao đây, tôi không có khiếu kể chuyện kiếm hiệp. Thực tế, đời sống chúng ta, đời sống ngay chính tôi vô khối chuyện kể, có nghe cũng chẳng hấp dẫn mấy. Nếu quý vị chịu nghe thì vỗ tay, còn không tôi xin nằm trở lại. úi da, mấy cái nhọt hành tôi đau quá.

Dứt câu nói hần nằm xuống thật. Chờ một tràng pháo tay nổi lên rào rào, hần trở dậy, cười, hai tay chắp vào nhau xá xá anh em:

– Cám ơn, cám ơn tất cả anh em, tôi không còn lý do gì tự cao nữa, vì chính tôi, thân phận tôi rõ ràng cũng cùn mần hèn hạ. Nhưng quý vị không thể không tin rằng chính tôi là kẻ đã tìm ra cả mấy chục cây vàng chỉ trong vòng một năm... Vụ vượt biên này mất vài cây vàng chẳng nhằm nhỏ mẹ gì với tôi hết.

Tôi muốn vắng tục. Lại một thằng phét lác, đời này sao quá dư loại người đó. Thằng bé cứ khẳng định:

– Nhiều vị không tin, ngay cả anh em vượt biên chung chuyến với tôi cũng chẳng tin được điều đó.

Hắn cười khẩy, mỉa mai:

– Vài ba cây vàng làm một chuyến vượt biên nhằm nhò gì, nhưng cũng là vấn đề lớn lao cho những kẻ khoái bỏ quê hương ra đi mà lại... không có xu mẹ nào. Đúng vậy không các vị đồng cảnh ngộ? Hàng triệu lý do khác nhau. Lý do cuối cùng vẫn là trốn ra nước ngoài kiếm ăn. Tất cả những người bạn của tôi. ở đây vượt biên đều là những người có tiền, có vàng.

– Đúng rồi!

Tôi bực mình la lên. Người trai trẻ khoái chí, hăn nói trong nụ cười:

– Tôi nói thật đấy quý vị ạ, tôi khoái vượt biên vì thích rong chơi cùng trời cuối đất, tôi không khoác lác đâu. Tôi không ngại kiếm thật nhiều vàng cho mục đích của tôi. Khi bị bắt tôi đã ném xuống biển cả kí lô vàng không tin thì mò đi, nó vẫn còn nguyên đó, không kể số vàng tôi đã đổ ra trong nhiều vụ vượt biên khác. Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, biết sao được. Trời không chiều người. Này, các bạn đừng hỏi tại sao tôi lại có nhiều vàng như thế, tuổi tôi lại còn trẻ quá, có nói phét không? Xin thưa rằng không, tôi không ăn cướp, ăn trộm, lường gạt, trấn lột dọc đường. Tôi kiếm ra vàng do chính sức lao động của tôi...

Tôi không cười được mà có cảm tưởng hăn ta chỉ là một hoạt náo viên

hạng bát trong một chương trình văn nghệ rẻ tiền nơi thôn ấp. Tôi phe phẩy cái quạt cổ xua đuổi cơn nóng bức, xua đi mùi hôi nách trầm trọng của thằng nằm bên cạnh. Tôi cố không nghe, không nghĩ mà nghĩ đến chuyện lung tung ngoài đời. Nhưng lời nói mà tôi cho là phét lác của hắn ta vẫn lọt vào tai tôi trong giấc ngủ chập chờn:

—... có một ngày tôi vác cuốc lên rừng cùng với ba thằng bạn. Bọn tôi lập một băng đảng tổ bốn tên, trông thì có vẻ đầu trâu mặt ngựa, nhưng thật ra hiền khô mồm mép như quạ kêu, cởi trần mặc quần bò, đầu đội mũ cối, lưng đeo mã tấu hoặc phảng, kiếm, dao quắm, búa, uống rượu như điên, hù nhau thôi mà. Bọn chúng tôi khoanh vùng đào bới như để chũi suốt ngày... Địa danh nơi đó là gì, ở đâu hả? Tôi chẳng đại khai ra ở đây,

chỉ nên biết nơi đó là rừng, một vùng trên miền cao gần cuối dãy Trường Sơn. Vàng nhiều lắm, cứ đào lên là thấy, dù chưa đủ tuổi vẫn là vàng. Những trạm thu mua vàng ngồi ngay dọc đường ở một thị trấn gần đó, họ có cân tiểu ly, đôi khi phải dùng đến cân bàn. Ngày nào từ sáng tới chiều cũng có người đào vàng lai rai mang bán. Tôi chẳng biết nổi số lượng người ta thâu vào là bao nhiêu, riêng chúng tôi bán dăm bảy lượng là chuyện thường. Bỗng nhiên chúng tôi trở thành những con người được kính trọng, nể vì ăn to nói lớn, miệng có gang có thép... Chúng tôi thay phiên nhau về thành phố ăn chơi, mua sắm, riêng tôi hùng hục mới tìm mấy thằng cha chủ tàu. Tôi phải ra đi bằng bất cứ giá nào, chẳng phải tôi chán ghét đất nước hay chế độ, mà tôi chỉ thích rong chơi, phiêu

lưu mạo hiểm, đi cùng trời cuối đất. Tôi khẳng định không có chuyện chính trị ở đó... Nhưng tất cả dự tính của tôi đều thất bại, bị gạt có, bị thua có, từng tù tội và bây giờ thì nằm đây cùng quý bạn. Tôi lại mơ đến xứ vàng, mơ một chuyến hải hành gian nan gặp cướp biển...

Câu chuyện nhạt phèo, khoác lác, rẻ tiền. Tôi kết luận như vậy. Có người đồng ý với tôi về nhận xét đó. Gã Ba Tàu đàn háng với tôi luôn tay quạt phành phạch. Gã chửi thề một câu nửa Tàu nửa Ta:

– Tíu nà ma... Đ.M cả tuần "dôi" ngộ không ể lược.

Đêm trôi trong oi bức khủng khiếp. Mồ hôi ròn ròn ròn ròn ra khắp người, tôi có cảm giác nghe thấy các mụn nhọt đang đâm chồi nảy lộc, sum suê hoa lá trên từng vùng thịt mỡ tôi. Thân thể tôi

đang hạn hán, vậy mà vẫn trơ tuôn tuột như lươn, ếch, nhái.

* * *

Giữa lúc không chờ không đợi thì phân tôi vãi ra khi mới bước chân tới cầu cá. Tôi thoải mái vì được hưởng cái khoái thú tư trong tứ khoái mà loài người từng ca tụng. Bọn cá tra dưới ao tranh mỗi làm nước bắn vung vít. Suốt một dãy cầu dài cung cấp được khá nhiều lương thực cho bầy cá đói. Tiếng chửi thề vang rân bằng tiếng Việt chen tiếng Hoa, Quảng Đông, Quảng Tây, Hẹ, Phúc Kiến. Theo phản ứng sinh lý tự nhiên, chúng tôi không tài nào đi đại tiện được ở những ngày đầu tiên khi bị giam. Lúc này phân lại ra không hẹn trước. Thường là những cơn té re vô kỷ luật. Phản ứng này cũng

vậy thôi, chẳng có chi lạ. Một vài chú Ba Tàu tay cầm bao ni lông mặt nghệt ra nhìn xuống ao tiếc rẻ. Người thì ngần ngơ.

Thằng Ba Tàu nằm đan háng với tôi trong phòng giam vò cái bao ni lông không, cầu nhàu:

– Vậy là thua... ngộ phải thành thật khai “páo”.

Tôi chẳng hiểu gì hết. Tù nhân về phòng giam. Khi đi qua cổng trại, gã người Hoa giờ tay với cán bộ hướng dẫn:

– Cho ngộ thành thật khai “páo”.

– Cái gì?

Người cán bộ hét. Mặt gã Ba Tàu coi tội nghiệp làm sao. Gã giờ cái bao ni lông không lên:

– Ngộ thành thật khai “páo”, ngộ mất hết “dôi”.

– Mất gì?

– Vàng!

Một tiếng trả lời cộc lốc trong đám tù đứng đồn cục ở sân trại giam. Thằng láu cá đêm qua quay phim tìm vàng đang đứng cạnh tôi trả lời thay. Cái mặt gã hếch hếch coi đáng ghét, cái mỏ cười méo một bên mép coi đều cằng làm sao.

Người cán bộ hất đầu ra hiệu cho gã:

– Mà nói gì?

– Vàng. mất vàng, kim loại màu vàng.

– Bước ra khỏi hàng, báo cáo rõ ràng, ai ăn cắp vàng?

Thằng láu cá bước ra, báo cáo vắn tắt:

– Chả có ai ăn cắp vàng hết, mấy con cá tra đớp hết rồi. Chúng tôi nuốt vàng, ai dè đến hẹn nó không ra, trật lất hết trơn...

Ngót một trăm người chúng tôi bị lừa vào phòng giam, trừ thằng nhỏ người Hoa và thằng láu cá bị đưa lên văn phòng “làm việc”. Tôi còn nghe thấy tiếng thằng Ba Tàu van vãn:

– Ngộ thành thật khai báo, không dám giấu giếm.

– Mày chết, dám mang tài sản quốc gia ra nước ngoài, gây bệnh «chảy máu vàng». Không thành thật khai báo, mày bị chống án.

Tiếng thằng láu cá:

– Còn đó cán bộ à, tất cả ở dưới ao cá tra. Trong phòng giam tranh cãi loạn cào

cào, tiếng Việt chen tiếng Hoa. Tôi chẳng hiểu gì hết và chẳng cần hiểu làm gì. Tôi khoan khoái vì được tháo dạ sau mười ngày ỉn ứ. Tôi mơn man thăm dò cái nhọt mới u lên trên trán tôi hồi đêm qua như con bê nhú sừng non. Tôi hy vọng những cái nhọt sẽ lặn đi sau khi chất độc tháo khỏi cơ thể. Nhưng tôi không được nằm yên, tôi cùng tất cả các bạn tù vượt biên được lệnh ra tập trung ngoài sân.

Ở đó tôi nhìn thấy bà cán bộ trưởng trại mang quân hàm đại úy công an ngồi uy nghi ở chiếc «ngai» sau cái bàn rộng. Bên cạnh có hai cán bộ chấp pháp. Tôi nhớ mặt một người đã hỏi cung tôi và tịch thu gói thuốc cán ngoại cùng cái bật lửa gaz hôm bị bắt. Chúng tôi ngồi chồm hổm dưới sân. Bà đại úy trưởng trại mặt đen hăm hăm, đôi mắt sắc như lưỡi dao mã tấu liếc nhìn khắp mặt chúng tôi thu

hồn phách, giọng bà đánh đá, nhưng cũng tình nghĩa đáo để:

– Tất cả các người đều đầu đen máu đỏ, tại sao lại cố tình không hiểu lượng khoan hồng của cách mạng. Dù các người một lần lầm lỗi hay nhiều lần lầm lỗi cách mạng vẫn tha thứ và khoan hồng. Các người có hiểu thế không?.

Bà ta im lặng một lát. gã lấu cá, kẻ đưa tay đầu tiên hô:

– Hiểu!

Thằng nọ đẩy tay thằng kia hô theo, trong đó có cả tôi Khí thế hào hùng như hô khẩu hiệu trong mít tinh. Bà trưởng trại hài lòng, giọng dịu lại, hòa nhã hơn:

– Vậy thì các người phải thành thật khai báo và nghe theo phương án của ban giám hiệu. Nhà nước cách mạng

hôm nay quyết định thu hồi tất cả những tài sản bị thất thoát, các người trộm cắp tài sản của nhân dân, toan mang ra nước ngoài, may mà phát hiện kịp. Nhà nước đã khoan hồng, vậy các người phải thành thật. Cách mạng lấy cái tình đối với các người, các người phải xứng đáng.

Có tiếng ai đó nói nhỏ bên tai tôi:

– Nói thế mà nghe được..

Tôi hết hồn suýt khẽ. Bên trên đầu tôi tiếng bà đại úy trưởng trại vẫn oang oác, đánh thép khi mềm mỏng khuyên lơn, khi đe dọa nhằm mục đích tất cả người tù đều phải thành thật khai báo đã nuốt bao nhiêu vàng, cuối cùng bà hỏi:

– Sáng nay những ai không đi câu cá?

Tất cả im lặng, bà đại úy hài lòng:

– Hà... vậy là tất cả đều có đi, có ai bón không đi được không?

Đám đông im lặng. Nụ cười bà trưởng trại cởi mở:

– Nếu có ai còn táo bón chưa đi cầu được, tôi lệnh cho y tế trại cấp thuốc để “hanh thông đường đại tiện”.

Gã lẩm điều ngồi cạnh tôi bình phẩm lảng nhách:

– Chẳng tốt lành gì đâu.

Tôi cau mặt khó chịu.

Tiếng bà đại úy đồng dục:

– Bây giờ lần lượt từng người lên đây thành thật khai báo với cán bộ.

Người thứ nhất lên, gã đàn ông cao lớn được hỏi họ tên xong, vào phần chính:

– Sáng nay anh có đi cầu được không?

– Dạ có.

– Anh nuốt mấy chỉ vàng?

– Dạ, một chỉ.

– “Náo”, anh đã thành thật khai báo chưa, cái bụng to như cái chum kia mà chỉ nuốt có chỉ vàng thôi sao, ít lắm cũng phải ba chỉ.

Mặt gã đàn ông to con cắt không còn giọt máu, gã xuống giọng:

– Dạ, có hai chỉ thôi, cán bộ.

Người cán bộ chấp pháp xẵng giọng:

– Đã thành thật khai báo chưa?

– Em xin thề.

– Thôi được, người kế tiếp, Lâm Tô Hà..

Hàng chục người đã được thành thật khai báo.

Nhưng nhìn mặt họ tôi vẫn thấy gian gian. Kẻ được lấy ra làm gương là gã “láu cá tìm vàng”. Gã khai đã nuốt năm chỉ vàng, nuốt không nổi nữa phải nhờ người khác nuốt giùm. Sáng hôm nay đã cho ra hết rồi...

Người cán bộ chấp pháp đập bàn, la:.

– Mày nhờ ai nuốt, chỉ mặt coi...

Chúng tôi vờ vịt để thẳng xỏ lá kia đừng chỉ bậy vào mặt mình. May mắn thay, chẳng đến đổi nào, gã vẫn còn chút xíu lương tâm. Gã lắc đầu:

– Bị bắt ban đêm, tôi nhờ đại nên không nhớ rõ.

Gã đưa mắt nhìn tôi, tôi cúi xuống, run bỏ xù.

– Nghĩa là mày có mang theo nhiều vàng lắm?

– Còn phải hỏi, tôi là thằng giàu mà.

– Cái ngữ mày mà giàu à?

Gã cười khẩy:

– Tùy ý, tôi chỉ biết tôi là một thằng trù, đầu nậu đào vàng, có nhằm nhỏ gì ba cái lẻ tẻ vài ba ký vàng, cái đồ bỏ sông bỏ biển...

Thằng láu cá đối đáp đầu ra đó nghe có lý quá, cán bộ không hỏi đến nữa. Riêng tôi lo ngay ngáy. Nếu tôi thành thật khai báo thì tôi: sẽ nói chẳng nuốt chỉ nào hết vì có đầu mà nuốt. Tôi mang tiếng là kẻ vượt biên nhưng không mất tiền, nhờ quen biết tôi đi ké thôi. Nhưng nhìn mặt tôi, ai mà tin được. Tôi đeo kính trắng gọng vàng, trán hói, mặt mũi

phương phi coi ra vẻ lắm. Trông tưởng là kẻ có tiền. Khi xuống tàu thấy tôi đi một mình, một em «nhí» cô đơn đã để mắt đến tôi, muốn tìm bạn đồng hành cho có đôi. Tôi chưa kịp trả lời ong bướm, mới sơ khởi đá lông nheo là đã bị «tó» rồi. Khách đi tàu xì xào về tôi: «May quá chuyến này mình đi lại có bác sĩ, chủ tàu tổ chức chu đáo thật. Thế có bỏ mẹ tôi không, cái mặt mày mà nói không tiền, chó cũng không tin được. Thôi thì cũng liều, tùy cơ ứng biến. Điều chờ đợi tất nhiên phải đến. Tôi đứng trước người cán bộ chấp pháp:

- Anh nuốt bao nhiêu «cây»?
- Dạ đâu có nuốt.
- Tầm bậy, hãy thành thật khai báo.

Không thể thành thật khai báo được,

máu bố lão dậy lên trong đầu tôi, vẫn phải nói đỡ đòn:

- Dạ đầu có nhiều thế để nuốt.
- Vậy thì cũng có nuốt chớ gì, mấy chỉ?

Tôi liếc nhìn danh sách những người khai báo trước tôi người nào cũng nuốt chỉ không hà, không ai nuốt phân hết. Tôi phải tìm cho mình một con số tương đối:

- Thưa, hai chỉ.

Người cán bộ chấp pháp đập bàn cái rầm:

- «Náo», nhè anh mà nuốt hai chỉ thôi sao, cách mạng không tin.

Anh ta sắp sửa nổi giận. Tôi sợ, miệng lắp bắp.

Người cán bộ nổi cơn thịnh nộ, có thể tôi ăn ngay cái bạt tai. Khi đó thằng láu cá đầu nậu đào vàng đứng bạt dậy, chỉ mặt tôi:

– Thưa cán bộ, em có ý kiến, em tố cáo cái anh này không thành thật khai báo. Sơ bộ em biết anh này nuốt tới năm chỉ chớ không phải hai.

Thằng khốn nạn ra mặt chơi đùa tôi rồi. Tôi toan cãi thì nó mồm năm miệng mười:

– Thưa cán bộ, em nhớ ra rồi, em có gởi anh ta ba chỉ nhờ nuốt giùm, em chọn mặt gởi vàng chớ bộ, của anh hai chỉ, của em ba chỉ có phải là năm chỉ không, em thành thật khai báo cách mạng khoan hồng cho em. Nếu cách mạng tìm lại được cho em xin vài chỉ để em bồi dưỡng sức khỏe tốt còn lao động sản xuất đến

tội ác với nhân dân.

Người cán bộ cầm gã lấu cá không cho đôi co với tôi nữa. Ông ta gằn giọng:

– Vậy thì tôi ghi năm chỉ nhé.

Tàn dư máu bố lão tăng cao độ trong đầu tôi. Ném lao phải theo lao, tôi tố vượt chỉ tiêu:

– Dạ, thưa cán bộ, anh bạn trẻ nói đúng, tôi có nuốt giùm anh ba chỉ. Phần tôi không phải hai chỉ mà bốn chỉ lận, vị chi là bảy chỉ mới đúng.

Người cán bộ ghi ngay bảy chỉ vào cạnh tên tôi:

– Ờ được, thành thật khai báo như vậy là tốt, đáng được tuyên dương.

Tôi trở về chỗ mặt vênh lên như kẻ có tiền thật.

Thằng láu cá nhếch nụ cười đều với tôi:

– Em bái phục, cho em được tôn đàn anh là sư phụ. Đồng chí sư phụ.

Xong công tác chúng tôi được đưa về phòng giam. Thằng đều lăn ngay ra sàn gãi háng xanh xạch về ghét búng vung vít.

Phía ngoài phòng giam, cán bộ xông xao. Bà trưởng trại họp ngay phiên khẩn cấp đột xuất cắt cử công tác:

– Đồng chí kế toán lấy máy tính ra cộng đảng hoàng coi.

– Dạ, có tính rồi, trên ba trăm chỉ.

Tiếng bàn tán xông xao, cuối cùng bà trưởng trại ra lệnh, rõ là cấp chỉ huy lãnh đạo có nghiệp vụ cao:

– Thôi hơn bù kém, kể cả những kẻ không có sợ quá khai bày. Tôi lấy chỉ tiêu trung bình là hai trăm chỉ, vậy là mình đã thu về được hai mươi lượng, cũng chẳng thiệt thòi gì, có phải hy sinh cái ao cá này cũng được thôi. Đồng chí tài vụ kế toán sửa soạn thu hoạch, các đồng chí khác làm tốt công tác đạt chỉ tiêu lãnh đạo đề ra. Bây giờ mình bắt đầu phương án hai. Đồng chí trực ban khẩn trương tập trung tất cả tù hình sự ra ao cá. Lưới hết cá tra mang vô nhà bếp làm thịt, mổ bụng, kiểm tra kỹ lưỡng.

Gã lấu cá giã lên, cái miệng gã oang oác:

– Xin báo cáo với anh em, thực đơn của chúng ta hôm nay có thêm món cá tra kho gừng. Một chỉ vàng một miếng cá, rẻ chán. Tôi có năm miếng.

Gã quay sang tôi chọc quê:

– Bác sĩ» có bảy miếng cá!

Tôi vặc ra một câu chửi tục tằn.

Cái mặt thẳng láu cá vẫn cười cợt nhơn nhơn. Gã lại gãi xành xạch về ghét búng lung tung, nặn mụn nhọt, bóc vẩy ghẻ bôi lên tường.

Tôi kết luận gã là thẳng nghịch ngợm pha thêm liều lượng mất dạy. Loại "trôi sông lạc chợ". Tôi bực hấn, nhưng làm quái gì được, chỉ hậm hực xúng. Tù hình sự bị lừa hết ra khỏi phòng giam, căn phòng trở nên rộng rãi. Tôi lăn ra ngủ một giấc thoải thái. Tôi mơ thấy màu vàng, không biết có phải kim loại màu vàng không?

Thức dậy buổi trưa, được ăn bữa cơm cá tra kho, ai cũng khen ngon, sau mười ngày vắng bóng thịt cá. Bọn tù hình sự ăn

cơm ngay tại hiện trường. Qua lỗ châu mai, tôi nhìn cái ao cá bị tát sạch, đám tù đầu mình lấm lem như lươn ngụp lặn mò tìm.

Tiếng cãi nhau, tố cáo nhau chí chöhe.

– Báo cáo cán bộ, em thấy thằng Hải cù nuốt nguyên sợi dây chuyền.

– Nói láo, nước ọc vào miệng, tao nuốt ngực chớ có nuốt gì đâu. Đứa nào nói láo xe cán. Tao thấy thằng Minh theo nuốt nè.

Cứ như thế, lời tố cáo vang rân dây chuyền cả một khoảng ao. Cuối cùng, tôi nghe tiếng bà trại trưởng dịu dàng:

– Thôi được cứ năng nổ lao động rồi về phòng, đưa cả mấy thằng làm bếp hôm nay vào phòng giam hết. Không một đứa nào được phép ở ngoài phòng.

Ngay buổi chiều hôm ấy, tù vượt biên chúng tôi được lệnh bộ Nội Vụ di lý đi nơi khác. Tôi không biết chuyện gì xảy ra sau đó ở trại tạm giam khủng khiếp này, ngoài điều trông thấy bọn tù hình sự, kể cả tù phụ trách nhà bếp được uống thuốc xổ do y tế trại cấp phát.

Tất cả bị nhốt trong phòng giam, bị buộc phải uống thuốc xổ, liều lượng mạnh. Phía ngoài phòng có cán bộ võ trang túc trực nghiêm túc kiểm tra qua song sắt.

Mùi thối hoảng từ phòng giam bốc ra. Lúc bị giải ra xe, thằng láu cá bị cùm dính với tôi chung một còng, nói một câu bông quơ:

– Hay, hay thật, một cách tìm vàng không giống ai. Sư phụ, đáng mặt sư phụ.

Tôi chẳng biết thằng ba trợn đó đang nói với tôi hay với ai.

Khi chúng tôi được giải qua sân ra ngoài xe ở cổng, tôi nghe tiếng chửi nhoi của đám tù hình sự bị nhốt.

Một gã tù già, trần truồng dái cu lòng thông đeo song sắt chửi đặc giọng Bắc Kỳ 1975:

– Địt mẹ những thằng vượt biên, chúng mày làm khổ ông, chúng nó không tìm thấy kim loại màu vàng, chúng nó mổ bụng ông như mổ cá «cha « thì chúng mày chết mẹ với ông. Ông oán ông thù chúng bay. Tiên nhân cha quân vượt biên khổ nạn.

Tiếng chửi ray rức theo mãi chúng tôi lên xe. Thằng láu cá cười bò lăn, giồng giăng cái còng số 8 làm cổ tay tôi đau nhói.

Xe rập rình leo qua cầu cao đồ dốc vào thành phố về Chí Hòa. Thằng láu cá vẫn cười nghiêng ngả.

Tôi nhắm mắt.

1989

CÁI GIƯỜNG

TÔI KHÔNG THỂ KHÔNG CÓ QUYẾT ĐỊNH dứt khoát khi chấp nhận thuê cái chuồng heo bốn thước vuông làm nhà ở, che mưa đụt nắng cho hai vợ chồng và cái bào thai vợ đang mang. Dầu gì tôi cũng không thể lòi nàng lếch thếch, lang thang đi khắp đầu đường xó chợ, gầm cầu, công viên. Tuy trời đất mệnh mông tha hồ màn trời chiếu đất, đâu cũng có thể là nhà. Nhưng căn bản vẫn là một mái nhà, an cư mới

lạc nghiệp. Nói chuyện ấy mà buồn cười. Tôi còn nghiệp đâu mà lập. Tôi vốn là nhà văn nhà báo hành nghề thời chế độ cũ, nay đã hết thời, chẳng còn ai dùng đến nữa. Tôi tạm thời gác bút, không nghĩ đến chuyện viết lách làm văn nghệ nữa. Tôi tìm một nghề khác, đang trên đường tìm kiếm.

Tôi trả tiền cò (hoa hồng) cho mụ dặt mồi nhà. Đúng ra bây giờ là một cái phòng, nguyên là một cái chuồng heo đủ chỗ cho một con nái xề với một bảy con. Cái chuồng heo trong một dãy chuồng heo, nay đã được ngăn phòng ra cho thuê. Tiền thuê tính theo gạo, 15 kí gạo một tháng. Thôi cũng được. Nhà không có điện, tất cả phải thắp đèn dầu, nước thì có giếng chung, ỉa đái có ao cá tra gần đó, thoải mái đổ chất thải nuôi bảy cá đỏi. Vợ chồng tôi tự giấu thân phận

mình, tôi khai tên tuổi, trình độ văn hóa với chủ nhà, tôi chỉ biết đọc biết viết, vợ tôi thì mù chữ. Có vậy mới mong hòa nhập được với đám cư dân ở đây, nếu muốn kiếm miếng ăn. Chốn này là vương quốc Ve Chai, buôn bán đồ phế liệu. Tân Phú, nơi mà trước đây linh mục Đinh Xuân Hải trị vì như một lãnh chúa, chính quyền hồi đó cũng phải nể vì. Tôi nhìn thấy tại nơi đây có hướng làm ăn tốt cho mình.

Căn nhà tôi thuê, nay gọi là nhà, không gọi là chuồng nữa. ở hương lộ 14, nhà ở sâu trong ruộng. Trên cánh đồng hoang, trên nghĩa địa phơi đầy bao ni lông phế liệu, được giặt phơi.

Hầu hết cư dân nơi đây là bọn khố rách áo ôm sống bằng nghề nhặt bao ni lông, sắt thép, vỏ đạn phế thải. Thu gom, phân loại ra bán lại cho vựa ve chai. Vì

cơm gạo, tôi gia nhập làng ve chai học nghề. Tôi đường cùng rồi, không làm thì lấy gì mà ăn, trả tiền nhà linh tinh đủ thứ, còn phải lo cho cái bào thai của vợ tôi đang mang, mỗi ngày một lớn. Đến khi nào đó vợ chồng tôi có một hài nhi chào đời. Thương con như con chó con mèo biết thương con. Dù đời sống nghiệt ngã thế nào, tôi cũng phải giữ lấy huyết thống của mình. Tôi nghĩ thế. Như một thách thức. Tôi trở nên hung dữ và dễ nổi giận, đã có lần nổi giận vì có người nhân danh đạo đức loài người dám ra lời bắt vợ tôi phải phá cái bào thai đi vì họ cho rằng đứa bé này ra đời là nghiệp chướng.

Tôi thấy kệ cuộc đời này lâu rồi, nhưng không thấy kệ giọt máu của tôi. Người ta cho tôi là kẻ nghèo khổ hết thời, vô tích sự, lại ngang chướng. Thấy kệ họ,

bố mẹ vẫn mong mỗi ngày con ra đời, dù trong bão táp mưa sa, trong nghèo đói khốn khổ. Tôi thề hứa vậy.

Bà chủ nhà đưa vợ chồng tôi vào phòng xem nhà. Bà đúng tuổi, vợ của một ông đại tá đã về hưu. Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, rồi vượt Trường Sơn trở về Nam chiến đấu "chống Mỹ cứu nước". Bà vẫn ở lại miền Nam bí mật hỗ trợ cuộc chiến đấu của chồng.

Nay thì ông đã trở về, ông ở căn nhà ngoài chợ với bà nhỏ. Bà lớn được quyền thừa hưởng trọn vẹn căn nhà xưa, vườn và ao cá. Quyền lực ông to rộng nhưng đối với vợ lớn rất có tình có nghĩa. Bà chủ nhà tôi lấy làm hài lòng về chồng. Chúng tôi xem căn phòng bé tẻo teo, đại tá phu nhân nói:

– Hai vợ chồng bay ở đây là vừa gọn vừa xinh. Này tao nói nhé, vợ mày bầu bì đi thuê nhà rất khó, mày biết chủ nhà nào cũng kiêng kỵ người thuê nhà có bầu. Nhưng nhà tao có truyền thống cách mạng nên không kiêng kỵ gì hết, tiền nhà rẻ mạt, chỉ mười lăm kí gạo một tháng, tính bằng tiền như thuế má của nhà nước vẫn tính, chẳng ai thiệt thòi. Đúng đó, trước kia nhà này là dãy chuồng heo, nhưng tao thấy nuôi heo không có lợi, tao bèn thôi nuôi để cho thuê lấy phước. Này đừng cười tao, tao cho chúng mày thuê là làm phước, tao còn lạ gì tụi bay, toàn là thứ trôi sông lạc chợ, lính ngục, lưu manh, không một mảnh giấy tùy thân, không hộ khẩu, mất quyền công dân, đâu phải người chân chính lương thiện. Vậy mà tao dám chứa chấp, công an phường mó đến tụi bay là không được với tao rồi. Ông ấy nhắc

«máy» lên một cái, lính công an «teo bu ri», xin được thả ngay tội bay về «nguyên quán». Ông là người có uy ở vùng này. Nói đến chú Bảy Ưng ai mà không biết, trưởng công an phường, trưởng phường đội, ủy ban đều là hàng con cháu ông hết. Bay cứ nói ở nhà Bảy Ưng chẳng ai dám đụng đến bay. Tội bay do tao quản lý.

Bà đại tá Bảy Ưng nói một hơi. Trong hoàn cảnh này tôi thấy bà nói có lý và đúng quá. Quả thật vợ chồng tôi đang kẹt trong hoàn cảnh đúng như vậy. Bà là một bà tiên, ông Bảy Ưng là một ông Bụt ban cho thế nhân những điều ước. Điều ước nào cũng được đáp ứng, hài lòng. Căn phòng tuy hơi nhỏ một chút, nhưng cũng đủ chỗ cho vợ chồng tôi, ở góc nhà có kê một cái giường hai người nằm. Bà chủ nhà mau mắn:

– Ấy cái giường này của con mẹ thuê

nhà trước, nó trốn đi không trả tao một tháng tiền nhà nên bỏ lại đấy. Nếu vợ chồng bay có tiền trả tao được hai ngàn rưỡi thì lấy xài luôn. Còn không mẹ kia nó chuộc lại tao chịu thôi. Hoặc tụi bay có giường thì cứ khiêng tới mà xài.

Tôi lắc đầu:

– Dạ không, tất cả đồ đạc chúng tôi chỉ có trong hai cái giỏ xách với mấy cái nồi niêu xoong chảo chở trên chiếc xe đạp kia.

Bà chủ nhà chặc lưỡi:

– Vợ chồng bay quả là nghèo, đến cái giường cũng không có, vợ mày bụng mang dạ chửa, bộ nằm đất sao?

– Dạ, cũng có manh chiếu rách lót miếng ni lông bên dưới nằm đỡ, dạ cũng có cái mùng...

– À thôi vậy cũng được, mà thôi tạm thời tao cho vợ chồng bay mượn đỡ cái giường này, vay mượn được ai tiền thì trả tao sau. Tao kỳ hạn cho bay một tuần. Chớ hôm nay tao biết bay cũng không có đủ tiền trả tao cái giường. Thấy người nghèo khổ tao cứ rớt nước mắt, tao không đành lòng đặng, tao có đạo đức cách mạng.

Vợ chồng tôi cảm ơn bà Bảy, thiệt tình tôi cũng không biết làm sao...

– Được được đừng nói nhiều, chuyện làm phước mà, này, mà tao cũng nói trước, mày trả tiền được sớm là cái giường của mày, còn mẹ kia đến chuộc sớm thì ráng mà chịu nghe.

– Dạ, bà Bảy cứ yên tâm.

Bà chủ nhà trở ra, vợ chồng tôi

chuyển đồ từ xe đạp vào nhà giải chiếc chiếu rách lên giường. Việc đầu tiên, vợ tôi ngả lưng lên cái giường mượn tạm ấy:

– Gớm ê cả người, anh chở em trên xe đạp ấy đường xóc ời là xóc.

Tôi nhìn vợ hài lòng:

– Thấy sao, cái giường được không?

– Sao không được, mình nằm đất bao lâu rồi, bây giờ nằm giường mà không được nữa sao.

Tôi mỉm cười tự tin:

– Mình sẽ có cái giường này, anh có thể mượn được tiền để mua. Cái giường gỗ chắc chắn như thế này chỉ có hai ngàn rưỡi thì cũng không mắc mớ gì.

– Anh chỉ được cái lúc nào cũng lạc quan.

– Không lạc quan sống sao được, em nhớ mình sẽ còn có con.

Suốt một buổi chiều tôi sắp đặt nhà cửa, một cái bếp nho nhỏ, chén đĩa nồi niêu xoong chảo tôi nhặt ván vụn ở quanh nhà kê gạch lên cũng xếp được gọn ghẽ. Nhà cũng có chỗ lui ra lui vào. Tôi càng trở nên lạc quan về căn nhà mới của mình, như thuở nào cách đây hai mươi năm, tôi có một căn nhà do tôi làm chủ. Buổi chiều đầu tiên tôi nằm lăn lộn trên sàn gạch bông mát mẻ. Nỗi vui mừng ấy không chỉ có trong đầu mà còn thấm cả vào da thịt. Căn nhà đó nay vẫn còn, nhưng tôi không được ở nữa, vì nếu tôi ở là phạm pháp, tôi cư ngụ bất hợp pháp trên căn nhà tôi làm chủ. Đơn giản là tôi không được cấp hộ khẩu trên căn nhà ấy. Tôi vẫn chưa có quyền công dân, mà chẳng biết bao giờ mới có. Tôi kéo theo

người vợ trẻ sống bơ vơ giữa chợ đời. Hai vợ chồng tôi sống như con sâu cái kiến. Phần thua thiệt nhiều nhất vẫn nghiêng về phía vợ tôi. Nếu nàng không theo tôi, một kẻ hết thời, trở nên bần cùng khổ rách áo ôm thì đâu đến nỗi này. Với độ tuổi trung niên mà sức lực đang trên đà tàn tạ sau những năm dài học tập cải tạo, lao động kiếm ăn, liệu tôi có bảo vệ được nàng không. Nàng mang trong bụng cái bào thai, huyết thống của tôi. Tôi sẽ phải làm việc, lao động cật lực, bỏ ngoài tai ngoài mắt mọi lời đàm tiếu, tiếng thị phi. Tôi có thêm sức mạnh. Ngày mai tôi gia nhập nghề ve chai, lượm lật bao ni lông, tôi lang thang trên những bãi rác, để đổ phế thải được tái sinh, dù chất lượng có kém đi nhưng vẫn còn xài được.

Tôi loanh quanh trong căn nhà nhỏ và nghĩ đến đứa con sẽ chào đời,

nơi ăn nằm của nó, giấc ngủ yên trong tiếng ru hời của mẹ. Tôi phải lo cho bầu sữa được căng, con tôi không bị khát sữa mẹ nó. Tôi lãng mạn rồi, lãng mạn này đưa đến lãng mạn khác. Tôi nhìn lên trần nhà chuồng heo có cái xà ngang khá vững chãi. Tôi nói với vợ:

– Anh sẽ treo lên cái xà ngang này một cái thúng, lót vải rách và che miếng vải mùng để làm cái võng cho con, vừa tầm tay em đưa, ru con ngủ.

Vợ tôi cười lộ chiếc răng khểnh:

– Ông này chỉ lãng mạn, sao không tính đến một cái nôi hay cái võng mà lại là cái thúng.

– Đây không phải sáng kiến của anh, anh vay mượn của đồng bào thổ

mán ở miền thượng du Bắc Việt hồi anh còn nhỏ tản cư lên đó. Em công nhận không, sáng kiến ấy hay đáo để, đứa bé nằm trong cái thúng, đi đâu, làm gì cũng mang theo được, cứ treo lên cây vừa làm việc vừa trông chừng nó, lớn hơn nữa thì thả nó lê la, chạy chơi quanh quanh. Anh đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

Vợ tôi cười rũ:

– Thôi ông ơi, ông đừng mơ mộng nữa, tôi nghe lắm quá rồi.

Tôi cho vợ tôi trẻ người non dạ nên không nghĩ xa chứ tôi có mơ mộng bao giờ, tôi hơn nàng ở chỗ biết nhìn xa hơn lỗ mũi mình. Tôi trở nên kiêu ngạo một mình, cho mình là người chống vững tay chèo, biết lèo lái con thuyền gia đình con con. Việc người ta liệu cơm gắp mắm. Tôi sẽ có tất cả, sẽ...

Vợ tôi đưa tôi về thực tế.

– Này anh, nhà mình sắp hết gạo rồi đó, chỉ ăn được bữa chiều nay, sáng mai nữa thôi, còn tiền mua mắm muối....

Tôi đang hưng phấn, nói với vợ:

– Thôi chiều nay mình không ăn cơm nhà, mình ra chợ ăn hủ tít, em gây lắm, nên bồi dưỡng tí nước xương thịt để lấy chất bổ nuôi con. Mọi chuyện để mai tính.

Chúng tôi ra khỏi nhà, không cần khóa cửa, thời buổi thanh bình chẳng còn sợ trộm cắp. Vả lại, tôi còn cái chìa gì mà mất nữa.

Ra khỏi cửa, tôi gặp vợ chồng con cái người hàng xóm, cũng thuê chuồng heo ở như vợ chồng tôi. Anh chồng, chị vợ đang thui một con gì đó nho nhỏ trên

bếp lửa. Anh chồng cười mời tôi:

– Ở lại nhậu với tôi, thịt con linh miêu này ngon đáo để. Mình trước lạ sau quen, lại là hàng xóm...

Tôi đành xin lỗi vì phải đi có công chuyện. Anh chồng vui vẻ:

– Thôi vậy sáng mai đi quán bà «Ba Đít Láng» uống cà phê với tôi. ở đây thiếu gì công chuyện mần ăn. Nơi đất lành chim đậu mà.

Tôi đạp xe chở vợ tôi ra chợ Tân Phú, vợ tôi nói:

– Buổi trưa ra ngoài giếng, em thấy anh này mới đập chết một con mèo của nhà ai đó. Có lẽ anh ta nói linh miêu là con đang bị nướng đó.

Sau này thì tôi biết từ chó, mèo,

chuột chù, chuột cống, gà vịt, cá tra dưới ao thấy bóng anh ta đều lặn sâu lánh xa. Một tay săn lùng miếng ăn nguy hiểm. Cả vợ lẫn chồng đều là loại lưu manh chuyên nghiệp. Cái gì cũng có thể làm được, miễn là có tiền có ăn. Anh ta nói đó là bản năng sinh tồn. Buồn cười thật, tôi trót giấu thân phận mình là một kẻ dốt nát nên chẳng có lời nào phản bác.

Tôi chán cho đời, nhấp chén rượu khan, mặc kệ mẹ đời. Tôi hùng hục đi làm như con trâu. Đời sống lưu manh của những kẻ phạm pháp đường cùng vây chặt lấy đời sống nhỏ bé của tôi. Tôi có bị ảnh hưởng hay không thì hạ hồi phân giải. Tôi đang sống trong vũng bùn, nơi gió tanh mưa máu. Đồng tiền kiếm lương thiện quả có khó khăn. Cái bao tử đương nhiên thiếu thứ để bóp nặn, xay nghiền. Cái bụng vợ tôi không to được,

có lẽ bào thai cũng èo một lăm. Có được chất bổ béo nào đâu để nuôi lớn. Những cái đập nghịch ngợm của bé cũng yếu ớt, không như con người ta. Tôi lo lắng không biết là chính đáng hay vẫn vơ do đời sống thường xuyên thiếu thốn xúc tác vào đâu.

Những tiếng chửi thề, văng tục nổ giòn rôm rộp về miếng ăn miếng uống của vợ chồng hàng xóm và những người quanh vùng, quả tôi khó mà hòa đồng hòa nhập được với họ. Nhưng vẫn cứ phải sống chung, và cố giữ hòa khí. Tôi vẫn coi đời sống này là tạm mà.

* * *

Ngày hôm sau tôi lên Sài Gòn, tìm đến người bạn xưa. Anh Nhã. Tôi với anh

là bạn từ lứa tuổi choai choai kéo dài cả mấy chục năm trời. Tôi tin anh là người thân duy nhất, vì tôi không đối xử xấu với bạn bao giờ. Chẳng những chúng tôi thân nhau mà hai bên gia đình cũng thân nhau. Sau này khi tôi khổ, tôi không mặc cảm vắn lui tới anh và gia đình anh bên ấy. Ngược lại, anh cũng lui tới với tôi. Đời sống gia đình anh Nhã khá hơn tôi nhiều. Không có những ngày đói rã họng như tôi. Đời sống anh bình bình, không sóng gió khi có cuộc đổi đời. Tuy không làm gì, nhưng anh có «ngoại viện», những thùng đồ từ ngoại quốc của người thân gửi về anh tương đối đều đặn. Vợ anh cũng buôn bán nhì nhảnh. Nhưng chị ở bên nhà mẹ đẻ nên anh rảnh rang chỉ phải lo săn sóc đứa con gái, để cháu tiện đi học. Khi buồn anh tới bạn bè, trong đó có tôi, uống chén trà, ly rượu cho đỡ sầu đời. Thường thì anh là người chủ chi.

Tôi đến anh Nhã khi anh vừa ngủ dậy. Tôi nói vợ chồng tôi mới dọn nhà. Anh nói «thế à» rồi tiếp:

– Tôi đi với bạn, xem vợ chồng bạn sống ra sao.

Anh Nhã chặt ra từ trong hũ một chai rượu thuốc ngâm mang theo. Anh mua thêm ít đồ mới. Anh vẫn giữ phong độ của một tay chơi thuở nào. Anh có vẻ ngậm ngùi khi thấy đời sống quá cực khổ của vợ chồng tôi. Cụng ly với tôi, anh nói một câu chữ:

– Gặp thời thế thế thời phải thế...
Ráng chịu đựng đi.

Tôi vào thực tế, nói đến cái giường:

– Vợ chồng tôi cần một cái giường, nhà tôi còn sinh nở, có cháu bé...

– Thì cái giường này cũng được rồi, cần gì mới me.

– Giường này của người ta cho mượn, có hạn định chỉ trong bảy ngày, nếu không mua kể như không có, lại nằm đất. Nằm đất thì tội vợ tôi quá. Tôi mượn bạn hai ngàn rưởi thôi để mua lại cái giường này.

Anh Nhã cười:

– Ô được thôi nhưng hiện giờ tôi không mang theo tiền, để lúc khác vậy. Thôi ăn nhậu đi.

Tôi cố với vát:

– Bạn giúp tôi, cố có trước hạn định.

– Chuyện nhỏ.

Tôi tin tưởng bạn. Tôi có một buổi chiều thoải mái. Anh bạn hàng xóm cũng

sang góp vui, anh ta ăn nhậu một cách tục tằn, ba hoa và chửi thề luôn miệng. Anh ta nói đến thời vàng son đã qua của anh. Những ngày học tập cải tạo. Những tên trại anh đã đi qua, anh thuộc hàng «sĩ quan chế độ cũ, về những tên trại cải tạo anh ta nói sai bét, toàn là trại giam cưỡng bức lao động cho loại tội phạm hình sự, lưu manh. Rồi đây anh và gia đình anh phải được hưởng qui chế đặc biệt, vì anh là «lính đánh thuê cho Mỹ». Tôi muốn nổi nóng, nhưng dần lại được và cả anh bạn tôi cũng dần nóng. Vì tôi đã dặn bạn giấu thân phận mình ở chốn này. Một thằng lưu manh lão khoét, hoàn toàn lão lếu lại đa ngôn. Một loại người càng nói càng sai, nhưng cứ nói, vì với hắn «mục hạ vô nhân».

Đến xẩm tối, anh bạn tôi đập nút chai rượu lại, coi như ngưng bữa nhậu.

Anh hàng xóm vẫn chưa đã:

– Này, đi đâu thế, mình chưa hết chuyện mà, thời của mình.

– Xin lỗi, thời của anh chứ không phải thời của chúng tôi.

– Vậy thì để lại rượu đi.

– Không được, giọt rượu là giọt máu, đương nhiên là tôi phải mang đi, tôi và bạn tôi có chuyện riêng cần nói.

Anh hàng xóm nát rượu tro trên:

– Tôi bị gạt ra ngoài?

– Đúng thế, tôi nói là chúng tôi có chuyện riêng mà.

Ra khỏi nhà, anh Nhã nói với tôi:

– Tôi muốn nổi nóng rồi, vì bạn mà tôi nhịn.

– Đúng vậy tôi đã phải và đang sống chung chạ với những loại người ấy, đó là điều khổ tâm cho tôi. Tôi thông cảm bạn.

Hàng ngày tôi đi làm. Công việc tôi không phải nhặt bao ni lông mà xé bao thuê, đem giặt sạch rồi phơi khô, phân loại. Mùi hôi thối đọng trong bao ni lông khiến người xé bọc muốn nôn ọe tại chỗ nhưng vẫn phải chịu đựng. Vợ tôi, không giúp gì được trong cái thứ nghề quái gở này. Nàng có thể ói ra mật xanh, mật vàng, nàng đang có thai. Không thể để nàng kéo dài tình trạng ốm nghén bất đắc dĩ.

Bà chủ vừa ve chai của tôi còn rất trẻ, son phấn loè loẹt vàng đeo đỏ người. Bà mới giàu và cũng mới cưới chồng, một tay chơi nửa đời nửa đoạn nào đó nói giọng Bắc kỳ cố sửa giọng nhưng vẫn ngọng,

khi nổi giận đến mất khôn. Anh ta đủ cái hách dịch để điều khiển bọn người làm thuê như tôi, mà anh gọi là «công nhân viên». Vợ anh là «giám đốc», anh là «phó giám đốc điều hành». Cái xe Honda đời cũ của anh mua lại tân trang sáng loáng một cách hợm hĩnh chạy vòng vòng trên bãi phơi bao, sân ngói xé bao và nhà giặt bao, mùi át xít trong xà bông bột của các hãng xà bông tổ hợp xông lên chóng mặt. Chị vợ ngồi thu gom mua phế liệu rành rọt đến độ không một bạn hàng nào qua mặt được. Tiếng chị ta choe chóc suốt ngày:

– Này, mang đi vừa khác mà bán nghe, vừa này không mua đâu.

– Sao vậy, bao ni lông mà, cân lên rồi trả tiền như mọi khi...

– Mọi khi thì mua được, nhưng lần này thì không mua. Tôi mua của người khác chứ không mua của chú. Tại sao?

– Muốn biết hả, thằng Tư đâu, mày xô tung bao ni lông đó ra, nếu không có độn đá thì tao cùi...

Quả nhiên trong bao ni lông ấy có tới bốn hòn đá xanh, cân nặng đến hơn ba kí lô. Miệng bà giám đốc vừa ve chai Thành Công quang quác:

– Rõ chưa nào, thôi mang đi vừa khác, nhớ nhặt lại mấy hòn đá bỏ vào bao, nhà anh đừng hòng qua mặt con này. Con này có thừa kinh nghiệm.

Anh bán bao ni lông đành năn nỉ bán giá hạ để lấy tiền mua gạo sống qua ngày. Một bạn đồng nghiệp xé bao ni lông cạnh tôi nói:

– Đùng hòng qua mặt con Ngọc Tũn này, nó chuyên nghề nhặt bao ai lông từ hồi sáu tuổi. Bây giờ thì nó giàu lên làm chủ. Sang rồi nó đổi tên từ Ngọc Tũn thành Ngọc Tuyết..

– Tôi muốn hỏi về cái tên trong hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân kia.

– Đúng, tên trong hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân bây giờ là Nguyễn Thanh Ngọc Tuyết. Có tiền là xong hết.

– À, thì ra chị muốn bỏ luôn chữ Thị quê mùa, thay vào đó chữ Thanh cho sang, xứng đáng với cuộc đời, với địa vị sang cả của chị.

Tôi vẫn còn thắc mắc tại sao từ một con bé nghèo đói bán thú lại trở thành bà chủ giàu có như vậy. Sự thắc mắc ấy được giải tỏa ngay. Cô bé gặp may, một

lần ngồi xé bọc ni lông thuê cho người ta, chị thấy một bao ni lông đầy những khoen vàng. Chị thủ chị giấu và trở nên giàu có, nhất nghệ tinh nhất thân vinh, chị theo nghề truyền thống. A ra vậy, hèn chi khâu xé bọc ni lông, người ta xé rất kỹ. Ai cũng mang một hoài vọng, hy vọng mà người ta không chê là hão huyền. Biết đâu lại không có một bà già lắm cẩm nào đó gói vàng vào bọc ni lông giấu con cháu rồi quên, liệng đi. Mùi hôi thối từ những bao phế liệu xông lên nồng nặc, những con chó đứng vây quanh đang muốn chồm vào một cái bao nào đó tha chạy.

Một con cún đã vô được một bao, cong đuôi té chạy. Tiếng người la lối:

– Bắt nó, bao ni lông lượ...

Lụa là tên gọi thứ bao ni lông có màu trắng tinh mềm nhuyễn, loại Một. Anh phó giám đốc điều hành găm lên:

– Bắt ló đập chết ngon, à thằng lão đập được tao cho nuôn xác ló, nhớ để cho tao miếng chả chìa... ờ thằng Lam hả, tao cho mày nằm nính bảo vệ, chiến đấu với mấy con chó.

Tiếng con chó kêu đến «đắng» một cái, nhả cái bao ni lông đựng phân, giã lên tê tê... Kẻ đập được con chó chính là thằng Nam, người lòng săn trộm, hàng xóm nhà tôi. Phân vãi tung toé, thối hoảng, còn cái bao ni lông được lấy lại.

Anh phó giám đốc điều hành cố vẽ hài lòng:

– Nằm thế nà đúng, không để thất thoát nguyên vật liệu của cơ sở. Phải giết

chết, phải ăn thịt những con chó tham
những.

Những cục phân té đổ vung vãi được
đám chó ăn cướp dọn đến loáng là xong.
Một anh ngựa miêng nói không nghĩ
trước nghĩ sau với đám chó đang tranh
ăn:

– Ổ lệ lên tụi bay, ông phó giám đốc
biết lại một bữa giờ.

Anh phó giám đốc ngồi ghéch chân
lên chiếc xe Honda tân trang. Nhảy cảm,
ra hòng liền:

– Ê thằng kia, nói gì vậy? Tao mà đi
ăn tranh cướp với chó à?

– Tôi có nói gì đâu, tại anh nghĩ như
thế.

– Tao cho mày nghỉ việc.

– Làm thì làm, mà nghỉ thì nghỉ, trả tiền thuê cho tôi đi.

– Mày muốn vậy hả, dễ thôi. Mày đừng tưởng mày nà công nhân viên, mày nà cu ni, tất cả đều nà cu ni, thứ không có biên chế. Đừng lói chuyện luật pháp với tao, tao nà luật mà luật nà tao. Truyền đời cho chúng bay biết, ông đi tù bắc chí lam đã từng nằm ông nớn. Thằng lão, con lão không muốn nằm lửa thì nghỉ. Không có luật nao động bồi thường cho bất cứ đứa lão. Có nằm thì có ăn. Không kỷ luật thép với chúng mày thì không xong.

Tôi biết tôi đang sống ở đâu, đang làm gì, tôi cầm hợng suốt một con giáp, mười hai năm trời. Tôi vầy vò những chiếc bọc ni lông thuộc loại hàng “hắc quấy”. Tôi thuộc tên hàng như cháo, như những tay chuyên nghiệp. Những bao ni

lông phế liệu được tái sinh và tôi cũng được xào nấu tái sinh nhiều lần.

Tôi về đến nhà người mệt nhoài, buổi chợ chiều muộn mằn, đồ ăn mua được đều là thứ ế ẩm, mà cũng chẳng có gì giá trị vì số tiền tôi kiếm được trong suốt một ngày làm việc cật lực chẳng đáng là bao, gạo cho hai người ăn, đồ ăn thì kh-iêm nhượng miễn là mận miệng để nuốt trôi cơm. Tôi muốn làm thêm “ca” đêm, là đi giặt bao ni lông thuê, nhưng vợ tôi cản:

– Thôi anh, hồi này anh yếu lắm rồi, anh lại húng hắng ho, coi chừng anh nhiễm ho lao, đám phế liệu bẩn thủ như thể anh hít ngửi cả ngày... Có được hai bữa cơm là quý rồi, buổi sáng anh cũng có được ly cà phê, nắm xôi, liều thuốc. Mình sống qua ngày chớ có làm giàu làm có gì đâu.

– Mình còn phải lo cái giường, em cũng cần tí thịt cá bồi dưỡng cho cái thai.

– Biết rồi, không can gì đâu, hồi này em ăn được, đồ ăn chẳng có gì mà em ăn tới gần ba chén cơm đấy. Còn tiền mua cái giường anh Nhã đã hứa cho mượn.

– Mượn thì cũng phải trả, dù là bạn bè...

Đang nói đến bạn thì anh Nhã đến. Tôi cười nói:

– Bạn linh thế, tôi biết bạn đến đúng hẹn mà.

Anh Nhã cười, ngồi ghé xuống một góc đầu giường, đặt xị rượu xuống, rượu trắng và một cái ly con con, chúng tôi thường uống "xây tua", nghĩa là người này uống cạn giao ly cho người kia xoay vòng.

Cuộc uống “xây tua” đều đặn thì phần mỗi người là tám ly con đủ sừng sừng, không hẳn say mà cũng không đủ tỉnh táo. Nhưng cũng dễ quên buồn. Nhả rót rượu, anh mời tôi uống trước:

– Rượu đế nếp Bà Bống Gò Đen đấy, nước nhất nhé. Uống say êm lắm, không nhức đầu, tôi đặt nó từ Gò Đen Long An đó, hôm nay nó mới mang lên. Một can hai mươi lít, quý lắm nên tôi phải lấy luôn để dành uống. Xì này tôi mang tới cho bạn uống, tôi chỉ nhâm nhi chút chút với bạn cho vui thôi, ô quên mất rồi, tôi không mang theo tí đồ mỗi nào.

– Có đấy, tôi còn mấy miếng thịt Tam Tạng.

– Thịt Tam Tạng?

Tôi mang ra món tàu hủ kho tương, hai đôi dưa, giải thích:

– Tôi gọi món tàu hủ kho này là thịt Tam Tạng cho sang. Vì thịt cá dị ứng với khẩu vị vợ chồng tôi từ lâu rồi. Hai vợ chồng tôi lại có bệnh viêm màng túi, nên phải kiêng kỵ kỹ lưỡng, nhiều hôm chúng tôi hạt muối cắn đôi, phòng bệnh hơn chữa bệnh. Thầy thuốc dặn thế.

Tôi uống rượu và lòng cảm thấy hưng phấn, vợ chồng tôi sẽ có một cái giường. Có thể sau xì rượu này tôi sẽ hùng dũng lên đập cửa má Bảy đang ở nhà trên trả tiền. Cái giường thuộc về tôi, tôi thuộc về cái giường, cái giường sẽ là thành viên thân thiết của gia đình tôi. Nó sẽ là một đồ vật yêu quý như con chó, con mèo trong một gia đình. Ngược lại, tôi phải săn sóc nó, khi nó long đĩnh tôi đóng lại, nước véc-ni tróc nham nhờ tôi sẽ mua hộp sơn sơn lại cho sáng sủa. Lúc tôi đang hứng khởi như vậy, đang

mơ mộng như bản chất tôi thì anh bạn bèn “pạc-xơ-cờ...” Lý do anh chưa cho tôi mượn được số tiền tôi yêu cầu để mua lại cái giường. Một thoáng sửng sờ, nhưng rồi tôi giữ được bình tĩnh ngay nghe anh nói:

– Đến hẹn rồi mà đồ ngoại quốc của tôi chưa về tới. Thế có kệt không chú, hôm nay còn mấy ngàn, cái thằng bán rượu Gò Đen lại mang lên, tôi trả hết cho nó rồi. Đúng cái rượu bạn vừa uống đó, ngon như thế mà mình không mua thì uống. Tôi hứa với bạn tôi nhớ chú, hay là bạn xoay tạm ở đâu, rồi tôi sẽ đưa bạn sau vậy Tôi hỏi bà già thì không tiện, vì mẹ con tôi mới có chuyện xích mích, mà hỏi bà xã tôi lại không tiện nữa vì vốn buôn bán của bà. Bạn biết bản thân tôi có làm gì ra tiền đâu. Này, bạn có thể nói với bà chủ nhà thuê được không?

Tôi đặt ly rượu xuống:

– Chắc chắn là không rồi, tôi cũng chẳng xoay được ở đâu hết. Tôi chỉ biết xoay đằng trước ra đằng sau thôi. Nhưng thôi, bạn đừng quan tâm đến chuyện đó nữa. Đối với tôi là chuyện lớn nhưng đã là chuyện nhỏ rồi. Trước đây chúng tôi từng nằm đất, đừng vì chuyện ấy mà sút mẻ tình bạn.

Tôi vốn là kẻ nông nổi, không ngờ tôi lại ăn nói bình tĩnh như thế. Nhìn vợ, tôi thấy nàng cũng rất bình tĩnh. Nàng đã rửa xong mớ bát đĩa, đang xếp vào rổ trên cái kệ đã chiến do tôi đóng. Xì rượu ngon tôi không uống hết, đẩy nút lại đưa bạn tôi mang về. Tôi tự đo lường được thân phận mình.

Tôi tiễn bạn ra về, hình như trời đang về khuya. Chốn ngoại thành này vắng vẻ.

Hương lộ 14 ai đóng lên ở ngã ba đường cái tên mới đường Âu Cơ, tổ tiên dân tộc tôi, tôi nhìn mờ mờ thấy dưới ánh điện vàng. Tôi trở về ngôi nhà chuồng heo. Vợ tôi đã lên giường nằm, mừng đã buông, cái mừng vá chằng vá đụp màu cháo lòng. Tôi cài cửa tắt đèn, chui vào mừng. Bóng tối âm u, ngoài mừng muỗi reo vo vo, ngoài trời gió nổi. Có một con cá tra nào đó quậy trong ao. Mái tôn hở, tôi nhìn thấy một ngôi sao đơn độc trong trời đêm. Thốt nhiên thở dài.

Vợ tôi nắm tay tôi:

– Đừng buồn anh, em chịu đựng được mà. Người ta nắm kẻ có tóc chứ ai nắm kẻ trọc đầu.

– Đừng nói thế thêm mịch lòng.

Tôi đặt tay lên cái bụng lúp xúp của

vợ. Bé đang cựa quậy, nhưng sao yếu quá. Tôi im lặng trong đêm. Ngôi sao ở khe hở mái tôn hồi nãy đã di chuyển theo vòng quay trái đất. Tôi không nhìn thấy nữa. Con đế mèn ngoài đầu hè cất tiếng gáy hòa nhập với nhiều âm thanh côn trùng khác. Cái giường ngày mai hết hạn cho mượn.

Lồng ngực tôi nặng nề, tôi bật lên tiếng ho.

* * *

Sáng sớm tinh mơ tôi đã mò ra quán cà phê bà Ba Đít Láng ở chợ Tân Phú. Quán cà phê bình dân không trưng bảng hiệu mà lại mang cái tên tục tĩu như thế. Nhất định là cái tên của bọn giang hồ, quân khố rách áo ôm đặt cho, nhưng

nguyên do tôi vẫn chẳng rõ vì sao. Quán đông khách như được quỷ thần phù hộ trong khi cà phê bắp rang, pha túi dở ồm. Tôi mua một cái dầu cháo quẩy vừa uống cà phê vừa nhai. Đúng ra chẳng ngon lành no nê gì mà chỉ đỡ buồn miệng, có cảm tưởng mình có lương thực, đang nhai nuốt nó. Như kẻ sắp chết đói nhai cỏ, rễ cây, đánh lừa cái dạ dày khốn khổ của mình.

Tôi thắc mắc về tên quán cà phê, nhưng rồi cũng biết. Chẳng phải hỏi ai, cứ nghe khách giang hồ nói chuyện với nhau rồi khắc biết thôi.

Bà chủ quán góa chồng, sống với hai cô con gái đã đỡ dần được mẹ. Bà tuy hơi đứng tuổi nhưng vẫn còn nét mặn mà, là niềm mơ ước của nhiều tay chơi tỉnh lẻ, những mong làm nên chuyện “rổ rá cạp

lại”. Nhưng lâu rồi, niềm mơ ước ấy vẫn chưa được đáp ứng dù lời ong bướm rập rình quanh người thiếu phụ tuổi đời đang ở độ "ngon lành". Thể hình tròn trịa, nụ cười tươi hết cỡ như đóa hoa mãn khai lấn lướt cả hai đóa hoa hàm tiếu của hai đứa con gái. Bà Ba không se sua chưng diện, tứ thời cái áo bà ba cổ tròn màu xanh, màu tím, màu mỡ gà hoặc màu trắng thắt eo hông ôm lấy cái quần đen vải Mỹ A láng bóng, tròn vo, mượt mà khiến nhiều tay hảo ngọt vùng Tân Phú phải hít hà thèm muốn. Một tay chơi hết thời, nửa đời lỡ, giờ làm nghề nhật bọc ni lông thấy chịu không đựng, nhân buổi uống cà phê sáng, do bạn bè thách thức và cũng muốn bày tỏ tình cảm bằng thái độ bạo dạn, anh ta “soạng” bậy “cái chảo” láng mượt của bà. Bà chửi, suýt đánh. Công an bèn tóm lên phường bắt làm kiểm điểm rồi đưa đi giáo dục qua lao

động hết ba tháng trời. Tên quán cà phê bà Ba Đít Láng có từ đó.

Quán ngày một phát triển, đông khách, bà Ba Đít Láng không có tình thì cũng có nghĩa. Bà có một dịp lên thăm người khách hàng bị đi học tập vì bà, đồ tiếp tế hậu hĩnh, không quên một bình cà phê biểu bạn. Như một lời hứa hẹn, nhờ anh ấy mới có tên quán mà ai cũng biết, đông khách. Cuộc tình, nếu có thể gọi như thế, dừng lại ở đó hay đi đến đâu tôi không biết. Nhưng người khách hàng “tội lỗi” xưa cũng có trở lại và được uống cà phê miễn phí. Lại được bà Ba Đít Láng sai vặt, còn hai cô con gái thì lườm nguýt, dẫu mở ra cười:

– Chú tưởng đã làm được dưỡng tôi mà lên mặt. Uống cà phê thí mà còn đòi cà phê sữa, coi có được không?

Bà Ba Đít Láng khóa cửa động đào hay mở có Trời biết. Tất cả đều bù trật trong cái ồn ào của buổi sáng quán cà phê bình dân đông khách.

Tôi cảm cùi lao động xé bọc ni lông cho tổ hợp phế liệu Thành Công của Thị Ngọc Tũn hy vọng vay mượn được tiền, trừ lương mỗi ngày có tính lời để mua lại cái giường. ầu đó cũng là niềm vui, tặng phẩm sinh nhật cho vợ. Tôi chưa vô tích sự. Hai ngày nữa thôi, tôi sẽ cầm được số tiền “lớn “ ấy, khi bà chủ đã đủ tin cậy ở tôi. Cái giường sẽ thuộc về gia đình tôi. Tôi hưng phấn, tay nghề mỗi lúc một cao, xé đến loáng đã được cả kí bọc ni lông, bất kể dơ bẩn. Thấy kệ những cơn ho rũ rượi làm mềm cả thân xác.

Phiên chợ chiều muộn màng, chợ chẳng còn gì, không lẽ bắt vợ ăn hoài cái món thịt Tam Tạng, nàng sẽ là người đi

mất, và cái bào thai, con tôi sẽ yếu không giấy đập nữa thì khốn, nó bị suy dinh dưỡng khi còn nằm trong bụng mẹ.

Tôi vào quán cơm bình dân mua ít thịt kho, cái trứng vịt kho và chén canh khổ qua nhồi thịt. Tất cả được đựng vào bao ni lông mà nhà hàng cho là bao sạch. Tôi chấp nhận, lom khom xách đồ ăn về cho vợ trong niềm hạnh phúc tràn trề. Canh khổ qua mát, miếng thịt, trứng kho nước dừa khiến gia đình tôi ngon miệng, con tôi tha hồ giấy đập trong bụng mẹ nó.

Không biết phải gọi là hồi sinh hay tái sinh cho đúng. Thầy kệ sao cũng được ăn mừng cái giường, cũ người mà mới ta.

Tôi bước chân vào nhà trong niềm hưng phấn, nhưng buồn ngay khi thấy

nàng, vợ tôi ngồi bệt dưới đất. Nàng ngồi trên tấm chiếu rách. Tôi kêu lên:

– Sao lại thế này?

– Người thuê nhà cũ đã đến chuộc lại cái giường mất rồi.

– Kỳ vậy, anh đã khất với bà Bảy...

Vợ tôi thở dài đến thượt một cái:

– Ai biết được, đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn.

– Để anh lên nói chuyện với bà Bảy.

– Kệ anh, nhưng em biết chẳng ăn thua gì đâu.

– Anh nói gì thì cứ nói, coi chừng bị búng ra khỏi nhà, mình sẽ mất an toàn. Có người đến đòi thuê căn nhà này giá cao hơn đấy. Lại có đặt cọc, mình ganh nổi với họ không? Anh liệu lời mà nói.

Mẹ kiếp, lại còn thế nữa. Nhưng tôi vẫn nói để vợ an lòng:

– Anh biết, anh tin ở cách ăn nói của mình. Đại tá Bảy Ứng chẳng từng khen anh là người ăn nói có văn hóa đó sao. Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Vợ tôi đang buồn cũng phải bật phì cười, cái răng khểnh mới duyên làm sao, hớp hồn tôi:

– Anh chỉ được cái vậy, ai bơm vào cho cứ tưởng thật. Thôi em sửa soạn cơm, a hôm nay cơm có thịt, có canh, có trứng. Sao mà sang quá vậy? Lẹ lên rồi về ăn nghe.

Tôi lên gặp bà Bảy. Bà đang ngồi xĩa trâu thuốc dưới ánh đèn điện từ cái bóng máng trên bình ắc quy. Thấy tôi, bà hỏi ngay:

– Mày lên tao về vụ cái giường, phải không?

– Dạ đúng vậy, má Bảy đã hứa...

Bà Bảy nhổ một miếng cát trâu vào cái lon sữa bò:

– Tao đã gia hạn cho mày, người ta đến chuộc, tao làm sao được.

– Hai ngày nữa tôi đủ tiền mà.

Bà Bảy nhìn nhanh tôi:

– Tao biết, nhưng không làm sao được, người thuê nhà cũ cũng nghèo như mày vậy. Tao không đành, giúp đứa này bỏ đứa kia. Cứ công bình mà làm. Tao là người có đạo đức cách mạng.

Bà Bảy nhìn lên bức chân dung vẽ truyền thần của chồng là đại tá Bảy Ung, đủ cả cân đai mũ măng.

Bà vững lòng tin truyền sang cả tôi phải nghĩ là nền đạo đức của bà đúng, rất đúng.

– Tao nói vậy, phải không mày?

Tôi mềm lòng gật đầu:

– Dạ phải, chỉ mong má Bảy giúp cho vợ chồng tôi một việc khác.

– Khất tiền nhà phải không?

– Dạ không, một chuyện khác.

– Cú “trình bày” hợp lý tao chấp nhận.

– Vợ tôi có thai, nằm đất thì hại sức khỏe quá...

– Ờ ờ, cũng đúng, vậy thì mày mang một cái giường khác về mà nằm.

– Cái giường tre cũng mắc, tôi không

đủ tiền mua, đồ cũ họ cũng nói trời thần lắm.

– Vậy hả, mà tính sao?

Thấy tôi liếc nhìn cái giường nhỏ ở góc nhà, bà Bảy giấy lên:

– Không được đâu, cái giường ấy tao không bỏ không, của con tao đấy. Nó đi bộ đội chiến đấu ở phía Tây Nam tổ quốc, chống Khờ Me đỏ, lâu lâu nó về nó phải có giường nằm nghỉ ngơi. Mà biết nó cũng là sĩ quan ở binh đoàn Cửu Long, con dòng cháu giống.

Tôi cười:

– Dạ không phải, tôi không mượn giường, mà cũng không mua lại nữa.

Đến lượt má Bảy ngạc nhiên:

– Vậy là cái gì? Nói rõ ra nào!

– Muốn xin má Bảy cho đóng xuống sàn bốn cái cọc, tôi đi tìm ván cốt pha về làm mặt, kê làm giường cách mặt đất cho đỡ ẩm thấp.

Bà Bảy rơ miếng thuốc xỉa trên hàm răng có dính quết trầu màu đỏ, móc miếng thuốc lên môi thành một cục to bằng trái tắc. Suy nghĩ một lát rồi lắc:

– Cũng không ổn, mày biết sàn chuồng heo tao đổ bê tông, mày đào bới tầy quấy ra, hư nền nhà tao. Mai mốt tao nuôi heo, heo phải nằm sàn, ỉa đái tùm lum. Chớ heo có nằm giường bao giờ. Cái giường của mày cố định ở đó coi sao được. Tao bác ý kiến «ngôn cuồng» của mày. Tao thiệt hại quá, ông chồng đại tá nhà tao rầy la tao. Thấy cũng thương, mà tao biết làm sao được.

Tôi thua, năn nỉ vô ích với một người

có đạo đức cách mạng như bà Bảy, được huấn luyện cứng như thép.

Tôi lui về chốn chuồng heo. Tôi nghĩ đến câu chuyện đại tá Bảy ứng nói với tôi, ngày ông và đồng đội «xẻ dọc Trường Sơn», nằm bờ nằm bụi để có ngày hôm nay. Giải phóng cho nửa phần đất nước, thống nhất đất nước. Các vị ấy gian khổ biết bao nhiêu. Sự đau khổ của vợ chồng tôi có nhằm nhò gì. Ba cái lẻ tẻ. Cần phải lấy đó mà làm gương.

Đêm hôm ấy ngủ đất, nằm lạnh lũng nên tôi ho hơi nhiều, vợ tôi cũng ho và trần trở không ngủ được, cái cống thoát nước trên đầu nằm chảy róc rách, muỗi bay vo vo góp sức phá thêm giấc ngủ chập chờn... Tôi biết rằng miếng ni lông mỏng rách trải dưới cái chiếu rách không ngăn nổi khí lạnh dưới nền sàn, nếu có miếng dày hơn? Nhưng làm sao được.

Tôi nằm tính toán thâu đêm. Tôi không kêu trời mà chỉ hiểu thấu thêm câu nằm gai nếm mật, hiểu giá trị anh hùng của những người xẻ dọc Trường Sơn. Đẹp để biết bao, hào hùng biết bao! Con ngựa chường trong người tôi muốn lồng lên phi nước đại. Buổi sáng hôm sau tôi đi làm sớm, uống vôi ly cà phê đen nhỏ ở quán cà phê bà Ba Đít Láng. Tôi đến cơ sở gặp bà chủ:

- Tôi xin rút lại lời xin mượn tiền bà.
- Vậy hả? Có món khác rồi chẳng?
- Không, thứ tôi định mượn tiền bà để mua, người ta bán mất rồi.
- Chú mua món gì vậy?

Tôi không thể giấu được bà chủ, tình thật kể lể câu chuyện cái giường cũng là câu chuyện giải tỏa ẩn ức. Bà chủ vừa ve

chai của tôi tỏ ra thông cảm và nhân hậu. Luôn miệng nói «thế à» và câu «tội nhỉ».

Cuối cùng bà nói:

– Tiếc rằng nhà tôi không có dư cái giường nào, chớ không, tôi cho chú mượn. Mình cùng cảnh nghèo với nhau dễ thông cảm. Được thôi, nếu thấy, tôi sẽ mua giùm chú, một cái cũ cũ cũng được chớ gì. Hồi trước thiếu gì, tôi phải chẻ làm củi, nay lại không thấy nữa.

Tôi nghĩ bụng tôi cần ngay hôm nay, chứ chuyện mai sau thì nói làm gì. Tôi hùng hục làm việc, đến chiều trời bớt nắng, tôi được cắt ra thu gom bao ni lông phơi ngoài ruộng mang về cất trong kho. Bao ni lông khô ran vì hôm nay trời nắng và nóng đến 39 độ, tôi loáng thoáng nghe đài phát thanh nói thế khi đang ngồi xé bọc ni lông, mồ hôi chảy ròng ròng. Thế

mà vẫn có cả trăm người lui cui trên bãi rác đổ nắng lửa, phơi lưng với trời, gục mặt trên đất, bãi rác lúc nào cũng như chực bốc cháy. Những con người như đám thiêu thân. Những đôi mắt trẻ thơ nguyên xanh trong, dưới cái nắng gay gắt đó biến màu đỏ, màu vàng như mắt khỉ, mớ tóc rối chuyển sang màu rơm rạ. Bao nhiêu con người lang thang kiếm ăn như bầy chó hoang. Tôi thương cho họ, chính là thương tôi, tôi cũng đang ở hoàn cảnh đó. Tôi mơ ước một ngày nào đó được nói lên cảnh này, nhưng không vì vậy mà hận thù ai cả. Một tinh thần rất Việt Nam, thụ động mà không thụ động: Ngồi buồn mà trách ông xanh, khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười.

Trời tắt nắng, tôi thu gom được hết bao ni lông phơi đóng bao, thồ lên xe đạp chở về kho. Có thể ngay tối nay có người

sẽ phân loại, một bộ phận khác phân loại rồi chở đi nhà máy tái sinh qui tụ ở quận 5 tức vùng Chợ Lớn. Những đồng bào người Hoa cần cù chịu khó làm ông chủ lớn, đón gió. Có tổ chức nhịp nhàng như trong cỗ máy hay một tổ kiến. Tôi nhìn thấy cái vĩ đại trong hoạt cảnh xã hội, tôi ghi nhận như người quay phim ghi nhận những thước phim tư liệu. Tôi xỏ tung mớ ni lông, đặt lên bàn cân tạ có trù bì. Tôi khám phá ra những bao ni lông thật to rộng, mỗi cái phải to bằng cái chiếu con, dài cỡ hai thước, ngang cũng tám mươi phân, ni lông khá dày. Có thể người ta dùng để bọc một cỗ máy gì chẳng, nay là dạng phế liệu, đã được giặt sạch, phơi khô. Tôi nở nụ cười.

Thực tế tôi đang nghĩ đến một cái giường vừa hẫng hụt khỏi niềm mơ ước. Bây giờ tôi phải lột ổ để nằm, tấm ni lông

mỏng rách lót dưới một cái chiếu rách không thể ngăn khỏi chướng khí ẩm thấp chốn chuồng heo. Tôi cần một cái ổ lành lặn, dầu cho là tạm thời thay cho cái giường. Sáng kiến lóe trong đầu tôi nhưng tôi phải thực thà, tôi tới chị chủ vừa:

– Tôi cần hai miếng ni lông lớn kia, bà có thể để lại cho tôi giá đặc biệt được không?

Chị chủ vừa ve chai nhú mắt nhìn hai tấm ni lông tôi đã nhặt ra. Sau một phút suy nghĩ căn môi thoa son đỏ loét hình trái tim, chị gật gật:

– Cần dùng có công chuyện hả, được thôi.

– Bà chủ cho biết bao nhiêu tiền, tôi cân cả hai tấm được hai kí tư, dạng ni lông lụa đây.

Tất cả đều có giá của nó và đã phân loại, tôi nói theo đúng kinh nghiệm của kẻ trong nghề.

Bà chủ lại nhúu mắt, ghéch một chân lên ghế. Tôi nhìn thấy những móng chân sơn màu tím xẫm. Nhưng gót chân thì vẫn nứt nẻ dài, đen xì, chứng tỏ bà có một thời cực nhọc từng lang thang trên những bãi rác. Sự lao động của bà được đền đáp mang đến vinh quang. Bà cắn môi rồi nở nụ cười, kiểu nụ cười của một ngôi sao, trong làng cải lương hay tài tử nữ phim ảnh Hồng Kông:

– Được thôi, nhưng chú thì tôi không bán mà tôi biểu chú đấy. Chú đảng hoàng, lương thiện, lại biết chữ, chồng tôi nói thế. Vì hoàn cảnh chú phải làm nghề này.

Tôi ngạc nhiên, nhưng cũng phải cảm ơn một người có lòng tốt, có con

mất tinh đời. Họ biết gì về mình, khi tôi đã ngụy trang, đã ẩn mình, giấu tung tích như một kẻ tội phạm đang bị truy nã. Khi tôi không có một tội gì, tôi chỉ muốn không ai biết đến tôi, không ai nhớ ra tôi thôi.

– Tôi chỉ biết đọc biết viết!

– Không đâu, chồng tôi biết rõ chú mà, thôi được ngày mai chú làm lại sổ sách giùm tôi thật rõ ràng. Cái thằng thư ký của tôi nó mới học đến lớp ba, sổ sách làm teng beng, nhầm lẫn thất thoát bao nhiêu tiền bạc.

– Còn công việc xé bọc?

– Sẽ có người khác làm thay chú. Cháu nâng đỡ chú lên địa vị cao hơn, người tài mà, chồng cháu nói quyết không bỏ sót nhân tài.

Tôi để ý thấy cô chủ xưng cháu với tôi. Tôi có được bơm lên không. Cô ta như một nữ hoàng tự hạ mình xuống đám tiện dân, hết một tên nâng lên hàng kẻ sĩ. Cuộc đời có lắm chuyện bất ngờ. Như trước đây ba mươi năm, tôi đang làm cu li bên kho 5 Khánh Hội được chủ bầu bốc lên làm cai cu li rồi lên địa vị cao hơn nữa. Rồi tôi trở thành nhà văn nhà báo trong những sự bất ngờ. Lại là chuyện hạ hồi phân giải.

Tôi cảm ơn cô chủ, ôm hai tấm ni lông về nhà, không quên hứa sáng mai sẽ trở lại cùng anh thư ký coi việc sổ sách cũ. Tôi chỉ muốn giúp anh ta thôi chứ không có ý tranh việc.

Tôi về nhà, vứt đi tấm ni lông rách ở dưới, trải lên hai tấm ni lông mới, lành lặn, cái bao có hai lớp. Tôi giải tấm chiếu

rách lên là có một cái ổ khá xinh xắn. Tôi nói với vợ:

– Thôi cũng được, anh sẽ mua một cái chiếu mới lành lặn, trước khi mua cái giường.

Từ nãy vợ tôi không nói gì, nàng quan sát tôi như con chim mái quan sát con chim trống làm tổ. Lòng tôi thấy vui vui. Vợ tôi nói:

– Sao hôm nay anh vui thế?

– Anh sẽ kể cho em nghe tối nay, khi ngủ giường mới.

– Cái ổ mới mới đúng.

– Cái tổ chim bồ câu được không?

– Khỉ ơ! là khỉ!

Căn nhà nhỏ của tôi vang tiếng cười.
Có phải hạnh phúc đó không? Chỉ vợ
chồng tôi biết với nhau.

Ngoài sân tôi nghe tiếng bà Bảy Ưng
xoe xoe chửi vợ chồng thằng Nam ở
chuồng heo cùng dấy:

– Mày thiệt tệ, ăn cắp ăn trộm quanh
hàng xóm láng giềng, giờ có con gà mái
để nhà tao mày cũng câu luôn, lông gà
còn đây mày chối cãi cái gì. Bao nhiêu
lần mày ăn cắp trứng, lười trộm cá tra
của tao, tao thương hại không nói đến,
chớ tao không đui. Nhà tao không chứa
quân ăn trộm ăn cắp. Tao muốn bay ra
khỏi nhà tao, càng sớm càng tốt, tao thí
luôn cho số tiền nhà vợ chồng bay còn
thiếu tao...

Tiếng con vợ thằng Nam năn nỉ:

– Má tội nghiệp cho vợ chồng con, vì hoàn cảnh mà phải vậy thôi, chớ trước đây chúng con cũng sống trong nhà cao cửa rộng vậy. Anh ấy đi học tập cải tạo về...

– Câm ngay, chúng mày nói láo, chẳng phải ông nọ bà kia gì ở chế độ cũ được đi học tập cải tạo mà là đôi vợ chồng lưu manh chuyên nghiệp trộm cắp vặt bị tù nên mới có tư cách ấy. Tao không đui, vợ chồng mày đâu phải như vợ chồng nhà người ta.

Con vợ thằng Nam oé lên, tôi nghe giọng điệu nó chĩa sang vợ chồng tôi nói xiên nói xỏ. Tiếng thằng Nam ồm ồm:

– Thôi bà ơi, bà đừng nói đụng chạm đến danh dự tôi. Bà khen đứa này chê đứa kia. Tôi lưu manh nhưng cũng không lưu manh bằng kẻ khác sống ở đây. Tôi chỉ

bần cùng sinh đạo tặc. Có sao đâu, đòi mà... Cái nhà bà cho thuê là cái chuồng heo chớ là gì mà bấu giá thế.

Bà Bảy ứng tức cảnh hông, giọng bà gay gắt:

– Ngay sáng mai tụi bay đi khỏi đây, nếu không tao cho công an xức bay đi đồ ngoài bãi phế liệu.

– Xong ngay, bà đuổi hết chứ? Hay chỉ một gia đình tôi?

– Vợ chồng con cái mà thôi, người khác có tội tình gì.

Thằng Nam cười lên khăng khắc, có lẽ nó đang tu xị rượu để “nung chí anh hùng”.

– Tôi đi, nhưng kẻ khác đừng hòng ở đây để bà làm giàu. Tôi kiếm chuyện đó.

Tôi liếc nhìn vợ tôi như thăm hỏi. Vợ tôi nói:

- Kệ họ, mình chẳng dính gì đến họ.
- Dzăng miếng!
- Mình có làm gì đâu, ăn cắp ăn trộm của ai cái gì đâu.
- Ấy vậy mới dzăng miếng, bởi mình không là đồng bọn.

Tôi muốn nói đến cái ngược ngạo của cuộc đời. Nhưng thầy kệ, tôi mệt mỏi quá rồi. Tôi thêm một giấc ngủ hơn tất cả. Làm việc ban ngày ở nơi hôi thối không được nghỉ ngơi, đêm thường xuyên bị mất ngủ thì chết mất.

Tắm ni lông giải dưới chiếu quả nhiên đỡ ấm thấp. Tiếng gió thổi qua vách liếp nghe êm như lời ru.

Tôi thiếp đi không biết bao lâu.

* * *

– Thằng giặc kia, bước khỏi nhà tao ngay, mày hiểu rằng đàn ông đàn bà không quen biết nhau không thể ở chung một nhà, đừng nói chi nằm chung một giường. Cút xéo, biết điều thì cút xéo ngay...

Đúng là một người đàn bà trọng tuổi mà lạ hoắc đối với tôi. Mụ có son phấn mà mặt xanh nhợt nhạt như ma, đôi mắt quắc lên đồ lửa, lạnh lùng. Ừ, tôi đang ở trong một căn nhà lạ, nằm trên giường với người đàn bà lạ. Kỳ vậy, không biết tại sao nữa. Tôi chưa kịp giải thích thì mụ đàn bà hung dữ giương những móng tay nhọn hoắt lên cào mặt tôi. Tôi né tránh,

mụ vô hột nhưng mười móng nhọn cứ múa vèo vèo trước mặt tôi. Tôi hét lên...

– Anh! Anh! Tỉnh dậy, anh!

Tôi thở hào hển, đêm tối mò mò, một cơn ác mộng, chỉ là một cơn ác mộng. Vợ tôi đang ngồi bên cạnh lay gọi.

– Anh tỉnh rồi, tắt đèn lên.

Vợ tôi chui ra khỏi mùng thấp ngọn đèn dầu. Tôi hoang mang về cơn ác mộng, mồ hôi vã như tắm. Tôi hỗn hển nói:

– Ghê quá, một cơn ác mộng ghê quá.

Vợ tôi sờ trán tôi:

– Anh bình rồi, tại anh làm việc nhiều quá đấy mà, anh cần được nghỉ

ngôi. Đừng nghĩ ngợi lung tung. Anh la hét mà em bắt sợ.

Vợ tôi rót cho một hớp nước lạnh, thoa dầu rồi ép tôi ngủ. Nhưng không ngủ được, tôi cứ hoảng sợ. Cái đèn dầu để ngoài mùng rọi ánh sáng vàng vọt, mờ mờ. Tôi thao thức nghĩ hoài đến cơn ác mộng vừa rồi. Bây giờ đến lượt vợ tôi, có lẽ đã quá mệt nên ngủ say. Tôi nghe tiếng ngáy của nàng, rồi tiếng ú ớ. Nàng lại nói mê chẳng? Tôi cầm tay nàng bỏ xuống khỏi ngực, nàng xoay người nằm nghiêng. Rồi nàng giẫy đạp, nàng hét. Tôi ôm lấy nàng, nàng đánh vào mặt tôi bôm bốp. Rồi nàng hồi tỉnh, nhìn tôi kinh hãi:

– Ma, ma, anh ơi!

– Em ngủ mê, làm gì có ma.

– Thật đấy thật đấy, đúng là một con ma. Em không ngủ nữa đâu, cứ nhắm mắt lại là thấy nó.

Nàng kể cho tôi nghe cơn ác mộng. Một gã đàn ông lạ hoắc, kéo nàng, ép nàng nằm chung giường với hắn. Hắn than hắn cô đơn, đang cô đơn thì có người đến chung sống. Nàng phản kháng mãnh liệt. Khi nhìn kỹ thì thấy hắn là một con ma. Đúng là một con ma kinh khủng, hắn cứ nhất định đòi bắt nàng, nàng chống trả đánh đấm hắn túi bụi...

Tôi phì cười:

– Có thể con ma đó là anh!

– Nỡm, thế mà cũng đùa được, nhà này có ma.

Tôi suy nghĩ một lát:

– Nếu có ma thật thì đâu cũng có ma chứ riêng gì nhà này. Chúng ta đang sống trên mảnh đất lắm người mà cũng nhiều ma, mà thôi, không nói nữa, em lại sợ không ngủ được.

– Em không ngủ đâu, nằm canh cho anh ngủ.

– Anh cũng không ngủ được.

– Vậy thì mình nằm chờ sáng, anh chở em đi uống cà phê.

– Mình sẽ uống cà phê sữa, đã lâu lắm mình không uống cà phê sữa. Anh phải hút một điếu thuốc thơm. Em ăn tô hủ tít, chịu không?

– Ủ nhưng anh ăn gì?

– Gỏi xôi hay cái dầu cháo quẩy như mọi khi.

– Không chịu đâu, anh có ăn hủ tít thì em mới ăn, anh làm việc cực nhọc...

Tôi đặt tay lên bụng vợ:

– Tất cả dành cho con, nghĩ đến nó bất kỳ là trai hay gái, anh đều thương, đều muốn hy sinh cho nó. Em nhớ chỉ chúng ta là bố mẹ mới thương yêu nó thôi. Ngoài ra, xin lỗi anh không còn dám tin tưởng ai. Không ai thương chúng ta cả, nói chi thương nó, hài nhi vô tội này bị coi là nghiệt chướng.

– Anh thù hẳn đời sống đến thế sao?

– Không thù hẳn mà chỉ cảnh giác, chính đời sống này đã dạy anh như thế...

Chúng tôi chung sống với nhau, nhưng vì chuyện cơm áo ít có dịp tâm tình. Đêm nay nhân chuyện sợ ma, chúng tôi nói chuyện thâu đêm. Sáng

sớm tinh mơ, vợ chồng tôi trở dậy đã thấy bà Bảy Ung quét sân quèn quẹt. Bà nhìn vợ chồng tôi, hỏi:

– Sao chúng bay dậy sớm vậy?

Vợ tôi mau mắn:

– Chúng cháu ra chợ uống cà phê.

– Đêm qua tụi bay làm chi mà um sùm vậy, đánh lộn hả?

– Không có đâu...

Tao tối qua cũng không nói gì vợ chồng bay, chỉ vợ chồng thằng lưu manh kia phải bước khỏi nhà tao ngay ngày hôm nay. Vợ chồng bay đừng hiểu lầm, tao thương vợ chồng bay ít học mà hiền lành, không xạo sự. Giúp đỡ được tụi bay tao giúp liền, vợ chồng có điều gì không phải thì bảo nhau, đừng đánh lộn, nghe không...

– Dạ, tụi cháu không đánh lộn, tại đêm qua thấy ma nên cháu mới la.

– Ma hả, ủa tao sẽ cúng kiếng, oan hồn uống tử ở đây thiếu gì. Xưa kia nơi đây là bãi chiến trường mà. Ông Bảy nhà tao có đánh trận này, tao là giao liên.

Buổi chiều tôi trở về, vợ chồng thằng Nam hàng xóm đã dọn nhà đi. Vợ thằng Nam trút giận ngoặt sang gây lộn với vợ tôi. Nhưng chuyện cũng đã qua. Cái giống ti tiện hạ cấp ấy vẫn thế, chấp nhất làm chi. Tôi thấy lối vào nhà có treo một nhánh xương rồng, cửa lại dán một lá bùa nào đó viết vẽ lằng quằng. Vợ tôi hiểu thắc mắc của tôi, nàng giải thích:

– Má Bảy «ế m xì bùa» con ma đó. Bùa má lấy của thầy nào đó em không biết, anh đừng có bóc đi mà bả giận.

Tôi ừ ào cho qua chuyện. Cuộc sống yên ổn hơn khi bên cạnh tôi không còn gia đình hàng xóm ồn ào toàn những chuyện trộm cắp lừa đảo. Nhưng bù chú cũng vô ích, những con ma vẫn lộng hành. Tôi mất ngủ, người gầy dốc, tuy rằng công việc không đến nỗi nặng nhọc như lúc đầu. Tôi đi làm không cần phải mặc những quần áo xấu, rách. Tôi được cầm lại cây bút, không phải để viết văn, làm thơ mà để viết những con số trong sổ hàng. Nhưng cũng là cầm bút vậy. Địa vị tôi được nể vì, có người ve chai còn gọi bằng thầy.

Tôi huấn luyện cho cậu thư ký trình độ học vấn lớp ba đỡ nhâm lẫn hơn trong sổ sách. Thuở đó người có học vấn làm việc trong một cơ sở hiếm hoi như lá mùa thu.

Chuyện tôi được trọng dụng không có chi lạ. Giám đốc của tôi ký tên bằng cái gạch chéo chữ thập. Tôi làm giùm cho họ những đơn từ gửi nơi này nơi kia, lại «có tài điều khiển nổi cái máy chữ cũ rích hiệu Remington, những đơn từ trở nên trang trọng hơn, có mộc xanh mộc đỏ mang tên cơ sở, tên giám đốc Ngọc Tũn. Như vậy làm gì mà tôi không được trọng dụng, ở xứ mù thàng chột làm vua. Đúng là trường hợp của tôi.

Những con ma vẫn quấy phá gia đình nhỏ bé của tôi. Tôi không tin chuyện ma quỷ mà buộc phải tin, thầy kệ bà Bảy Ứng cúng kiếng cho vợ tôi, vì nàng ngã bệnh mà bà già trâu Bảy Ứng nói là bị ma làm. Nhưng tôi vẫn phải cho nàng uống thuốc hàng ngày. Tiền bạc kiếm được đổ vào thuốc và những bữa ăn có thêm chất lượng, nên vẫn chưa mua được cái

giường cho ra hồn. Cái giường bây giờ là những tấm ván kê lên mấy viên gạch cách mặt sàn xi măng mười phân, hai tấm ni lông dày ngăn cách hơi ẩm thấp, cái chiếu mới. Như vậy cũng tạm ổn rồi.

Ông bà chủ tỏ ra biết điều và trọng dụng tôi, giao tôi điều hành hầu hết công việc trong cơ sở, trừ công việc mua bán và sử dụng người. Tôi không thể hiểu được cái lắt léo mảnh mung trong công việc, kể cả việc đi mua bán đồ phế liệu có tôi được đi theo. ông bà chủ dự tính thành lập hẳn một nhà máy tái sinh đồ phế liệu. Cho đến một ngày, vợ chồng ông bà chủ đề nghị tôi mở một lớp bồi dưỡng văn hóa cho riêng hai vợ chồng... Tôi cũng đành chấp nhận, vì tôi có thêm thu nhập. Nhưng sao tôi vẫn chán công việc ấy, chán những tiếp xúc hàng ngày đầy những mảnh mung. Đôi khi những

quyết định của tôi làm méch lòng chủ.

Muốn thêm một người, hoặc sa thải một người... ông phó giám đốc điều hành gay gắt:

– Chú nên hiểu rằng đây là cơ sở làm ăn, không phải viện tế bần, mình không nên giúp ai hết vì lòng nhân đạo.

Thực tế là thế tôi phải nhận sự sai trái.

Vợ tôi bị ma làm nên ốm đau quặt quẹo hoài, ốm đau như giả vờ... Tôi buộc phải tin rằng trên đời có ma hiện hình hay ở trong những cơn ác mộng để dọa người. Nạn nhân của ma toàn là những con người hiền lành, yếu đuối hay hết thời như... tôi chẳng hạn. Những con ma đều có tư cách hèn hạ như nhau, nhưng nguy hiểm vô cùng. Nguy hiểm ở điểm đó.

Sửa soạn cho một đời sống văn minh, một cuộc đổi mới nào đó sau ngày chiến thắng. Thành phố được giải phóng phải giàu đẹp gấp mười ngày xưa. Con người ở đó phải sống văn minh hơn để theo kịp đà tiến bộ của thế giới, của nhân loại. Tôi đứng lại tức là tôi tụt lùi. Con người tiến bộ là con người biết bỏ thuốc lào hút sang thuốc lá, thuốc có cán (đầu lọc) mang mác ngoại quốc càng tốt. Biết bỏ dép râu, mũ cối để đi dép sa bô da, tiến tới đi giầy, đội mũ giô kê hoặc mũ phớt. Phụ nữ phải biết bỏ áo bà ba để mặc đầm, bỏ khăn rằn đội đầu để làm tóc kiểu cọ, biết trang điểm son phấn. Tất cả những thứ cũ kỹ xưa kia đều nên chui vào tủ kính ở viện bảo tàng lịch sử, nhà truyền thống.

Một ngày nào đó ai muốn biết phải giở tư liệu lịch sử ra tham khảo hoặc nghe hướng dẫn viên thuyết minh. Tôi vẫn tin như thế và có những suy nghĩ lắm cảm. Vì nhìn đà tiến bộ quay đến chóng mặt. Đối với thế giới chẳng nhằm nhỏ gì, nhưng với đất nước này thì đã ghê gớm lắm. Dập dình chuyện đổi mới, có thể đổi mới luôn tư duy. Nhưng tôi thấy vẫn còn nhiều khó khăn lắm, vì ở các cơ quan, các công sở vẫn còn những người dân thấp cổ bé miệng khi muốn xin xỏ một điều gì trên mặt giấy tờ, tay vẫn lo le điếu thuốc có cán hiến dâng lên vị cán bộ để cán bộ thông cảm. Kẻ tự coi là nhỏ bé làm việc nhỏ, các ông lớn thì làm việc lớn, muốn làm ăn phải biết chi đẹp, nơi bàn chuyện là cửa hàng bia có ôm để nói chuyện phải quấy. Tôi nghe ông bà chủ tôi nói vậy.

Tôi an phận thủ thường, tuyệt chẳng nghĩ đến chuyện bon chen. Hiện như chưa bao giờ hiển thế, như một lão bộc ở nhà quê có cơ may được vào nhà chủ giàu có.

Dân số thành phố bùng nổ, vì những lý do gì đó, người ta dồn vào thành phố để làm ăn, để kiếm sống. Nhà nước phải nới rộng vùng ven đô để trở thành đô thị. Các nghĩa địa chôn người chết nên đi chỗ khác chơi, di dời đi nơi xa hơn nữa, nhảy cú như cóc nhảy. Xương cốt người chết cũng điêu linh. Người còn thân nhân thì đỡ, người không còn thân nhân cũng được nhà nước liệu bề lo toan hợp tình hợp lý. Tôi được biết chừng đó thôi.

Buổi trưa, vợ chồng cô Ngọc Tũn rộn lên về việc đi thuê mua bao ni lông. Dĩ nhiên tôi là người được đi theo để lo

chuyện sổ sách. Anh thư ký lo chuyện cân đo. Hẳn phải là một đám bán đồ phế liệu to nên Ngọc Tũn lo một số tiền lớn mà nàng vẫn chưa an tâm, nói với chồng:

– Anh đi theo tôi, nếu thiếu tiền bạc anh chạy về lấy liền. Mình tiền trao cháo múc nó không ép giá được. Có phải sang tay ngay mình cũng có lời.

Anh chồng mà số tử vi có sao thân cư thê chiếu mệnh, hỉ hả:

– Cần gì phải sang tay ai, mình dư sức xử lý nó, làm thành phẩm khi đó bán còn lời gấp mấy...

Anh ta còn tỏ ra nắm bắt được nền kinh tế thị trường trên đà phát triển mà vợ chồng anh đang gặp thời cơ:

– Ta có thể không cần bán, chờ cho nhà máy tái sinh của mình hoạt động, ta

sẵn vật liệu, có giải tỏa cả mười nghĩa địa ta cũng chẳng lo.

Thế là sao? Thế nào? Tại sao lại liên quan đến việc giải tỏa nghĩa địa? Tôi không hỏi ai cả, lặng lẽ đi theo họ. Anh chồng, phó giám đốc điều hành, hôm nay không nói ngọng vì anh đang hồ hởi chứ không tức giận. Anh chỉ tức giận mới nói ngọng. Điều đó ai cũng biết.

Nghĩa địa bị đào bởi đông nghịt người. Người công tác lao động có, thân nhân những bộ xương khô vừa gào khóc vừa la lối:

– Khi chôn má tôi, ngoài những vòng vàng bà mang theo, tôi nhớ còn bỏ vào miệng bà một chỉ vàng mà, bây giờ sao không có...

Bà ta gào khóc, trong khi mấy người làm công việc đào mồ mỗm năm miệng mười:

– Có thì lẫn đâu đó chớ ai ăn cắp của người chết, mang tội...

Chị đàn bà đốt nhang khấn vái lia lịa:

– Má ơi, má có khôn thiêng thì phù hộ cho con tìm lại được chỉ vàng, tưởng má được mỗ yên mả đẹp, ai dè. Má có khôn thiêng thì vắn cổ chúng nó.

Mùi hôi hám của những xác chết được đào bới lên thật khó ngửi, hòa lẫn không khí nóng hầm hập càng dậy hơi. Bây giờ thì như một khu chợ trời, người ta ngã giá đủ thứ được sử dụng lại, từ cái nắp ván thiên gỗ còn tốt, đến một cái vòng ngọc thạch, chẳng may bị

vỡ. Tất cả đều là đồ ve chai được đánh giá. Quần áo của xác chết nếu không mục nát cũng được đánh giá. Những mộ bia, những phiến đá, những chồng gạch được đập ra từ các ngôi mộ, có thể dùng lại để xây cất. Tiền, tất cả đều là tiền, ngoại trừ những bộ xương, mảnh xương được rửa sạch trước khi bỏ vào cái tiểu sành do thân nhân mang tới. Nhiều bộ xương chưa tiêu còn dính thịt da bấy hầy dậy mùi hôi đến phát khiếp. Những xác chết khó tiêu được khâm liệm trong bao ni lông dây buộc chặt ngăn không khí. Nhưng khi bao được mở hơi xì ra, xác chết đột nhiên phồng lên rồi xẹp xuống, chảy nước màu gì đó coi kinh khủng, không hẳn màu bùn xám, màu máu mủ, xương thịt thối rữa. Những xương thịt đó bị dốc ra khỏi túi ni lông, được rửa sơ trong một vũng nước lớn, ném sang một bên. Ruồi nhặng bay như trấu, va đập vô

tội vạ người đứng xung quanh. Những chiếc khăn bịt mũi trở nên vô ích. Những khăn tắm dầu gió, dầu cù là càng trở nên vô ích hơn nữa, dậy mùi hơn. Có những người nôn ọe. Nhưng họ vẫn lăn xả vào tranh nhau thu mua.

Bà chủ Ngọc Tũn là người có tiền và dày dặn kinh nghiệm trong những việc mua bán như thế này. Chờ cho các bạn hàng nhỏ tranh cướp, thầu mua hết. Bà ra một giá cao nhất, mua mảo toàn thể những bao ni lông vĩ đại của những bạn hàng nhỏ. Tôi nhìn những bao ni lông và nhận thấy quen quen. Rồi tá hỏa, thì ra thế, toàn là bao ni lông khâm liệt người chết, như những chiếc áo quan tráng chì kẽm mà tôi từng thấy thuở còn chiến tranh. Thuở tôi còn làm phóng viên chiến tranh chạy rong trên những mặt trận. Quá giang những chuyến máy bay

C.130 chở xác tử sĩ từ Quảng Trị về Sài Gòn, sao bây giờ tôi mới nhận ra những bao ni lông ấy. Những kẻ khác vẫn làm việc vô tư nhiều bao còn nhầy nhụa thịt da. Có cả đội người đứng xua đuổi, đánh đập bầy chó đói chỉ toan đánh cắp xương. Tiếng bà chủ bên tai tôi:

– Chú vô sổ giùm tôi, tôi thâu mua được sáu trăm bảy mươi ba bọc ni lông. Cho nó chuyển lên xe lam của cơ sở mình. Tối nay chú cho điều động người giặt sạch, đừng tiếc xà bông, sáng mai cho phơi khô rồi nhập kho.

Tôi xây xẩm mặt mày, những tia nắng chiếu trên nghĩa địa lóe lên thành hàng vạn ngôi sao. Tôi muốn ói. Bà chủ nhìn tôi:

– Mặt chú xanh quá, sao vậy?

Tôi dốc bị đông nước, uống ừng ực, nhưng tôi vẫn thấy chóng mặt, bây giờ hình như nhức đầu.

Tôi nói với bà chủ:

– Tôi bị trúng gió rồi.

Bà chủ đưa tôi chai dầu gió:

– Chú thoa đi, ờ thôi, chú cứ về, giao lại công việc cho thằng nhỏ.

Tôi loạng choạng leo lên xe đạp ra khỏi nghĩa địa đang bị đào bới trong cảnh hỗn loạn của phiên chợ trời về chiều. Cái oi bức, nồng nực của nắng tháng hai vùng nhiệt đới làm tôi muốn ngất xỉu. Trời ơi, cái giường của tôi, tấm ni lông khâm liệm người chết. Tôi đã nằm chung với ma quỷ bấy lâu nay. Vợ tôi đau ốm, cái bào thai cũng đau ốm lây. Bố đã lầm lẫn! Cả nhà tôi bị ma làm

bấy lâu nay. Tôi phải đốt nó không phải trả thù mà trả lại những gì của người côi âm, tôi khẩn khứa. Tôi cuồng lên đạp xe, mà sao hai chân tôi cứ riu lại. Tôi ngã lăn trên đường.

1990

THÂN PHẬN MA TRỜI

 RỜI TRỞ MẶT NHƯ TRỞ
BÀN TAY. Mới nắng đỏ rồi
mưa đỏ. Trận mưa dai dẳng suốt từ ba
giờ chiều đến tối mịt không ngớt.

Tôi không thể không về, không thể
đứng mãi ở hàng hiên này với thùng đồ
nghề sửa xe đạp linh kính. Ngoài kìm
búa ra còn bơm, bàn vá ép và một cái
giỏ đựng đồ ăn cho ngày hôm sau. Số đồ
nghề nghèo nàn đó tôi không thể gửi ai
được, bởi tôi chẳng còn tin ai, từ khi bị

thằng khách hàng nhóc lừa lấy mất chiếc xe đạp

Cái thân tôi cùng khổ, tôi chán đời, không tin đời. Một mảnh đất lắm người mà cũng nhiều ma. Tôi lụi hụi ngồi sửa xe đạp một mình, từ sáu giờ sáng đến chập tối mới ra về, kiếm tiền mua kí gạo, chút mắm muối về nuôi vợ và đứa con sơ sinh ở túp lều cạnh ao cá. Số tiền ít ỏi kiếm được của một tay thợ tồi, tay nghề thấp như tôi chẳng đáng bao nhiêu, mà chiều đến còn phải đóng góp tiền lời cho một tay cho vay nợ lãi chính là vợ một anh bạn thân của tôi, giúp đỡ bạn bè gặp cảnh nghèo khó.

Sau một thời gian dài tôi trả nợ mỗi ngày, tiền vốn vẫn còn nguyên, tôi chỉ trả nổi tiền lời. Tôi vẫn là một con nợ, con nợ kinh niên. Chiều đến, tôi ngồi nán kiếm thêm tí tiền cơm về nuôi vợ con.

Tôi chán đời nên uống rượu, tối về không bao giờ quên một xỉ để cho mình.

Ngồi trong túp lều cạnh ao cá, uống rượu nhậu với mấy con tép kho muối, nghe tiếng ếch ương kêu ngoài ao, nổi sầu khổ dâng kín đầu óc, không giải bày nổi. Nó thấm vào máu tôi qua từng hớp rượu độc ảm. Tôi sống không bạn bè, không đồng đội, không cả người thân. Ngoại trừ vợ và đứa con gái sơ sinh, nó nằm trong cái rổ, treo lên xà nhà thay cho võng, quần tã bằng mớ giẻ rách.

Vợ tôi còn quá yếu sau ngày sinh nở thiếu thốn, nhưng cũng phải lết ra ruộng hái rau dại và mót tép sót ở những xe đầu tép dùng làm lương thực cho cá. Tranh cướp con tép với đám trẻ nghèo quanh xóm. Tôi uất hờn, hận đời, vừa đưa võng cho con vừa uống rượu. Nhìn vào mặt con mà khóc. Sự cay đắng không thể

nuốt xuống, tôi thốt ra thành lời với vợ:

– Anh không thể không đóng tiền lời cho mụ ấy, nếu không nó xiết kìm xiết búa, lấy đồ nghề đâu mà kiếm ăn. Đã vậy còn bị công an dẹp lòng lề đường lấy mất bơm, bàn vá ép, phải lên tận phường chuộc, đóng phạt. Có được gạo ăn là do ngồi nán về muộn, nhưng lại gặp chợ vắng, mua gạo tiệm người ta đóng cửa không bán vì tưởng là thằng ăn cướp thừa cơ làm bậy.

Nhục ơ là nhục, tôi không buồn chán sao được.

– Nhưng anh uống ít thôi, anh nghĩ đến con của chúng ta chứ?

Tôi lại nhìn con, khóc thầm tức. Rồi đây tương lai con sẽ ra sao? Bố đã ngã ngựa rồi, bố kiệt sức, bố còn gượng dậy

được không. BỐ mòn mỏi, chán chường, tiêu sấu qua chén rượu.

Khi đó tôi thường nghe tiếng đàn Tây Ban Cầm và tiếng hát nữ của đôi vợ chồng bán vé số sống ngoài nghĩa địa gần ao cá vọng tới.

Đôi vợ chồng hàng xóm, chưa một lần tiếp xúc, anh chồng tật nguyên gầy đàn, chị vợ hát. Những bài ca về lính Cộng Hòa rẻ tiền mà hồi xưa tôi không thể chịu nổi, ghét luôn cả ca sĩ hát loại nhạc đó. Nhưng sao nay tôi lại thấy ngậm ngùi. Thương nhớ một cái gì đó không định hình. Một thuở nào tôi còn hành nghề viết văn làm báo, dự những đêm nhạc hội, khi thì ở tiền đồn heo hút nghe những bài ca của lính trong buổi phát thanh đêm, lời tâm anh êm dịu của Dạ Lan qua làn sóng điện.

Nay tôi là một anh già coi ao cá không lương. Được phép ở túp lều hai mùa mưa nắng quanh hiu. Tôi hết thời, xa lìa nghề nghiệp sau nhiều năm tháng tù tội. Đầu óc tôi mách bảo rằng tôi phải làm nghề sửa xe đạp kiếm ăn, nếu không chỉ có cạp đất. Đói khổ và trách nhiệm khiến đầu gối phải bò. Tôi đắp đổi qua ngày, dù với nghề sửa xe tôi chỉ là tay ngang.

Những đắng cay cuộc đời ngày nào đó sẽ thành sẹo trong đầu tôi. Như thương tật của người chiến binh lên da non, chai lỳ là sự đương nhiên của đời sống. Số phận xoay vần, định mệnh đã an bài.

Tôi suy nghĩ như thế qua trời mưa mù ngoài đường. Dù trời còn mưa, tôi cũng phải về. Mớ đồ nghề của tôi đã xếp gọn vào trong bao cát. Tôi điệu nó lên

lưng, đi bộ một quãng đường dài về lều ao cá.

Sắt thép có nặng trên vai, tôi nghĩ, cũng chưa nặng bằng thập tự giá Chúa vác lên đồi Golgotha. Tôi nặng nề đi dưới trời mưa, mưa gạo, ít thức ăn và không quên xì rượu. Tôi nghĩ đến vợ và con, nàng cũng ngồi dưới mưa, trên đầu chùm miếng in lông ôm con vì lều bị dột. Ngọn đèn dầu leo lét, nàng giống như một con ma ngồi ru con, rũ rượi hốc hác. Vú nàng còn sữa cho con bú không? Sao nàng theo tôi để khổ thân như thế. Cái duyên chồng vợ này đi đến đâu, về đến đâu. Đứa con, hài nhi đang hòa nhập đời sống. Một tương lai mịt mù như mưa giăng bụi trên đường kia. Tôi rời con đường sáng đèn điện mưa giăng mờ, vào một con hẻm lầy lội, ngoằn ngoèo vang tiếng máy dẹt. Xóm dẹt gia công người

Quảng Nam. Rời đi xa dần mớ âm thanh đều đặn và nhức nhối đó. Tôi đến khu nghĩa địa hoang.

Khu nghĩa địa đang bị giải tỏa, nhưng vẫn còn sót lại nhiều ngôi mộ xây kiên cố. Khu chôn người chết ấy lan đến tận bờ ao, nơi túp lều tôi đang cư ngụ. Từ phía sâu trong nghĩa địa, gạch vữa bị đập phá, xà bần ngổ ngang, cả những nắp ván thiên. Tôi nhìn thấy một ánh đèn vàng ệch, leo lét như bóng ma trôi, chỉ khác là đốm sáng đó không di động. Tiếng đàn Tây Ban Cầm và tiếng ca nữ từ đó văng vẳng vọng tới. Đôi vợ chồng tật nguyên dẹt bài bản mỗi đêm để ngày mai đi bán vé số, dùng tiếng đàn lời ca mua vui cho đời. Thế nhân với sầu muộn mua giùm tấm vé số.

Tôi thấy đôi vợ chồng ấy nhiều lần đi lang thang qua chợ, tiệm cà phê, tiệm

ăn uống. Chị vợ đi trước, giắt theo anh chồng cụt giò, mù, đi bằng một chân gỗ giả, nay đã mất bàn chân chỉ còn cái cọc chống xuống đất. Cái áo cải tạo rách toí tả. Trên đầu đội cái be rê xẩm màu máu mà tôi không phân biệt được là loại be rê của Biệt Động Quân hay Nhảy Dù xưa kia. Có lẽ anh là chiến binh rồi thương phế binh của chế độ cũ. Nhưng tôi thắc mắc, sao anh lại mặc áo cải tạo? Tiếng đàn lời ca như ma tru quỷ hờn giữa vùng nghĩa địa điêu tàn đó hấp dẫn tôi. Tôi đi tới như bị ma ám.

Ánh đèn dầu, lời ca, tiếng đàn từ một nhà mồ song lập hắt ra. Trong mưa gió đêm hôm tôi vẫn nhận ra đó là một nhà mồ khá đẹp, xây gạch, tường granito, có chạy những đường hoa văn ghi số năm xây dựng, nhưng tôi không nhìn rõ.

Tiếng đàn lờì ca bỗng im bật. Chỉ còn ánh đèn vàng hiu hắt bóng hai người in lên tấm mộ bia lung linh như bóng quỉ.

– Em có nghe tiếng chân ai đó đi tới đây?

– Không đâu, có lẽ tiếng chân chó hoang.

Rõ ràng, người mù nghe không lầm mà em, anh có thể nghe được tiếng thở của một người, khác với tiếng thở chó hoang.

– Đêm mưa gió không thể có người nào tới nghĩa địa hoang này, ngoài vợ chồng mình. Tiếng người chồng cười hì hì, gấy lên một tiếng đàn:

– Ai đó ở ngoài cửa nhà mồ, xin mời vào nhà trú mưa.

Tôi tăng hăng, ho một tiếng bước lên bậc gạch. Tôi bước hẳn vào nhà mồ, hai vợ chồng thăm hại, họ như loài quỷ, người hủi bị cách ly đời sống:

– Tôi đây, không phải chó hoang, già ao cá tới thăm hàng xóm, được chớ ạ!

– Hân hạnh, xin mời ngồi, tìm viên gạch nào đó làm ghế. «Nhà tôi» không có khách viếng thăm bao giờ.

Tôi tháo đồ nghề lĩnh kính đeo trên người bỏ xuống, đang muốn tìm vài viên gạch kê làm ghế thì người thiếu phụ đã mau mắn làm xong cho tôi mấy cục gạch cao vừa tầm với chồng.

Anh ta ngồi ở đầu mồ người đàn ông già mà tôi nhìn thấy hình trên tấm mộ bia. Quần áo tôi ướt lướt thướt, tôi ngồi xuống "ghế", dù sao cũng mới chỉ sơ giao, tôi cần tự giới thiệu:

– Tôi là người bảo vệ ao cá, tối nay đi làm về qua thấy «nhà» đèn sáng, nghe tiếng đàn tiếng ca tiện thể vào thăm anh chị. Mình là hàng xóm với nhau, lần đầu tiên tôi ghé thăm. Có gì phiền anh chị không?

Người chồng mù đặt chiếc đàn lên trên mả, chiếc mũ be rê vắn đội trên đầu. Tôi nhìn chiếc mũ có lỗ thủng ngay trước trán như lỗ đạn xuyên, bên cạnh là huy hiệu lính nhảy dù. Anh mù mau mắn:

– Ô không, hân hạnh cho chúng tôi, lâu rồi không có bạn, nhà không có trà mời khách. Nhưng tôi có rượu, ông bạn dùng được chứ?

– Được mà, tôi cũng có một xi, miếng đậu hủ chiên chấm muối ớt đưa cay, mình ngồi với nhau được chứ?

– Vâng, vâng, hân hạnh, em đi tắt đèn lên để anh tiếp khách.

Người vợ đang ngồi bên lò than, nướng con khô. Chị nói:

– Thì đó, đèn vẫn sáng, có anh mù chớ có ai mù đâu.

Anh mù chặc lưỡi cười:

– Tôi còn một mắt, nhưng cũng kể như mù hẵn rồi, tôi nhìn gì cũng chỉ thấy mờ mờ nên nhắm tịt lại luôn. Cứ coi mình là thằng mù lại khỏe.

Chị vợ đã nướng xong con khô bốc mùi thơm lừng. Chị dọn đồ nhậu lên chiếc bàn gỗ bằng mảnh ván ọp ẹp. Tôi nhìn cái bàn thô sơ mà nghi ngờ quá. Tôi gõ gõ ngón tay lên gỗ, gỗ tốt. Anh mù nghe thấy:

– Một mảnh gỗ ván thiên đó, người ta đào mả lên lấy xương cốt, quăng lại gỗ, tôi dùng làm bàn. Này em, sao không giải miếng ni lông nên cho đỡ gớm.

– Anh tha lỗi, anh làm khách ngại. Anh không biết giữ mồm giữ miệng gì hết.

Tôi đỡ lời chống chế anh chồng:

– Không sao, tôi quen cảnh này mà, nhà tôi, cạnh ao cá dưới cây bạch đàn cũng có chiếc bàn đá bằng tấm mộ bia. Tôi thường ngồi đó uống rượu đêm trăng.

Mình sống chung với ma quỷ mà dễ chịu. Tuyệt diệu, nào chúng ta bắt đầu, nhưng trước hết...

Anh mù cầm ly rượu nhỏ đã được rót đầy đổ xuống đất, nói:

– Trước hết mời thổ thần và những hồn ma quanh đây về uống rượu với anh em ta đã...

Tôi cũng làm như anh. Ngoài trời vẫn mưa gió, tiếng sét nổ điện nhoang nhoáng trên bầu trời đen. ánh chớp làm tôi nhìn rõ mồn mả ngổn ngang và cây cối ngả nghiêng, túp lều của tôi cạnh ao cá. Tôi nghĩ đến vợ và đứa con sơ sinh của tôi, bé có giật mình khóc khi sét nổ không? Tôi ân hận:

– Ngồi chơi với anh chị một lát, còn vợ tôi và cháu nhỏ ở nhà..

– Anh ngồi chơi với tôi đã, cần thì vợ tôi sang bên đó với chị và cháu. Mình mới ngồi với nhau mà, đã có dịp nói chuyện gì đâu..

Tôi phải từ chối đề nghị đó, vợ tôi sẽ đứng tim nếu thấy người đàn bà hốc hác, gầy ốm tóc tai rũ rượi này hiện ra giữa căn lều hoang. Tôi nghĩ thế thôi, đâu dám nói ra sợ xúc phạm. Có thể trước kia người đàn bà này cũng có nhan sắc, nhưng nay thì giống ma quỷ. Cũng như tôi vậy, một con ma vất vưởng trên thế gian. Một đêm mưa bão những hồn ma hiện hình ngồi trong nhà mồ tụ tập uống rượu nói chuyện đời. Tôi nói:

– Thôi được chẳng dám phiền chị, tôi sẽ ngồi đây một lát.

Hai chúng tôi cụng ly, người vợ anh mù cũng tham dự tí chút. Chị nhắc nhở chồng:

– Kia anh, lột cái mũ trên đầu ra chớ, đội hoài à...

Anh ta lột cái mũ dùm dó bắn thiu ra, cầm ở tay trái. Tự nhiên tôi lại nghĩ anh ta cầm dĩ vãng, kỷ niệm trong tay. Anh đã mất đi một chân, đôi mắt ở chiến trường nào đó trong đời binh nghiệp lỡ. Chỉ còn lại đây cái mũ có dấu đạn xuyên thủng. Anh phải đội mãi, dù đã tả tơi như chính cuộc đời anh bây giờ. Còn cái áo học tập cái tạo kia, tôi lại thắc mắc về nó. Cũng là dấu chấm đánh dấu những ngày tù tội của người chiến binh bại trận. Tôi không hỏi điều đó. Sự thắc mắc để nguyên trong đầu.

Tiếng mưa gió ngoài trời gọi cảm ma quái không thể để chúng tôi ngồi lặng thinh, uống rượu mà không nổi gì với nhau. Tiếng anh mù âm âm:

– Tôi không thể quên được những đêm mưa gió trong chiến trận, chúng tôi vừa đánh nhau vừa chuyển tay nhau

bi đông rượu để để nung chí anh hùng, ấm lòng chiến sĩ. Có thằng cha chưa kịp nuốt hớp rượu đã gục xuống bên súng. Máu rượu hòa chung cùng mùi thuốc súng làm thành mùi khó tả thế nào ấy, tôi không tả nổi.

Anh bạn mù xác nhận anh từng là chiến binh, coi chiến trận như trò đùa. Tôi hỏi:

- Anh từng là quân nhân chế độ cũ?
- Đúng vậy, một chiến binh cho tới trước ngày tàn cuộc chiến.
- Anh là thương binh sau đó?

Anh mù lúc đầu:

- Không, tôi bị bắt làm tù binh rồi sau đó đi học tập cải tạo khi ta hoàn toàn bại trận. Tôi bị cụt giò mù mắt trong lao

động. Tôi cuốc trúng mìn, không chết nhưng tật nguyên như anh thấy đó. Vết thương lành, tôi ở lại trại chăn bò và coi đôi nghĩa địa một thời gian, tôi vẫn còn một mắt để tìm vợ. Được coi là học tập tốt tôi được trở về vợ tôi vẫn chờ đợi. Tôi không còn nhà trong khu gia binh nữa. Chúng tôi sống lang thang bằng tiếng đàn của tôi và lời ca của vợ. Mỗi sau cùng tôi tìm ở nhờ được «nhà» này. Hai ông bà cụ chủ nhà cũng nằm đây. Thay vì trả tiền nhà thì chúng tôi nhang khói cho các cụ, ngày rằm đốt vàng bạc tiền âm phủ xuống cho các cụ tiêu xài. Vì nhà đẹp kiên cố nên người ta chưa giải tỏa đến, nhưng cũng đến thôi. Vợ chồng tôi chưa biết đi đâu. Nhưng được ngày nào hay ngày nấy, như đời sống mình vậy. Chúng tôi kiếm ăn từng ngày, từng bữa, chẳng xin xỏ ai hết. Đời sống bấp bênh nhưng thú vị. Thú vị nhất là tôi mù, khô-

ng phải nhìn thấy đời. Bây giờ thì mù tịt rồi. Sống trong nghĩa địa này không nhìn thấy ma nên không sợ ma. Nhưng tôi nghe thấy ma nói chuyện, hồn ma đồng đội tôi nói chuyện với tôi. Nhắc nhở lại những kỷ niệm và tình nghĩa, tôi chẳng đến đời quá cô đơn.

Anh mù vầy vò cái mũ be rê trong tay. Điều thắc mắc về một thương phế binh phải đi học tập trong tôi đã được giải tỏa. Có lẽ lâu quá rồi anh không được dịp nói chuyện với ai, ngoài vợ. Anh tâm sự tiếp:

– Như chủ nhân chiếc mũ này, trung sĩ Ninh, bạn tôi, anh chuyên đội mũ be rê khi ra trận, anh không đội mũ sắt, mặc áo giáp. Người anh nhẹ nhõm nhanh như một con sóc, quân trang anh mang trên người đơn giản tối đa, ngoài vũ khí cần thiết, bi đông rượu đế, cái be rê đỏ không bao giờ quên trên đầu. Anh nhìn

thấy lỗ thủng cháy sém không? Một viên đạn trúng đầu khi anh xung phong. óc và máu anh đọng đầy cái mũ. Tôi giữ lại cái mũ làm kỷ niệm. Tôi đội nó và thường xuyên nghe hồn bạn tôi về nói chuyện lúc buồn phiền. Ngày tôi trúng mìn tưởng chết. Trong cơn mê loạn, tôi gặp lại bạn, anh nói tôi phải sống, sẽ trở về vì vợ tôi đang chờ đợi. Quả nhiên đúng như vậy.

Men rượu làm tôi hứng khởi:

– Tuyệt vời, hiện giờ thì anh đang nói chuyện với một con ma trước mặt anh, đang uống rượu với nó đấy. Anh có “nhìn” thấy không?

Anh mù tọt một hớp rượu, hồ mắt sâu hoắm hướng vào tôi:

– Có chứ, anh giống như một con ma thật. Quần áo rách rưới, lam lũ đầu

bạc. Người ta gọi anh là lão già coi ao cá. Nhưng anh chưa già, vì giọng anh còn rất trẻ. Có hôm nghe anh ngâm thơ bên ao cá, có câu thơ như thế này: Chí chẳng thành, danh chẳng toại. Trai trẻ bao lâu mà đầu bạc. Trăm năm thân thương tà dương... Anh có đúng như tôi tả không nào?

Anh nói xong điểm nụ cười. Tôi nói:

– Đúng, anh tả tôi như một con ma rất đúng, chịu thầy.

Anh mù hứng chí nói tiếp:

– Đời sống anh bây giờ rất khổ, như vợ chồng tôi vậy. Tôi nghĩ trước đây anh không đến nỗi như thế. Tôi im lặng uống rượu. Anh ta đã tâm sự về cuộc đời anh. Tôi hiểu anh muốn tôi cũng nói về tôi. Tôi không thể không tâm sự khi đối diện

với một con người thành thật, một con người hình thể đang biến dần thành con ma. Nhưng còn kết tinh được những tốt lành của con người.

– Tôi hiện đang giống một con ma như anh, sống vất vưởng trên dương gian, nửa là người nửa là ma. Đời sống này đã vùi dập tôi xuống tận cùng. Ngày nay thì thân tàn ma dại, có vợ và một đứa con sơ sinh. Tôi làm nghề coi ao cá, danh từ gọi là “nhân viên bảo vệ ao cá “. Tôi làm việc đó để lấy một chỗ ở, túp lều tôi tệt bên ao. Một ngày phải đẩy hai xe phân heo và đầu tép ở xưởng tôm đông lạnh dùng làm lương thực nuôi cá. Đầu tiên thì tôi hợp đồng làm việc có lương, chẳng đáng bao nhiêu, nhưng sau người ta không trả lương nữa vì biết tôi đang cần một chỗ ở có bảo đảm phần nào do tôi là kẻ không hộ khẩu. Vì đói, tôi nhảy ngang

ra nghề sửa xe đạp lề đường. Tôi thuộc loại thợ tồi nên kiếm ăn cũng chẳng khá, nuôi được vợ con bữa đói bữa no là may. Nghề chính trước kia của tôi là cầm bút, nhưng nay thì không dùng được nữa vì tôi hết thời rồi.

Người bạn mù ngắt lời tôi bằng ly rượu mời:

– Tôi mù, tôi không nhìn thấy người nữa mà tôi chỉ nhìn thấy ma qua tâm anh. Những con ma đầy màu sắc. Anh là một con ma có mùi phân heo. Chúng ta là đồng đội, hai thằng đồng đội tạt nguyên tim đến nhau. Mưa gió và đêm đen xúi bẩy anh tìm tôi.

Hai chúng tôi siết chặt tay nhau rồi anh đưa tay quờ quạng tìm chiếc đàn. Chị vợ biết ý đưa đàn cho chồng. Tiện tay, anh choàng lên cổ vợ. Chị vợ ngồi dưới,

nép vào cái chân cụt của anh. Giọng anh trầm trầm:

– Ngày đó ở một nơi chiến trường heo hút, có đoàn nữ sinh đi ủy lạo chiến sĩ, trong đó có một nữ sinh lên hát tặng chiến sĩ, tôi đệm đàn ghi ta. Chúng tôi cảm tình với nhau rồi thư từ qua lại. Khi về hậu tuyến, tôi cưới nàng. Nàng ở lại trại gia binh, tôi tiếp tục đi chiến đấu. Không dè đến hôm nay cũng lại tôi đàn nàng hát, dắt tôi đi khắp các ngã đường bán vé số, mang hy vọng cho người đời. Đúng là một nghiệp dĩ.

Anh mù bồng thờ dài, buông vợ, gẩy lên vài tiếng đàn lạc lõng, vô nghĩa:

– Anh nên về với chị và cháu, anh cứ đi, tôi đàn hát tặng theo anh một bản nhạc. Bản nhạc anh đã từng nghe và chắc anh thích.

Tôi từ giã hai vợ chồng, lội qua những vũng nước và mớ mả giải tỏa ngổn ngang gạch vữa cùng gai góc cở dại. Tiếng hát người mù đuổi theo tôi. Bài Chiều Mưa Biên Giới của Nguyễn Văn Đông. Chiều mưa biên giới anh đi về đâu? Sao còn đứng ngóng nơi giang đầu. Lòng trần còn tơ vương khanh tướng... Thì đường đời mưa bay gió cuốn... còn buồn anh ơi...

Những bước chân bì bõm lội làm nhịp cho lời ca.

Tôi về đến túp lều thảm hại. Mưa gió dai dẳng, không biết bắt đầu cho một cơn bão hay bão rút? Tiếng đàn lời ca theo mãi tôi vào giấc ngủ mệt nhoài. Lần đầu tiên và lần cuối cùng tôi gặp đôi vợ chồng mù.

Một lần tôi đi về khuya, không còn nghe tiếng đàn và lời ca nữa. Cả đến ánh đèn ma trời trong nhà mồ cũng tắt ngúm. Khu nghĩa địa đã bị giải tỏa san bằng. Tôi lẩm bẩm nói. Mình không hẹn tái ngộ mà, có đúng không? Từ đó tôi không còn gặp anh mù đội be rê đỏ, thùng lỗ đạn cùng vợ đàn ca trên những nẻo đường nữa. Hai vợ chồng đó biến mất như ma. Một thời gian sau, vợ chồng con cái tôi cũng bị đuổi khỏi ao cá.

Câu chuyện đêm mưa chỉ đơn giản thế thôi. Hãy coi như chuyện ma quỷ hiện hình. Những con ma trời nhớn nhoe trong đêm tối. Tôi kể lại trong cơn điên dại.

Người ta cho tôi nói xàm về thân phận ma trời.

BÀ MẸ SƯƠNG SA

MẸ ĐÃ GIÀ LẮM, ÁNG
CHỪNG CŨNG PHẢI TÁM
MƯỜI TUỔI.

Tóc mẹ bạc trắng, còn lơ thơ ít cọng trên đầu, nhưng lúc nào cũng trùm cái khăn rằn ri cũ vắt ngược bỏ ra phía sau đầu gọn ghẽ, lối đội khăn của phụ nữ Nam bộ lao động, tiện lau mặt khi tươm mồ hôi hoặc lau miệng khi dính quết trầu. Mẹ móm mém, trầu cau phải ngiêng nát bằng cái cối đồng nhỏ xiu, cái

chày nghiền có răng, lúc nào cũng ở bên mình mẹ.

Da mẹ nhăn nheo, lưng còng, mắt kém, nhưng được cái đôi tai còn thính, còn nghe rõ tiếng người gọi mua hàng. Ngần ấy tuổi với một thể lực tàn tạ, mẹ vẫn phải lao động kiếm sống, dù nhu cầu sống của mẹ chẳng là bao.

Gánh sương sa hạt lựu nước dừa vừa lành vừa mát của mẹ mỗi ngày một nhẹ hơn, đĩa bàn gánh đi bán rong của mẹ cũng thu hẹp lại dần.

Xưa kia mẹ gánh đi bán tận phía trên chợ Bà Chiêu, vòng ra Tân Định qua cầu Kiệu về Phú Nhuận, gần hết hàng mẹ mới trở về ấp Đông Ba, băng vào đường Thái Lập Thành (nay là đường Phan Xích Long) về khu Rạch Miễu. Nhà mẹ ở đó, trong một túp lều thảm hại. Mẹ sống cu

ky một thân một mình. Được cái ai cũng thương mẹ, vì mẹ ở đây đã lâu năm, không mấy ai rõ từ hồi nào đến giờ, mẹ trung thành với gánh sương sa. Đã nhiều thế hệ ăn món quà giải khát vừa lành vừa mát của mẹ.

Lối xóm không mấy ai rõ tên tuổi mẹ, họ đặt cho mẹ cái tên “bà mẹ sương sa”, riết rồi thành quen.

Cũng đúng với số kiếp hai sương một nắng của mẹ. Chắc chắn trong con người già nua cũ kỹ ấy phải có một dĩ vãng. Bây giờ mẹ đi bán sương sa phải chống gậy, bởi một lần gánh sương sa qua cầu gỗ Trần Khánh Dư, mẹ bị té loại giò.

Ông thầy nắn xương La Văn Lường trong ấp Đông Ba nắn lại xương cốt miễn phí cho mẹ. Ông khuyên mẹ nghỉ ngơi,

đừng lao động nữa, vì mẹ đã vượt quá tuổi lao động. Mẹ không nói gì mà chỉ gạt nước mắt. Thầy Lường hiểu hoàn cảnh của mẹ, thầy tặng mẹ Sương Sa một cây gậy trúc, một xi rượu thuốc bóp xương khi nhức mỏi.

Từ ngày ấy mẹ dắt hàng, do khách hàng thương tình, mà cũng muốn kín đáo giúp đỡ mẹ. Gánh hàng sương sa hạt lựu nặng vừa đủ sức, mẹ chống gậy gánh đi.

Mẹ đi loanh quanh mà hàng đã hết, địa bàn bán hàng của mẹ không còn phải đi xa trong một vùng rộng nữa. Mẹ giữ cây gậy chống đến bây giờ. Cái chân thứ ba này tốt đáo để. Mẹ Sương Sa sống một mình trong căn lều nát, nhưng mẹ không cho mình là người cô đơn. Mẹ tất bật trong mua bán, trong việc săn sóc cái bàn thờ gỗ quý mà trên ấy thờ chồng

con của mẹ. Cái bàn thờ dút khoát phải sạch sẽ, nhang khói mỗi chiều tươm tất khi mẹ đi bán về. Ngày rằm mồng một, mẹ cúng cơm chay cho ba cha con nhà nó. Hằng năm ba buổi giỗ. Kê đi trước người theo sau. Còn mẹ chẳng biết sao đây, vì mẹ không có ai là thân quyến. Nhưng cũng chẳng đáng lo chi, mẹ đã qui y trên Chùa, gửi linh hồn mẹ khi nằm xuống nương nhờ cửa Phật. Cả cái tủ thờ này cũng sẽ được sử cụ trụ trì cho đệ tử khiêng lên Chùa, thi hài mẹ được thiêu, nắm xương tàn của mẹ bỏ vào hũ, lại nằm trên bàn thờ này, đời đời nghe lời kinh tiếng kệ. Sử cụ đã hứa với mẹ như thế. Nên khi rảnh rỗi, mẹ Sương Sa lại lên Chùa làm công quả.

Buổi tối trước khi đi nằm, mẹ Sương Sa lau cái tủ thờ sạch bóng, bộ lư nhang sáng đẹp ánh vàng. Hai tấm hình hai đứa

con trai của mẹ và tấm bài vị của ông chồng quá cố lúc nào cũng sạch bóng. Hai tấm hình bán thân của hai thằng con trái ngược nhau, cả hai đều bận quân phục, nhưng là quân phục của hai bên hai chế độ kình chống nhau. Mẹ biết chứ, nhưng xét nét làm chi. Chúng đều trở thành người thiên cổ như cha chúng. Nghĩa tử là nghĩa tận.

Trước bàn thờ là bộ ván ngựa mẹ Sương Sa nằm ngủ. Khi mệt, mẹ ngã lưng. Thường thường mỗi đêm mẹ thiếp đi lại nằm mộng thấy chồng con mẹ vẫy gọi rủ mẹ dạo chơi miền tiên cảnh.

Mẹ Sương Sa tỉnh giấc sau giấc mơ, nhìn lên mái tôn mục nát có những lỗ thủng lỗ chỗ, ánh sáng ban mai chan hòa trên mái lều như ngàn vạn những vì sao.

“Nếu con không về chắc mẹ buồn lắm... Mái tranh nghèo ai người sửa sang... Khu vườn cũ hoa vàng trước ngõ...

Cứ nghĩ đến câu hát ấy, bà mẹ Sương Sa muốn khóc. Câu hát ấy chính thằng Bờ, con trai lớn của mẹ, và bạn nó đã hát lần về phép thăm mẹ cuối cùng. Sau đó nó ra đi và đi mãi. Mẹ đã khóc đến chảy cả máu mắt. Như lần đầu mẹ khóc chồng trên sông Cầu Bông chảy qua Thị Nghè rồi ra cửa biển.

Khi đó con sông cầu Bông chưa ai gọi là con kinh hay con rạch, nước đen hôi thối. Hai bên bờ sông vắng vẻ, thừa thớt nhà cửa, là những mảnh ruộng đất bỏ hoang. Đứng ở cù lao Rạch Miễu này nhìn ra suốt tận Thị Nghè.

Gia đình mẹ Sương Sa sống trên ghe trôi giạt từ sông nước miền Tây, đồng

bằng sông Cửu Long lên. Nói là gia đình thì cũng hơi quá, vì chỉ có hai vợ chồng và một thằng con nhỏ chập chững biết đi, thằng Bờ, vì khi sanh nó, anh chồng phải tấp ghe vô bờ, nhờ người ở xóm ven sông kêu mụ đỡ đẻ. Rồi cũng mẹ tròn con vuông, vợ chồng đặt tên nó là thằng Bờ. Cuộc đời tưởng mãi trôi giạt trên sông nước. Bến cuối cùng họ dừng lại ở cù lao Rạch Miễu. Anh chồng nói với chị vợ:

– Mình đã qua biết bao nhiêu cái cầu xi măng có lính gác, cả Ta cả Tây, họ sắp đánh nhau rồi đó. Mình cũng hết sông rạch đi, phía trước kia là cửa biển. Ngoài đó có tàu chiến của giặc Pháp, đi không được, quay về cũng dở. Tao nghỉ ở trên cù lao này có nước ngọt, không phải nước phèn miệt Long An. Phía bên kia sông có lẽ là thành phố. Má nó lên kiếng

Chùa kia xin nước đi.

Nơi gia đình mẹ Sương Sa dừng bước lên đêngh là cù lao Rạch Miễu tỉnh Gia Định. Nhà cửa lúp xúp trong đám lá cây rậm rạp kia là ấp Đông Ba. Bên kia sông là thành phố Sài Gòn, Tân Định, Đakao - đất Hộ, nổi qua bằng mấy cây cầu xi măng: cầu Kiệu, cầu Bông, cầu Thị Nghè.

Tình thế sắp chiến tranh nên những cây cầu được canh gác cẩn mật, kỹ lưỡng, sự qua lại cũng khó khăn. Nhưng với dân bản xứ không khó khăn chi mấy. Con đường sông rạch có những chiếc ghe tam bản qua lại ở bất cứ khúc nào. Có những người chèo đò thuê, chuyên nghiệp hoặc tay ngang đều được hết. Anh chồng chị Sương Sa lợi dụng cái ghe của mình chở đò đưa khách qua lại khúc sông Cầu Bông. Anh cầm dùi làm nhà cho vợ con ở ngay cù lao ven sông. Chị

vợ ra nghề bán sương sa hạt lựu, đời sống tạm thời ổn định. Chị vợ lại có thai khi chiến tranh bắt đầu bùng nổ. Người Sài Gòn chạy tản cư, cầu đường bị tắc nghẽn, người ta đổ xuống mé sông, những chiếc đòn ngang đưa đồng bào sang bên kia bờ, nơi xa súng đạn. Địa đầu tỉnh Gia Định cũng được coi là miệt quê, chạy dài lên tận Bà Điểm, Hóc Môn hoặc Mười Tám Khu Vườn Trầu.

Anh chồng chị Sương Sa bận túi bụi ngày đêm với những chuyến đò, không thuần chỉ có đần mà cả những toán du kích nhập thành phố tiếp viện cho mặt trận Sài Gòn. Những chuyến đò trên sông nước cũng khá nguy hiểm, vì những chiếc ca nô tuần tiểu của giặc Pháp chạy dậy sóng, bắn thị uy vô tội vạ. Nhưng đôi khi cũng nhằm trúng mục tiêu. Những con đò tan nát từng mảnh, người chết máu loang

đỏ khúc sông trong tiếng cười say máu
như say rượu của lũ lính Tây trên ca nô.

Mẹ Sương Sa khi ấy còn trẻ lắm, bụng
mang dạ chứa, gào khóc chạy như điên
sau hồi súng nổ. Tiếng máy ca nô mất hút
phía hạ nguồn dòng sông. Con đò quen
thuộc tan nát, chỉ còn máu đào loang đỏ,
nạn nhân tán mạng, không tìm thấy xác.

Chị Sương Sa gào khóc chạy dọc
theo dòng sông, thằng Bờ nhỏ bé lúp
xúp chạy theo mẹ cũng nhể nhãi khóc.

– Mình ơi, mình đâu rồi, còn sống
với mẹ con em không, mình ơi!

Chỉ có gió sông vì vèo trả lời, chị
Sương Sa gục ngã dưới chân cầu Bông,
những xác người đã mất tâm chỉ còn
những mảnh ván vụn của chiếc đò quen
thuộc bập bênh trôi về hạ nguồn. Mẹ

con đành bồng bế nhau về chiếc chòi lá. Chị Sương Sa bỗng dựng thành góa phụ. Buổi tối hôm ấy, mẹ con chị Sương Sa đốt bó nhang cắm bên bờ sông van vái linh hồn chồng, van vái Phật Trời. Chị không còn nhớ mình van vái gì nữa, vì thời gian lâu quá rồi.

Chị Sương. Sa định cư luôn ở xóm này, dù không còn những chiếc đò bập bênh trên sông nước, không còn người chồng vững tay chèo. Một nách chị ôm hai đứa con thơ dại. Thằng Bụi ra đời sau đó hai tháng. Chị để nó trong bụi cây ven sông, khi giặc Pháp ruồng bỏ. Người góa phụ phải dùng răng tự cắn rốn cho con. Rồi thành phố cũng yên, chiến tranh lui ra ngoài xa, gánh sương sa nặng trĩu trên vai, chị ở vậy nuôi con khôn lớn. Trời cũng thương hai đứa trẻ: thằng Bờ, thằng Bụi hay ăn chóng lớn.

Thằng Bờ đã ra được sông câu cá, thằng Bụi có chiếc chạc ná bắn hạ được những con chim trời, thêm thắt vào bữa ăn đạm bạc của ba mẹ con.

Chị Sương Sa có thể giao nhà cho hai đứa trẻ nhỏ, lo việc buôn bán từ sáng đến chiều. Chị mơ ước mười mười lăm năm nữa, khi có tuổi, chị sẽ làm bà nội, có cháu bông. Một ước mơ giản dị của bất cứ con người bình thường nào. ôi sung sướng biết bao nếu điều mơ ước đó thành sự thật! Sao lại không, ngày kỵ giỗ nào của chồng, ba mẹ con không cắm nhang khấn vái! Linh hồn ông có sống khôn thác thiêng phù hộ độ trì cho ba mẹ con tui. Cũng do điều này chị ở vậy nuôi con, kiên quyết không bước đi bước nữa.

Đó là nói thuở mẹ còn trẻ kia, khi cô hàng bán sương sa nhan sắc còn mặn

mà, một cô gái miệt sông nước Nam bộ, đôi mắt có buồn một chút, nhưng nụ cười thì tươi tắn dễ làm ngẩn ngơ khách si tình. Thuở đó cũng lại xa rồi...

Thằng Bờ đã lớn, khi chị Sương Sa bước vào tuổi già. Thằng Bờ cùng em là thằng Bụi dựng lại căn nhà cho mẹ khang trang hơn, mái lợp tôn và đổ nền láng xi măng, có thể gọi là một căn nhà được, không còn là túp lều tạm bợ nữa.

Đến lúc này mẹ Sương Sa lại có một ao ước khác:

– Tao ước chi có một cái tử thờ để thờ ba mày, rồi sau này tụi bay thờ tao. Tao tính trước cả rồi, tao có ra ngoài chợ Bà Chiêu chụp một tấm hình lộng kiểng để tụi bay thờ tao lên bàn thờ, cùng với bài vị của ba mày.

Thằng Bờ la lên:

– Má lắm cảm rồi, đang sống nhăn đã lo chuyện chết, được tôi sẽ mua cho má cái tủ thờ.

– Mà làm gì mà lo được, một tủ thờ làm bằng danh mộc, tao đặt đóng tận Bình Điền, đâu phải ít tiền, còn bộ lư nhang bằng thau, rồi đĩa trái cây ngũ quả...

– Được mà, con lo hết..

Có phải một lời nói gở không? Nhiều năm sau bà mẹ Sương Sa vẫn còn nhớ.

Thuở ấy thằng Bờ tròn hai mươi tuổi. Số tuổi lý tưởng cho người ta bắt lính. Chiến tranh ác liệt xảy ra quanh thành phố, ở khắp mọi nơi.

Sau trận Mậu Thân đánh nhau trong nhiều thành phố, người chết đếm không xuể. Trên rạch Cầu Bông và những con rạch khác, xác người trôi bồng bênh. Những con tôm đeo trên thi thể những xác vô thừa nhận no căng lương thực, đến đổi cả tháng trời dân thành phố không dám ăn tôm, ăn cá sông. Mẹ Sương Sa còn nhớ như in hình ảnh hãi hùng ấy. Thương cảm những xác người vô thừa nhận, trôi giạt vào gằm cầu, mẹ thả cho họ những nén nhang. Mẹ đứng bên ngoài chính trị và cũng chẳng biết chính trị là gì, như nhiều năm sau cũng vậy.

Thằng Bụi khi đó mười lăm mười sáu tuổi chi đó, nó cũng đỡ dần được cho mẹ. Thằng Bờ bị bắt lính. Khi mẹ hay tin, lên Trung Tâm 3 thì thằng Bờ cầm lấy tay mẹ, nói chuyện thật tình:

– Nhà mình lấy tiền đầu mà chạy chọt, má đừng tính quẩn mất công. Tuổi này, đảng nào thì con cũng phải đi lính, con đảng lính luôn, em con được miễn dịch vĩnh viễn, ở nhà phụng dưỡng má. Rồi đây sẽ hết chiến tranh, người ta không còn bắn giết nhau nữa, con sẽ về với má với em, con sẽ có vợ có con, má có cháu nội bế bồng...

Thằng Bờ nói trong nụ cười, giống hệt như nụ cười cha nó ngày nào, khi lái mái chèo quay con đò vào bến, nhìn thấy vợ con đứng đợi trên bờ.

Bà mẹ Sương Sa yên lòng.

Thằng Bờ nhiều lần về phép, nó bận quân phục rằn ri mũ nồi xanh. Nó nói nó ở Thủy Quân Lục Chiến, phải đi đánh nhau như điên mà chẳng hề hấn chi cả. Nó lại tặng mẹ tấm hình bán thân bận

quân phục, tô màu trông «kên sì po» ra phết. Những lúc vắng con, mẹ Sương Sa mang hình ra ngắm cũng thấy đỡ nhớ.

Lần cuối cùng thằng Bờ về phép thăm mẹ, mang theo bạn bè về ăn nhậu rồi ca hát suốt một buổi chiều. Nó đã hát bài có những câu gở mồm gở miệng như thế. Mẹ Sương Sa thấy lo lo, rồi như những lần trước thằng con lại ra đi. Mẹ nhớ mãi dáng người cao cao, dẻo dai và cái cười nửa miệng giống hệt cha nó, khi chống ghe ra giữa dòng sông.

Một mùa hè đỏ lửa năm 72 ở Quảng Trị. Những trận đánh kinh hồn ở Cổ Thành, ở La Vang, trên đại lộ Kinh Hoàng, cướp đi bao nhiêu sinh linh, gây lo lắng cho những người có thân nhân tham chiến trong thời kỳ Việt Nam hóa chiến tranh. Mù chữ như mẹ Sương Sa

mỗi ngày cũng mua báo nhờ người đọc nghe tin chiến sự.

Thủy Quân Lục Chiến đổ quân tiếp viện cho Quảng Trị. Thành phố Quảng Trị trở thành đồng gạch vụn.

Hằng đêm mẹ Sương Sa cầu trời khẩn Phật, cầu bình an cho con mình. Lời cầu xin đó có lẽ không thấu Trời xanh nên mẹ Sương Sa phải nhận tin xấu. Người sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, thuộc phòng Quản Trị Nhân Viên đơn vị tìm đến nhà, đứng chụm chân giờ tay chào mẹ Sương Sa:

– Xin thành thật chia buồn với bác và gia đình. Đơn vị chúng tôi báo tin bình nhất Nguyễn Văn Bờ được vinh thăng hạ sĩ, đã anh dũng hy sinh vì tổ quốc tại mặt trận Mỹ Chánh Quảng Trị. Đơn vị đã cố công tìm kiếm mà không thấy thi hài

hạ sĩ Bờ. Bà mẹ Sương Sa khóc ngất khi nghe tin dữ, thằng Bụi phải giật tóc mai cho mẹ mới lai tỉnh. Người sĩ quan vẫn lạnh lùng, không tỏ vẻ xúc động. Trên tay ông còn cả xấp giấy báo tử, luật chiến tranh phải khắt khe như vậy rồi. ông ta nói một câu máy móc:

– Tổ quốc ghi ơn hạ sĩ Bờ, mang ơn các vị phụ mẫu đã cống hiến cho tổ quốc những đứa con dũng cảm. Mai bác ở nhà, chúng tôi tới đưa bác đi làm thủ tục nhận tiền tử tuất và từ nay bác được ăn tiền tổ phụ.

Người sĩ quan trao giấy báo tử rồi chụm chân chào, đằng sau quay dứt khoát, đúng quân cách. Tiếng động cơ xe Jeep nổ ngoài đường.

Thế là thằng bé tử trận, mất xác, như cha nó cũng mất xác trên dòng sông.

Thằng Bờ tử trận, để lại cho mẹ Sương Sa nỗi buồn, nhưng cũng để lại cả tiền tử tuất mà mẹ Sương Sa coi là quá lớn lao. Một đời mẹ chưa bao giờ cầm số tiền lớn như vậy.

Mẹ lại được ăn tiền tổ phụ, mẹ đỡ lo về mặt sinh kế. Nhưng nào mẹ có ham. Nghề bán sương sa bây giờ là bán chơi, nhưng mẹ yêu nghề và nhớ khách hàng, mẹ không thể ở không, đó cũng là cách giải khuây. Điều mừng vui nhất là thằng Bụi vĩnh viễn không phải đi lính, không phải ra nơi trận mạc nữa, sẽ được ở lại hợp pháp để phụng dưỡng mẹ già, để nối dõi tông đường. Rồi chiến tranh cũng phải yên, phải chấm dứt thôi. Ngôi nhà này sửa lại khang trang, thằng Bụi sẽ có vợ, rồi những đứa cháu ra đời gọi mẹ Sương Sa là bà nội. Mộng ước bình

thường của mẹ Sương Sa vẫn còn tồn tại...

Bà mẹ Sương Sa nghĩ đến lời nói gở của thằng con hồi sinh tiền, mẹ lại nghĩ đến cái tử thờ. Chồng mẹ, con trai của mẹ xứng đáng ngồi trên đó, đĩa ngũ quả và khói nhang linh thiêng gọi hồn người đã khuất về chứng giám cho người vợ, người mẹ gần trọn một đời đau khổ, nghiệt ngã triền miên..

Sẵn tiền trong tay, mẹ thực hiện ngay điều ước mơ ấy. Mẹ cùng thằng con còn lại đi ngay xe đồ xuống Bình Điền đặt đóng cái tử thờ bằng danh mộc, chạm trổ xà cừ tinh vi, toàn là tiên cảnh, thanh bình như lạc vào xứ thần tiên mà người phàm không thể đến được. Núi non có cây tùng cây bách, trời có mây nổi, suối có hoa trôi, có đôi chim hạc bay cao tít. Trên thạch bàn có tiên ông ngồi đánh cờ,

đoàn tiên nữ xách giỏ đào tơ dăng Tây Vương Mẫu. Tuyết vời quá đi thôi.

Mẹ Sương Sa tin rằng một ngày nào đó mẹ nằm xuống, hồn mẹ phải được vui chơi miền tiên cảnh, không còn là ước ao nữa. Một đời mẹ sống hiền lành, trung hậu. Mẹ hiền như đất phù sa bồi bên bờ Cửu Long. Mẹ tin như thế và mãi mãi tin như thế. Một miền tiên cảnh vẫn chờ đợi mẹ lên đạo chơi, người ở cõi trên đón tiếp mẹ, không phải giống quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa nhận lệnh Diêm Vương đi bắt hồn mẹ về địa phủ. Tiếng nhã nhạc cõi tiên nổi lên trong đầu mẹ mà chỉ mình mẹ nghe thấy, cảm được ý nghĩa của nó. Dù ngoài xa kia tiếng đại bác vẫn nổ ùng oàng hằng đêm, những quả đạn pháo kích vẫn rơi vào thành phố. Trời kêu ai người đó dạ.

Khi mẹ Sương Sa mua được cái tủ thờ và bộ lư đồng như ước mong, thằng Bụi đề nghị mẹ mua thêm bộ ván ngựa dầy, cũng thuộc hàng danh mộc, một muôn năm không đục khoét được, kê trước tủ thờ để mẹ nằm nghỉ. Bộ ngựa không cần trải chiếu, mát rười rượi khi trời nóng bức. Mẹ Sương Sa đồng ý, sướng cho thân già của mẹ lại chiều được lòng thằng con hiếu thảo.

Thằng Bụi chống, sửa sang lại căn nhà cho thêm phần khang trang. Nó tự nhủ nó làm thay thằng anh khuất bóng.

Bài hát ngày nào anh nó hát trước lúc ra đi sẽ không còn ngậm ngùi mãi trong lòng mẹ: Nếu con không về chắc mẹ buồn lắm... Mái tranh nghèo ai người sửa sang...? Có em đây, anh! Thằng Bụi nói thầm như thế khi nó trần lưng trên mái nhà. Nó lay thử cột nhà, lấy dây kẽm

giăng kềm tứ phía, chắc lắm rồi, căn nhà không thể đổ ụp hay tốc mái khi gió bão. Hai mẹ con đứng ngắm căn nhà hài lòng...

Tất cả tình thương yêu của mẹ Sương Sa đều dồn cho đứa con còn lại, mẹ âu yếm hỏi con:

– Mày chịu lấy vợ chưa, má đi hỏi cho.

Thằng Bụi lắc đầu quây quây, mẹ Sương Sa hỏi tới:

– Hay mày ưng đứa nào, đưa về tao ngó được tao hỏi liền...

Thằng Bụi vẫn lắc đầu:

– Không đâu má, tôi chưa ưng lấy vợ, cũng chẳng mèo mỡ với con nào, chẳng để ý đến ai. Nghề nghiệp tôi chưa

ổn định, chưa kiếm ra tiền làm sao nuôi vợ, ỷ lại má hoài coi sao được. Tôi muốn ở với má, làm ra tiền nuôi má đã, chuyện kia tính sau. Tôi chỉ sợ lấy con nào về, nó làm buồn lòng má, tôi mang tội với ba, với linh hồn anh hai tôi thôi. Con gái bây giờ ghê lắm, đâu có được những người như má, các bà già xưa. Thiếu gì đứa bỏ chồng con đi lấy Mỹ, lấy Đại Hàn...

– Mà đừng nói vậy, tội chết, có người thế nọ kẻ thế kia.

Câu trả lời của thằng Bụi dứt khoát, hiểu nghĩa trọn bề. Thôi thì hai mẹ con sống với nhau trong ít năm nữa, mẹ Sương Sa trầm nghĩ thế.

Thằng Bụi tập sự theo nghề thợ tiện. Mẹ Sương Sa có vẻ hài lòng, thường khoe với hàng xóm: «Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh». Nhưng thằng Bụi không học

được nghề trót lọt, nếu không nói là dở dang vì thời thế.

* * *

Căn nhà của mẹ Sương Sa và thằng Bụi xiêu vẹo vì Sài Gòn bị pháo kích liên miên. Tuy nhà không trúng đạn nhưng sức nổ gây áp suất mạnh thổi ào ào cũng làm cái nhà muốn bung ra, kết quả là nhà bị xiêu vẹo.

Nhà cửa chưa kịp sửa sang lại thì giải phóng ập vào. Một cuộc đời vĩ đại qua những anh bộ đội lạ hoắc mà xưa kia họ được gọi là Vi Xi. Họ có vẻ hiền lành nhưng cũng thật kiên quyết. Có vậy họ mới đánh thắng được một triệu lính Cộng Hòa, đuổi được Mỹ. Giới lãnh đạo làm cách mạng của họ còn kiên quyết

hơn, nói nhiều điều nhân nghĩa mà cũng rắn nghiêm minh. Quân bại trận, lớp lớp sĩ quan đi học tập cải tạo, để trở thành người tốt hơn, binh sĩ học tập ngắn ngày rồi trở về làm dân, để kiến thiết đất nước, dân từng bị chế độ cũ kìm kẹp được cai trị uốn nắn cho thích hợp với hoàn cảnh mới để trở thành nhân dân một nước tự do độc hạnh phúc, sàng lọc kỹ những tàn dư Mỹ Ngụy! Chính sách như thế. Mẹ con bà mẹ Sương Sa tạm thời yên ổn, sống trong chế độ mới. Chỉ có một lần, một cán bộ mà người ta gọi là cách mạng ba mươi (tức theo cách mạng ngày 30.4.75) tới nhà nạt nộ bà già, chỉ lên bàn thờ, ngay cái hình thangka Bồ mặc quân phục rằn ri, lính ngụy:

– Hộ này, hạ ngay cái hình thangka lính ngụy đánh thuê kia xuống, thờ cúng chỉ cái giống phản dân hại nước.

Bà mẹ Sương Sa đang ngồi nhặt thóc và sạn trong kí lô gạo tổ vừa mua được ở Hợp Tác Xã, ngẩng lên hỏi:

– Chú nói sao?

– Tôi nói là hạ ngay cái hình thằng lính ngự kia xuống.

– Ờ hay, nó là con tôi mà, nó đã chết trận. Nghĩa tử là nghĩa tận, chú ơi.

Anh cán bộ ba mươi cười:

– À ra vậy, nhưng cũng phải hạ xuống không thì lời thôi to đấy. Chết trận hả, tội ấy còn nặng nữa kia, có nợ máu với nhân dân.

Bà mẹ Sương Sa vẫn không rời mắt khỏi rá gạo, thủng thẳng nói:

– Đúng đấy, chính nó đã nợ máu tôi, ngày tôi để nó trên bờ sông, tôi đã đổ biết bao nhiêu là máu...

Thằng Bụi ở trần, bận quần đùi, vênh lên tận bẹn, như đóng khố, mặt nó đen nhẻm coi lì lì xuất hiện, hất hàm:

– Này, hình thờ anh ruột tao đấy, muốn hạ hình đó thì mày bước vào mà hạ. Tao mời đó, cứ bước qua xác tao...

Rõ ràng là một câu đe dọa rất giang hồ anh chị. Câu đe dọa của thằng cùi không sợ lở. Kia, cây chĩa ba nhọn hoắt rung lên trong tay thằng thanh niên mới lớn. Rằng thằng Bụi nghiêng trèo treo, đôi mắt nó không hiền, đôi mắt dám ăn thua đủ:

– Thằng Tèo, nếu mày không dám vào thì về đi. Mày về nhà mày hạ hình thờ bố mày xuống để làm gương, bố mày đi lính nguy tử hồi nào đến giờ, cũng đã chết trận rồi đó. Tao không lạ gì cái bản mặt mày đâu Tèo à... Đ.M cái quân theo đóm ăn tàn...

Coi khí thế thằng này thiệt hung, nhịn đi là hơn, thằng Tèo trả lời yếu xìu:

– Tao hạ rồi.

– Chuyện của mày không làm gương được cho ai đâu, cút ngay!

Ngay chóc, nhà cách mạng ba mươi Nguyễn Văn Tèo phải lủi ngay. Cái thằng Bụi này có tiếng bắn chạc ná giỏi, bây giờ nó cầm cái chĩa ba xiên cá trên tay. Ai dè nó lại là con cái nhà này. Thế là chuyển lập công bị tổ trác. Thằng Tèo cúi xuống xỏ lại quai dép râu đi chưa quen. Bà mẹ Sương Sa nhắc nhở con:

– Mình không hạ hình anh hai mày thì thôi, ra lời làm chi cho nó thù oán mình.

– Nhà mình còn quái gì mà mất nữa, má sợ cái chi! Thằng nào đến nói cái

giọng xác xược ấy nữa, má đơm chổi chà lên đầu nó cho tôi.

Thằng Bụi nói xong quay ra bờ sông đâm cá chùm phục. Nó hy vọng tìm ra chút thịt cá cho mẹ ăn mặn miệng, chút bổ dưỡng cần thiết cho người già. Tội nghiệp bà ăn khoai lang khoai mì hoài, người gầy nhom. Gạo tổ do bà Năm Buồm bán, bà chỉ mua được hạn chế. Cái khó khăn chung của cư dân thành phố sau ngày được giải phóng.

Món quà mẹ Sương Sa bán, không phải nhu yếu phẩm cần thiết, khách ăn giải khát cũng được mà không cũng được. Món thêm thưởng của họ là cơm, gạo. Chuyện ấy người ta nghĩ rằng không bao giờ có thể xảy ra ở miền Nam, vừa lúa gạo của cả nước. Thời kỳ còn chiến tranh, ruộng vườn không làm được thì dân có gạo viện trợ, chưa một ngày nào

dân phải ăn khoai, mì thay cơm. Vậy mà thật đấy. Biết bao nhiêu là lý lẽ tung ra để biện bạch cho việc miền Nam thiếu cơm gạo. Chẳng ai cãi làm chi cho mắc tội, vì vẫn có những phần tử được ăn cơm độn thịt gà hay sườn heo nướng. Có người ăn để mà sống thì cũng có người sống để ăn, để bù lỗ...

Thời gian trôi trong rộn ràng qua loa phóng thanh của người cách mạng vinh danh cho cuộc chiến thắng thần kỳ. Phát động đủ thứ chiến dịch để xây dựng quê hương, kiến thiết xứ sở, đất nước bằng mười ngày xưa!

Một miền tổ quốc vốn đã bị kẻ thù làm cho thối nát, nay phải làm lại tất cả, coi như từ đầu, đập đổ san bằng không thương tiếc bằng khí thế cách mạng có đường lối đúng đắn qua kinh điển. Thanh niên nam nữ lên đường làm thủy lợi.

Những lời tuyên truyền huênh hoang, đội đá vá trời. Một dân tộc thần kỳ có thể làm được tất cả mọi chuyện, kẻ thù nào cũng đánh thắng, khó khăn nào cũng vượt qua! Tất cả phải nằm trong guồng máy quay, phải đều đặn và nhịp nhàng như vào máy khoa học kỹ thuật của nhà máy đóng nút chai nước mắm. Tất cả nên trở thành quốc doanh. Người ta nói nhiều quá đi thôi, vậy mà vẫn có những phần tử «xiu xiu ỉn ỉn». Thành phố phát động chiến dịch giãn dân đi kinh tế mới lập nghiệp. Kẻ nào chống đối lại là phản động. Nhân dân ngoan như cừu. Trong lúc ấy hai nước anh em lại giở mặt như giở bàn tay mà không biết ngượng. Đất nước núi liền núi sông liền sông ở miền Bắc đổ quân xâm lăng biên giới.

Miền tây nam tổ quốc, Cẩm Pu Chia có bọn Khơ Me đỏ ngày nào nào còn là

bạn bè nay cũng bày đặt chuyện chiến tranh. Dù vậy chính sách trong nước đã đề ra vẫn được thực thi quyết liệt, vẫn đào kinh vét mương làm thủy lợi, vẫn tang gia sản xuất, vẫn phát động dân nghèo đi kinh tế mới lập nghiệp, khắp mọi quận, phường trong thành phố. Nhân dân có thể tự nhở nhà mình, mang theo chổi cùn rế rách, nhà nước giúp phương tiện cho ra đi. ấp Đông Ba cũng có nhiều hộ tuân hành pháp lệnh, không đi hết gia đình thì cũng đi phân nửa. Những phần tử còn lao động được ra đi, ông già bà cả ở lại giữ nhà, để phòng đường rút. Họ gạt nước mắt lên đường... «trong hạnh phúc tràn trề»! Báo, đài tường thuật vậy. «Tất cả nhân dân đều hồ hởi phấn khởi lên đường xây dựng vùng kinh tế mới»! Báo, đài cũng tường thuật như thế.

Thằng Bụi vô công rồi nghề được bà Phấn, vợ một ông trung tá ngục đang đền tội ác, trả nợ máu cho nhân dân ở một trại học tập cải tạo nào đó, thuê cùng một số thanh niên khác trong xóm đến phá sập ngôi nhà bà thành một đồng gạch vụn, đồ đạc trong nhà cũng đập nát luôn, giá nào cũng không bán lại cho ai.

Người ta nói ngày trước chồng của bà tham nhũng, bóc lột nhân dân nên vẫn còn nhiều đô la, kim cương, vàng ròng.

Bà Phấn coi phá xong nhà, trả công sòng phẳng cho người thuê mướn rồi dắt lũ con ra đi. Lối xóm hỏi đi đâu, bà nói đi kinh tế mới ở quê nhà, để ông chồng bà học tập tốt, sớm trở về sum họp với gia đình. Nhưng rồi ai cũng biết bà dắt con đi vượt biên, ông chồng bà chết bỏ xác trong trại cải tạo vì say khoai mì.

Phường, tổ hợp phê bình bà Phấn ý có tiền bạc, «phát sinh» hành động ấy, là xấu xa phản động. Nhà cửa như thế mà không để lại cho «nhân dân», hoặc làm nhà trẻ, làm việc công ích, cũng cho nhân dân. Tồi tệ không chê được. Nhân dân phải lên án. Nhiều cái mồm phát biểu lao nhao như mở máy phát thanh và có những bộ mặt nghệt ra. Chẳng còn ra làm sao tất cả.

Một tắc không đi, một ly không rời, thế có nghĩa là ý thân xác ra. Thằng Bụi nghĩ nông cạn như thế cho gia đình mình. Không kinh tế mới, kinh tế cũ gì ráo. Cả gia đình chỉ có hai mẹ con, cái tử thờ có bố và anh hai nó ngự trị trên đó...

Một ngày đẹp trời, cán bộ phường xuống nhà bà mẹ Sương Sa động viên mẹ lên đường đi vùng kinh tế mới lập nghiệp. Mẹ Sương Sa đang ngồi trước

rổ khoai lang, phải gọt đến ba phần tư khoai sùng bỏ đi, ngẩng lên hỏi:

– Các chú nói gì, tôi nghe không rõ và cũng không hiểu. Nói lớn giọng một chút, cái tai tôi điếc mất rồi.

Thật ra tai mẹ không điếc, mẹ giả đò thế thôi. Nhưng anh cán bộ vẫn phải lớn giọng giải thích, cố nhồi nhét vào cái đầu tối tăm của «bà già nhân dân» ở tỉnh thành mà quê mùa này hiểu thế nào là ý nghĩa cao đẹp của chính sách đi lập nghiệp Kinh Tế Mới.

Bà già lần thân:

– Thế hả, vậy thì có được ăn cơm không, lâu nay không ăn cơm, tao thèm lắm. Gạo tổ của bà Ba Thi bán ở bà Năm Buồm này tao ăn không đặng, nhiều sạn quá, khoai lang thì sùng đặng, tao phải bỏ quá nửa nè. Nói thiệt cho bay biết,

mấy thứ này hồi trước người ta cho heo ăn, khoai sùng khoai đắng heo chê nên người ta phải nấu cám trộn với gạo, cho heo ăn. Vậy mà bây giờ bán cho người ăn thì tội chết, tao già, sống quá nửa đời người rồi, tính tao chân thiệt có sao nói vậy, tội lắm bay ơi...

Bà già thật quá sức lắm cẩm, nhưng với cương vị người làm cách mạng, anh cán bộ cũng phải giải thích cho dân hiểu, dân nghe, phối hợp với tuyên truyền:

– Đó là khó khăn chung của nhân dân cùng chịu, chúng ta đang làm cách mạng, rồi đây đất nước sẽ được giàu đẹp, nhân dân cơm no áo ấm, ăn sang mặc đẹp. Đồng chí lãnh đạo đã nói thế.

– Không dám đâu, tui bay làm cách mạng đi, tao hồng thềm đâu, tao tuổi già sức yếu rồi...

Ngu ời là ngu, anh cán bộ thẩm kê như vậy, giống người này cần được giáo dục, đả thông tư tưởng để biết thế nào là cách mạng, nếu bà còn trẻ, tôi sẽ gửi bà đi trường học tập cải tạo một khóa. Nhưng bây giờ thì vẫn kiên nhẫn, ngon ngọt, không được nổi nóng:

– Má à, ta cần phải hy sinh, hể là nhân dân Việt Nam, không kể già trẻ lớn bé đều phải hy sinh, bao nhiêu thế hệ người phải hy sinh xương máu để có ngày hôm nay, đất nước được độc lập tự do, phải noi gương nhân dân miền Bắc đã hy sinh suốt mấy chục năm qua. Ta thống nhất được đất nước, đánh cho Mỹ cút, Ngụy nhào...

– Tao đã hy sinh rồi, mạng sống của chồng tao, một thằng con trai tao rút ruột đẻ ra. Bây giờ cha con nó ngồi cả trên tủ thờ kia, hai thằng bay thấy khô-

ng? Hai anh cán bộ nhìn lên tử thờ, họ thất kinh. Hình một thằng lính ngự, đủ cả cân đai mũ mấn trông ác ra mặt, đập vào mắt họ, bà già này to gan thật:

– Nhưng má... có thể thờ thằng con, nếu thằng ấy bận quần áo khác...

Bà mẹ Sương Sa lắc đầu, chẳng còn biết nói sao. Thằng Bụi xuất hiện. Nó vừa đi kiếm ăn ở ngoài chợ về, mặt nó coi có vẻ hình sự, côn đồ, võ giọng nói ồm ồm:

– Hình anh ruột tao đó, con đẻ của má tao. Mẹ tao ưa nói lẩn thẩn, nhưng tình thiệt, dù bà không biết chữ, nhà tao ba đời mù chữ, kể cả tao, nhưng tao cũng biết phải quấy. Tao nói cho tụi bay biết má con tao không đi đâu hết, má tao mất sức lao động rồi, còn tao đã trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, chưa biết ngày nào tao lên đường...

Thằng thanh niên không biết thế nào là lễ độ, mày tao vung xích chó, chẳng còn coi ai ra gì. Cũng chẳng trách nó được vì nó đã sống và lớn lên trong chế độ cũ nên thiếu giáo dục. Hai anh cán bộ đành rút lui. Còn gì mà nói nữa! Nhưng một đồng chí cán bộ cũng ghi nhớ vào sổ đen: Hộ đó, trong con hẻm nhà không số, không tên đường, thuộc gia đình đáng lưu ý để giáo dục. Bằng cách nào thì hạ hồi phân giải, cấp trên quyết định...

Thằng Bụi mang về cho mẹ một bọc cơm nguội ngắt, một túi ni lông thịt heo kho nước dừa với hai cái hột vịt:

– Má đổ cái rổ khoai heo ăn kia đi, hấp cơm lên mà ăn, kho lại thịt heo hột vịt, «chất đốt» trong bếp còn mấy thanh củi đó. Má nhớ giặt cái bọc ni lông để trả lại người ta.

Bà mẹ Sương Sa ôm bọc cơm:

– Thiệt quý giá, người nào mà tốt vậy bay, sao không mang gạo thịt sống cho mà lại kho nấu chi cho mất công?

– Tại má không biết đó thôi, những thứ này bạn con ở dưới quê mang lên làm quà cho bà con, phải nấu chín, mang những đồ sống lên thành phố không thoát khỏi trạm kiểm soát kinh tế đâu. Người mang sẽ mắc tội buôn lậu, thiếu gì người đã bị bắt.

– Lạ nhỉ, tao mới nghe «chiêng» đó lần đầu trong đời. Nghĩ đến gạo trắng nước trong tao bắt thèm. Bà già trầu xỉa miếng thuốc lên hàm răng chiếc còn chiếc mất. Mẹ Sương Sa lo lắng miếng trầu từ Hóc Môn đưa lên bị coi là hàng lậu nữa thì thiệt tội nghiệp cho những bà già trầu.

Tâm thần mẹ Sương Sa mỗi ngày một thêm lẫn thẩn, lo lắng toàn chuyện không đâu. Mẹ không sống vô tư buông thả như thằng con của mẹ. Như tinh thần truyền thống dân Nam bộ sống hôm nay không cần dành dụm cho ngày mai. Một xứ chim trời cá nước, đời sống dễ chịu, bằng chứng là mẹ đã sống được gần trọn một đời người. Từ thuở cùng chồng trôi sông lạc chợ, lên đênh trên sông nước, không biết đâu là bến là bờ.

Rồi thân góa bụa, một nách hai đứa con.

* * *

Thằng Bụi lên đường vào một sáng mùa xuân, khi pháo hồng còn nổ ran trong thành phố, mừng thêm một mùa xuân thanh bình. Khi đàn trẻ thơ chạy nháo lên trong phố phường nhặt pháo

lếp đốt nổ đì đùng góp vui ngày Tết Nguyên Đán cổ truyền.

Bà mẹ Sương Sa cùng một số bà mẹ khác thuộc phường 6 ra sân hội trường ủy Ban Nhân Dân đưa tiễn con lên đường làm nghĩa vụ quân sự. Cờ rong trống mở rập rình. Trong buổi lễ tiễn đưa biết bao nhiêu là diễn văn nổ át cả tiếng pháo mừng xuân. Người ta thi nhau phát biểu, nói lên cái cao đẹp của việc tòng quân bảo vệ non sông gấm vóc, làm nghĩa vụ quốc tế, cứu giúp nước bạn anh em. Bởi vậy mới gọi là trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, trái ngược hẳn với chuyện lừa bắt trai trẻ đi quân dịch, hay gọi nôm na là bắt lính như thời ngụy. Các thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự được võ trang tinh thần, lý tưởng cao cả. Không có gì hãnh diện bằng, các thân nhân chiến sĩ cũng được thơm lây!

Tiếng vỗ tay nổi lên nhịp nhàng khi dứt bài diễn văn, do chính vị đọc diễn văn khởi xướng, đánh nhịp. Sau chót là màn chụp hình kỷ niệm. Nhà đạo diễn phỏ nhòm nhắc nhở những bà mẹ:

– Cười lên, các má các chị tươi lên nào, để chụp ảnh đăng lên báo, đài, nở mày nở mặt với năm châu bốn biển, đất nước có những bà mẹ chiến sĩ anh hùng.

Thằng Bụi đã lên xe ra đi. Bà mẹ Sương Sa đứng nhìn theo con, nhưng bà không nhìn thấy nữa. Bụi đường cuộn lên sau xe tải. Bà lẩn thẩn quay trở về nhà mình. Bà thấy tâm hồn mình trống vắng trong căn nhà vốn dĩ quạnh hiu càng quạnh hiu hơn. Bà lẩm bẩm trong miệng:

– Buồn thấy mụ nội mà nó lại biểu mình phải cười. Con tao rút ruột đẻ ra

chớ có phải chúng nó đẻ đâu.

Bà mẹ Sương Sa được coi là mẹ chiến sĩ, có thể được coi là diện chính sách, nhà nước đặc biệt quan tâm giúp đỡ, nhưng bà vẫn phải ăn độn dài dài, khá hơn một chút có bo bo mà người ta gọi là cao lương, ăn đầy hơi và đau bụng thấy mụ nộ. Bà mẹ Sương Sa không thể không chửi thề. Khá hơn một chút nữa thì ăn mì sợi nấu với nước muối thay cơm. Nhà nước vẫn bảo đảm với nhân dân rằng họ không để bất cứ người dân nào bị chết đói. Báo hại một chục năm sau, nhiều người nhìn thấy tô mì còn thất kinh, xe hủ tít mì của chú Lì đầu xóm ế sừng ế xía, đến phải dẹp nghề xoay nghề ve chai.

Bà mẹ Sương Sa biết con bà đang chiến đấu bên Cẩm Pu Chia, làm nghĩa vụ quốc tế. Bà không mấy quan tâm mình thuộc diện nọ kia nào, mà chỉ lo

lẳng cho tính mạng thằng con bị «cáp đồn». Nó chưa một lần nào được về phép thăm mẹ, cũng chứng thư từ gì ráo, vì nó có biết chữ đâu, mà mẹ cũng lại mù chữ nữa. Tin tức biến biệt..

Gánh sương sa ngày một oằn nặng trên vai bà mẹ già. Cái nhà ngày một thêm xiêu vẹo, nó xuống cấp trầm trọng như sức khỏe cùng tuổi tác ngày một cao của mẹ. Căn nhà sắp trở lại nguyên trạng cái lều hay cái chòi cũng vậy. Như thuở mẹ Sương Sa cùng chồng trôi sông lạc chợ, lên cắm dùi ở đất này. Chỉ có cái tủ thờ lúc nào cũng sạch bóng. Đôi mắt thằng Bờ trên tủ thờ nhìn mẹ đắm đắm. Đôi mắt của nó lạc cả vào giấc mơ của mẹ.

Con hài lòng hay oán hận mẹ, hỏi con? Đừng oán hận mẹ, nhé con. Tội nghiệp con quá! Mẹ rút ruột đẻ con,

dầu rằng đời sống con có ngăn ngại ở thế gian. Mẹ vẫn sống đây để chờ đợi em con, thằng Bụi, đứa con bé bỏng, út ít của mẹ, chỉ còn mình nó nổi giòi tông đường... Mẹ Sương Sa thức giấc lúc trời sáng bạch. Mẹ nhìn thấy một trời đầy sao lúc ban ngày.

* * *

Bà mẹ Sương Sa được báo tin thằng Bụi hy sinh trong khi làm nghĩa vụ quốc tế bên Cẩm Pu Chia.

Một lời «tổ quốc ghi công» là đủ, cũng như mẹ đã nghe câu «tổ quốc ghi ơn» hồi thằng Bờ tử trận. Hình như hai câu ấy có khác nhau chút đỉnh, mẹ không quan tâm nữa, mẹ chỉ nghĩ đến con, đứa con mẹ phải dùng răng cắn rốn cho nó khi chạy giặc Tây.

Một đời mẹ ba lần khóc chồng, khóc con, mẹ khóc đến chảy máu mắt, đến chết giấc, ai thấu hiểu cho nỗi đau khổ của mẹ, chẳng còn ai cả, phải không?

Thế là chỉ còn một mình bà mẹ Sương Sa còn lại ở thế gian, trong túp lều xuống cấp trầm trọng.

Trận mưa dầm tháng bảy kéo dài lê thê cùng với lời khóc than của mẹ trong niềm bất hạnh tận cùng.

Mẹ được cán bộ động viên tinh thần để khắc phục đau buồn. Phấn đấu sống để làm mẹ Việt Nam anh hùng. Nhưng nước non mẹ gì, mẹ buồn thì cứ buồn. Chuyện đau khổ là chuyện của mẹ thôi, ai mà chia xớt được. Tổ quốc ghi công là quá đủ. Tổ quốc còn nghèo, tổ quốc tặng mẹ một món quà nhỏ ghi công.

Giữa lúc mẹ Sương Sa cúng cơm thắp con, đốt giấy tiền vàng mã cho con tiêu xài trong cõi âm, mẹ tin rằng linh hồn nó còn lẩn quất đâu đây. Dù xác nó có mất ngoài sa trường, linh hồn nó vẫn ở bên mẹ. Kìa nhìn tro tàn giấy bay!

Sự đau khổ buồn phiền của mẹ chỉ biết thể hiện như thế qua mê tín dị đoan của dân tộc suốt bao đời. Mẹ lại muốn một ngày nào đó, qua một trăm ngày con tán mạng, mẹ đi gọi hồn nó qua hồn Cậu linh thiêng, nghe lại lời nhắn nhủ cuối cùng của nó với mẹ.

Bà thày, trung gian của người phạm với hồn ma, sẽ phán rằng, ba bố con nó đã gặp nhau, hiện họ đang tung tăng dạo chơi miền tiên cảnh, nhòm xuống thế gian thấy mẹ nó còn khỏe mạnh, vẫn còn gánh sương sa rong ruổi trên từng chặng đường trong xóm nhỏ. Bố con nó

sống sung túc vì được cúng cơm, được nhang khói, được tiêu những đồng tiền âm phủ, do mẹ nó đất cho. Bố con nó sẽ phù hộ cho bước đi của mẹ vững chãi, chân cứng đá mềm. Như vậy, bốn phận làm vợ, làm mẹ của mẹ vẫn chưa hết. Mẹ phải làm sao sống cho vừa lòng người thân ở cõi âm đang được dạo chơi miễn tiền cảnh chờ đón mẹ, ít ngày, vì một ngày ở xứ tiên bằng một năm ở cõi trần. Mẹ tin như thế và nhất định chỉ tin như thế.

Trên tử thờ bây giờ chỉ còn thiếu tấm hình của thằng Bụi, thuở sinh tiền thằng Bụi không có một tấm hình nào. Mẹ cầu xin linh hồn những người thân phù hộ cho mẹ một lần được nhìn lại thấy mặt thằng con út ít. Lời cầu xin của mẹ hằng đêm được linh hiển, không phải trong giấc mơ, mà là thật.

Một ngày cuối mùa mưa, một anh thương binh cụt giò tìm đến mẹ. Tặng mẹ tấm hình con trai mẹ, đóng khung lộng kiếng dàng hoàng. Tấm hình thằng Bụi bán thân, bạn quân phục bộ đội, đầu đội mũ cối có đính sao vàng, nụ cười của nó tươi trẻ làm sao.

Anh thương binh giải thích:

– Cháu cùng đơn vị với Bụi, bạn bè chụp chung nhau tấm hình này hồi ở Cẩm Pu Chia làm kỷ niệm. Cháu cắt riêng ra hình của Bụi, đem phóng lớn đóng khung tặng lại bác. Cháu nghĩ bác cũng cần một tấm hình để trên bàn thờ như anh nó.

Bà mẹ Sương Sa cảm động vô cùng, lời khẩn khứa cầu xin của bà đã linh hiển. Đúng là bà đã thấy lại con, bà phải để ngay lên tủ thờ, đứa bên phải, đứa

bên trái cái bài vị của cha nó. Tuy hai cái hình mang hai bộ quân phục khác biệt nhau, nhưng có sao đâu, chúng nó vẫn là anh em ruột thịt do một mẹ sinh ra. Anh bạn thương binh cũng nói, chuyện bình thường để cho nó bình thường đừng làm nó thêm rắc rối nặng nề. Không một ai có quyền đặt vấn đề bắt bẻ mẹ phải thế này hoặc không được thế này. Còn ai khổ hơn mẹ, bất hạnh hơn mẹ suốt nửa thế kỷ qua.

Anh thương binh kể cho mẹ Sương Sa nghe về cái chết của con bà:

– Chiến tranh là tàn nhẫn, cháu nhớ ngày Bụi hy sinh cũng chính là ngày cháu bị bắn gãy giò. Cháu bị thương nằm lại, bạn Bụi tiếp tục xung phong, một tiếng nổ lớn, cháu không còn nhìn thấy Bụi nữa, xác bạn tan ra từng mảnh bay tứ tán. Cháu về nằm Viện mà cứ nghĩ

đến bạn cháu hoài, cháu tự nghĩ bác còn thiếu một tấm hình của Bụi. Cháu xuất viện nghĩ ngay đến chuyện làm một tấm hình của bạn tặng bác...

– Đúng, đúng, cháu nghĩ rất phải. Bác cảm ơn cháu vô cùng. Trên đời này bác không quý gì hơn hai tấm hình của anh em nó, nhìn hình, bác thấy chúng chưa chết, vẫn còn lẩn quẩn bên bác như hồi nào. Thân bác một kẻ trôi sông lạc chợ còn gì quý hơn đâu

– Biết đâu là bến bờ.

– Vâng thưa bác, cát bụi lại trở về với cát bụi, như tên bạn cháu.

Tên Bụi của thằng Bụi có nghĩa khác, như gắn liền với tên anh nó, đánh dấu giai đoạn sinh ra nó, nhưng vì bà già dết nát quá nên không thể giải thích được

Bà nói sang chuyện khác rồi đề nghị:

– Cháu ở lại ăn cơm với bác nhé, đừng từ chối, bác không còn ai ngồi ăn cơm cùng. Hôm nay, bác có hai con cá rô kho tộ, do một thằng nhỏ lối xóm mang cho, món thằng Bụi thích nhất đấy. Cháu ngồi ăn chung với bác như thằng Bụi từng ngồi ăn với bác khi nó còn được con cá ngoài đìa.

– Vâng, thưa bác. Đáng lẽ cháu xin được từ chối, nhưng bác đã nói thế, cháu phải vâng lời.

Thằng nhỏ ăn nói ngoan quá. Bà mẹ Sương Sa vui lây, cười:

– Hằng năm cháu đến ăn giỗ nó nhé, gặp bạn bè thằng Bụi thì cứ rủ, đừng lo thiếu thốn, vì hồi này bác cũng kiếm ăn được. Bà con lối xóm thấy bác neo đơn

nên cũng giúp đỡ, không khó khăn như hồi đầu giải phóng nữa. Nay người đi kinh tế mới làm ăn thất bại đã trở về rồi đấy. Nếu ngày ấy thằng Bụi không cứng thì bác cũng bị lừa đi rồi, cán bộ người ta nói khéo ời là khéo hứa hẹn đủ thứ...

– Rồi không có gì phải không hở bác?

– Bác không biết, vì bác không đi kinh tế mới, nhưng người đi rồi trở về nói lại như vậy.

Hai người ngồi ăn bữa cơm đạm bạc mà ngon miệng. Anh thương binh khéo đưa đẩy câu chuyện làm cho bà già vừa thương vừa hài lòng. Bà mẹ Sương Sa có cảm tưởng mình ngồi ăn với con trai mình thuở mẹ còn sung túc, anh ta cũng trạc tuổi con mẹ. Mẹ gấp thức ăn cho anh, mẹ gọi anh bằng con và xưng má.

Ngoài trời cơn mưa cuối mùa vẫn dai dẳng. Chưa biết đến hôm nào trời mới nắng đây?

* * *

Bà mẹ Sương Sa bận tất bật từ buổi chiều đến sáng ngày hôm sau, cho bữa giỗ thằng Bụi. Lễ vật đóng góp cho bữa giỗ của bạn bè thằng Bụi mang đến hậu hĩnh từ ngày hôm trước, mẹ phải nhờ người hàng xóm sang làm phụ mới xong công chuyện. Mỗi năm mẹ phải lo chu toàn cho ba bữa giỗ của ba bố con, do tiền mẹ dành dụm từ gánh sương sa hạt lựu bán từng ngày. Mẹ tiếp tục nuôi chồng nuôi con ở bên kia thế giới mà mẹ tin rằng nhất định nơi đó là miền tiên cảnh.

Đời sống kinh tế của mẹ Sương Sa thời gian này cũng đỡ hơn. Nghe đâu đất nước mở cửa, nhân dân có đồng ra đồng vào tiêu xài, cũng hết luôn cảnh ngăn sông cấm chợ, lương thực được lưu thông. Gánh sương sa của mẹ cũng bán buôn khá hơn. Lại có Việt kiều về nước thăm lại quê hương, giúp đỡ bà con. Những sĩ quan ngụy quân, ngụy quyền ở tù cũng đã trở về và số đông đã ra đi, rồi lại trở về thành Việt kiều. Phần đông họ có lòng tốt, trọn vẹn tình làng nghĩa xóm.

Bà trung tá Phấn ở ấp Đông Ba, ngày nào thuê thằng Bụi phá sập nhà trước lúc ra đi, nay cũng từ Mỹ trở về thăm lại xóm cũ, tình làng nghĩa xóm rôm rả. Nhà bà đương nhiên không còn nữa, bà ở khách sạn rồi về thăm bà con láng giềng. Bà lội đến thăm bà mẹ Sương Sa,

nhìn hình thằng Bờ thằng Bụi trên bàn thờ, bà chấm nước mắt:

– Bà chỉ còn một mình thôi hả?

Bà mẹ Sương Sa trả lời theo thổ ngữ vùng sông nước Cà Mau, nơi bà đã ra đi theo chồng từ thuở còn con gái, từ đó trôi sông lạc chợ chưa một lần trở lại quê hương, nên cũng chẳng biết bà con ai còn ai mất:

– Dạ, có mình «ên», chồng con chết ráo trội rồi, họ ngồi trên tử thờ đó. Tôi còn phải sống để nuôi linh hồn họ. Nhang khói cho họ đỡ quạnh hiu.

– Bây giờ bà sống ra sao?

– Một gánh sương sa bán mỗi ngày, chiều về lo làm hàng cho ngày hôm sau, lo nhang đèn cho cái bàn thờ bố con nó, rảnh rang tôi lên Chùa làm công quả,

nghe kinh. Đời sống vậy cũng được rồi. Bà con quanh đây thương mà giúp đỡ tôi, tiếng là chỉ có mình «ên» nhưng có sao đâu, tôi còn tình làng nghĩa xóm.

Bà mẹ Sương Sa không ngờ mình lại biết nói nhiều như thế trước một bà sang trọng. Bà mẹ Sương Sa còn tiếp:

– Khi nào tôi về châu trời, tôi cũng muốn bố con nhà nó lên Chùa nghe kinh. Tôi đã có lời nhờ trước sư cụ rồi.

Đó là mơ ước cuối cùng của bà lão, hết chồng bị giết lại đến con hy sinh vì những thế lực nào đó trên quê hương đầy những bất hạnh nghiệt ngã này. Sau những lời tâm sự nôm na và chân thành của bà lão, bà Việt kiều sang trọng biếu bà lão một chai dầu gió xanh Con ó gọi là quà nước ngoài để thoa bóp lúc trái nắng trở trời, một ít tiền để bà lão ăn trầu cau,

sắm nhang đèn cho cái bàn thờ kia đỡ phần quanh hiu. Bà lão Sương Sa lấy làm hả lòng hả dạ, cảm ơn hết lời con người từ tâm.

Sáng nay mẹ thức giấc, mở mắt ra lại nhìn thấy một trời đầy sao. Mái tôn quá mục nát đây mà mẹ không còn sức leo cao để tự che chắn cái mái nhà. Mẹ nằm nán trên bộ ngựa lên nước bóng láng, mát như bàn thạch. Nếu ngày ấy không liêu mua thì cũng chẳng có bộ ngựa này, cái này cũng chính là xương máu của con mẹ. Mẹ thầm khẩn khứa chồng con, mời họ về ăn giỗ, ngày giỗ nào cũng là ngày giỗ chung của ba người, họ đoàn tụ và gia đình đoàn tụ.

Sáng nay bà mẹ Sương Sa không đi bán, dĩ nhiên mẹ phải ở nhà làm giỗ, dù đã có người giúp đỡ. Bữa giỗ đơn sơ nhưng cũng phải có út rượu ngon cho

đám bạn bè của hai con. Chúng nó đến đều vì tấm lòng, nhưng cũng không quên mang theo lễ vật đèn nhang, hoa quả trái cây. Chúng đốt nhang đứng vái trước bàn thờ bạn. Hai chục năm đã qua, chúng đều trở thành những người đàn ông có tuổi, nhưng mẹ Sương Sa vẫn coi chúng như con cái, ngang bằng phải lứa với thằng Bờ thằng Bụi ngày nào. Chính họ cũng bằng lòng như vậy, họ gọi bà già bằng má xứng con, tự coi mình như con cháu của bà. Hầu hết họ là người khuyết tật nạn nhân chính qua hai lần chiến tranh, thế hệ của thằng Bờ thằng Bụi. Họ quý mến nhau, coi nhau như anh em ruột thịt dưới một bà mẹ neo đơn cũng vì chiến tranh, vì thời cuộc.

Mỗi người trong bọn họ đều nghèo, sinh sống bằng nghề tự do trong cái đa dạng của nền kinh tế thị trường. Nhưng

tất cả xúm lại, mỗi người một tay giúp mẹ làm bữa giỗ cúng người đã khuất. Để mẹ được rảnh rang ngồi nhai miếng trầu. Sau là để ngồi với nhau. Ngồi với nhau thoải mái, tự do, không còn phân biệt như thuở nào.

Những cây nhang cắm trên tử thờ cháy hết, cong vòng mà không rụng tàn, mọi người nhìn lên. Bà mẹ Sương Sa mặt vui chớ không buồn, nói:

– Bố con nó về đó, các con à. Ba nó và hai con cho tôi hạ đồ cúng xuống cho các anh em ăn nhậu, chắc tất cả đều đói cả rồi.

Bà già nhắc nhở với đám con:

– Tao có lít rượu để ngon cho tụi bay.

Một anh nói:

– Con cũng có mang rượu theo, không dám mang ra, sợ má la.

– Không, tao không la đâu. Chồng tao ngày xưa thường nói câu chữ «nam vô tửu như kỳ vô phong». Nhưng chúng mày không được uống say quá rồi làm bậy, nói bậy thôi.

– Chúng con xin hứa với má.

Anh Thuận lớn tuổi nhất, được xếp ngồi trên bộ ngựa với mẹ, cùng với các chú các bác lớn. Anh Thuận là bạn chiến đấu với anh Bờ ngày xưa, thuở còn đi lính Thủy Quân Lục Chiến chế độ cũ. Anh Bờ tử trận, sau đó anh Thuận bị thương cụt giò trở thành thương binh. Bây giờ anh Thuận không nhận được một sự trợ cấp nào. Anh làm nghề hát dạo bán vé số độ nhật. Cái chân gỗ của anh do di chuyển lâu năm, đã mòn vẹt hết bàn chân, anh

lại trở thành khập khiễng. Bữa giỗ năm nay, anh thay thế cái chân gỗ mòn bằng cây nạng. Anh Thuận hiền khô, trông chẳng dữ dằn tí nào, như sắc lính anh từng theo qua lời tuyên truyền. Đi đâu, anh cũng khoác theo cây đàn cũ. Anh hát xong, mời mọi người mua vé số, anh không nhận của bố thí.

Hai mươi sáu năm trước anh đã ngồi với Bờ ở căn nhà này ăn bữa cơm canh chua đầu cá lóc của mẹ Sương Sa nấu làm tiệc tiễn con lên đường. Khi đó thằng Bụi vẫn còn nhỏ, gầy nhom. Anh ôm vai nó, vòng ôm chưa khít cánh tay. Vậy mà bây giờ nó đã ra người thiên cổ, ngồi trên bàn thờ kia trong quân phục bộ đội, mũ cối gắn sao vàng. Hình ảnh hai anh em chung một bàn thờ tương phản nhau.

Ngày anh Thuận và thằng bạn tên Bờ ra trận, cái tủ thờ này chưa có và bộ ván

ngựa này cũng chưa có. Anh Thuận gặp lại mẹ Sương Sa sau mười lăm năm, khi anh đang hát và bán vé số dạo ngoài chợ. Mẹ òa khóc khi nghe hát bài quen thuộc thuở nào, mẹ ôm lấy anh gọi «con ơi». Từ đó mẹ Sương Sa đã già lắm, nhưng chưa già như hôm nay. Từ đó Thuận năng lui tới với mẹ, không bỏ một ngày giỗ nào của gia đình mẹ. Thực tình khi nào Thuận đến thì mẹ biết, mẹ cũng chẳng biết anh ở đâu, nơi nào trong cái thành phố ngày một thêm đông đúc này.

Anh Thuận ngồi ăn, uống tí rượu, cây đàn ghi ta cũ cũng không rời anh, nó tạm thời được chống cán lên tủ thờ.

Trời chính ngọ, nắng rọi lốm đốm hình trứng gà lên bàn thờ, trên bộ ngựa bày mâm cỗ, bởi tại mái nhà nát. Những anh em ngồi chiếu dưới rượu đã ngà ngà say. Đám người ấy hầu hết là bạn bè thẳng

Bụi, đã một thời từng đi chiến đấu bên Campuchia trở về, ít người lành lặn. Có người bị thương nhẹ mà còn sống, bây giờ hành nghề đập xích lô, người bán vé số, người đi ve chai buôn bán bất cứ thứ đồ phế thải nào, nếu không nuôi được ai thì cũng nuôi được chính thân họ, những đứa con của đất nước anh hùng. Lương gia đình diện chính sách như mẹ Sương Sa đây cũng chỉ đủ mua trầu cau nhai đỡ buồn. Nhưng cũng chẳng bao giờ nghe mẹ Sương Sa nói đến. Mẹ vẫn sống qua gánh sương sa hạt lựu nước dừa làm mát lòng khách thập phương, đêm đêm có nhang đèn cho chồng con.

Một anh ngà ngà say đứng lên nói với mẹ:

– Má à, làm đơn đi, địa phương mình đang tuyển «mẹ Việt Nam anh hùng» đó.

– Phải tuyển sao mày, tao một chữ không biết, đơn mới từ gì?

– Má thuê người viết, má đủ điều kiện, má diện chính sách, mẹ liệt sĩ...

Một anh giật bạn ngồi xuống:

– Câm họng đi, đừng làm má khổ thêm nữa, má không trúng tuyển thì sao nào?

– Sao không trúng tuyển được, má dư điều kiện mà.

– Đồ ngu, mày banh mắt ra mà nhìn trên bàn thờ kia, hai tấm hình của hai anh em nhà này...

Anh bạn lẩm điều hiểu ra, gật gật đầu:

– Ờ há!... Tao quên mất «chiêng» đó.

Mà sao vậy há, cũng là «chiêng» bình thường thôi mà.

– Tao không biết, nhưng vẫn phải dè chừng. Mà nên uống ít thôi, tao biết tính mày cứ «xỉn» vào là nói lung tung.

Anh nhậu sắp «xỉn» úp cái ly không xuống, thái độ dứt khoát của những tay nhậu, khi không uống nữa:

– Đồng ý, tôi có tính xấu ưa nói khi nhậu, tốt nhất là không nói nữa.

Nhưng xung quanh bạn bè vẫn nhậu lia chia, phát ngôn vung vít nhiều ý kiến, nhưng chẳng hại gì, tất cả đều vì má, cho má, những gì tốt hơn lợi hơn cho đời sống má những ngày còn ở lại thế gian. Có anh em thấy mâm trên nắng rọi đến chỗ má và anh Thuận ngồi, lên tiếng:

– Ý không được rồi, phải lấy cái gì, miếng bọt hay tấm ni lông che chỗ nắng rọi cho má mình chớ? Kìa, anh hai Thuận cũng bị nắng rọi trúng.

Giọng má từ tốn:

– Không sao đâu các con, má quen rồi.

– Đâu được, mùa nắng còn có mùa mưa nữa chớ.

– Mùa mưa thì tao giăng miếng ni-lông lên cho nước lọt ra ngoài, mùa nắng tao bỏ tấm ni lông ra cho thoáng và nhìn thấy sao trên nóc nhà ban ngày...

Tất cả cho rằng má nói chơi, mang ý nghĩa cay đắng cho số phận của mình. Nhưng không, má chân thật thiệt tình, sự ngay thẳng bẩm sinh. Mẹ Sương Sa nói lại:

– Tao nói thiệt đó, tao không thấy chi là khổ, đời tao chỉ đau khổ có ba lần khi mất chồng, mất con, còn chuyện này thì nhằm nhò gì, tao từng lênh đèn trên sông nước với bố chúng nó, gió dập mưa vùi có hề hấn chi. Hôm nay ngày giỗ thằng Bụi, cũng như thằng Bờ và cả cha chúng nó, chúng bay đến thắp cho cây nhang, không phân biệt thế là quý rồi, đã bao nhiêu năm qua chúng mày không quên, tao đỡ buồn... Uống nữa đi, nhậu đi cho nhà này vang tiếng cười.

Đột nhiên mẹ Sương Sa ngỏ mấy lời tâm sự chân thành. Đám trẻ thuộc hàng con cháu vỗ tay, muốn làm không khí bữa giỗ vui hơn, tức là vui lòng mẹ. Đám trẻ thấy anh Thuận kè kè cây ghi ta, họ chẳng lạ gì anh thương binh chế độ cũ, hành nghề hát rong bán vé số ở các tiệm cà phê lề đường, nơi chợ búa. Những

người cựu lính trẻ, bạn của Bụi, nay đã
luống tuổi yêu cầu:

– Đề nghị anh hai Thuận ca một bản,
bài ca anh từng ca.

Thuận ôm đàn, dạo một khúc:

– Tôi ca chứ, nếu có yêu cầu, nhưng
tôi chỉ sợ bài ca không được vui, đó là
kỷ niệm cả một đời người, như hai mươi
sáu năm trước đây tôi đã ca trong căn
chòi này, không có đờn, tay tôi ôm vai
chú Bụi, má khi đó bước vào tuổi già,
nhưng chưa già như hôm nay. Tôi lên
đường ra trận với bạn tôi, anh Bờ, anh
đã trở về «rửa chân» lên ngôi ở bàn thờ
kia, sau lại đến chú Bụi, ở một chế độ
khác. Nhưng hai đứa đều là con của má.
Tôi tin rằng linh hồn hai anh em còn lẫn
quất đâu đây, nhìn má và anh em mình.

Một tiếng nói từ đám trẻ:

– Không sao, anh hai Thuận cứ hát, đời ta có vui thì cũng có buồn.

Giọng Thuận cất lên buồn da riết, cái buồn rưng rưng như hạt lệ đọng trên mi mắt, rơi xuống những nốt nhạc trên cây đàn ghi ta cũ kỹ, cái buồn rưng rưng từ thuở nào mà còn mãi mãi trong tim: «Nếu con không về chắc mẹ buồn lắm, mái tranh nghèo ai người sửa sang... Khu vườn cũ hoa vàng trước ngõ... Đàn trẻ thơ ngây chờ mong anh trai... sẽ đem về cho tà áo mới... ba ngày xuân vui chơi xóm làng... »

Bà mẹ Sương Sa lắng nghe, mẹ ngậm ngùi rồi nước mắt ứa ra gặp những vết nhăn ngăn lại loang ra trên khuôn mặt già nua, sương gió như loang trên vết rạn nứt cổ vật sành sứ. Không khí bữa giờ

như chùng xuống. Ai cũng chung một ý nghĩ thương cảm, hướng về mẹ, hướng về cái mái nhà dột nát kia. Ôi, mẹ hiền như đất phù sa bồi bên bờ Cửu Long.

Bài ca của người hát dạo dứt, dư âm còn mãi, không phải tiếng vỗ tay tán thưởng mà đúc kết thành một quyết tâm chung, mẹ Sương Sa phải có một mái nhà, một mái nhà tình người, do bàn tay của những đứa con của mẹ che chắn gió mưa, nắng hạn trong một thời tiết thất thường.

Bữa giỗ rồi cũng tàn, nắng vàng tắt lui về một nơi nào đó, phải giấu mình trong đêm đen.

Năm Mậu Dần

1998

BÀ CHÁU, BỐ CON

HAI MƯƠI NĂM TRƯỚC,
NGHĨA LÀ SAU ngày chế độ
Cộng Hòa ở miền Nam bại trận, toàn cõi
miền Nam sống dưới chế độ Cộng Sản.
Đất nước thống nhất. Trở thành nước
Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam,
độc lập – tự do – hạnh phúc!

Tôi là nhà văn nhà báo thuộc chế độ
cũ nên sớm thất nghiệp, sống lêu bêu
giữa lòng Sài Gòn, gia đình tan nát trong
cái nháy mắt.

Tôi là dân ngụ, vợ tôi không ngờ là con nhà liệt sĩ, hai đứa con thơ của tôi bị gia đình cách mạng nhà vợ bỏ vào viện mồ côi để mấy bà sơ đói rách nuôi dưỡng. Thật tội nghiệp những bà sơ nghèo tiền bạc mà giàu lòng bác ái.

Tôi lồng lên đi tìm con, rồi cũng thấy chúng, khi bà sơ Nhất sửa soạn cho hai đứa con tôi, mỗi đứa một mẹt hành tỏi ới để ra chợ Tân Định bán buôn kiếm thêm tiền nuôi thân và chị em đồng cảnh ngộ còn quá bé nhỏ.

Đứa con gái lớn của tôi khi đó mới tám tuổi, mách tôi tội của em nó:

– Bố ơi, em Bambi bôi thùng rác nhặt khúc bánh mì ăn dở của ai đó, em nó dám ăn.

Con bé bảy tuổi đang ở trong vòng tay tôi, cãi:

– Bối tại em đói quá, thèm quá!

Tôi không kềm nổi xúc động, không kềm nổi nước mắt. Tôi òa khóc, ôm hai con vào lòng trước mặt bà sơ Nhất.

Bà sơ hiền từ nhìn ba bố con tôi:

– Anh không cần phải có giấy tờ chứng minh hai cháu là con anh. Tôi nghe mẹ nó nói anh là ngụy đã bị bắn chết ngày 30-4 rồi, nên chúng tôi nhận hai cháu, mẹ nó không còn đủ sức nuôi cháu nữa. Thôi được, nếu muốn anh cứ mang các cháu về, anh chứng minh tấm lòng chân thật của anh với Chúa là đủ.

– Thừa còn trách nhiệm của bà với mẹ nó, người gửi con cho bà?

Bà sơ nói khi quay đi:

– Có Chúa biết tôi phải làm gì khi tôi

gặp hoàn cảnh này. Tôi làm theo Chúa sai bảo...

Tôi không quên hình ảnh chiều hôm ấy. Không thể nào quên hình ảnh bà sơ Nhất đứng trên thềm nhà thờ Tân Định nhìn theo bố con tôi, hình ảnh một bà sơ khác đang đu mình trên bánh xe như con nhái bèn quay ép nước mía ở ngoài cổng viện mồ côi, lấy tiền nuôi bày trẻ đói, hình ảnh những trẻ thơ bụng mẹt hành tỏi ớt ở chợ về.

Khi đó vào đầu mùa hè, hoa phượng vĩ nở đỏ sân trường. Cây thánh giá mỏng manh chót vót trên đỉnh tháp chuông nhà thờ Tân Định. Hình ảnh đó còn lại mãi trong tôi cho tới ngày nay và không biết đến tận bao giờ. Tôi nói nhỏ với hai con:

– Bố còn sống đây, nhưng bố không thể đưa các con về nhà cũ ở đường Nguyễn Phi Khanh được nữa, bố đã bị đuổi ra khỏi nhà ấy rồi.

Có chút tiền bạc nhỏ nhoi trong túi, tôi mua cho con hai miếng bánh mì, cho chúng uống ly nước mía. Ngon đến độ chúng phải nhắm tịt cả hai mắt để thưởng thức cho hết hương vị lương thực hiếm hoi.

* * *

Vượt qua hai cây cầu gỗ ọp ẹp, qua cù lao Rạch Miễu có nhiều ao rau muống lầy lội, trở về đến ấp Đông Ba, nơi ấy có căn nhà hoang mẹ tôi đang cư ngụ. Bố con tôi sống với bà nội của các cháu. Ngày ngày tôi đi kiếm công việc làm,

nhưng chẳng được gì. Tôi lại nhớ đến nghề cầm bút của mình, nhưng tôi nghĩ ngay đó là điều xuẩn động. Ông cậu ruột của tôi, một vị khoa bảng, đại trí thức ở miền bắc vào thăm mẹ tôi, có thành tích học tập cải tạo hết mười lăm năm trời, mười năm làm việc lao động hốt phân bằng tay vì sợ mòn xẻng. Ông ngao ngán lắc đầu nói với tôi:

– Cháu ơi, vác cây bút ở Xã Hội Chủ Nghĩa nặng lắm, cháu nên tìm nghề khác mà làm nuôi con. Mao chủ tịch đã nói trí thức không giá trị bằng một cục phân bón ruộng. Nhớ lấy, không nên quên...

Cậu ruột tôi nay đã khuất bóng, tôi vẫn không quên lời cậu dạy.

Suốt mùa hè năm ấy, ba bố con tôi kiếm sống bằng cách lang thang chợ trời. Nơi nào cũng đi, nơi nào cũng ghé. Ba

bố con trên chiếc xe đạp cọc cạch trong thành phố, dưới rừng cờ sao và khẩu hiệu. Hai cái bánh xe đạp của tôi không thể bị bể nổ được vì tôi nhồi vào đó đủ thứ cao su, rác rưởi làm thành bánh đặc như thuở chiếc xe đạp thời sơ khai. Cái thắng xe bằng miếng ván gỗ ráp sát bánh sau, chỉ cần đạp chân một cái xe cũng đứng lại, dù rằng tốc lực không cao lắm, chiếc dép tôi mang ở chân đỡ mòn. Tôi thăm chắp cả ngàn vạn dặm đường trong thành phố.

Ba bố con tôi bữa đói bữa no nhưng cũng hưởng thụ được chút lương thực. Tôi cứ tưởng rằng bố con tôi được sống mãi bên nhau... Đó là điều tôi tưởng, không phải đời sắp xếp cho.

Một buổi trưa, ba bố con tôi dừng chân trước một biệt thự xinh xinh, bên kia cầu Công Lý, nghe tiếng hát tiếng đàn

từ trong ngôi biệt thự phát ra... như thấy bác Hồ trong ngày vui đại thắng... “

Ngôi biệt thự có khu vườn nhỏ xinh xinh ở sân trước. Tôi nhìn vào đó thấy những luống khoai lang mới thay vì những cây hoa, chuyện đó cũng thường thôi ở những vỉa hè thành phố bấy giờ. Một cô bé nhỏ xíu chừng tuổi con tôi lúi húi trong vườn. Cánh cửa sắt mở rộng, hình như nơi đó ai ra vào cũng được. Chờ gì nữa mà tôi không vào, biết đâu không mua bán được gì ở trong ngôi nhà này. Tôi chưa phải đi ăn mày, nhưng có thể “trúng mảnh “ kiếm được tí cháo.

Tôi dừng xe trong sân, hai đứa con tôi nhảy xuống, nhìn cô bé đang lúi húi chơi ở khu vườn. Nó vun đất thành một nắm nho nhỏ, thoáng nhìn bố con tôi một tí, rồi lại tiếp tục trò chơi một mình.

Trên nhà vẫn vang tiếng đàn ca, mãi một lát sau mới có một bà già, một bà cụ thật già lưng còng từ một ngách cửa ga-ra, có lẽ là ga-ra xe hơi, đi ra. Tôi thưa với bà cụ:

– Cháu thưa với cụ xem trong nhà có gì bán được không?

Bà cụ ngược nhìn tôi, đôi mắt mờ đục như cùi nhĩ:

– Anh đến lầm địa chỉ rồi, bây giờ nhà này không phải nhà tôi nữa, không có gì bán đâu. Các ông cán bộ ở trên kia mới là chủ.

Bà cụ chỉ lên nhà trên, nơi phát ra tiếng đàn ca bằng ngón tay già nua cong queo, run rẩy. Cụ quay ra vườn gọi:

– Thủy ơi, cháu lại nghịch đất nghịch cát đấy hả, vào đây với bà nào.

Hai đứa con gái tôi làm quen với cô bé gái xinh xinh ấy thật nhanh. Chúng cũng đang vầy vầy đất với cô bé.

Bà cụ lại hỏi:

– Ai đó cháu?

– Bạn mới của con, gượng nhé bà, cho cháu chơi đắp mồi cho Tu Ti một tí!

– Rõ thật là con nít!

Bà cụ lăm lăm nói thế rồi lững thững quay vào, để mặc tôi đứng ngoài sân. Tôi chang là cái thá gì để ai phải quan tâm. Tôi biết rõ thân phận tôi. Bà cụ coi bộ cũng có một dĩ vãng hách dịch thời chế độ cũ.

Nhà trên đã im tiếng hát, tiếng một ai đó gặt gồng:

– Các anh các chị hát thế không được, phải hùng dũng lên. Coi này, tôi hát cho nghe để làm mẫu.

Một giọng nam opéra cất lên nghe thật hùng dũng, phấn khởi đến khiếp đảm cũng bằng bài hát ấy, bài hát tôi được nghe khi bước chân vào sân nhà này. Một lát sau tôi nghe lệnh nghỉ giải lao. Những người ở trong nhà ấy ủa ra sân, như bấy trẻ được nghỉ ra chơi từ một lớp học trường Mầm Non.

Tôi bắt gặp một vài mặt quen ở đó. Nữ ca sĩ Ngọc Minh, tài tử điện ảnh Trần Quang, nhà báo thuộc chiến tranh tâm lý thời chế độ cũ Vũ Duy, các anh các chị ấy đều là người cư ngụ thuộc quận Phú Nhuận...

Họ cũng nhận ra tôi và hỏi:

– Đến tham gia vào ban văn nghệ quận hả?

Tôi lắc đầu:

– Không, tôi đi chợ trời vô tình ghé qua thôi.

– Nếu muốn tham gia, tôi giới thiệu cho.

– Ăn cái giải gì không?

– Chẳng có giải gì hết, chỉ là phong trào.

– À ra vậy?

Tôi chỉ nói thế, tuyệt nhiên không có ý kiến gì khác. Cũng là lúc tôi phải đưa hai con về. Một người quen trong đám người tôi mới gặp giữ tôi lại nói cho biết:

– Ngôi biệt thự này nhà nước mới

tiếp thu của gia đình ngụy quyền bỏ đi, còn sót lại một bà cụ già và đứa trẻ, cách mạng đã thu xếp cho họ ở dưới bếp. Nhà trên tạm thời dùng làm trụ sở cho ban văn nghệ quận.

Tôi ừ hử, vì chuyện đó có thiếu gì ở Sài Gòn sau ngày giải phóng. Chính tôi cũng đã được giải phóng. Buổi chiều tôi chở xe đạp hai con về nhà. Qua cù lao Rạch Miễu, ao rau muống hoa tím nở đầy, con gái tôi đòi xuống xe lội ra ao hái hoa.

Tôi hỏi:

- Con hái làm chi vậy?
- Con hái để lên mồ chó Tu Ti.
- Mồ chó Tu Ti?
- Con chó của bé Thủy, con mới

quen, con chó dễ thương đã chết rồi, bé Thủy làm mả cho nó, trong vườn không còn bông hoa nào, người ta làm luống khoai hết rồi, bố thấy không?

Tôi nhớ ngay ra câu chuyện mới gặp trưa nay.

Buổi tối, tôi nằm nghe hai con gái tôi líu tíu kể chuyện. Dù không chú ý nghe mấy, nhưng tôi cũng nắm bắt được sự kiện về con chó lông xù, người bạn độc nhất của cô bé Thủy bị người lạ vào ngụ trong ngôi biệt thự ấy đập chết làm thịt nướng ăn uống rồi vứt lại xương, lông. Cô bé vừa khóc vừa thu gom những tàn dư của con chó yêu quý chôn ở góc vườn hoang, không còn một bông hoa. Mà trước đây là một vườn hồng khoe sắc thắm.

Tuy lỗi kể chuyện của con tôi còn trẻ thơ, không gãy gọn. Nhưng tôi cũng nhìn thấy nét bi thương ở câu chuyện.

Tôi nói với con:

– Lúc về bố thấy bé Thủy bế một con chó búp bê mà, cũng màu trắng, lông xù.

– Của một ông lấy trong ba lô ra đến lại cho bé Thủy đó. Bé Thủy nhận ra con chó ấy của mình, trong tủ đồ chơi trước kia. Con chó gắn pin biết sữa gâu gâu và vẫy đuôi mừng. Như bố đã mua cho con và em Bi hồi trước, sinh nhật con ấy mà, bố nhớ không?

– Bây giờ con chó ấy có sữa nữa không?

– Không thừa bố, nó coi như chết rồi. Vì nó hết pin thôi nên bị câm bị què cái đuôi.

– Thôi ngủ đi hai con, mai bố đưa con đi sớm ra hái hoa rau muống rồi con đến bé Thủy chơi, bố đi chợ trời biết đâu không mua được cục pin còn xài được, con chó lại sữa, lại ngoắc đuôi.

Tôi chiều con nên làm theo ý chúng nhưng có một điều tôi không làm được vì không kiếm đâu ra một cục pin còn điện. Con chó đành cầm luôn và không biểu lộ nỗi tình cảm bằng cái ngoắc đuôi mừng rỡ. Đó là sự thật của một con chó giả hết pin.

Cục pin cũ không thể tái sinh như cây bút bi hay cái vỏ xe. Cả một thành phố như thế, chợ trời thuốc Tây bán nhiều loại thuốc hết «đắt». Đồ giả hiệu hơn đồ thật cả con người cũng còn sống giả nữa là đồ vật vô tri. Hình như không ai còn tin ai, không muốn nói thật với nhau điều gì. Có một cái gì đó, như bóng

đen đe dọa chụp xuống đời sống. Đời sống trở nên nặng nề, khó thở. Điều tôi nói ra vẫn là sự thật ở thời điểm đó.

Nhưng, riêng tôi được hưởng một đặc ân, rằng trong những điều không tin nhau trong đời sống, bà cháu bé Thủy lại tin bố con tôi.

Bà cụ không ngần ngại cho tôi biết rằng cụ vẫn sống no đủ với cháu. Cụ có cả mấy thùng phuy gạo ở trong nhà, lương khô mắm muối còn vô số, kể cả một số vàng phòng thân. Cụ dành dụm từ hồi còn trẻ như các bà già xưa. Cái nhà kho và nhà bếp người ta dành cho cụ ở lúc nào cũng khóa cửa, chìa khóa luôn luôn trong hầu bao bà cụ.

Một thời gian, tôi không nhớ dài ngắn bao lâu, thường xuyên con gái tôi có những đóa hoa rau muống màu tím

trên mồ chó Tu Ti nên đi đến chỗ thân tình với bà cháu bé Thủy.

Các con tôi trở thành bạn thân của cô bé cô đơn. Tôi trở thành người đáng tin cậy của bà cụ, bà cụ có thể trút nỗi niềm tâm sự được.

Đồ chơi của đứa bé là con chó giả và hai đứa bạn cùng trang lứa trong khu vườn hoang. Những trò chơi có mẹ có cha, có một gia đình hạnh phúc. Tôi xúc động vì những trò chơi của chúng, gọi nhau bằng má, xưng con rồi nũng nịu, rồi hờn dỗi, dỗ dành y như thật, tôi phải cảm phục trí tưởng tượng phong phú của chúng. Con chó giả cũng được cưng chiều, sống động như con chó Tu Ti nào đó đã chết.

Chúng làm sống dậy mọi thứ mà tuổi thơ của chúng đã bị mất đi, bị tước đoạt.

Tôi nghe con gái tôi hỏi bé Thủy:

– Tại sao chú người lớn chiếm nhà Thủy cho lại Thủy con chó già này?

– Chú ấy lấy của Thủy đấy chứ. Chú định mang về cho con chú chơi, nhưng tội nghiệp Thủy bị ăn thịt mất con chó thật nên cho lại con chó này để Thủy khỏi khóc. Chú ấy nói nếu Thủy còn khóc nữa thì chú ăn thịt Thủy luôn. Thủy sợ quá nên chỉ khóc lén bên mồm con Tu Ti một mình thôi.

Con bé Bambi của tôi le lưỡi nói "eo ơ!"

Con chị Minou thì hỏi trống không: «Sao người ta ác thế nhỉ Đó là lời trẻ thơ, tôi không để ý cũng phải quan tâm.

Bé Thủy còn tâm sự nữa với bạn, là hai con tôi:

– Ở nhà trên còn có cây đàn dương cầm của má Thủy nữa. Thủy nhớ má Thủy đàn, nhiều khi muốn lên nhà ấn một cái vào phím đàn cho đỡ nhớ má, bị các chú ấy đuổi, Thủy sợ quá chạy ra vườn trốn, bên cạnh mồ Tu Ti này. Tu Ti hồi trước hay bênh vực Thủy, nó đã bị ăn thịt rồi còn đâu.

Tôi nhìn thấy nỗi tuyệt vọng và chứng hừng tiếc nuối ở nét mặt còn mặng sữa của cô bé. Tôi tiếp tục nghe lời tâm sự của bà cụ:

– Số là thế này, con trai và con dâu tôi sợ gia đình thiếu lương thực khi Việt Cộng đánh vào thành phố nên mua trũ sẵn, cả một bể nước vĩ đại xây ở sau bếp. Lương thực cả nhà có thể sống được năm tháng trời. Nay chỉ còn hai bà cháu dùng bao giờ mới hết được. Tôi và cháu Thủy ăn như mèo. Có hôm hai bà cháu không

ăn hết một gói mì Đại Hàn.

– Những người ở nhà trên không tiếp thu những thứ này sao?

– Có đấy, nhưng tôi không cho, bà cháu tôi đứng chắn cửa.

Một chuyện vô lý ngoài sức tưởng tượng của tôi, sức vóc hai bà cháu nhà này? Nhưng bà cụ giải thích ngay:

– Tôi liễu chết, liễu cái thân già này, tôi nói với họ có giỏi thì bắn chết hai bà cháu tôi đi mà cướp lấy miếng ăn của bà cháu tôi... Họ cũng phải giữ mẽ, nên kẹ tôi. Họ nói gì nhỉ, à động viên tôi, nói tôi hiến nốt phần lương thực này cho nhân dân, họ cũng không để bà cháu tôi chết đói. Nhưng tôi nói tôi đã từng là mệnh phụ phu nhân cháu tôi là tiểu thư khuê các không biết ăn sắn ăn khoai... Không

cho bà cháu tôi ăn những thứ này thà chết còn sướng hơn. Cả cái áo quan kia nữa. Bà cụ kéo tấm bạt nhà binh phủ trên một cái hòm dài trong ga-ra, lộ ra một cái áo quan đồ sộ chạm trổ tinh vi đánh véc-ni bóng loáng. Bà cụ bình tĩnh nói:

– Cái này cũng của tôi. Hồi tôi ốm nặng tưởng chết, tôi ao ước có cái áo quan sang đẹp nên con trai tôi báo hiệu tôi bằng cách đặt cho tôi một cái áo quan này ở Tobia cho tôi nhìn thấy trước khi nhắm mắt. Thế mà tôi lại không chết, bây giờ tôi khỏe cùi cùi, chẳng cần thuốc thang gì hết. Không biết tôi được hưởng phước hay bất hạnh sống để nhìn cảnh này, thật tan nát cả cõi lòng... Cháu nội tôi còn thơ dại quá, như con anh. Tôi không còn thương tôi mà thương chúng, những trẻ thơ... Chẳng biết nó sẽ ra sao khi mất tất cả. Bỗng dưng chúng thành trẻ

mồ côi. Một hôm tôi đang ngồi lau cái áo quan này thì có lẽ một ông lớn đi vào. Ông ta hỏi, tôi nói cái áo quan này của tôi, ông ta nói không nên để đây choán chỗ, vì chỗ này có thể dành cho một hộ nhân dân ở thì tốt hơn... Nghĩa là tôi nên quăng cái áo quan này đi chỗ khác hoặc chẻ làm củi đun bếp. Tôi nổi tam bành, không hiểu sao tôi lại trở nên dữ thế. Tôi hỏi ông ta có súng không, nếu có đủ lòng bất nhân thì bắn chết bà cháu tôi đi rồi lấy hết, sẽ chẳng còn ai nói gì nữa... ông ta liền quay ra nói, cách mạng không tư hào đến cây kim sợi chỉ của nhân dân.

Tôi chẳng hiểu gì cả.

Tôi thâm nhủ, thôi bà cụ ơi đừng kể lẽ nữa, con khóc mất. Nhưng bà cụ vẫn kể, lời ai oán ấy vẫn lọt vào tai tôi:

– Mẹ con tôi là Bắc kỳ di cư đấy. Tôi là địa chủ, suýt nữa thì bị đấu tố chết, may mà trốn thoát được. Con trai tôi đã học hành nên người được có cái cơ ngơi này. Hôm 29 tháng 4 hai bà cháu tôi mắc đi chơi về không kịp, con trai và con dâu tôi chạy thoát ở cái máy bay bên kia đường. Chắc vợ chồng nó cũng khóc hết nước mắt. Tôi mong có một ngày cháu tôi không côi cút, cái thân tôi thì có sá gì. Cái áo quan có cũng được mà không cũng chẳng sao.

Tôi vốn là nghệ sĩ dễ xúc động, tâm hồn yếu đuối Tôi nhòa nước mắt lúc nào không biết. Tôi nghĩ đi ri hoàn cảnh của chính mình, tôi thương hai đứa con của tôi.

Buổi tối, ba bố con tôi trở lại căn nhà xưa ở ấp Đông Ba Gia Định. Tôi kể chuyện thần tiên cho con tôi nghe. Tôi

hoài vọng ở những đứa con của tôi:

– Này Minou, bố gọi con là Minou không phải tên một con chó đâu. Tên ấy là tên – một nữ thi sĩ thần đồng của Pháp, Minou Drouet. Còn Bambi, tên một chú nai con trong phim hoạt họa của đại họa sĩ Walt Disney của Mỹ. Toàn là những con người dù trong tưởng tượng cũng trong sáng hiền hòa. Bố hoài vọng ở các con... các con mãi mãi là niềm yêu thương và tin tưởng của bố. Dù bất cứ trong hoàn cảnh nào các con cũng làm con người.

Tôi cũng không ngờ đó là lời nói cuối cùng của tôi với hai con, sau những năm dài, tôi bị bắt, bị tù đầy, đưa đi học tập cải tạo.

Ra tù, tôi vẫn không trở thành một con người khác, tôi vẫn thế. Tôi được biết tin con tôi ra sống ở nước ngoài.

Căn nhà cũ ở đường Nguyễn Phi Khanh đã có chủ khác. Tôi đến thăm ngôi biệt thự của bà cháu bé Thủy cũng thấy khác rồi. Ngoài cổng có lính gác. Ngôi biệt thự đã được tân trang.

Kỷ niệm khốn khó thời thơ ấu của các con tôi. Tôi nay đã là một lão già, có lẽ đã lẩn thẩn, sống trong căn nhà xưa ở ấp Đông Ba xưa, nay người ta không còn gọi tên địa danh ấy nữa. Ruộng, ao rau muống đã lấp rồi, không còn những đoá hoa tím con gái tôi hái ngày nào.

Bấm đốt ngón tay tính toán, nay con gái tôi đã vào tuổi 29, 30. Ngày sinh nhật của gà, của heo con, bố còn nhớ.

Tôi viết truyện ngắn này gửi cho con, những bạn bè cùng lứa tuổi con. Truyện này tôi đã viết từ lâu rồi, nhưng một người bạn thân đọc được, anh đã xé, xé,

hủy hoại nó vì anh thương tôi, sợ tôi gặp nạn. Nay tôi viết lại. Bây giờ cũng đang độ vào hè.

Buổi hoàng hôn tôi ra khỏi ấp Đông Ba, xuống cù lao Rạch Miễu, nơi có những ao rau muống đã bị lấp bằng. Tôi lần lần nói:

– Lá rụng về cội cũng được mà trôi theo dòng cũng xong.

Không bàn tay ai che kín được mặt trời.

Ấp Đông Ba,
năm Kỷ Mão 1999

ÔNG ĐỒNG TRỜI

ÔNG "ĐỒNG TRỜI" VUỐT BỘ
RÂU ngả bạc, vắn lại cái búi tó
củ hành, giắt lại cái răng lợn rừng lên tóc.

Ông cúi xuống xắn ống quần móng
lợn, buộc lại chiếc thắt lưng điều. Mặc
dầu trời lạnh, ông vẫn cởi trần, da ông
nhăn nheo vì tuổi tác, nhưng khỏe mạnh
rắn rỏi.

Ông Đồng Trời rút phất thanh mã
tấu cắm ở thân cây chuối, hoa một đường

bao quanh người, dừng lại rồi nhìn cung kính về hướng mặt trời mọc. Phía bên này núi Tam Đảo là vùng Vĩnh Phúc Yên. Rặng núi chưa tan hết sương mù.

Tôi nhìn thấy ở mũi mã tấu một dòng nhựa chuối chảy ròng ròng. Tôi tưởng tượng ngay thanh mã tấu đó vừa chém ngập vào thân thể một thằng giặc Tây, và chất nhựa kia là dòng máu đỏ lòm của hắn ta. A, tại sao tôi lại căm thù thực dân đến vậy? Tôi nhớ đến gương hy sinh anh dũng của một anh Kim Đồng nào đó, như đã nghe kể lại, xem diễn kịch ngoài đình.

Tôi ngắm ông Đồng Trời.

Ông có dáng uy nghi của ông tướng hát tuồng ở rạp Quảng Lạc Hà Nội. Con người ông đầy sắc thái của một con người thái cổ. Mắt xếch, lông mày xếch

mũi mác, những móng tay ông dài nhọn, khoằm như vuốt chim ưng. Tóc bôi gọn ra sau và được chêm bằng một cái răng lợn rừng (theo lời ông kể lại). Ông chính là một tì tướng của cụ Hoàng Hoa Thám (cũng chính lời ông kể).

Tôi cung kính nhìn ông Đồng Trời biểu diễn và phục lẫn.

Sau khi ông Đồng Trời biểu diễn bài tổ xong, ông bước một bước ra trước, xoạc cẳng đứng tấn vững chãi. Lưỡi đao kẹp dọc sau cánh tay theo thế sắp tấn công của một con bộ ngựa. Đôi mắt ông quắc lên, thành linh hét lên một tiếng:

– Cha chả, sát!...

Tôi chỉ kịp thấy thân hình gọn ghẽ của ông tung lên như ngọn pháo thăng thiên, lưỡi đao chém gió vụt một cái, và

nửa cây chuối đổ xầm xuống. Lưỡi đao ngọt quá đến độ một giây sau cây chuối mới đổ. Ông Đồng Trời xoay người một vòng như con vục đứng theo thể chụm chân lúc đầu, mũi đao chỉ xuống đất tay kia xòe ra áp lên tay cầm chuôi đao. Ông chào theo thể con nhà võ, một kiếm khách.

Tôi lại phục lăn. Bọn nhi đồng đứng xem reo rầm lên:

– Hoan hô đồng chí « ông Đồng Trời».

Tôi rút phắt thanh kiếm gổ ra khỏi sợi dây buộc ở cạp quần, múa mấy đường ngẫu xỉ hạ những thằng Tây tưởng tượng. Ông Đồng Trời cười hê hê khoái trá.

Bọn nhi đồng nô con lên tiếng can tôi:

– Thôi, xin can đồng chí Long vàng...
mười hai thằng lính Tây chết tiệt rồi.

Cơn «hăng máu của tôi» hạ xuống vì những lời chế giễu của bạn bè. Tôi vốn là thằng bé cứng đầu và bướng bỉnh ở khu phố Nỉ nhỏ bé này. Hồn danh của tôi là thằng Long vàng, vì hay mặc quần đùi màu vàng, chạy chơi la hét om sòm từ đầu phố đến cuối phố.

Tôi nói phét mình biết võ... gia truyền, đã từng đá lòi phèo một thằng Tây con ở Hà Nội. Bọn nhóc tí ở vùng quê mùa này tin rầm rầm, tin rầm rập. Tôi với mọi tính nết xấu xa, láu cá được ngụy trang bằng những lời khoác lác, như cha tôi, bác Cả của tôi...

Tôi lại là thứ con cháu địa chủ ruộng đất ăn từ Vĩnh Phúc Yên lên đến Thái Nguyên. Những lần đồn điền ông bà

ngoại tôi mổ bò khao quân là dịp tôi được các anh bộ đội bế ẵm, dạy hát.

Cha tôi chưa tới bốn mươi tuổi đã được gọi là «đồng chí cụ, mẹ tôi tuổi xuân còn hơ hớ đã được gọi là mẹ chiến sĩ. Ông bà ngoại tôi được gọi là đồng chí «cụ cố, ông bác Cả của tôi lại được dịp ngồi khể khà uống rượu, vuốt râu, nhắm với lòng lợn tiết canh, chăm mắt tôm với một anh tiểu đoàn trưởng răng đen mã tấu, nói phét sướng mồm:

«Ngày xưa khi tôi còn làm cách mạng với Cụ ở Pắc Bó...»

Đồng chí phó Ngọt bước ra, tay anh lăm lăm thanh mã tấu đeo bằng gỗ thật đẹp, vì anh vốn là thợ mộc ở khu phố Nỉ. Bây giờ anh là du kích xã. Nhất nhất anh theo từng động tác của ông Đồng Trời, anh chỉ không có râu để quết, không có

tóc dài để búi tóc củ hành. Ông Đồng Trời hô sát, anh cũng hô sát. Một lúc sau anh thở hồng hộc. Ông Đồng Trời lắc đầu:

– Đồng chí yếu thế làm sao chém đứt đầu được thằng Tây, cổ nó to gấp hai cổ người mình, bằng cổ con bò mộng.

Đồng chí phó Ngọt nhe hàm răng cái mả cười ngu ngơ:

– Đồng chí «Đồng Giời» cứ quyền cho em một ít nẫu nà em giỏi giền.

Tôi nhại theo giọng nói ngọng của anh phó Ngọt rồi ôm bụng cười bò lăn bò càng.

Nắng đã lên cao, sương mù tan hết, bọn nhi đồng tản đi chơi. Cô Thắm, con gái ông Đồng Trời tất tả chạy ra gọi:

– Thầy ơi, về có người gọi đi cúng giải sao.

Mắt ông Đồng Trời sáng rực, ông hấp tấp nhặt thanh mã tấu và chiếc áo:

– Mày chạy về trước nói với người ta chờ tao một nhát!

Còn lại đồng chí phó Ngọt. Anh ta nhìn ông Đồng Trời, rồi nhìn xuống thanh mã tấu gỗ của mình. Anh lại nhe răng cười ngu ngơ.

Tôi nhả mặt, nhe răng nhại đồng chí phó Ngọt rồi ú té chạy, tôi la hét om sòm trong dãy phố Nỉ, vùng kiếm gỗ chém lung tung vào bụi cỏ bên đường...

Mùa đông đã đến đây rồi... gửi mau áo rét... cho người... chiến binh... Nào ai vui thú gia đình... gửi cho chiến sĩ chút tình... nhớ thương...

Tiếng đồng ca của bọn nhi đồng âm vang sân đình. Đêm lạnh như cắt da,

chiếc áo len đan theo kiểu trấn thủ của tôi không đủ ấm. Tôi phải hát thật to để quên rét, vậy mà rằng tôi vẫn đập vào nhau cầm cập. Tôi ôm lấy một thằng bạn nhỏ để hai đứa truyền hơi ấm cho nhau.

Ngon gió Thượng Lào năm nay thổi về Việt Bắc quá sớm. Rét đến độ làm nứt nẻ chân tay, cây cũng trụi lá.

Bài hát gợi nhớ cho tôi, và có thể những đứa trẻ bằng lứa tuổi tôi đang ngồi quây quần bên nhau, mơ tưởng đến những anh chiến sĩ ngoài tiền tuyến. Những giai thoại về anh Kim Đồng nào đó vẫn bồng bồng trong đầu óc non nớt của chúng tôi. Những gương hy sinh dũng cảm làm sôi động tâm hồn tôi. Những chiến công ôm bom ba càng lao vào xe tăng địch, những quyết tử quân lấy xác mình bịt lỗ châu mai. Những hình ảnh oai hùng đó được tôi mừng tượng qua

hình ảnh đồng chí Viên, người hiện đang coi sóc đám nhĩ đồng chúng tôi, cán bộ Thông Tin Văn Hóa phố Nĩ.

Anh Viên chỉ còn một chân. Anh là chiến sĩ thuộc trung đoàn bảo vệ thủ đô, từng dự những trận đánh long trời lở đất với giặc Pháp ở Hà Nội khi bùng khói lửa. Anh đã để lại cổ đô Thăng Long một bàn chân. Đồng chí Viên hát hay, đánh đàn măng đô lin như gió.

Bài hát dứt, đồng chí Viên ngừng đánh nhịp. Tiếng bọn nhĩ đồng nhao nhao yêu cầu:

– Yêu cầu đồng chí Viên kể chuyện bộ đội Bình Xuyên ở Nam Bộ.

Trong ánh sáng nhấp nhá của sao đêm, tôi nhìn thấy nụ cười tươi tắn của đồng chí Viên, giọng nói của đồng chí đầm ấm:

– Chuyện bộ đội Bình Xuyên chiến đấu anh dũng ở Nam Bộ anh đã kể cho các em nghe nhiều rồi. Hôm nay anh kể chuyện khác, cũng xảy ra ở Nam Bộ...

– Hoan hô đồng chí Viên!

Đồng chí Viên tùm tùm cười, nhìn sang đám thiếu nữ, mắt anh dừng lại ở chị Thắm, con gái ông Đồng Trời:

– Anh sẽ kể cho các em nghe, nhưng với điều kiện khi anh kể xong, một chị phụ nữ phải hát.

Bọn nhi đồng và thiếu nữ nhao nhao:

– Chị Thắm xung phong hát Cò Lả!

Trong đám thiếu nữ có tiếng cười rúc rích:

– Nhận lời đi đồng chí Thắm.

Mãi một lát sau, chị Thắm mới dụi dè đứng dậy:

– Thừa đồng chí Viên, em xin nhận lời yêu cầu của đồng chí.

Tiếng vỗ tay rào rào cùng lời hoan hô. Đồng chí Viên giơ tay ra hiệu cho chúng tôi giữ trật tự, im lặng.

Tất cả im phăng phắc, tiếng nạng gỗ của đồng chí Viên khua lộc cộc trên sân đình, anh chống nạng đi đi lại lại. Anh ngồi xuống một cái bệ:

– Hôm nay anh muốn kể cho các em nghe về chuyện trung tướng Nguyễn Bình, tư lệnh quân đội Nam Bộ, chuyện mới toanh anh mới nhận được và được lệnh phổ biến trong quân chúng.

Chúng tôi như cái máy ca tụng nào biết Nguyễn Bình là ai, được nói đến phải

là người anh hùng, đồng thanh hô:

– Hoan hô đồng chí Nguyễn Bình!

– Hoan hô!

Đồng chí Viên giơ tay:

– Khoan đã nào!

Anh ta thở dài:

– Tôi tiếc cho sự nghiệp đồng chí Nguyễn Bình, nếu ông ta là anh hùng thật sự của Việt Nam yêu dấu thì những lời hoan hô của các em đẹp biết bao nhiêu.

Tôi lo lắng thay cho vị trung tướng đó, ông ta đã làm gì, đầu hàng giặc Pháp chăng, hay lại đại dột làm Việt gian? Đồng chí Viên hình như đoán biết sự lo lắng của đám trẻ. Anh ta chậm rãi nói:

– Trung tướng Nguyễn Bình là một tướng tài giỏi, một người chỉ huy trăm trận đánh trăm trận thắng. Ông ta từng làm nên bao chiến công hiển hách. Nhân dân nhớ ơn ông ta.

Chúng tôi thở phào sung sướng.

Anh Viên ngưng kể ngược nhìn trời sao lưa thưa như cố nhớ lại. Lát sau anh tiếp:

– Chúng ta đã xét đến cái công của trung tướng Nguyễn Bình, bây giờ chúng ta xét đến cái tội. Thật tình tôi tiếc cho tài năng của ông ta là một tướng tài nên kiêu căng, sau những chiến thắng và chiến công, ông ta thật khốn khổ tẻ nhạt. Hơn nữa ông ta còn giết hại đồng bào nào làm trái ý ông, một tật xấu nhất là ông ta thường bắt phụ nữ hãm hiếp. Tôi được lệnh phải học tập và phổ biến để tránh

chuyện ngộ nhận, hay những nguồn tin tức xuyên tạc của bọn Việt gian tung ra. Sự thật là thế...

Thật anh tôi không biết danh từ hãm hiếp là gì, nhưng tôi tưởng tượng ra chuyện đó phải dã man tàn bạo lắm. Tôi hăng hái giơ tay hét lên:

– Đả đảo, xử tử Nguyễn Bình.

Bọn nhi đồng đả đảo rùm trời. Đồng chí Viên mãi một lúc mới vãn hồi được trật tự, khí thế đấu tranh bùng bùng trong những cái đầu bọn nhô con vắt mũi chưa sạch. Anh ta nhìn thẳng vào chúng tôi:

– Bác Hồ đã nghĩ đến điều đó, bác Hồ đã ra lệnh gọi trung tướng Nguyễn Bình về chiến khu Việt Bắc để khuyên nhủ và giáo dục lại tư cách của một chiến

sĩ. Nhưng trên đường về, trung tướng Nguyễn Bình bị nhân dân ghét bỏ nên nhân dân đã giết chết. Thật tiếc cho một vị tướng hữu tài mà vô hạnh.

Bọn nhi đồng chúng tôi thở phào, câu chuyện dứt, chúng tôi bàn tán, thảo luận lao nhao về công, tội của tướng Nguyễn Bình. Có một lập luận tướng Bình còn nguy hiểm hơn cả bọn Việt gian bán nước. Đồng chí Viên đánh giá cao lời nhận xét đó. Rồi tôi thấy anh ta nhìn về phía chị Thắm tủm tỉm cười. Chị Thắm e lệ cúi xuống, chiếc khăn vuông mở quạ của chị đội sùm xụp trên đầu. Bọn thiếu nữ huých đẩy giục giã mãi chị Thắm mới đứng dậy hát.

Giọng hát trong trẻo của chị như kết bằng gió, bằng hương thơm đồng nội:

– Con cò... cò bay lả bay la... Bay về...

về đồng nội... bay ra... ra... chiến trường...
tình tình tang... tang tính tình... cô mình
rằng, cô mình ơi, rằng có nhớ... nhớ anh
chăng... rằng có nhớ... nhớ anh chàng...
rằng có nhớ... nhớ anh chẳng...

Đêm khuya dần, tiếng hát câu ca
không còn hăng hái như lúc đầu. Nhi
đồng giải tán, đứa nào về nhà đứa nấy.

Gió đêm lạnh buốt vì vút thổi trong
khu phố vắng.

Tôi liếc nhìn về phía nhà tôi, nhà vẫn
có ánh sáng đèn. Tôi nghe thấy tiếng cười
của bác tôi vẳng ra. Tôi yên tâm, mình có
thể đi chơi một lúc nữa. Tôi thu hai tay
vào trong bọc lủi thủi đi trên đường phố,
tôi nhìn vào khu chợ Nỉ nơi có nhiều cây
cổ thụ. Người ta đồn rằng ngày xưa nơi
đó có nhiều yêu tinh.

Tôi mím chặt môi, sờ vào túi áo đựng chiếc súng cao su và một túi đạn đá xanh. Tôi vững bụng hơn dần bước vào chợ, tự nhủ mình sẽ đi vòng đường tắt về nhà. Tôi men theo những lều quán chợ trống dưới bóng cây đa âm u. Tôi bỗng hồi hộp, rón rén bước nhẹ nhàng như bước chân mèo hoang. Tay tôi cầm chắc chiếc chạc súng cao su, viên sỏi nấp san trong miếng da đệm. Tôi luôn lỏ đi, đôi mắt dào dác cố chọc thủng màn đêm.

Tôi bỗng choáng người, lẫn trong tiếng gió thổi rì rào, tôi nghe có tiếng người thì thào nói chuyện. Run bắn lên, ngồi thụp xuống và thấy lạnh gáy, tôi thụt cổ lại mong cái cổ mình như cổ con rùa. Tôi nghe giạng chân đi trong chợ và nhìn về phía đó một đôi trai gái ôm nhau đi về cái quán có quây rộng ở dưới gốc cây đa. Tôi nghe rõ tiếng nạng lọc cọc:

– Mình ngồi lại đây em? ở đây khuất gió.

Người con gái lo lắng, đúng là tiếng chị Thắm:

– Khuya rồi em phải về, không thấy quở.

Tôi suýt reo lên vì mừng. Hai người ấy không ai xa lạ, chính là đồng chí Viên và chị Thắm. Nhưng tôi bình tĩnh ngay, tôi tò mò muốn xem họ làm gì. Tôi men đến gần, nấp sau gốc đa. Tôi thấy đồng chí Viên ôm chị Thắm, hôn chùn chụt lên má chị, bàn tay anh thoăn thoắt trong chiếc áo bông của chị, làm chị cười lên khanh khách:

– Nỡm, làm người ta buồn buồn là ý?

Chị Thắm ngây ngây:

– Thôi em về đây, đừng làm thế thầy biết thì chết đòn.

Tôi nghe rõ tiếng thở hổn hển của đồng chí Viên:

– Thầy em biết sao được, thầy em đang ngồi tán hươu tán vượn ở nhà thằng tiểu tư sản phản động kia kìa, đến hư thân vì chúng nó mất thôi, huyện đang điều tra.

Thì ra đồng chí Viên gọi bố tôi, bác tôi là thằng tiểu tư sản phản động. Tôi nghe tiếng chị Thắm ứ hự, tôi nhìn lên, đồng chí Viên vạt chị Thắm ngã xuống phản rộng.

Chị Thắm khóc rầm rút:

– Anh đã phá hoại đời tôi rồi, trời ơi, thầy tôi biết thì tôi chết mất.

Đồng chí Viên đỡ chị Thẩm ngồi dậy:

– Đồng chí thật hủ lậu, bây giờ là đời sống mới, chuyện luyện ái là chuyện thường, có gì đâu mà phải quan trọng quá vậy, đồng chí cần phải học tập nhiều, tôi sẽ đích thân chỉ dẫn cho đồng chí, mình là người tiến bộ, chỉ có hạng địa chủ, phong kiến phản động mới quan trọng hóa vấn đề, mình là giai cấp bản cổ nông của Xã Hội Chủ Nghĩa Mác Lê Nin.

Mặt tôi nóng ran, tức tối, tôi nghĩ đến danh từ địa chủ phản động của gã gán cho gia đình tôi. Tôi căng dây cao su, nhắm trúng chiếc chân cụt của hắn, buông đạn.

Nghe tiếng la ối của đồng chí Viên, tôi lủi nhanh, chuồn thẳng ra cánh đồng, đi tắt cửa sau vào nhà. Bác tôi đang ngồi

nói chuyện với ông Đồng Trời, bác vuốt những sợi râu bạc loe ngoe:

– Sao lại có tin vô lý vậy được, Tây nó muốn nhảy dù, việc trước hết là chúng phải khai quang nơi nào chúng định đổ quân, gần như thành bình địa. Chứ có đâu mà khơi khơi nhảy dù xuống. Lệnh cấm chông khắp cả đồi núi và bãi trống là lệnh tầm bậy. Bao nhiêu là sức người sức của, tre rừng đốn về rồi đẽo rồi gọt để cắm cả những đồi núi mênh mông này thật là vô lý. Như vậy mà phát động phong trào bắt dân phải bỏ sức người sức của và tự nguyện làm cu-li để làm một chuyện vô lý thì tài thật đấy. Ai không có công có sức thì phải góp tiền bạc, để rồi đi đâu, vào túi ai, chẳng ai cần biết. Công việc đồng áng, tăng gia sản xuất bỏ tuốt...

Bác tôi tặc lưỡi một cái:

– Thôi tôi hiểu rồi, đây là một công việc vác ngà voi, ăn cơm nhà vác ngà voi, chính sách như thế, chỉ con chó trắng nói con chó đen, dân nói theo, xúi trẻ con ăn cứt gà được, cuộc kháng chiến này ắt thành công.

Bác tôi nói xong cười khè khè, ông Đồng Trời lại hỏi:

– Thừa cụ nói gì thế ạ!

– Tôi nói cuộc kháng chiến này ắt thành công, khi người ta dạy được dân nghe theo.

Ông Đồng Trời hình như hiểu câu được câu không, nhưng cũng gật đầu:

– Vâng, chính vậy.

– Bao giờ thì cụ phải đi đốn tre về vót chông cắm lên núi chống Tây nháy dù?

– Dạ, cũng mai kia thôi, khi nào các ông ấy bảo thì đi, không nghe lời họ không được cụ ạ.

– Chính thế.

Bác tôi nói chuyện khác, bây giờ là chuyện vui, ông cười hô hố, nói phét sướng miệng. Tôi đang định len lén vào giường ngủ, bác tôi gọi giật lại:

– Long, cháu đi đâu về đó?

– Dạ, cháu ra đình họp nhi đồng rồi tập hát!

Bác tôi kéo tôi vào lòng xoa mái tóc ẩm sương đêm của tôi:

– Tối nào cũng bắt con người ta tập hát tập hồng đến ốm chết thôi, cháu ạ!

Hơi ẩm từ người bác tôi tỏa ra, làm tôi trở nên lười biếng. Tôi nằm im trong

lòng bác và thấy tâm hồn mình thoải mái. Phút chốc tôi quên chuyện xảy ra hồi nãy. Tôi rúc đầu vào chiếc áo bông của bác, quên chuyện mách ông Đồng Trời về chị Thắm bị đồng chí Viên hành hạ đến phát khóc ngoài chợ.

* * *

Quân đội viễn chinh Pháp thành lĩnh tấn công từ mạn Phủ Lỗ lên. Lệnh tiêu thổ kháng chiến ban hành khẩn cấp. Cha tôi gạt nước mắt châm ngọn lửa vào cơ nghiệp của mình. Gia đình tôi chạy tản cư vào đồn điền Nam Lý của ông ngoại tôi. Đêm ra đi tôi nhìn lửa bốc cháy khu phố Nỉ mà lòng thấy rưng rưng buồn.

Quân Pháp chỉ càn qua một trận rồi rút lui, chúng chiếm núi Đồi làm đồn bót. Gia đình tôi trở lại phố Nỉ ngay sau khi dứt tiếng súng.

Điều đầu tiên hàng xóm hỏi thăm nhau là ai còn ai mất.

Ông Tổng Tế làng Trung Giã thương bị Tây chặt đầu bằng dao cùn ngắc ngoải mãi mới chết.

Cô Thắm con gái ông Đồng Trời chạy không kịp bị hàng chục thằng Tây hiếp và còn nhiều nữa, chẳng hạn một số người bị qui tội là Việt gian phản động bị bắt đi chôn sống đầu đó.

Sinh hoạt của dân chúng phố Nỉ trở lại trong cảnh điêu tàn. Những mái lá dựng lên tạm thời sơ sài để che mưa nắng. Tôi cùng bọn trẻ còn lại, tiếp tục hoạt động nhi đồng. Ngôi đình rộng năm gian ngày nay chỉ còn lại đồng gạch vụn, đêm đêm chúng tôi đến đó tập hát, những bài hát mới mẻ hơn, căm thù giặc

Pháp cướp nước hơn và nhất là yêu bác Hồ hơn:

– Bác Hồ ơi!... Bác Hồ có biết... sau lũy tre xanh có đoàn em bé chỉ biết yêu bác Hồ Chí Minh...

Hoặc bài hát chế giễu mấy ông sư mà đồng chí Viên thường xui bọn chúng tôi đến trước cửa chùa hát: Ba cô đội gạo lên chùa... một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư... sư về sư ốm tương tư, ốm lẫn ốm lóc cho sư trọc đầu... Tôi thấy vị sư già trụ trì chấp tay trước ngực đôi mắt buồn vời vời nhìn chúng tôi. Và chúng tôi cười vang khi thấy hai dòng lệ của vị sư già ứa ra, những vết nhăn ở mắt ngăn lại và loang ra bóng nhoáng... Bọn nhi đồng quái quỷ chúng tôi hỗn như ranh còn khám phá ra nhiều chuyện động trời khác, chẳng hạn đồng chí Viên từng rủ các chị phụ nữ vào chợ hàng đêm, những chiếc váy

sôi ngắn cùn cốn đối với việc làm ma mãnh của đồng chí Viên thật dễ dàng. Nhưng chuyện đó chúng tôi tự khuyên bảo nhau nên kín miệng, hờ ra không chừng bị người lớn cho ăn đòn. Tôi cũng khám phá ra một thằng nhô leo lên cây soạn đầu nhà nghe ngóng bác tôi, bố tôi nói chuyện để tố cáo với đồng chí Viên. Tôi cho cu cậu một viên đạn vào mông đít, cu cậu sợ đến són đái.

Tôi nổi danh thằng Long vàng bắn súng cao su, trăm phát bắn trăm phát trúng.

Buổi tối hôm đó chúng tôi lại tụ tập ở sân đình học hát.

Bỗng tất cả đều im bật, khi thấy bóng dáng chị Thắm. Chị đứng dựa bên một bức tường đổ, nhìn chúng tôi, cái nhìn sao buồn bã lạ...

Không ai nói với chị một lời và chỉ nhìn lại. Chị lạc lõng, xa lạ ngay chính với những người bạn của chị. Tôi nhận thấy trong thời gian gần đây, không ai còn muốn nhận chị là bạn hoặc người cùng đoàn thể.

Tôi nghe thấy một tiếng nói trong đám phụ nữ:

– Con Tây hiệp còn vác mặt đến đây làm gì.

Đồng chí Viên ngược lên nhìn chị Thắm rồi im lặng. Chị đứng một lúc rồi bỏ đi. Tiếng hát lại cất lên, đuổi theo từng bước chân lạc lõng trong phố Nỉ điều tàn.

Bóng dáng chị Thắm mờ dần trong sương đêm. ánh trăng đêm nay sáng vằng vặc, bầu trời như được nạm bạc

bằng lớp mây vấy tê tê. Tự nhiên tôi thấy thương chị Thắm quá. Sau ngày bị Tây hiếp, vẻ vui tươi ngày xưa của chị không còn nữa.

Tôi cũng không được nghe điệu hát cò lả của chị. Tôi không hiểu tại sao hôm nay chị lại mò ra đây, chị nhớ thương gì ở ngôi chùa bị tàn phá này chăng?

Sau buổi tập hát, tôi được đồng chí Viên giữ lại để nói chuyện cần. Đồng chí Viên rủ tôi ra bãi đá bóng ngồi chơi. Khung cảnh ở đây rộng rãi, thoáng đãng, tôi có thể nhìn rõ ngọn Tam Đảo hơn. Những đám rừng cháy xa xa trên sườn non như những vệt lân tinh của con dòi bò trườn trên tường. Hình ảnh đó với tôi thật quen thuộc. Chiếc chân cụt của đồng chí Viên gác lên chiếc nạng gỗ đu đưa, đồng chí Viên thân mật khoác vai tôi:

– Em có ghét giặc Tây không?

Tôi gật đầu, đồng chí Viên hỏi tiếp:

– Em có ghét những kẻ theo Tây không? Những kẻ Việt gian bán nước?

– Có!

Đồng chí Viên cười nhẹ, nhìn thẳng vào mặt tôi:

– Ai nói xấu bác Hồ của các em nhi đồng, em có ghét không?

– Có ạ!

Đồng chí Viên xoa đầu tôi:

– Em ngoan lắm, em sẽ được bác Hồ thương yêu, em được làm cháu ngoan bác Hồ.

Tôi nghĩ đến nhân vật bác Hồ, người từng gây ấn tượng đẹp đẽ trong đầu tôi

qua những câu ca lời hát: Bác chúng em đáng thanh thanh, người cao cao, râu dài...

Tôi lột chiếc mũ chào mào nhung đen xuống, ở trên đó tôi gắn một ngôi sao vàng bằng đồng, trong lòng ngôi sao có tấm ảnh bác Hồ nhỏ xíu. Tôi giữ huy hiệu này như báu vật. Tôi từng khoe bọn nhi đồng quê mùa ở khu phố Nỉ:

– Bố tao mua cho tao hồi cách mạng tháng Tám ở Hà Nội đấy, tao có trông thấy bác Hồ thật rồi, vào đêm rằm tháng Tám ở thủ đô. Nhi đồng Thủ đô tụi tao diễn kịch ông Đinh Bộ Lĩnh cưỡi trâu quanh hồ Hoàn Kiếm, tao được bác Hồ xoa đầu...

Thật ra tôi nói phét để loè bọn nhi đồng nhà quê, tôi chưa bao giờ được bác Hồ xoa đầu, tôi chỉ nhìn thấy bác Hồ từ

phía xa, giữa lớp sóng người trùng điệp lô nhô.

Đồng chí Viên đội lại chiếc mũ chào mào lên đầu tôi, thân mật vỗ vai:

– Em hãy tố cáo tất cả kẻ nào nói xấu bác Hồ, nếu cha mẹ chú bác em có phản động em cũng đừng ngần ngại, mình đã làm cách mạng bắt buộc phải gạt bỏ tình cảm riêng tư.

Lời nhắn nhủ của đồng chí Viên làm tôi lạnh toát người, tôi hiểu ngụ ý của câu nói ấy. Tôi đứng dậy, kiểm cố:

– Em về đây!

Đồng chí Viên vẫn ở nguyên chỗ cũ, tôi nhìn thấy nụ cười méo miệng bẩm sinh của anh ta, giọng nói của anh ta trở nên nghiêm nghị như ra lệnh:

– Em là cháu ngoan bác Hồ, em là nhi đồng tiến bộ ở Thủ đô nên em cần làm gương cho các em nhi đồng khác.

Tôi ù té chạy về nhà. Bác tôi vẫn ngồi uống trà. Tôi leo lên nằm rúc đầu vào lòng bác, bàn tay xương xẩu của bác vuốt lên tóc tôi:

– Chó con, cứ dầm sương rồi đến ốm mất thôi! Tự nhiên tôi thấy thương yêu bác tôi hơn bao giờ hết. Tôi lắng nghe từ ngoài đường vắng vào tiếng nạng gõ khua lộc cộc của đồng chí Viên. Tôi ôm chặt lấy bác:

– Bác ơi, bác đừng nói xấu cụ Hồ nữa nhé.

Bác tôi ngạc nhiên nhìn sống tôi, đôi mắt bác từ từ dịu lại, bác ôm chặt tôi vào lòng:

– Khuya rồi đó, cháu yêu của bác đi ngủ nhé!

Trong giấc ngủ chập chờn tôi nghe thấy tiếng ho của bác, bác vẫn ngồi nhìn ngọn đèn dầu lặc, tiếng ngâm thơ quen thuộc của bác lại cất lên:

Quân bạt kiến Hoàng Hà chi thủy
thiên thượng lai

Bôn lưu đảo hải bất phục hồi?

Đêm về khuya, tỉnh thoảng tôi lại choàng thức giấc vì tiếng súng nổ cầm canh từ đồn Tây ở núi Đồi bắn đi. Vòng tay ôm của bác tôi sao mà ấm cúng thế.

* * *

Ba chiếc máy bay cổ ngỗng quần trên bầu trời chói nắng. Tiếng loa lẫn tiếng trống ngũ liên vang rền khu phố Nỉ. Chợ Nỉ nhốn nháo, dân chúng chạy túa ra đồng, kêu gào thất thanh.

Một chiếc cổ ngỗng bay vút lên cao, tôi chỉ nghe thấy tiếng động cơ máy bay xé gió rít lên khi đâm bổ xuống, kể đến tiếng đạn đum đum nổ giòn rã. Tiếng bom rơi rung chuyển cả căn hầm tôi đang nấp, ngực tôi tức thở Tôi nghe tiếng kêu rú của đàn bà, tiếng báo cáo tình hình ngọng lú của anh du kích phó Ngọt:

– Tàu bay địch đã bắn và thả bom nàng Trung Giã, nàng đang bốc cháy, yêu cầu đồng bào trật tự, ai làm nguyên chỗ lấy, không được chạy nộn xộn.

Tiếng máy bay hú lên, tiếng đạn bom

lại nổ long trời lở đất át cả tiếng báo cáo của du kích phó Ngọt.

Máy bay quần khoảng mười lăm phút rồi bay đi, xung quanh tôi lặng lẽ đến khủng khiếp. Tôi ngửi thấy mùi khen khét của khói súng, mùi đất khô, mùi tanh lờm lợm, tôi nín thở nghe ngóng. Một hồi keng rung, tiếng kêu gào bùng lên:

– Ồi Tí ơi! Máy ở đâu lên tiếng cho bu biết?

– Thầy ơi, Bu ơi! Con còn sống!

– Làng Trung Giã cháy to quá, bà con ơi!

Tôi nhảy ra khỏi hầm, tôi cũng kêu gào cuống lên:

– Bố ơi, mẹ ơi, bác Cả ơi!

Cảnh tượng lúc đó vô cùng hỗn độn. Anh du kích phó Ngọt mặc bộ quần áo vải nâu, ống quần buộc dây lạt túm lại, đi chân đất, ngang bụng thắt một sợi dây thừng, một tay cầm loa, một tay cầm mã tấu. Trên chiếc mũ đan tre như cái sọt ngụy trang đầy lá cây. Anh ta không ngớt kêu gọi đám đông, cảnh giác:

– Đồng bào chú ý, coi chừng máy bay địch có thể về đây thêm bom để giết đồng bào.

Nhưng anh ta nói khản cổ mà chẳng ai buồn nghe, họ còn lo tìm kẻ còn người mất, gào khóc, chơi bời vang rân.

Làng Trung Giã cháy bùng bùng, tiếng tre nổ lộp bộp, khói bốc cao làm mờ cả bầu trời buổi trưa. Tôi chạy băng qua cánh đồng về nhà, gia đình tôi yên ổn tôi lại chạy loanh quanh những nơi bị bắn

phá, người chết đứt đầu cụt tay nằm rải rác khắp cánh đồng. Những chiếc cáng, chiếc vồng khiêng vội vã những người bị thương đi cứu cấp, máu nhỏ giọt khắp lối đi thấm xuống nền đất in hình những ngôi sao thắm màu.

Bác Cả tôi là thầy thuốc đang băng bó cho người bị nạn. Tiếng than khóc vang rền khắp nơi. Tôi từng quen thuộc với cảnh tượng đó, tôi nhập bọn với đám bạn nhóc đi nhặt vỏ đạn, mảnh bom để làm đồ chơi. Mãi đến chiều mới vãn hồi được sự hỗn độn. Đồng thời du kích cũng tóm được một tên Việt gian nguy hiểm. Kẻ đó chính là ông Đồng Trời. Ông Đồng Trời mặc áo the đen, đầu chít khăn nhiễu, ngang bụng thắt một chiếc thắt lưng xanh, mặc quần trắng. Rõ ràng dấu hiệu cờ tam tài. Ông bị trói giật cánh khuỷu giong đi khắp phố Nĩ. Anh du kích

phó Ngọt cầm chiếc dây thừng kéo ông Đồng Trời đi như giong con bò chường tính, anh bô bô nói trong loa:

– Đây chính nà tên Việt gian đã chỉ điểm cho máy bay địch thả bom nàng Trung Giã giết hại đồng bào. Du kích nàng đã bắt quả tang khi tên lầy đánh «móc» cho máy bay địch. Ló giả vờ cúng thổ thần thổ địa giữa trời, van vái để đánh moóc. Đây, bằng chứng cờ tam tài của giặc Pháp còn trên người hắn. Du kích nàng còn khám phá thêm là trên những thỏi vàng bạc giấy của nó đều có gắn những miếng kính tròn.

Chị Thắm bụng chứa vượt mặt chạy theo cha khóc như ri, đầu tóc chị rũ rượi như con ma, chị xô xề như một con lợn nái:

– Thầy ơi thầy, sao thầy khổ thế thầy ơi, thầy tôi oan, làng xóm ơi!

Những tiếng mắng mỏ của đồng bào mất của, thiệt hại, đổ lên đầu bố con ông Đồng Trời:

– Con gái vừa được Tây hiếp, thằng bố đã vội đi làm Việt gian rồi. Quân bất nhân bạc ác. Giết chết chúng nó đi.

Những mụ đàn bà quai mồm chửi bới không thiếu một lời lẽ tức tằn nào. Bố con ông Đồng Trời bị xô đẩy ngã xiêu ngã vẹo trên đường giải đi. Anh du kích phó Ngọt lo le thanh mã tấu đi trước, người anh ngụy trang lá cây, hò hét luôn miệng như sắp sửa lâm trận. ông Đồng Trời không cãi tiếng nào, ông cúi gằm mặt nhìn xuống chân mình...

Tôi thấy bác Cả của tôi đứng bên lề đường, tay cầm thùng thuốc nhìn theo rồi quay đi.

Có người còn dựng đứng câu chuyện ông Đồng Trời làm Việt gian cho thêm phần quan trọng:

– Khi tàu bay địch đánh bom, tôi nằm gần đó, tôi thấy chỗ tên Việt gian Đồng Trời nhá nhá ánh sáng chiếu lên trời thành một quang sáng toàn là «moóc» không. Chúng ghê thật, trăm phương ngàn kế. Rồi coi, du kích làng ta sẽ còn bắt nhiều tên Việt gian nữa. Phải cảnh giác có người trông tử tế lại chính là những quân Việt gian phản động hạng nặng.

Một bà mẹ chiến sĩ đội khăn vuông sùm xụp tấm tắc khen:

– Du kích làng ta giỏi thật, thế nào cũng có giấy ban khen.

Dân phố Nỉ có vẻ hả hê về thành tích bắt sống tên Việt gian liếm gót giầy cho Tây. Bác Cả tôi lắc đầu:

– Nó tìm ra con dê tế thần rồi!

Buổi tối hôm đó, đồng chí Viên tập hợp tất cả nhi đồng, thiếu niên, thiếu nữ ở phố Nỉ tại sân đình. Chống nạng đi đi lại lại trong bóng tối nhá nhem, đồng chí Viên lắc đầu:

– Thật buồn quá, chúng ta sống trong tình cảnh này không còn tin được ai. Tất cả mọi người không có ai nghi ông Đồng Trời là Việt gian, vậy mà lão ta làm Việt gian cho Tây, liếm gót giầy cho Tây. Tôi báo cáo cho các em biết tên Việt gian Đồng Trời đã được tòa án nhân dân

kết án tử hình chiều nay, tên này đã thú nhận tất cả tội lỗi. Ngày Tây đi qua đây hiếp con gái lão ta, cho lão ta rất nhiều bơ sữa. Thế là lão bán rẻ lương tâm, làm chó săn cho chúng, con gái lão, con đi Thảm đã chữa với Tây. Bố con lão phản quốc. Nhưng nhân dân vì lòng nhân đạo, tha tội cho con gái lão, chỉ tuyên án chặt đầu lão thôi.

– Đả đảo Việt gian!

Hàng trăm cánh tay giơ lên cương quyết. Đuốc được đốt sáng trưng. Tàn lửa bay tứ tung, những khuôn mặt non choẹt đằng đằng sát khí, những cái miệng còn hôi sữa hò hét giết người, sân đình ồn ào, đồng chí Viên hét lên:

– Chính lão ta đã thú nhận, lão bảo tại thương con, thương đứa trẻ sắp ra đời. Các em thử tưởng tượng xem nếu

con gái Việt gian đẻ, nó có đẻ ra người Việt không?

Đồng chí Viên quắc mắt nhìn đám đông, đám đông bỗng cuống lên:

– Không, nó đẻ ra Việt gian con?

Một đứa nào đó nói chửi:

– Nó đẻ ra thằng Tây con.

Giọng đồng chí Viên đánh lại:

– Kẻ thù của chúng ta là ai?

Bọn trẻ trả lời như máy:

– Kẻ thù của chúng ta là giặc Pháp và Việt gian!

– Các em có thể đẻ cho một thằng Tây hay Việt gian sống ở đây được không?

– Không, cương quyết không!

– Vậy chúng ta phải làm sao?

– Giết chúng!

Tiếng hô xôn xao sắt thép vang dội sân đình.

Đám trẻ con trở nên cuồng nộ, tôi cuồng nộ, tôi hét lên những tiếng giết ghê rợn. Rồi đám đông kéo đi. Tiếng đồng chí Viên vang vang:

– Ngày mai chúng ta kéo ra sân đá bóng xem chặt đầu tên Việt gian phản động? Giết, đả đảo Việt gian, giết Tây con.

Tiếng giết kéo dài cuồng nộ như cuồng phong thổi vào khu phố Nỉ vốn dĩ hiền hòa. Vó ngựa sắt Phù Đồng Thiên Vương đã phi qua con đường này sau khi dẹp xong giặc Ân từ bốn ngàn năm trước, dấu chân ngựa còn in lên đỉnh núi

Sóc Sơn ở mạn xuôi kia. Tôi nhìn thấy ngọn núi Sóc Sơn.

* * *

Sương sớm còn phủ mờ cảnh vật. Ngọn Tam Đảo trắng xóa mây mù. Núi Sóc Sơn mạn Đông Anh chưa nhìn rõ, trên đó có đền thờ đức Phù Đồng Thiên Vương khi ngài hiển thánh bay lên trời, mà chúng tôi quen gọi là Thánh Gióng. Những bước chân âm thầm từ các ngã đường đổ về bãi đá bóng. Tất cả mọi người đều lặng lẽ, không ai nói với ai một câu, trời rét căm căm.

Tôi thu hai tay trong bọc, răng đập vào nhau cầm cập, bàn tay tôi chạm vào túi áo, ở đó có viên đá xanh to tướng. Hòn đá đó tôi đã nhặt trên đường đi,

như những đứa trẻ khác. Hãy giết nó, giết nó! Câu nhắc nhở của anh Viên gào thét trong đầu tôi, thôi thúc tôi, thôi thúc những đứa trẻ hồi hả đi về bãi đá bóng trong tâm địa giết người. Chắc chắn trong tôi áo mỗi thằng đều có một viên đá xanh. Cảm nghĩ chúng như tôi, phải tiêu diệt thằng Tây con ngay lúc còn trong bụng mẹ. Thế nào con Thắm cũng phải có mặt. Dù nó được nhân dân ta tha thứ, nhưng các cháu ngoan của bác không tha thứ. Dù đầu óc bị xao động, tôi vẫn thấy mình quan trọng vì sắp góp một tay vào công cuộc diệt địch của toàn dân. Đồng chí Viên đã nói với chúng tôi như vậy. Sương mù vẫn còn dày đặc, tôi nhìn thấy một chiếc cọc tre mới đóng ở giữa sân bóng, chiếc cọc cao chừng một thước, đầu cọc bị vỗ đập bẹt dí toét tòe loe. Du kích làng đứng gác xung quanh bãi, họ vác mã tấu, bụng đeo lựu đạn và

khắp người ngụy trang lá cây như sắp ra trận.

Bọn nhi đồng chúng tôi đứng lẫn trong đám đông đứng xem chờ đợi, ngong ngóng nhìn về phía cổng đồn. Từ tội sẽ bị điệu từ trong đó ra trời vào chiếc cọc tre kia để thọ hình.

Họ xâm xì bàn tán về tử tội:

– Không ngờ hắn ta lại có thể là Việt gian.

Một bà phụ lão dài mồm ra nói có vẫn có điệu:

– Con ăn phải bả Tây, bố lây lạ gì!

Họ nói nhiều chuyện động trời khác về ông Đồng Trời. Toàn chuyện xấu xa. Tôi nhìn thấy sự căm thù hiện trên mặt họ, hình như họ có sẵn quyết tâm. Tôi

cũng căm thù vì những chuyện họ kể. Tay nắm chặt hòn đá, tôi ngoảnh cổ nhìn về phía cổng đồn.

Bỗng đám đông nháo nhác:

– Nó ra là, cả con nó!

Ông Đồng Trời bị trói giật cánh khuỷu, hai du kích xã cấp mã tấu đi hai bên. Ông chủ tịch xã đi đầu, phía sau ông Đồng Trời, chị Thắm lúp xúp chạy theo gào khóc. Đi sau rốt là đồng chí phó Ngọt. Anh ta vác cây mã tấu lưỡi sáng quắc trên vai. Mặt trời mọc, tôi nhìn thấy trên lưỡi mã tấu phản chiếu ánh nắng loè sáng khi vai anh ta đung đưa theo nhịp bước chân. Đám đông lao nhao hỏi nhau:

– Hôm nay ai được trúng tuyển chém Việt gian?

– Chắc đồng chí phó Ngọt, hẳn có nghề đồ tể lại có quyết tâm cao.

– Ủi thảo nào hẳn oai gồm.

Ông Đồng Trời càng bị điệu gần đến cây cột thọ hình, tiếng khóc của cô con gái càng thê lương:

– Con can rơm can cỏ lạy các ông các bà, thầy con oan, con xin thế mạng cho thầy con...

Hai anh du kích chạy ra giữ rịt cô Thắm lại. Cô lăn lộn trên bãi cỏ ướt sương đêm. Ông chủ tịch xã kiêm chánh án tòa án nhân dân lớn tiếng:

– Đừng nỏ mồm, tội ai làm người nầy chịu, nhân dân không lầm. Bố con mày cần nói với nhau điều gì thì nói đi. Đó là ân huệ cuối cùng của nhân dân ban cho.

Chị Thắm khóc khản cổ không ra tiếng, cái bụng bầu của chị xề xuống, chị lê lét trên bãi cỏ:

– Bố ơi, thầy ơi!

Ông Đồng Trời đã bị ấn quì xuống, những vòng dây thừng quấn vội vã ông ta vào cọc. Mặt ông hướng về phía núi Tam Đảo. Mặt trời đã lên cao được hai con sào nắng từ phía sau lưng chiếu lại làm bóng ông ta và bóng mấy người du kích đổ dài trên cỏ. Ông Đồng Trời tuyệt vọng. Ông không hề than thở hay xin xỏ một câu. Ông nhìn đứa con gái bụng chứa vượt mặt đang lồng lộn trong bốn cánh tay lực lưỡng của hai gã du kích. Ông gân cổ nói với con:

– Thôi con ơi, số mạng thầy đến đây là tận, con có khóc có xin thì thầy cũng chết. Con can đảm lên, cố sống để nuôi

con, đứa con trong bụng mày, dù nó là con Tây đen, Tây trắng thì cũng là giống người.

Bỗng có tiếng hét trong đám đông:

– Đập vỡ mồm nó ra, chết đến đít mà vẫn phản động?

Chị Thắm nhếch nhai khóc:

– Thầy ơi, con của con là người Việt Nam, con đã có mang nó trước khi...

– Đả đảo phản động! Phải giết luôn con Tây hiệp phản quốc đó đi, cho tuyệt nòi tuyệt giống, nhà nước ta nhân đức quá, thà giết oan hơn tha lầm.

Những tiếng la ó của đám đông dậy khí thế đấu tranh lấn át tiếng gào la của chị Thắm. Chị bị một gã du kích bịt miệng lôi ra xa, đầu tóc xổ tung. Tiếng cán bộ nào đó phân giải:

– Muốn thế thì sẽ được thôi, ý nguyện của nhân dân, nhà nước chấp hành.

Tôi thấy đồng chí Viên len lỏi trong đám đông, tìm từng đứa nhi đồng ghé tai nói nhỏ, chúng gật đầu. Đồng chí Viên nói với tôi:

– Tí nữa chém xong là tràn ra ngay nhé? Chúng ta phải tiêu diệt giặc Pháp ngay từ trong trứng nước.

Tôi hăng hái gật đầu, tôi đưa cho đồng chí Viên nhìn thấy hòn đá trong tay mình. Đồng chí Viên có vẻ hài lòng, xoa đầu tôi rồi chạy ra chỗ khác ghé tai. ở ngoài bãi, ông chủ tịch kiêm chánh án đã đọc xong bản án, lui ra. Anh du kích phó Ngọt bước lại gần nạn nhân, tay cầm thanh mã tấu. Ông Đồng Trời bình tĩnh một cách kỳ lạ:

– Có chém thì chém cho ngọt nhé, phó Ngọt, tao không sợ đâu, tao từng đi theo ngài Đề Thám chém giặc nhiều rồi. Mà nhớ mấy đường đao tao đã dạy mày...

Du kích phó Ngọt hơi ngần ngại, ông Đồng Trời vươn cổ ra chờ:

– Can đảm lên, mày chém đi!

Hình như sự dũng cảm của ông Đồng Trời làm phó Ngọt kinh hãi, anh ta giờ lưỡi mã tấu lên bằng cả hai tay nắm cán mà vẫn run bần bật, ánh mặt trời lấp loáng. Pháp trường im phắc, nghệt thờ.

– Phập!

Lưỡi dao vạt xuống như lăn chớp, tôi giật nảy mình.

– Ôi!

Nạn nhân hét lên, nhát dao trúng vai, chiếc đầu vẫn dính ở cổ. Phó Ngọt cuống cuống chém thêm nhát nữa. Tôi nghe tiếng nạn nhân ong óng kêu:

– Chém tao chết đi.. ối trời...

Pháp trường xôn xao, ông chủ tịch xã hét toáng:

– Chém cho đứt đầu đi!

Không hiểu sao anh phó Ngọt đưa lưỡi mã tấu lên coi, giọng anh ta báo cáo lú cả lưỡi:

– Báo cáo nưỡi dao mẻ rồi, cổ ló cứng quá!

Nạn nhân giãy giụa rên rỉ, chiếc cọc rung lên bần bật như muốn bung khỏi mắt đất, máu phun cả lên người phó

Ngọt, chiếc đầu nhầy nhựa máu, phun phè phè. Ông chủ tịch lại hét:

– Chém nữa đi Ngọt!

Phó Ngọt cuống cuống, chém lia lịa, bầm vằm rồi cuối cùng dùng cả hai tay ấn chuôi dao xuống nhay cửa. Nạn nhân dẫy đành đạch, đổ xiêu người một bên. Chiếc cổ nát bét và chiếc đầu vẫn không chịu lìa. Du kích phó Ngọt quăng con dao xuống cỏ cúi ngó nạn nhân, máu phun ướt mặt anh ta như nhuộm đỏ. Anh vuốt mặt:

– Ló chết rồi?

Tôi thấy nhiều người yếu bóng vía nhắm nghiền mắt, rùng mình. Có người rú lên ngã lăn ra. Chị Thắm ngã trên cỏ

bất tỉnh, nhưng rồi chị tỉnh ngay, chồm lên lăn vào xác cha.

– Đả đảo Việt gian!

– Đả đảo! Giết nó?

Những tiếng hò hét cuồng nộ vang rân, hàng trăm bước chân chạy ra pháp trường, đá xanh bay vun vút. Tôi nghe tiếng rú của chị Thắm. Tôi nhắc chân không nổi, hòn đá trên tay tôi bây giờ nặng đến ngàn cân, những ngón tay tôi không còn giữ nổi, nó tuột khỏi tay rơi xuống đất. Một cái gì đó trong đầu tôi dạy bảo làm thế là dã man tàn bạo. Tôi bỏ mặc đám đông, thất thểu đi như một kẻ mất hồn. Có lẽ mặt tôi thất sắc, ấn tượng quá mạnh cho tuổi ấu thơ.

Mặt trời đã lên cao, sương mù vẫn chưa tan hết trên ngọn Tam Đảo. Kia là đỉnh Sóc Sơn, núi Đồi, thành Cổ Loa.

Vòng tay bác Cả ôm quanh vai tôi, dìu tôi về nhà.

Sài Gòn 1958

ĐỒNG GẠCH

CHIẾC XE NHÀ BINH LÙI ĐÍT VÀO SÁT hàng rào dây thép gai. Thùng xe sau nâng cao, dốc ngược. Những phiến gạch cũ từ thùng xe đổ xuống rào rào, bụi hồng bốc lên mù mịt. Người tài xế điều khiển cho thùng xe hạ xuống, đoạn lái xe ra đường, phóng thẳng về phía cổng đồn.

Buổi sáng cuối đông, sương mù còn phủ mờ trên bầu trời trắng đục. Tiếng kèn chào cờ từ phía đồn vọng lại. Lá cờ

tam tài từ từ kéo lên, phất phới trên nóc lô cốt. Bụi gạch lúc này đã dịu xuống và sương mù cũng tan dần. Tôi vén tay áo lên xem đồng hồ, tám giờ kém mười, đi dạy học là vừa. Tôi gọi nhà hàng trả tiền bữa ăn sáng rồi cặp cặp đứng dậy ra ngoài. Tôi quấn thêm một vòng khăn len quanh cổ, kéo cái phéc-mơ-tuya ở áo bờ-lu-dông cho gió lạnh khỏi lùa vào người. Tôi mới đổi về đây dạy học được ngót tuần lễ nay. Một tỉnh lỵ nhỏ thuộc quyền kiểm soát của quân đội viễn chinh Pháp, nhưng nổi tiếng có nhiều Việt Minh. Không đêm nào tôi không nghe tiếng đại liên nổ giòn phía đồn. Thỉnh thoảng có nhà trong làng bị đạn lạc bốc cháy. Buổi sáng hôm sau tôi nghe tiếng khóc của đàn bà trẻ con có thân nhân bị chết. Cảnh đó diễn ra rất thường nên chỉ trong vòng một tuần lễ tôi quen dần. Giá như những lúc khác tôi đã nhớ Hà

Nội và khao khát về đó. Tôi muốn đi cho khuất mắt, bất cứ đi đâu, miễn là không phải nhìn lại Hà Nội lần thứ hai.

Tôi nhờ một người bạn xin giấy tờ cho tôi vào Nam. Sài Gòn có lẽ đối với tôi dễ chịu hơn. Tôi chưa thấy Sài Gòn bao giờ, nhưng tôi nghe nói đẹp lắm. Tôi chán ngấy Hà Nội, Hà Nội gắn liền với hình ảnh người yêu tôi, nàng đã thuộc về người khác, nên tôi nhất quyết xa lánh hẳn. Trong khi chờ đợi tôi xuống tạm đây dạy học qua ngày.

Những ngọn gió lạnh buốt từ miền Thượng Lào thổi sang làm mùa đông năm nay lạnh hơn bao giờ hết. Suốt ngày trời u ám, ngoài giờ dạy học tôi còn la cà trong những quán rượu nhậu nhẹt lai rai. Những cô gái bán quán ở đây xấu một cách kinh tởm và phần đông lấy tây đen gạch mặt.

Cũng phần sắp lựa là, cũng hách dịch với đồng bào, nhưng tôi thấy có một vẻ gì kịch cỡm đến độ tôi muốn nhổ nước bọt vào mặt cho bỏ ghét. Có thể tôi quá khích và quá khó tính với tình trạng hiện tại của xứ sở. Chiến tranh dai dẳng, chán ngấy, tôi không theo phe nào, đứng ngoài nhìn vào như một kẻ bàng quan. Tôi dửng dưng và cố tránh sao cho mình khỏi bị lôi kéo vào cuộc chiến phi lý giữa hai khối Thực Dân và Cộng Sản. Tôi chai lỳ trước những lời tuyên truyền tự do no ấm cũng như sự đe dọa thường xuyên của người Pháp. Chết lúc này thật vô lý, tôi phải bảo vệ từ ngón chân đến ngón tay, dây kềm gai không thể làm xước da tôi. Nghĩa là tôi ích kỷ, tôi sống cho mình hoàn toàn.

Thất tình, đau khổ, tôi bỏ Hà Nội đi biệt tăm. Xuống đây tôi bị chiến tranh

vây quanh. Có thể một ngày nào đó chính tôi lại là nạn nhân không chừng? Mạng người như con ngóe, nếu phải chết như vậy thì vô lý quá. Tôi chẳng là cái quái gì hết, nhưng cần sống, sống qua cuộc chiến này. Cái nhìn của tôi chạm vào đồng gạch bên đường, đồng gạch đỏ cao ngất. Nhưng chỉ qua một đêm, sáng hôm sau tôi thấy hết nhẵn. Chiếc xe nhà binh lại đến đổ đồng gạch khác. Tôi thắc mắc về đồng gạch đó, không lẽ lính viễn chinh ăn gạch thay bánh mì. Ý tưởng dí dỏm đó làm tôi mỉm cười một mình.

Tôi đến lớp học hơi muộn, tôi nhìn xuống đám học trò lác đác vài ngoe. Chúng lăm lét nhìn tôi, cái nhìn vừa có vẻ ngu độn vừa sợ sệt. Tôi lật sổ điểm gọi một đứa lên đọc bài. Nó lễ phép trình cuốn vở bản lem nhem, đứng khoanh tay, mắt lăm lét nhìn xuống những ngón

chân bết bùn khô cứng. Tôi không buồn
giở vở ra xem, nói cộc lốc:

– Đọc bài!

Tên học trò tăng hăng, ê a chán mới
rặn ra được một câu: “Nước Việt Nam
... a... nước Việt Nam a... a...” Nó nhắc đi
nhắc lại mãi điệp khúc đó như một chiếc
đĩa hát mòn, tôi gắt:

– Nước Việt Nam làm sao?

Tên học trò bắn lên, rồi không biết vì
sao nó bật ra:

– Nước Việt Nam hình cong như chữ
‘ét sì’ và chia ra làm ba miền: Bắc Việt,
Trung Việt, và Nam Việt. Phía Bắc giáp
nước Trung Hoa, phía đông giáp biển
Nam Hải, phía nam giáp mũi Cà Mau,
phía tây a... đ... giáp nước... Tây.

Tôi đập tay đến thình xuống bàn:

– Láo! Thuộc bài không?

Tên học trò mặt tái mét, mồ hôi toát ra trên trán, nó cuống lên:

– Nước Việt Nam sống bằng nghề làm ruộng và có bốn ngàn năm văn hiến...

Lần này tôi nổi sùng thật sự, tôi vụt cho cu cậu ba cái thước kẻ:

– Cút, zê-rô!

Lũ học trò ngồi dưới cười ồ, tên đọc bài sợ bị phạt năn nỉ:

– Thầy cho con đọc lại.

– Không hôm nào tao thấy mày thuộc bài hết, tại sao vậy?

Tên học trò vẫn sợ sệt tìm cách chống chế:

– Dạ đêm qua Việt Minh vào làng thu thóc nên con không học được, tảng sáng vừa giờ sách ra thì tây đến bố, con sợ quá trốn xuống hầm.

Tôi nhún vai gấp quyển sổ điểm:

– Thế thì học hành cái quái gì nữa.

Tôi nhìn xuống đám học trò ngồi co ro:

– Tụi bay nên về cày ruộng còn có ích hơn, hay đi lính cho Tây hoặc theo Việt Minh mà ôm bom ba càng.

Lũ học trò tưởng tôi giận nên ngồi im thin thít. Tôi thấy mình không được phép bỏ rơi nhiệm vụ nên hỏi lại một lần nữa cho yên lòng:

– Đứa nào thuộc bài?

Không một bàn tay nào giơ lên. Tôi

lật cuốn Việt sử tìm bài cho học trò chép. Tôi cầm cuốn sách đi xuống hàng ghế học trò:

– Hôm nay thầy dạy các em bài Trịnh Nguyễn phân tranh. Đó là thời kỳ đen tối nhất của lịch sử nước tại nội chiến kéo dài cả trăm năm. Các vua chúa ta thời bấy giờ vì tham quyền cố vị, vì quyền lợi riêng tư cho nên dân lành khổ sở. Ngoài Bắc có chúa Trịnh, trong Nam có chúa Nguyễn. Cả hai xưng hùng xưng bá mỗi người một phương. Gian thần thì lộng hành trong triều, quan tham ô lại những nhiều nhân dân ngoài phủ huyện. Ngoài Bắc có loạn Tam Phủ, trong Nam Trương Phúc Loan chuyên quyền làm nhiều điều tàn bạo khiến dân tình đồ thán...

Tôi đang nói thao thao, bỗng nghe một tiếng nói nhỏ ở bàn học trò:

– Tụi mình sắp học đến vua Quang Trung rồi.

Tôi ngừng lời quay lại:

– Dân tình khổ sở thì thế nào cũng có minh quân ra đời. Nhưng danh tướng có mấy ai được sống dai dẳng. Số mạng nước mình thế đó. Một tiểu nhược quốc có vùng vẫy cho lắm cũng đến cam chịu số phận hẩm hiu.

Chúng ta suốt bốn ngàn năm lập quốc đã viết sử toàn bằng máu, nhưng chúng ta đã hưởng được những gì? Mọi sự bất hạnh đều trút lên đầu lên cổ dân tộc nhỏ bé này. Nhưng nói thế, tôi không muốn các em nhiễm tư tưởng chán đời, phó mặc. Chúng ta đi tìm, chờ đợi thời cơ. Theo lẽ tuần hoàn của trời đất thì hết suy phải đến thịnh. Dù là cái thịnh đó ngắn ngủi, nhưng chính nó là nguồn

sống cho dân tộc này phải vươn lên và trở nên bất diệt...

Tôi đi đi lại lại quanh lớp học, tôi ngẩng nhìn lên mái ngói xiêu vẹo, nhìn xuống đám học trò lem luốc, tôi thấy lòng mình ngậm ngùi. Giọng tôi thấp xuống:

– Tôi chán cái chiến tranh này, tôi thú thật với các em điều đó. Nhưng không phải tôi không yêu nước, tôi chỉ không muốn đổ máu một cách vô lý cho Việt Minh cũng như cho Thực Dân. Với thứ chiến tranh phi chính nghĩa đó tôi có quyền đứng ngoài mà không xấu hổ chút nào. Tôi có quyền nói với các em điều đó, vì tôi đã từng vác súng bỏ nhà bỏ cửa theo Việt Minh. Chúng lừa bịp mình bằng những danh từ, người Pháp cũng không hơn gì... Tôi quay nhìn ra ngoài trời u ám. Lớp học im phăng phắc, đến

nổi tôi nghe rõ cả tiếng lá rụng ngoài sân trường. Phía trước cửa lớp có một cây bàng trụi lá giờ những cành khô cong queo in lên nền trời trắng đục. Một nóc tháp chuông nhà thờ vươn cao, phía sau là lô cốt, ngọn cờ Tam Tài phất phới bay. Tôi nghe xa xa có tiếng đại bác nổ ì ầm.

Tiếng chuông nhà thờ thường rung lên bất thường trong đêm sau hồi sùng liên thanh nổ phía cầu. Tôi hoang mang vì những hồi chuông đó không kém gì hoang mang về chuyện đóng gạch vơi lại đây.

Tôi quay nhìn vào lớp học, giờ sách nói:

– Thôi các em chép bài đi!

* * *

Tôi giờ tắm điện tín của Uyên ra xem lại:

– Về Hải Phòng ngay stop giấy tờ đã xong stop đã lấy vé tàu.

Việc làm trước tiên của tôi là thu dọn hành lý, chẳng có gì ngoài một vali quần áo và ít sách vở. Xong xuôi tôi tới thanh toán tiền nong với bà chủ nhà trọ. Tôi phải tới trường học nói chuyện với ông hiệu trưởng tìm người khác thay tôi và nhân thể lấy nốt số tiền còn lại. Tuy chẳng đáng bao nhiêu, nhưng cũng giúp tôi thanh toán nổi tiền xe, tiền ăn đường từ đây về tới Hải Phòng. Ông hiệu trưởng tiếp tôi ở phòng khách. Hương trà sồi thơm dịu làm người tôi tỉnh táo. Buổi sáng cuối đông trời lạnh lạ lùng. Ông hiệu trưởng ngồi thu tay trong bọc.

Trông dáng dấp nhỏ bé của ông, tôi bỗng thấy thương hại. Ông nhìn tôi hấp háy sau cặp kính trắng:

– Vậy thầy nhất định đi sáng nay đây phỏng?

Tôi đặt ly trà xuống bàn:

– Dạ phải!

Ông kéo chiếc điều bát đến gần hít một hơi thuốc Lào, nhả khói mù mịt:

– Đường từ đây về Hải Phòng cũng nguy hiểm lắm đấy, tụi Vẹm giật mìn luôn xoành xoạch, hôm rồi một đoàn công-voa [le convoi: đoàn xe.] của Tây bị nó phục kích chết ráo? Chỉ khổ cái thằng dân cứ đưa lưng ra mà chịu. Cha bố cái chiến tranh chỉ làm hại, làm ăn gì thời buổi này cũng khó. May bà nhà này còn

đi buôn đi bán, chứ không cứ gọi là chết đói!

Tôi ngồi nói chuyện với ông hiệu trưởng khá lâu để chờ bà vợ ông về mới có tiền. Khi tiền tôi ra cửa, ông nắm chặt tay tôi:

– Thầy đi chắc chẳng bao giờ còn trở lại chốn quê mùa này. Vào Nam thầy làm ăn khấm khá thì viết thư cho tôi, tôi cũng vào. Xưa kia các cụ mình cứ cho bỏ xứ đi là một điều nhục nhã, nhưng ngày nay khác phải không thầy?

Tôi nhìn ra mấy lớp học, lũ trò nhỏ thập thò ở cửa lớp nhìn tôi. Nhìn chúng, tôi thấy lòng mình se lại, chẳng gì tôi đã để lại đây ít nhiều kỷ niệm. Tôi giờ tay lên vẫy chúng:

– Thầy đi các em nhé!

Chúng nhao nhao chào tôi và chúc tôi lên đường bình an. Tâm hồn chúng mộc mạc đến ngu đần. Dậy chúng học nhiều khi tôi tức uất người, nhưng nghĩ lại tôi thấy thương chúng nhiều hơn là giận. Tôi nói với ông hiệu trưởng:

– Chưa biết bao giờ tôi mới trở lại được đây, có lẽ phải hết chiến tranh.

Ông hiệu trưởng dường như còn quyến luyến nên tiễn tôi ra tận cổng trường:

– Chúc thầy đi bình an, hai giờ chiều có chuyến xe lên Phòng đốc, thầy liệu thu xếp thì giờ kéo trễ. Tiếc là hôm nay thầy đi gấp quá không kịp mời thầy một bữa cơm xoàng.

Tôi buông tay ông hiệu trưởng:

– Thôi cụ vào đi, cụ đối với tôi như vậy là quý hóa lắm rồi.

Tôi men theo cánh đồng, qua cầu rồi tới tỉnh lỵ. Con sông ở đây rộng, uốn khúc vòng vèo tới một miền xa thẳm nào đó. Suốt ngày trên cầu có lính gác, hai bên bờ sông rào kẽm gai, dân chúng vùng này không được phép lai vãng gần bờ. Không một con thuyền nào qua lại ngoài mấy chiếc tàu tuần tiểu của quân đội viễn chinh. Cầu nguyên trước đây xây bằng xi măng, nhưng hồi mới kháng chiến bị V.M. phá sập. Bây giờ công binh làm lại bằng sắt và những tấm ván ghép. Điều đặc biệt nhất cầu chỉ có một bên tay vịn. Nhiều hôm đi qua cầu, tôi nhìn xuống dòng nước cuộn cuộn mà thấy rợn người.

Tôi tới tỉnh đó vào khoảng mười hai giờ trưa, trời bớt lạnh, tôi cảm thấy đói nên rẽ vào quán cơm. Tôi ngồi xuống bàn, vô tình lại nhìn ra đồng gạch cao ngê. Tôi thắc mắc mãi về đồng gạch đó cả tháng trời nay. Hay là quân đội xây thêm một cái lô cốt nào đó! Tôi tò mò hỏi một vài người ở đây lâu năm, họ trả lời không biết. Và khuyên tôi đừng tò mò, không nghe và không thấy là tốt hơn cả.

Hai giờ trưa, hành lý tôi sẵn sàng. Chiếc xe hàng ngừng lại. Tôi lên xe, tỉnh lị lụi lại phía sau, đồng gạch khuất bên một khúc rẽ. Giã từ! tôi nói thầm trong miệng. Bây giờ thì hết thắc mắc, tôi nao nức nghĩ đến Hải Phòng, đến chuyến tàu vào Nam. Tôi tưởng tượng đến thành phố Sài Gòn với những đường phố thật đẹp và cuộc sống xa hoa ở đó. Cửa kính xe đóng kín, nhưng tôi vẫn run vì lạnh.

Hành khách ngồi trong xe phần nhiều là đàn bà nhà quê, họ có vẻ yên phận chịu đựng. Có những xe nhà binh chở đầy lính chạy ngược lại phía chúng tôi. Người tài xế phải lái xe giạt vào bên đường. Anh ta luôn miệng cầu nhàu vì đường xấu. Trời về chiều, chiếc xe cố mở hết ga để kịp đến nơi an toàn. Xe đang đi bỗng một chiếc xe nhà binh chạy ngược đến ra hiệu cho xe ngừng lại. Hành khách trong xe nhao nhao, bàn tán:

– Chắc khám giấy?

– Không, hình như có chuyện gì xảy ra phía trước.

Xe nhà binh đậu lại, người lính Việt nhảy xuống nói chõ vào trong xe hàng:

– Không đi được đâu, xe trước mới bị mìn chết vô khối.

Nói xong anh ta nhảy búa lên xe. Chiếc xe nhà binh đi ngược lại. Anh tài xế thở phào:

– Thôi ngủ lại đêm nay vậy, chỉ còn hai chục cây số nữa là đến Phòng. Thật tội vạ...

Mấy người đàn bà hình như quen với cảnh này nên than thở qua loa vài câu rồi tìm chỗ nằm ngả lưng. Trời sụp tối, tôi mang cơm nắm ra ăn đỡ dạ. Ngồi mãi trên xe cũng chán, tôi leo xuống tính tìm chỗ đi tiêu. Người lơ xe dặn:

– Ông đừng đi xa, quanh quẩn ở đây thôi.

Tôi gật đầu đi xuống bờ ruộng cách xe hàng không quá trăm thước. Sau khi đi tiêu xong, tôi tính trở lại xe thì thấy có bóng người từ trong bóng tối nhô ra:

– Ai! Đứng lại!

Một cảm giác kinh hoàng chạy dọc theo sống lưng tôi. Tôi từ từ giơ tay lên, quy-lát lên đạn loạch xoạch. Không phải Việt Minh, một tiểu đội hỗn hợp vừa lính Tây lẫn lính Ta. Một người lính cầm súng ngắn đến bên tôi lục soát khắp người:

– Đi đâu mà ở đây?

– Tôi ở xe hàng kia, tôi đi tiêu!

Thình lình một bóng súng nện đến hự vào ngực tôi:

– Nói láo, mày là Việt Minh phải không?

– Dạ không! tôi lên Hải Phòng, tôi có giấy tờ.

Gã lính quay lại nói nhố nhăng với gã chỉ huy Tây, rõ ràng tôi nghe thấy gã

chỉ huy nói tha tôi, tôi mừng khắp khởi. Nhưng gã lính Việt quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi. Trong bóng tối mờ mờ tôi nhìn thấy đôi mắt gã long lanh:

– Quan bảo: dắt mày về đồn điều tra!

Tôi há miệng ra cãi:

– Quan nói tha tôi rồi!

Gã động thêm một báng súng nữa vào ngực tôi:

– À à! Mày biết tiếng Tây phải không? Mày lại giỏi hơn ông nữa kia à! Mày khinh ông thì mày chết con ạ!

Tôi ngã khụy xuống. Gã lính Việt ra lệnh cho hai tên lính khác tới xốc nách tôi. Chúng lấy dây trói nguyền tôi lại, nhét giẻ vào miệng và bịt mắt:

– Mang nó ra xe! Cái đồ phách lối thì cho chết!

Tôi hoàn toàn không trông thấy gì, bước đi chệnh choạng, hai gã lính luôn mồm cầu nhàu:

– Liệu có đi hản hoi không? Ông lại động cho một báng súng nữa bây giờ.

Lần này thì chết thật rồi. Họ không để cho tôi giải thích một câu. Những hình ảnh loáng thoáng chạy qua đầu tôi rất nhanh. Mộng đi Nam tiêu tan, nhưng tôi vẫn còn hy vọng, may ra về đồn tôi được quyền giải thích. Tôi có cảm giác mình đang được nhắc bổng lên, ném vào một thùng xe. Trên thùng xe đó rất đông người, hình như họ cũng bị bịt mắt, bịt miệng và trói giắt cánh khủy như tôi. Tôi ngửi thấy mùi hôi hám của những chiếc áo nâu lâu ngày không giặt. Mùi

bùn đất, tai nghe thấy tiếng thở phì phò, mệt nhọc. Xe chuyển bánh, giật mạnh chúng tôi xô ngã bên nhau. Xe chạy băng băng, đường xóc người tôi nảy lên đau nhừ. Tôi không biết xe đưa chúng tôi đi đâu, tai nghe tiếng gió thổi ù ù và mặt se lại vì lạnh. Số phận tôi sẽ ra sao, điều đó tôi chưa biết được. Thời buổi này mạng người rẻ như bèo, chúng có thể giết tôi bất cứ lúc nào. Tôi buồn vì mình phải là nạn nhân một cách phi lý. Những ý nghĩ lan man trong đầu tôi, những hình ảnh gần nhất lần lượt hiện ra. Xe đi chậm lại, hình như rẽ vào một nơi nào đó đông người. Chúng tôi được dẫn xuống xe, được tháo băng mắt. Bên trong một đồn lẻ, những người lính cầm súng dồn chúng tôi vào một góc. Chúng tôi cũng được móc giẻ trong miệng ra. Tôi nhìn quanh, đồng bào tôi tất cả. Họ run sợ

lầm lét nhìn những người lính cầm súng
rồi nhìn nhau:

– Đây là đâu?

Tất cả đều lắc đầu, lúc này tôi thấy
mình cần phải thừa thốt, tôi gọi người
lính:

– Ông ơi! cho tôi thừa chuyện.

Người lính đi lại:

– Mà muốn gì?

– Tôi muốn gặp ông xếp để thừa
chuyện tôi bị bắt oan.

Gã lính thuận tay dáng một cái báng
súng vào mặt tôi:

– Hồn, quan nào thèm nói chuyện
với mày. Không cần miệng ông đánh
hộc máu ra.

Tôi ngồi im thin thít, thúc thủ, lúc này tôi mới nhận ra mình không có quyền làm người. Tôi nhìn lên lô cốt, ánh đèn pha quét thủng màn đêm âm u. Chiếc đồng hồ vẫn đeo ở tay tôi, kim dạ quang chỉ đúng ba giờ sáng. Phía đám đông quanh tôi thì thảo luận nhau:

– Nó tính làm gì mình?

– Ai mà biết, hồi chiều tụi nó bị phục kích chết mất mấy đứa, chúng bắt mình làm con tin. Cùng lắm là giết bọn mình chứ gì.

– Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết, tội cái thằng dân, sống với ông Việt Minh cũng khổ mà về Tề còn khổ hơn. Chết là rảnh, tôi thì chả sợ gì chỉ lo cho vợ con.

Anh chàng cao gầy, có vẻ một tên cán bộ Việt Minh thực thụ lên tiếng:

– Thà chết vinh hơn sống nhục, đồng bào yên chí, chính phủ lúc nào cũng nghĩ đến chúng ta. Không có sự dă man của thực dân Pháp thì...

Tôi nổi giận, ném một câu cốc cần vào mặt hắn:

– Câm miệng đi, chết vinh ở chỗ nào, chúng mày chỉ là đồ ăn hại, nói cái miệng thì hay lắm.

Đám đông gần kề cái chết nhao nhao hưởng ứng lời nói của tôi. Tên cán bộ im bật ngồi vào một xó. Tôi bực mình vì mình phải chết quá sớm, chết mà chưa hưởng hết tuổi trẻ. Cái rét cuối đông làm chúng tôi ngồi co rúm lại với nhau, đến năm sáu chục người chứ không ít. Tiếng xe tăng mở máy rầm rầm làm chúng tôi choàng tỉnh, mở thật to mắt nhìn. Chiếc xe ra ngoài cổng đồn, tiếng máy xa dần.

Một lát sau những người lính gác thúc chúng tôi đứng lên:

– A lê! dậy!

Một chiếc xe nhà binh khác mở máy. Chúng tôi bị dồn lên thùng xe. Chúng mang chúng mình đi đâu nữa đây?

Một người khác nói nhỏ vào tai tôi:

– Chúng nó bắt mình đi đắp đường, may ra thì chuyến này được về.

Nghe xong câu nói, trong lòng tôi nhóm lên một tia hy vọng. Anh chàng nói có lý. Xe chạy ra ngoài cổng đồn, trong bóng đêm lơ mơ tôi nhận thấy lần lần nơi ở quen thuộc mà tôi mới bỏ đi lúc hai giờ chiều. Vậy ra mình lại bị tụi chúng đưa về nơi cũ. Nóc chuồng nhà thờ, tỉnh lý, các quán ăn và đường phố lầy lội. Ánh đèn pha trên lô cốt quét từng

vết dài vào bóng tối. Sao lại đống gạch?
Người lính bảo chúng tôi xuống xe, gã
hét lên:

– Mỗi đứa lượm sáu cục gạch!

Sao lại chỉ có sáu cục gạch? Tôi tự hỏi
như vậy! Chắc hẳn những người khác
cũng cùng một ý tưởng như tôi. Tất cả
đều thi hành theo mệnh lệnh. Xong xuôi
chúng tôi lại lên xe. Đống gạch hết nhãn,
có người thiếu phải xin thêm bạn đồng
cảnh chia bớt cho một hai cục. Có lẽ đắp
đường thật. Xe chuyển bánh, tôi khư
khư ôm sáu sáu cục trong lòng. Nhưng
tôi vẫn thắc mắc, sao chỉ có cục gạch?

Chiếc xe chạy đến cầu thì ngừng lại,
chúng tôi bị lừa xuống:

– Tất cả đủ gạch chứ?

– Dạ đủ!

Một người lính phát cho mỗi người sáu cái túi, bắt bỏ gạch vào trong đó. Mọi người nhìn nhau ngơ ngác. Không ai hiểu gì. Người lính giục:

– Mau lên!

Chúng tôi răm rắp làm theo lệnh. Tôi nghe dưới chân cầu nước xoáy âm âm. Tôi chợt hiểu, hoảng hốt la lên:

– Tôi oan các ông ơi!

Cả bọn hình như cũng vừa vỡ lẽ ra, họ kêu:

– Lạy các quan tha cho con, con còn mẹ già con nhỏ.

– Trăm lạy, nghìn lạy các quan.

Những chiếc bóng súng đập như tưới lên mình mấy chúng tôi. Tôi nhìn thấy chiếc xe tăng đậu sừng sững giữa cầu,

trên nóc xe tăng khẩu đại liên đen ngòm chĩa xuống. Chiếc túi vải đựng gạch treo lủng lẳng ở cổ tôi hai cục, hai tay hai cục và hai chân hai cục. Vừa chấn sáu phiến gạch. Lúc này chúng tôi không kêu oan nữa. Vô ích, người ta sắp sửa làm thịt chúng tôi. Tôi lấy làm lạ khi kể gần cái chết mình lại trở nên bình tĩnh. Có lẽ những nạn nhân kia cũng đồng một tư tưởng như tôi. Mọi hình ảnh của dĩ vãng đều hiện ra trong đầu rất nhanh. Chúng tôi bị dẫn từng tốp mười người ra đứng ở lan can cầu, lưng quay ra sông, đằng sau không có tay vịn. Người lính bắn súng liên thanh nhảy xuống, bước cồm cộp qua mặt chúng tôi. Hắn tới lục soát và móc trong túi các nạn nhân ra bất cứ thứ gì có thể lấy được rồi thồn đầy vào hai túi quần “trây di”. Mồ hôi toát ra lấm tấm trên trán, tôi không run lên vì lạnh mà run lên vì sợ. Dưới chân cầu nước vẫn

xoáy âm âm. Không ai có thể ngờ được tôi chết một cách nhục nhã như thế này. Ông hiệu trưởng chắc đã ngủ say và yên chí tôi đã tới Hải Phòng từ chiều. Còn Khanh? Nàng đang nghĩ gì, chắc chắn không còn nhớ đến tôi. Trời lạnh này, nệm chăn ấm áp! Hà Nội! Hải Phòng! Sài Gòn! Tôi nghĩ đến tên những thành phố mà lòng bỗng thấy xót xa. Bên tai tôi nghe văng vẳng như có tiếng học trò đọc bài: Nước Việt Nam hình cong như chữ S, chia ra làm ba miền: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt... Nước mắt tôi chảy ràn rụa trên má, tôi cúi đầu nhìn xuống chân mình. Gã bắn súng liên thanh đi tới, tiếng giấy hần gõ cồm cộp trên ván cầu khô khan, nặng nề. Tiếng động đó xoáy cuộn cuộn trong đầu tôi như tiếng sóng. Chỉ còn một cơ hội chót, tôi nói liều dẫu có phải ăn thêm hai ba cái báng súng trước khi chết:

– Tôi còn chiếc đồng hồ vàng ông tháo giùm, tôi là thầy giáo ở tỉnh này chiều nay đi lên Hải Phòng, chẳng may bị các ông bắt nhầm...

Gã bắn súng liên thanh đứng dừng lại, bàn tay hộ pháp của hắn nâng mặt tôi lên:

– Thật không? À! À! Tôi nhận ra rồi, anh dạy trường làng.

Tôi cũng nhận ra hắn, hắn vẫn thường đến quán uống rượu với lũ tây đen gạch mặt. Có một lần hắn cụng ly với tôi và nhờ tôi dạy học đứa nhỏ con của mục nhân tình hắn. Hắn cười, kéo thốc tôi ra:

– Anh mà không nói tôi đâu có biết, đúng đó để tôi xét lại trường hợp anh.

Thấy tôi được tha đám nạn nhân lại nhao nhao:

– Lạy quan tha cho con, con oan!

Gã lính bắn súng liên thanh không đếm xỉa đến những lời xin đó. Gã leo lên ổ súng máy ngồi dạng háng. Hắn còn ngoái cổ xuống nói với tôi:

– Anh nhờ lính nó cởi gạch ra cho, muốn chết chìm à!

Tiếng đạn nổ giòn đĩnh tai nhức óc! Tôi nghe thấy những tiếng thét ghê rợn, tiếng xác người rơi xuống sông lồm bồm, tiếng nước găm và mùi khói súng khét lẹt. Tôi nhắm nghiền mắt lại cho đến khi tiếng súng ngừng. Tiếng gã bắn súng liên thanh hét lên:

– Xong rồi! Về!

Hắn, nhảy xuống xe xoa tay khoan khoái:

– Chết mát mẻ nhé! A men!

Gã lính đi theo chạy tới báo cáo:

– Thừa xếp chìm hết!

– Ủ phải chìm chứ nổi thế chó nào được! Thôi về!

Lúc đó tiếng chuông nhà thờ bỗng nhiên đổ hời. Gã bắn súng liên thanh gầm lên:

– Diếc tai quá! Mai tao phải mang súng ra bắn sập cái gác chuông mới được. Bảo nhiều lần rồi mà các ông cha đó không nghe.

Tim tôi còn đập thành thạch, gã bắn súng liên thanh kéo thốc tôi lên xe:

– Sợ không?

Tôi gặt đầu, khi đi qua đồng gạch tôi nói:

– Bây giờ tôi mới hiểu tại sao đồng gạch vui lại đây!

Gã nhìn tôi đe dọa:

– Biết điều câm họng.

* * *

Tôi đã câm họng suốt mười lăm năm trời nay. Bây giờ tôi mới nói ra điều đó. Nói cho tất cả mọi người đều biết đồng gạch tại sao vui lại đây. Số gạch chìm dưới các dòng sông Việt Nam có thể xây cả chục cái Kim Tự Tháp.

Bao nhiêu sông ngòi Việt Nam còn
giấu bao nhiêu bí ẩn.

Tất cả những dòng sông chảy ra biển
cả.

1962

(Đã in trong Tập truyện VÁC NGÀ
VOI của nhà văn Nguyễn Thụy Long,
nhà xuất bản TIẾNG NÓI năm 1964.)

NGÀY XƯA

MƯA BỤI TỪ TRỜI CAO RẮC
XUỐNG.

Tôi khoác chiếc áo mưa trắng, đầu
để trần, bụi nước mưa làm mát mặt.

Ngõ hẻm sâu hun hút, tối đen, không
lẽ điện lại tắt suốt đêm nay. Không
lẽ một cột điện Đa Nhím nào lại bị phá
hoại? Tổ cha quân phá hoại, tôi chửi
thầm. Tôi đang về nhà, mò mẫm trong
đêm hôm khuya khoắt. Thuốc lá không

còn một điều, tôi vò nát bao không ném ở đầu hẻm. Tôi thêm một hơi khói. Nếu có thể thì một điều thuốc Lào cũng đủ say mê. Chỉ còn một quãng ngắn nữa tôi về đến nhà, sẽ được hưởng thú vị đó

Đường đất gập ghềnh trơn trượt, tối thui, thỉnh thoảng tôi lại bước lầm xuống một vũng nước. Tôi chửi thề. Gã phu xích lô đạp nhất định không chịu đưa tôi vào ngõ hẻm:

– Thầy hiểu cho, tôi không thể vô tròng.

– Tại sao?

– Đường tối khó đi, vả lại nguy hiểm cho tôi.

– Ai làm gì anh mà nguy hiểm?

– Bộ thầy không thấy báo đăng du đăng lợi dụng đường tối cướp của giết người đó sao?

Tôi nhìn chiếc nón dùm dó trên đầu hấn, chiếc áo xanh rách xả vai, chiếc quần đùi để hở cả «của quý» ra yên xe.

– Anh còn có c.. c. gì nữa mà lột?

Hấn cười nhe hàm răng chiếc còn chiếc mất:

– Dạ còn chứ, thẻ căn cước bọc lát tích và năm chục bạc lẻ. Du đăng hồi này trốn lính nên ưa làm ẩu, mười đồng nó cũng lột đó thầy. Thẻ căn cước thì nó lột hình liệng đi dán hình nó vô, ba chóp ba nháng xài tạm được rồi.

Tôi phải lần mò đi vào một mình.

Có thể lắm chứ, anh xích lô nói có

lý, một vài tên du đảng đói nào đó đang rình mò quanh đầu đây. Nó sẽ bước ra chặn lối, trong tay có một lưỡi lê nhọn hoắt, dí vào bụng tôi:

– Người anh em, qua là du đảng đây, lột cho qua mượn tạm chiếc đồng hồ, hà, có tiền hôn? Tốt, tốt, cảm ơn, thôi yên trí về nhà nghe.

Nghĩ đến điều đó, tôi vừa tức vừa sợ. Tôi thọc tay vào túi quần tìm bật lửa Zippo cầm tay. Tôi hoạch định ngay một đòn giang hồ chống cự trả miếng. Tưởng tượng ra tôi là một tay cự phách, đánh chúng bò lê bò càng. Nhưng đó chỉ là tưởng tượng.

Đường vẫn vắng tanh vắng ngắt. Tôi không mong gặp du đảng để thử lửa, có thể gặp trực trặc trong khi thi hành kế hoạch chó. Nếu bọn du đảng có súng

đứng xa tôi khạc bậy một viên vào bụng. Chính tôi là kẻ nằm xuống.

Tôi bước hụt xuống một vũng nước suýt ngã. Màn mưa và bóng tối làm nổi bật những cây thập tự giá ở nghĩa địa ngay sát đường, những cây thập tự giá quét vôi trắng. Cỏ ở đó mọc cao che gần kín những ngôi mộ xây, chỉ còn những cây thập tự vươn cao, như những oan hồn mặc áo liệm trắng đứng dang tay. Tiếng gió buồn trong cỏ sắc cùng với tiếng mưa rơi tạo thành thứ âm thanh rì rào, tiếng côn trùng hòa nhịp buồn bã.

Tôi bước thấp bước cao, nước bắn tung tóe làm ướt cả vớ trong giày. Tôi chửi thầm luôn miệng. Tôi tránh nhìn ra nghĩa địa, nhưng tầm mắt tôi không thể quá thu hẹp. Tôi bỗng thấy rờn rợn sau gáy.

– Gì đó?

Tôi quay phắt lại.

Chẳng có gì hết, cổ áo mưa lạnh chạm vào gáy tôi đó thôi. Thần hồn nát thần tính.

Tuy chẳng có gì nhưng tôi vẫn thấy rờn rợn. Phải, tôi đã nghe chuyện đó rồi.

Trong đêm mưa gió sục sùi, bỗng nhiên có một người con gái mặc áo đen từ đâu đi lại. Nàng đẹp nảo nể, nàng khóc lóc và nói, rồi nàng nhắc chiếc đầu ra khỏi cổ xách lưng lẳng đi vào nghĩa địa, cái đầu vẫn than khóc. Ghê thấy mẹ, tôi rợn cả người. Tôi muốn chạy, nhưng tôi lại không chạy, hồn ma có thể đuổi theo như quỷ nhập tràng. Tôi tự nhủ không nghĩ đến chuyện đó nữa.

Tôi thở phào vì đã ra khỏi con đường

trong vòng đai nghĩa địa. Tôi ngoặt vào một con đường nhỏ hơn, tối hơn, gồ ghề hơn.

Hai bên đường tre mọc kín, gió làm những thân tre cọ vào nhau nghe cọt két, cọt kẹt. Gió thốc tháo trong lòng hẻm sâu.

Tôi nghe tiếng giầy mình đập bình bịch trên nền đất Bên cạnh con đường nhỏ có một cái hào dài, chạy suốt nước từ trên cao đổ dồn xuống chảy ồ ồ. Tôi quen thuộc với con hào này nên không sợ sa xuống hào.

Tôi cẩn thận đi men theo bờ tre. Tôi nghe rõ hơn tiếng cọt két. Nếu lúc này bỗng dưng có một thân tre ngã rạp xuống. Tôi không biết mình sẽ đứng lại hay bước qua. Nếu tôi bước qua, cây tre sẽ bật lên hất văng tôi lên cao như một

cây pháo thăng thiên. Có chuyện đó được không? Tôi tự hỏi.

Một người lớn tuổi một lần ngồi ở quán chú Lì đã nói chuyện.

Cách đây gần hai chục năm, những đêm mưa dầm, người ta thường thấy lũng lảng trên ngọn tre những chiếc đầu lâu còn nhỏ máu... Chúng há hốc miệng cười như nắc nẻ.

Tôi nghiêng chặt rằng, đừng nghĩ quẩn. Tôi mạnh dạn hơn, mắt nhìn thẳng. Chỉ có tiếng gió đẩy thôi. Không, không phải tiếng gió. Tiếng người. Một câu hát, kéo dài như rên siết:

– Như chim li..ê..ê..n... cánh... như... cây... l..i..ê..ê n... c..à..à..nh..

Tôi đứng dừng lại, nấp bên cạnh một mô đất, nín thở, hồi hộp. Tiếng bước

chân chênh choạng của người nào đó bước gần lại phía tôi.

Miệng hần vẫn líu lo hát, líu lo nổi lồi như giọng phường tuồng:

– Có nghe chẳng trăm vạn hồng binh rồi cũng trôi theo thời gian... Mộng bá vương... ha ha... Mộng bá vương còn tro nơi cổ mộ... nức cười thay chuyện thế thái nhơn tình...

Người đàn ông đi tới, hần chênh choạng bước. Tôi thở phào, ra khỏi chỗ nấp. Màng áo mưa tôi khoác trắng lôm lổp.

Hần đột nhiên đứng sững lại. Hần lúi, hai tay giơ lên trời, chơi với:

– Ồi đừng, con lạy ngài... ối! Ồi?

Hần ngã tòm xuống hào nước. Bàn

tay hấn cổ găng bít lấy chỗ vịn trên bờ đất trơn, nước xoáy giằng co với thân thể hấn.

Tôi nhảy đến, túm cổ áo hấn lôi lên, hấn không ngớt kêu oan:

– Lạy ngài... con có nói gì đâu.

– Không tôi đây mà, tôi là người.

Hấn co rút như con tôm, mặt giấu vào hai cánh tay:

– Con có nói bậy đâu, lạy ngài?

Tôi bật sáng hộp quẹt, ánh lửa bập bùng, hấn từ từ buông tay, một khuôn mặt già, nhăn nheo, đôi mắt lơ dờ có những tia máu đỏ. Hấn mở to mắt nhìn ngọn lửa, uể oải đứng dậy. Hấn nhìn tôi không nói.

Tôi đập nắp hộp quẹt, lửa tắt.

Từ hơi thở lão già bốc ra mùi rượu nồng nặc. Lão lại ề à:

– Như chim l.i..ê...ền... cánh... nhúc..ô..y.. l.i..ê..ri cành...

Lão tập tễnh đi, cách tôi chừng ba bước, dừng lại có vẻ nghe ngóng. Đột nhiên quay lại phía tôi, lão đưa tay che miệng thì thào:

– Này, mày có nghe thấy gì không?

Tôi lắng nghe, lắc đầu:

– Có gì đâu?

– Có, tiếng loa!

Tôi lắng tai nghe lại, lắc đầu nữa:

– Chẳng có gì hết, tôi không thấy gì.

– Đồ điếc rõ ràng có tiếng loa. Tiếng loa nói như vậy tên Việt gian Nguyễn Văn

Khôn là kẻ đại gian đại ác. Để xây dựng cách mạng, nhân dân tuyên án chặt đầu kẻ phản bội dân tộc... Nghe thấy không, ở ngay dưới ruộng kia...

Tôi lắc đầu, nắm bả vai lão, đẩy đi:

– Thôi bác về đi, khuya rồi.

Lão đứng trầm ngâm, nói với vát:

– Đêm nào cũng vậy, tao nghe thấy hoài, từ hai mươi năm nay chúng nói hoài câu đó.

Nói xong lão bỏ đi. Lão bị ám ảnh vì một chuyện gì đó. Lão lại nghêu ngao hát. Tôi đứng ngẩn ngơ một lát. Tôi thở phào cũng quay lưng đi, thầm nghĩ bằng tiếng thở ra: Ôi dào, bọm nhậu hơi sức đâu...

Mưa nặng hạt dần. Ngõ hẻm tối đen,

gió thổi ào ạt làm cây cối la đà. Đâu đó có tiếng chó tru...

* * *

Tiếng cầu kinh, tiếng mưa rơi rỉ rả. Ngần ấy âm thanh hòa hợp nhau nhịp nhàng buồn nản. Hình như có nhiều ông sư cùng xướng lên một lượt. âm thanh đó từ phía sau nhà tôi vọng lên.

Tôi nằm yên, đêm tối đen. Tôi đoán ngôi chùa phía sau nhà chắc có mở một đàn chay nào đó. Tôi liền hình dung ra những vị sư mặc áo vàng, nối đuôi nhau vừa đi vừa niệm Phật. Người đi đầu cầm cái thanh la nhịp nhàng gõ, người thứ hai điểm nhịp bằng tiếng mõ. Họ cứ nối nhau đi quanh như thế suốt đêm, dưới ánh hồng lạp âm u từ chánh điện rọi

xuống. Bóng họ khi chập vào nhau, khi dang xa, phóng lớn rồi loãng như sương. Họ cứ đi vòng tròn, đi mãi đi mãi, nhẩn nại, thống khổ, miệng xướng lên thứ âm thanh trầm, buồn nản. Đôi mắt luôn luôn nhìn xuống những ngón chân trần. Cho tới khi trời tang tắng, những ngọn hồng lập trên chánh điện tàn lụi dần. Tiếng cầu kinh suốt đêm đó lâu lâu tôi lại nghe thấy một lần. Những lần trước tôi dễ ngủ, âm thanh như lời ru bất tận, kéo mí mắt tôi nặng trĩu sụp xuống. Khi tôi bừng mở mắt ra, trời sáng, tiếng cầu kinh tắt. Nhưng đêm nay, tiếng cầu kinh không ru tôi vào giấc ngủ, trái lại còn làm tôi nhức nhối.

Tôi giờ mình, xoay tròn trên chiếc giường rộng thênh thang. Ly cà phê đen đặc ở quán đầu Phú Nhuận hồi tối làm tôi tỉnh táo kỳ lạ. Tôi mở mắt thao láo

nhìn lên đình mừng, tôi quần kín mền
chỉ để hở đầu

Đêm mưa không khí se se lạnh. Tôi thấy lòng mình rộn rã, nghĩ bậy, ước ao bậy. Trong đầu óc tôi lúc này lộn nhốn những hình ảnh khêu gợi, phía dưới thân thể tôi nóng rần rần, những thớ thịt tự động rung lên. Tôi ép khít hai đùi vào nhau lăn tới góc giường, ôm lấy cái gối kẹp vào đùi.

Tôi tự nhủ, tự trấn tĩnh mình không nghĩ đến nữa. Thật khó khăn, những hình ảnh khác chỉ mỏng manh như khói. Trời lạnh thế này nếu có một con nhỏ nằm bên cạnh? Phải, đúng con nhỏ đó, đôi chân thuần dài, mũi cao và đôi mắt màu hạt dẻ. Con nhỏ ở cuối xóm, nó như đâm lai. Thỉnh thoảng tôi gặp nó đi rong trong xóm. Ngực và mông nó ngồn ngộn dễ sợ.

Tôi nhắm nghiền mắt, tự xỉ vả mình.
Đổ đốn, nghĩ tầm bậy hoài.

Tiếng tụng kinh im bật, tôi mở bừng mắt nghe ngóng. Chỉ còn tiếng gió reo, tiếng mưa rơi rỉ rả. ý tưởng bậy bạ bỗng nhiên bị phân tán nhanh chóng. Phải chăng những nhà sư đã dừng lại, họ không còn đi vòng tròn? Những ngọn hồng lạp đã tàn lụi rồi chăng? Buổi chiều tôi đã leo lên nóc nhà ngắm nhìn tứ phía, xem xét địa thế.

Tôi mua căn nhà gần được một năm, nhưng chưa lần nào tôi đi sâu vào trong xóm. Tôi đứng trên cao nhìn xuống, buổi chiều thật đẹp, nắng quái chiếu qua lá cây những luồng sáng vàng chói lói. Thấp thoáng sau rặng tre những mái lá tỏa khói lam êm đềm. Ngay đằng sau nhà tôi là một ngôi chùa cổ. Tôi nhìn thấy chiếc sân gạch rộng vắng bóng người.

Gần đó có một ngôi nhà lợp ngói âm dương, tường đất. Ngôi nhà ẩn sau hàng chuối rậm rạp. Tôi nghĩ đến việc mở một chiếc cửa hậu, tôi sẽ được khu đất hoang. Thuê người dọn cỏ, quây hàng rào, tôi sẽ có một khu vườn. Hàng xóm vẫn nói đất đai ở đây vô tội vạ ai chiếm lấy miếng nào được miếng đó Tôi dự định làm theo họ.

Những đêm trăng sáng, tôi bắc ghế ra ngồi ở vườn sau hút thuốc lá, uống cà phê, ngắm phong cảnh. Mình phải thực hiện điều đó bằng được, chắc cũng chẳng tốn kém bao nhiêu.

Bên cạnh nhà tôi có một ngôi mả cổ xây bằng đá ong đổ sộ, ngôi mả kiên cố như một cái thành nhỏ bỏ hoang, rong rêu mọc đầy. Những ngày mưa, những con ốc sên to không biết từ đâu bò ra, bám đầy trên rêu xanh.

Lọt vào trong sân nhà tôi, một chiếc mả khác, cũng bằng đá ong nhưng nhỏ hơn. Những phiến đá ong lỗ chỗ bị thời gian làm lún sâu xuống đất, chỉ còn chừa lại bốn cái cọc hình búp sen nhô cao.

Tôi từng thắc mắc về lai lịch hai ngôi mả đó.

Một tên bạn giang hồ, một lần đến nhà tôi, nhìn thấy ngôi mả bỗng reo lên:

– Nhà này có một kho vàng, kho báu vật.

Tôi ngạc nhiên, hấn chỉ vào ngôi mả:

– Ở dưới này, chỉ cần bỏ một ngày công đào sâu xuống năm thước đất. Một gia tài khổng lồ chôn theo người chết chứ không ít.

Đêm đó, hấn ngôi uống rượu với tôi

ngay trên ngôi mộ cổ, hoạch định một chương trình đại qui mô. Rồi những đêm sau nữa. Viễn tượng đào vàng mỗi lúc một lớn dần trong đầu tôi. Chúng tôi tưởng tượng ra một cuộc sống nhàn hạ phong lưu trong những ngày sắp tới. Đêm đêm ngồi uống rượu dưới trăng phỏ mặc chuyện đời.

Nhưng chuyện đó không bao giờ thực hiện được, người anh em tôi bị chết mất xác trong một trận đánh lớn ở miền đông. Kho vàng vẫn còn đó, và tôi vẫn tin như vậy.

Câu chuyện đào vàng đành gác lại. Khi đi làm, mỗi lúc bực mình với chủ, tôi vẫn thầm đe: «Đồ khốn, mấy ngàn bạc của mày chưa to đâu, con ơi! Chưa biết ngày nào ông đâm b... vào, ông về nhà đào vàng xài mệt nghỉ».

Tôi miên man với ý nghĩ ấy cho tới khi tiếng cầu kinh buồn bã lại nổi lên. Mưa vẫn không ngớt, bóng tối mông lung, tôi thấy chóng mặt vì hình ảnh các ông sư đi vòng tròn trong đầu.

Tôi thấy ý nghĩ mình kỳ quái. Tại sao tôi cứ phải nghĩ là những ông sư đi vòng tròn mới cầu kinh được. Tại sao tôi không nghĩ họ ngồi kiết già. Nhưng ý nghĩ tiên khởi cứ bám chắc lấy đầu óc tôi như những con ốc ma bám trên râu xanh ngòi cổ mộ. Tôi mệt mỏi thiếp đi, hình ảnh những ông sư áo vàng cầm thanh la, mõ, gõ nhịp đi vòng tròn lẫn quẩn trong đầu tôi suốt giấc ngủ mệt mỏi.

* * *

Khi tôi ra đi, người thợ hồ nói với tôi:

– Được thầy cứ yên tâm, chiều nay thầy về tới nhà là có cửa sau rồi.

Tôi còn dặn với, nửa đùa nửa thật:

– Anh phải làm cho xong, nội trong chiều nay, tôi về mà không có cửa là không yên với tôi đâu.

Anh thợ hồ cười nhe cả hàm lợi xám:

– Mà làm chi gấp vậy thầy?

Tôi nói không cần suy nghĩ:

– Hôm nay ngày rằm, tôi muốn mở cửa này để ngắm trăng.

– Chỉ có vậy thôi sao?

– Vậy thôi

Buổi chiều năm giờ tôi đã vội ra về. Chiếc cửa ra vào và cửa sổ đã hoàn tất. Tôi xoa hai tay khoan khoái Tôi mở rộng cánh cửa sổ, gió lùa vào mát lồng lộng Tôi mở tiếp cánh cửa ra vào. Khu đất hoang hiện ra trước mắt. Buổi chiều thật đẹp, thật êm đềm trên những mái tranh tỏa khói lam.

Ánh nắng chiếu lung linh trên lá cây như bụi kim nhũ, gió làm lay động lá cây la đà. Mặt trời xuống thấp làm mặt nước sông xa ánh vàng. Ngôi chùa vẫn vắng vẻ quạnh hiu, chiếc sân gạch Tàu rộng vắng bóng người.

Tôi bước ra hần ngoài cửa, gai cỏ chắn lối đi. Tôi cúi xuống vạch cỏ tìm chỗ đặt chân. Cỏ sắc xước vào da thịt tôi rát, xót. Không chừng còn cả rắn rết đang rình núp đâu đây.

Lối đi gập ghềnh, chắc chắn từ bao nhiêu năm nay không có ai đặt chân đến chỗ này. Một cái vấp đau điếng, tôi mất đà ngã trên cỏ. Những con kiến to bằng đầu đũa từ trên lá cây rụng xuống người tôi. Một vài con luồn nhanh vào cổ áo chạy lung tung trong ngực. Tôi dí tay đè nát chúng sau lần vấp.

Khi ngồi dậy, tôi nhìn thấy một phiến đá xô nghiêng. Chính nó làm tôi vấp ngã, ngón chân cái đau điếng. Tôi vạch cỏ, phiến đá được đeo gọt vuông vức, trời một nửa lên mặt đất. Những hàng chữ khắc trên đá đã mòn nhưng còn đọc được. Một tấm bia. Tôi ghé sát đọc: Trần thị Nhan Sắc, sinh năm 1930, chết 1948.

Tôi đứng dậy, nghĩ bụng trong khu đất hoang này hẳn còn nhiều mộ mả khác. Tôi vén cỏ tìm tòi, khoảng nửa giờ sau tôi tìm thấy gần một chục ngôi mả.

Ngót chục ngôi mộ trong một khoảnh đất không tới năm mươi thước vuông. Toàn những người chết trẻ. Họ chết trong những năm 45, 48. Tôi đang đứng trên hài cốt họ, có những ngôi mộ không còn nắm.

Buổi chiều đang tàn, mặt trời chìm dưới lòng sông, tôi nghĩ thế, nó lặn xuống nằm ngủ yên lòng đáy nước mát mẻ sau một ngày vã mồ hôi. Tôi vẫn thường có những phút mơ mộng như trẻ thơ. Tôi đứng thẳng người, vươn vai. Tiếng những lóng xương sống kêu lắc cắc. Bầu trời sẫm màu dần, gió khua nhẹ lá cây rì rào, ánh nắng còn thoi thóp.

Tôi nhìn ra căn nhà sau rặng chuối, căn nhà vắng vẻ, hình như những người ở đó đều sống âm thầm. Tôi vạch lá tìm một lối đi nhỏ. Tôi nhìn thấy một khung cửa sổ chắn song gỗ. Tôi vượt qua một

rãnh nước đen ngòm, tới sát tường nhìn qua cửa. Căn nhà hoang, tường đất xiêu vẹo, có chỗ tường lở nhìn xuyên được ra sông. Trên nền nhà bằng đất bừa bãi rác rưởi, những mảnh vải trắng, đèn cây, vài cánh hoa héo. Hình như tất cả những rác rưởi đó còn mới, ai mới liệng ra vung vãi hồi đêm rồi. Căn nhà bao phủ không khí lạnh lẽo âm u. Tôi phân vân, không có ai ở đây sao? Tôi nhú mào, lắng nghe.

Có tiếng chân ai đó đang lạo xạo bước trên lá cây âm thanh đó không phải từ phía sau lưng tôi mà từ phía bên kia căn nhà, nơi mặt tiền nhìn ra sông. Rồi, một bóng người hiện ra, một lão già, chính lão già say rượu tôi gặp đêm rồi ngoài ngõ. Lão đứng nghiêng ngó vào nhà. Khuôn mặt lão tối, tôi chỉ nhìn thấy đôi mắt, mái tóc và những sợi râu bạc. Tôi đứng sát tường xem lão làm gì.

Lão nhìn đồng rác, đi thẳng vào nhà, đá tung rác rưởi. Đột nhiên lão bật ra một câu chửi thề:

– Đ M. hết trơn hà!

Có vẻ thất vọng, lão ra cửa, ngồi xuống thềm, quay lưng lại phía tôi, mặt hướng ra sông. Lão lẩm bẩm nói, giọng than vãn:

– Mới lai rai ba sơi hồi trưa mà ngủ dữ, nếu biết sớm đâu đến đổi.

Lão nói xong, im lặng thật lâu. Lão ngồi như tượng đá. Lão gầy ốm, chiếc áo đen bện trên người bạc phếch. Tôi nổi tính tò mò, muốn biết lão già tìm kiếm cái gì trong ngôi nhà hoang này giữa đồng rác rưởi bừa bộn kia.

Tôi rời chỗ nấp, bước thật nhẹ để khỏi gây tiếng động. Tôi lướt qua một

khoảng tường vỡ nhẹ nhàng vào nhà, lão già vẫn không hay biết. Tôi gây một tiếng động nhỏ, lão già nghe ngóng nhưng vẫn không quay lại. Tôi tăng hắng, lão già chồm lên, quay phắt lại đôi mắt trợn trừng khiếp sợ. Lão há hốc mồm nhưng như á khẩu. Tôi tiến tới, mỉm cười:

– Xin lỗi, tôi làm bác giật mình.

Vẻ khiếp sợ vẫn hằn trên khuôn mặt già cỗi:

– Ông... Ông... là ai? Vào đây lúc nào?

Khuôn mặt lão dịu dần, lão thở phào vượt ngực, bàn tay có những móng dài bản thủ, khô khan như rễ cây:

– Ông làm tôi hết hồn, gặp ông hoài toàn trong những mừng này, có bữa tôi đứt mạch máu chết tốt.

Tôi cười dễ dãi:

– Tôi cũng gặp bác hoài à, tôi tưởng bác không nhận ra tôi chứ?

Lão già đứng dậy:

– Người lối xóm mà, mới cũ gì tôi đều biết hết trơn.

Tôi nói "vậy hả" rồi ngồi xuống cạnh lão thán mật gợi chuyện:

– Chắc bác ở đây lâu lắm rồi?

Lão già nhìn ra sông, mặt nước sông buổi chiều óng ánh như tráng kim nhũ:

– Lâu lắm rồi, tôi không còn nhớ... à mà tôi sinh trưởng ở đây, lớn lên ở đây và rồi có lẽ cũng sẽ chết ở đây, như ông cha tôi vậy.

Giọng lão già trầm xuống, người lão tỉnh táo hơn bao giờ. Lão nói giọng lơ đãng:

– Nhà cửa trong xóm này mỗi ngày mọc lên một nhiều.

Lão giơ tay chỉ bao quát một vùng trước mặt:

– Ông biết không, ngày xưa nơi đây rậm rạp như rừng. ừ, đúng là rừng, những con rạch chạy ngang dọc khắp xóm. Dưới cù lao kia là bãi tắm voi, bên kia sông là bãi tắm ngựa, voi chiến, ngựa chiến. Vậy mà bây giờ...

Lão già bỏ lửng câu nói, đôi mắt lão nhìn xa xôi. Những ngón tay như rễ cây của lão tần ngần lồng vào nhau. Lão bẻ lóng tay kêu lắc cắc:

– Máy giờ rồi ông?

Tôi không nhìn đồng hồ đeo tay, trả lời phỏng chừng:

– Độ sáu giờ, còn sớm mà.

Bỗng nhiên lão già hỏi:

– Ông ra đây làm gì?

Tôi chỉ ngược lại phía sau lưng:

– Nhà tôi mới mở cái cửa hậu, phía trước ồn ào quá nên tôi muốn ra phía sau yên tĩnh hơn.

– Hèn gì.

– Tôi muốn chiếm khu đất trống kia làm vườn để lâu lâu đêm sáng trăng ra ngồi nhậu đế.

Lão già bỗng cười rung những sợi râu bạc ở cằm:

– Ông cũng biết nhậu?

– Tôi nhậu hoài.

Lão già nói «vậy hả» rồi tiếp tục về khu vườn:

– Ông gặp toàn mồ mả, phải không?

Tôi trả lời «đúng vậy « và nói không còn ý định làm vườn nữa. Giọng lão già tranh cãi:

– Không ăn thua gì, mình sống toàn trên xương cốt thiên hạ không. Ông tưởng cái nhà ông ở không có mả sao? Thiếu giống. Ngày xưa ở đây là một bãi chiến trường. ở đâu có hơi người là ma quỷ tự khắc đi hết.

Lão nhìn vào bức tường đổ nát của căn nhà hoang:

– Hồi trước căn nhà này có một gia đình hai vợ chồng và một đứa con trai

nhỏ. Hai vợ chồng không phải người xóm này, họ ở đâu đến mua đất làm nhà ở đây. Người vợ trẻ và đẹp. Khi Tây càn quét vào đây cả gia đình bị bắt. Đứa bé bị chúng đập đầu vào mả đá kia tan sọ rồi xé tan xác. Người chồng bị trói ném nằm một xó, chị vợ bị đến mười lăm tháng Tây vừa đen vừa trắng hăm hiếp trước mặt chồng...

Đôi mắt lão già ánh lên nét kinh hoàng:

– Tôi còn nhớ như in mà, tôi nằm dưới đường mương kia, bên trên có lá bao phủ. Tôi nghe rõ tiếng rên la của người vợ, tiếng chửi bới của người chồng, tiếng cười man rợ của tụi mọi đen trắng. Cuối cùng cả hai vợ chồng bị chúng giết nốt. Tôi nghe rõ cả tiếng rú thất thanh của họ. Khi chúng đi khỏi, tôi mò lên, thật khiếp đảm ông ạ.

Lão già chỉ ngay chỗ tôi đang ngồi:

– Người vợ nằm chết ở đây, một nhát lưỡi lê rạch suốt từ âm hộ lên tới ức, ruột gan lòi ra cả đống, hai vú bị cắt ném ra góc nhà, máu lênh láng. Còn người chồng nằm chết gục ở kia, hai mắt bị khoét, cổ họng bị đâm nát bầy, khắp người bị băm ra, con cu cũng chẳng còn nguyên vẹn.

Tôi chắc chắc lưỡi, nói khiếp thế, dã man quá. Lão già nhìn ra một bụi rậm phía trước mặt:

– Tôi thương tình đào hố chôn họ ở bụi rậm đó, cả xác của đứa nhỏ nữa. Từ đó căn nhà này bỏ hoang, không ai dám đến ở vì có ma, nhiều người nói ban đêm họ thấy nhà này vẫn sáng đèn. Người chồng mặc bộ bà ba trắng đọc báo, người

vợ ngồi cạnh may vá còn đứa con nhỏ lê la dưới đất. Cảnh tượng hết như khi họ còn sống.

Tôi thấy rợn khắp người, lão kể thản nhiên, bình tĩnh và chân thật:

– Căn nhà này bỏ hoang suốt từ đó đến nay, dễ thường gần hai chục năm, lâu lâu nhà chùa dùng một lần.

– Nhà chùa dùng làm gì vậy?

Bỗng nhiên lão già nhìn tôi hỏi:

– Đêm qua ông có nghe tiếng tụng kinh gõ mõ không?

– Có họ tụng kinh suốt đêm.

– Họ tụng kinh ở đây! Không phải ở trong chùa sao?

– Không, họ tụng kinh siêu độ cho một xác chết mang tới đây trước khi nhập quan, tụng kinh luôn cho những linh hồn uổng tử quanh đây.

Tôi thấy rợn tóc gáy:

– Ghê quá nhỉ, hồi đêm tôi nghe thấy họ tụng kinh hoài, tôi cứ ngỡ trong chùa cúng.

Lão già vẫn ngồi thản nhiên, tư lự nhìn ra khúc sông và bầu trời sẫm màu dần. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao lão già vào bới đồng rác, có lẽ lão muốn tìm đồ cúng kiếng bỏ lại. Tôi chỉ đoán vậy thôi chứ không hỏi, tôi tránh làm lão phật ý.

Lão già đứng dậy, ngáp, vươn vai, nói:

– Gần tối rồi đó.

Tôi đề nghị mời lão ra đầu xóm nhậu. Lão cười, nhe hàm răng khắp khểnh chiếc còn chiếc mất: «Sổ sách! « Bóng tối phủ nhờ nhờ khuôn mặt lão làm những vết nhăn trên trán thêm sâu. Khi đi qua khu đất hoang, lão nói:

– Hồi cách mạng ở đây Việt Minh giết biết bao nhiêu người. Đêm đến họ đưa tội nhân ra ruộng bắc loa tuyên án rồi chém đầu. Chính tôi cũng bị giết hụt nữa.

Tới cửa tôi giữ lão lại, hỏi:

– Tại sao bác không bị chúng giết?

Lão cười hì hì:

– Máy tướng tự vệ bắt nhầm tôi. Chúng đi bắt thằng Việt gian Nguyễn Văn Khôn nào đó, nhè tôi tên Nguyễn Văn Khuâng, khi nghe đọc bản án thấy

không phải tên mình tôi mừng húm, tôi la chối lói kêu oan, chúng tính giết đại cho xong, may nhờ có thằng biết mặt tôi xin cho chớ không bây giờ tôi thành đất rồi. Mẹ, mạng người hồi đó rẻ như bèo, chúng muốn giết ai là giết hà. Tôi còn nhớ như in đêm hôm đó, tôi sợ đến đái ỉa ra quần. Nghĩ đến con dao mã tấu cùn tôi còn rợn ở ót. Có người chúng chém đến cả chục nhát không đứt đầu. Đêm đến người trong xóm nghe tiếng loa đều nằm im không dám cựa, sau đó nghe tiếng thét hãi hùng của từng nạn nhân, tiếng chửi rửa. Ông biết họ chửi ra sao không?

Tôi lắc đầu. Lão già nhăn mặt, đôi mắt kinh hoàng:

– Đ M quân cướp cạn, mày chém tao một nhát cho chết đi. Trời ơi là trời Tiếng chửi rửa của cả chục người chớ không ít,

dai dẳng cả tiếng đồng hồ. Ngày hôm sau dân ra xem, nhiều người chưa dứt hẳn đầu. Khiếp quá ông ơi? Rồi đến chính phủ Nam Kỳ Quốc, bọn tay chân chúng nó trả thù mới rùng rợn, cỡ Bắc kỳ như ông, chúng trùm bao bố đập đầu chết như đập đầu cá lóc.

Trời tối dần. Tôi mời lão vào nhà. Lão đứng lại trước hai cái mả đá, nói:

– Tôi biết hai cái mả này mà.

Tôi mời lão điếu thuốc lá. Tôi nói:

– Chắc mả ông tướng nào hồi xưa.

Lão già hỏi một câu bất chợt ngoài câu chuyện:

– Mình có đi nhậu không?

– Đi chớ, chờ tôi khóa cửa.

Tôi và lão già ra ngoài. Trời tối hẳn, gió mát hây hây.

Những đứa trẻ đang chơi, ngưng đùa nghịch. Chúng nhìn tôi, nhìn lão già. Chúng lên tiếng trêu chọc lão. Lão dừng lại nạt nộ, lũ trẻ càng cười dữ. Tôi ghét cay đắng lũ trẻ trong xóm. Nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn phải cười với chúng, xoa đầu chúng, đôi khi phải cho tiền để chúng khỏi phá phách. Tôi dừng lại rút mười đồng đưa cho thằng lớn nhất bọn:

– Nè, cho tụi bay, chia nhau.

Quả nhiên chúng buông tha chúng tôi. Chúng bu lấy đứa cầm tiền. Lão già vừa đi vừa nói:

– Con nít ở đây mất dạy quá trời!

Khi đi đến lòng hẻm sâu, hai bên tre mọc cao, một đứa con gái đi ngược chiều

lại. Đứa con gái lai, có đôi chân dài, đôi mắt màu hạt dẻ và chiếc mũi cao. Nàng đứng lại, lão già cũng đứng lại.

Đứa con gái lên tiếng:.

– Tía đi đâu đó?

Lão chỉ tôi:

– Ông này mời tao đi nhậu, sao hôm nay mày về sớm vậy?

– Hết việc tía à.

Lão chỉ nàng giới thiệu:

– Con gái tui đó, hai cha con tui sống với nhau.

Đứa con gái nhìn tôi cười, hàm răng đều trắng bóng. Bóng tối loáng thoáng trên mặt nàng. Tôi nhìn nàng rồi nhìn lão già xấu xí. Nhan sắc nàng lồ lộ không

có một nét nào giống lão. Nàng khoảng mười bảy mười tám tuổi. Và tôi chợt hiểu.

Tôi nói cho đỡ trống trải:

– Tôi gặp con gái bác đi trong xóm này luôn.

Lão nói «vậy hả? Thiệt duyên kỳ ngộ». Lão kéo tay tôi đi, ngoái cổ lại dặn con gái:

– Lát để cửa tao «dìa» nghe Đầm.

Nàng khẽ cúi chào tôi.

Khi nàng đi khỏi, lão già nói:

– Con nhỏ ngộ há ông, nó chưa chịu lấy chồng, nó thương tui lắm, nó không muốn lấy chồng xa.

Lão quay lại nhìn tôi, cười một cách vô cớ:

– Tôi cũng ứng gả chồng làm ăn đàng hoàng cho nó.

Lão đi cạnh tôi, im lặng một lát. Lão nói:

– Sao ông chưa chịu lấy vợ?

Tôi nói:

– Tôi chưa ưng ai.

Lão nói:

– Ông kén quá!

Tôi im lặng cho tới khi bước chân vào quán nhậu chú Lì. Trời đã tối hẳn.

* * *

Lão già khà một tiếng sau khi nốc cạn ly đế. Lão dần mạnh cái ly xuống bàn gây một tiếng động nhỏ:

– Ngày xưa, khi loạn quân Lê Văn Khôi nổi dậy, chống lại quân triều đình ở vùng Gia định này, chính ông cố nội tôi là lính của ngài. Thành Gia Định bấy giờ rộng lớn lắm, phải tính luôn cả Sài Gòn, Chợ Lớn bây giờ.

Lão già nhìn ra ngoài trời tối, chỉ tay một vòng:

– Tất cả vùng này là thành trì của ông, quân triều đình phải dẹp mấy năm mới yên, nói ví thử ngài Lê Văn Khôi không chết sớm thì còn lâu quân triều đình mới thắng nổi. Ông cố nội tôi nói thế mà. Khi thắng trận, quân triều đình giết hại biết bao nhiêu là người dân vô tội, có đến năm trăm nghĩa sĩ tự sát chết

theo thành. Mả ngụy chôn dài dài khắp Gia Định. Còn hai cái mả đá trong nhà ông, tôi biết, ông cố nội tôi có kể lại tới ngày nay tôi còn nhớ rành rọt, vì tôi có kể lại nhiều lần cho bà con lối xóm nghe chơi.

Tôi tiếp đồ nhậu vào chén của lão, rót thêm rượu:

– Bác biết rõ thiệt sao?

Men rượu làm lão sừng sừng, tiếng nói của lão trở nên lè nhè:

– Vậy ra «chú nghĩ tôi không biết gì ráo trội? Thằng này ở đây lâu quá rồi mà, mấy thứ vật đó mà không biết thì biết cái gì.

Tôi vỗ về lão:

– Tôi đâu có định nói thế, tôi chỉ là thứ sinh sau đẻ muộn...

– Khả khả chú em ăn nói đàng hoàng hết sức vậy đó tôi càng ưng gả con gái cho chú. E, bà con, chú này là thằng rể tương lai của tôi đó. Bảnh hôn, bà con?

Lão già cười rung cả chòm râu bạc. Những người trong xóm cũng cười theo, họ nhìn tôi.

– Con gái anh mà lấy được chồng chịu ăn nhậu như vậy là phước. Nhậu tỉnh chớ không nhậu say như anh.

Chú Lì vừa châm đũa vào xị vừa nói đùa. Lão già vỗ tay đen đét vào đùi cười râm rĩ:

– Không ngờ về già tôi sướng ta, số được nhờ con gái.

Bỗng nhiên lão nắm tay tôi:

– Con ơi con, con ở đâu tới đây để

nên duyên chồng vợ trong cái xóm hẻo lánh này. Con xứng đáng lắm, con là dân Bắc kỳ phải không? Ngày xưa ngài Lê Văn Khôi cũng là dân Bắc Kỳ, ngài có cọng rau muống lòng thông ở lỗ đít, con có không?

Mọi người cười cái râm, tôi ngượng chín người. Cũng sừng sừng men rượu, tôi nói mạnh luôn:

– Con gái bác ở đâu lạc vào xóm này?

Nó là đồ nhập cảng ở bên Tây, một thằng lính Lê Dương nhập cảng vào vợ tao, vợ tao đẻ ra nó, nó lại là con tao. Đồ Tây «o-li-din» quý lắm chứ bộ. Vậy mà tao nuôi nó bằng giá sống đó. Hà, hà, duyên kỳ ngộ. Tao không đòi gì hết, vợ chồng mày chỉ cần cho tao mỗi ngày một bữa nhậu xoàng. Tao sẽ làm vườn cho mày, sửa nhà và trông con cho mày. Vậy

thôi. Tôi nói dứt dạt vậy đó, có bà con đây làm chứng.

– Nhưng con gái bác không ưng tôi thì sao?

– Ưng, ưng liền, nó chịu mày hết sức vậy đó, nó có nói với tao.

Tôi hoang mang:

– Nói với bác hồi nào vậy?

– Nó nói mày là người đàn ông hoàng, dân thầy chú. Nó mới nói với tao mấy hôm rày.

– Vậy đâu đã chắc cô ấy ưng?

– Ưng là cái chắc, tao rành đời mà mày, nghe nó nói cái, tao hiểu liền, tao biết nó để ý đến mày, tại sao nó không nói gì đến những thằng khác trong xóm. Nhưng con gái nó đâu có nói ra miệng,

tâm lý mà mày. Mày khù khờ vậy thì biết bao giờ mới có vợ. Tao cho mày ba ngày o nó. Nó xinh đẹp vậy mà chưa xứng với mày sao, hay mày khi bố con tao nghèo?

Tôi xuống giọng an ủi lão:

– Đâu có chuyện đó, tôi cũng biết điều mà bác, chỉ bởi tại tôi khù khờ.

Lão cười khà khà khoái chí tử. Lão uống rượu tràn cung mây.

Những người nhậu lai rai ra về, tôi và lão già vẫn ngồi uống. Lão nói huyền thuyên từ chuyện nọ sang chuyện kia. Lão trở lại chuyện ngôi mộ đá trong nhà tôi:

– Một đêm kia, hổ tướng Phan Nhà của ngài Lê Văn Khôi đang ngồi uống rượu ngắm trăng với phu nhân thì quân vô báo có bọn quân binh triều đình tới

khiêu chiến dưới thành. Tướng quân Phan Nhà nổi giận, bóp nát ly rượu trợn mắt quát: «Cha chả là tức, đêm hôm khuya khoắt bọn gà chết còn muốn đánh nhau, vậy để ta ra xách vài cái đầu về cắt tai nhậu chơi». Nói xong, tướng quân xách đao nhảy lên ngựa không thèm mặc giáp trụ. Ngài không quên dặn phu nhân hâm rượu nóng chờ ngài về cùng vui. Đơn thương độc mã ngài phóng như bay ra trận tiền. Quân trên thành giục trống trợ oai hùm. Qua giờ tí, ngài phóng ngựa trở vào thành, trên cổ ngựa treo lủng lẳng đầu lâu, trong đó có cả đầu tướng địch. Ngài vừa cười ha hả vừa phóng ngựa như bay. Khi phu nhân nhận thấy chồng về thì tất tả ra đón. Ngài ngồi trên ngựa ngửa mặt nhìn trăng cười ha hả, ném đầu quân địch xuống cho ba quân xem. Dứt hồi cười, ngài té nhào xuống ngựa. Lúc đó mọi người mới nhận ra ở lưng ngài

ghim một mũi tên, máu chảy ướt đầm chiến bào. Ngài nhìn quân tướng xung quanh mím môi trợn mắt nói: «Ta buồn vì không bị địch giết mà bị chính quân nhà, trong bọn người có kẻ bội phản, tiếc cho chí lớn của ngài Lê Văn Khôi, ôi mộng bá vương...» Đôi mắt ngài dịu lại khi nhìn thấy phu nhân, phu nhân khóc nức nở. Tướng quân Phan Nhà buồn bã: «Phu nhân ơi, ở lại ta đi, mộng lớn của ta đến đây là dứt». Nói rồi ngài nhắm mắt, hơi rượu vẫn chưa hả.

Lão già khà tuôn miệng, lão chóp chép. Tôi hỏi:

– Sao bác biết chuyện đó?

– Ông cố nội tao phục vụ dưới trướng ngài, chính ông chứng kiến. Tao nghe chuyện này đến thuộc lòng. Thiệt là một dũng tướng có một không hai.

Lão hớp thêm ly rượu nữa:

– Sau khi chôn cất xong, phu nhân thương nhớ chồng cũng tự tử chết theo, vẹn tình vẹn nghĩa. Khi đó ngài Lê Văn Khôi còn sống, chôn cất hai người cạnh nhau để sống làm chim liền cánh, chết làm cây liền cành. Đó chính là hai ngôi mộ đá trong nhà máy hiện nay.

Tôi thắc mắc:

– Nếu tôi không lầm thì sau khi thành Gia Định bị phá, quân binh đến nhân dân trong thành đều bị tàn sát, đến độ mà ông Lê Văn Duyệt, bố nuôi của Lê Văn Khôi cũng bị khai quật trị tội thì ông cố nội của bác làm sao sống được để kể lại chuyện này.

Lão già đặt ly rượu xuống bàn:

– Một ổ kiến ai có thể giết được hết không bỏ sót con kiến nào, ông cố nội tao sống sót như con kiến, trốn chui trốn nhủi ở vùng này, riết thành quê hương luôn.

Tôi gật đầu nói «có lý, có lý». Đêm khuya dần. Trăng sáng vàng vạc ngoài nghĩa địa. Những cây thập tự giá trắng toát dưới ánh trăng bạc. Tôi và lão dìu nhau về. Trên con đường gập ghềnh lão lè nhè hát: Như chim liền cánh, như cây liền cành... Tới một khúc quanh bỗng nhiên lão hỏi tôi:

– Mày nghĩ sao lại mua nhà tuốt tận trong xóm này?

Tôi nhìn con đường gập ghềnh thấp thoáng bóng trăng:

– Tôi nghe nói ít lâu nữa chính phủ

sẽ phóng một con đường qua xóm này, đâm ngang từ đường Chi Lăng sang Tân Định, căn nhà của tôi sẽ có giá trị vì ở ngay cạnh lộ.

– Thiệt vậy sao?

– Thiệt mà.

– Con đường chúng ta đang đi đây xưa là đường của voi chiến đi tắm, voi đi riết thành đường cho người.

Lão già đưa mắt nhìn khắp vùng:

– Đâu có ai ngờ xưa kia nơi đây từng là bãi chiến trường, sông máu núi xương, nơi đây vợ con tao đã chết, bao nhiêu người đã chết. Ngày xưa loạn quân Lê Văn Khôi... Hai chục năm trước là bưng biền của Việt Minh, ma quỷ đã hoành hành ở đây... Tao biết nhiều quá bao nhiêu là biến cố, bao nhiêu là thay

đổi... Đọ, đọ tao lại nghe thấy tiếng loa rồi... Tao không muốn chúng trở lại đây, mà thấy đó, hết đất chôn rồi.. Tao cũng cần một nắm mồ...

Lão già lắc đầu liên liên, giọng lão trở nên hỗn hển và nét mặt kinh hoàng:

– Tao cứ uống rượu vào là nghe thấy tiếng loa, kỳ quái thiệt.

Lão già từ già tôi, lão đi xuống con dốc, ở đó thừa thớt cây cối. Tôi nhìn theo, bóng lão mờ dần dưới ánh trăng bạc. Tiếng nói của lão văng vẳng từ miệt ruộng cạnh bờ sông vọng lên: «Tên Việt gian Nguyễn Văn Khôn là kẻ đại gian đại ác, để xây dựng cách mạng, nhân dân tuyên án chặt đầu kẻ phản bội». Từ hai mươi năm nay, tiếng loa cứ sống mãi trong đầu lão già hằng đêm.

Tôi chợt liên tưởng đến những nhát mã tấu chém xuống, những tiếng thét hãi hùng. Sáng ngày hôm sau người ta nhìn thấy những cái đầu chưa lìa khỏi cổ. Bất chợt tôi đưa tay sờ cổ và rung mình. Tóc gáy tôi dựng đứng. Con đường sáng bạc ánh trăng mù mù sương đêm. Bóng lão già kỳ quái đã mất tăm. Đêm chuyển mình trong tiếng đại bác từ phương xa vọng về. Rượu ngấm. Tôi hoa mắt ôm đầu chệnh choạng trở về. Tôi nghe như có tiếng sắt thép khua động đâu đây, tiếng mã tấu xé gió vụt xuống. Tiếng thét hãi hùng. Tôi lao đao gục ngã dưới chân dốc. Tôi mơ hồ cảm thấy móng tay mình cào xuống đất lạnh.

11-1965

CHIM TRÊN NGỌN KHÔ

XẺ TẮT SỚM VÌ NHỮNG ĐỤN MÂY ĐEN kéo về phủ kín bầu trời. Gió lặng không khí bỗng trở nên oi bức lạ thường. Một trận mưa có thể thành rình ập xuống.

Trên những cành cây sao trụi lá, hàng chục con chim kèn kèn đứng cú rũ nhìn xuống khu nhà xác, cây khô héo vì đã chết lâu ngày. Bao nhiêu năm nay dân ở quanh khu nhà xác không thấy cây mọc lá. Có người nói hồi bốn lăm, khu

này bị bom, cây cháy và chết khô luôn từ đó. Cây quá cao, nặng, đất lại mềm, người ta khám phá ra nhiều đường nứt phát xuất từ gốc cây. Một đạo dân quanh nhà xác la hoảng vì sợ cây đổ đè sập nhà. Người có trách nhiệm viết bài nhờ đăng báo kêu gọi bộ Công Chánh tới triệt hạ cây. Nhưng bài báo đó không gây nổi tiếng vang, mất tầm như viên sỏi ném xuống ao. Riết rồi không ai để ý đến việc đó nữa. Cây chết vẫn đứng trơ, cành khô vươn ra bốn phía như những cánh tay xương. Và những con chim kên kên, có lẽ là chim cùng loại, không biết từ đâu bay tới đậu đầy trên những nhánh cao. Mỗi con đứng riêng rẽ một cành, chúng bất động, chỉ khi nào cửa nhà xác mở, xác chết mang vào hoặc khiêng ra mới làm chúng kêu lên quang quác, cánh vỗ phạch phạch, tung mình bay lượn vòng tròn trên khu nhà xác. Chúng xà thấp,

lướt trên xác chết. Đôi cánh chúng quạt mạnh làm mát mặt người. Gã lao công coi nhà xác lại ngẩng lên chửi:

– Đ M chúng bay, bộ thèm lắm sao, tao mà có quyền tao cho tụi bay tuốt luốt, đỡ chạt đất chôn.

Chiều hôm nay những con chim đậu bất động, chỉ riêng cái cổ ngó ngoáy nhìn bốn phía. Mùi hôi khăm khăm từ khu nhà xác xông ra, tỏa khắp một vùng. Chiều hôm qua hai chuyến xe nhà binh vừa đổ xuống ngót sáu chục xác chết đã thối, những xác chết đó được bao kín trong bọc ni lông, vậy mà mùi hôi vẫn xì ra.

Ban đêm xóm nhà xác vang động tiếng búa, tiếng đục, tiếng cưa. Họ phải hoàn thành gấp hàng áo quan. Công nhân đào huyệt làm việc luôn tay, rảnh tay kéo

nhau ra quán cóc ngồi nhậu để lai rai. Nửa đêm lão già coi nhà xác cầm xì rượu ngất ngưỡng đi ra. Lão say mềm, lão hát líu lo, lão nhảy nhót băng qua những nắm mồ mới nhấp nhô, như bóng quỷ. Những con chim to xác đậu trên cành cây cao thấy động vỗ cánh phành phạch và kêu quang quác. Tiếng kêu lạnh lẽo khô khan. Chúng tung mình bay lượn trên nền trời tối đen, xà thấp, có lúc như muốn bổ nhào xuống đầu lão già. Lão vung tit chiếc chai không, chửi bới om sòm: Mẹ cha tụi bay, còn lâu các con mới được đớp, xéo đi nơi khác kiếm ăn, ở đây có mà hít hơi thối thối các con ạ. Để xác chết cho tụi bay thanh toán thì dân vùng này chết đói ráo trời sao?

Những cánh chim dang rộng, đen, lao bổ xuống đầu lão già, chúng không mổ vào đầu lão, không tấn công mà chỉ

làm lão mát mặt. Lão già cười xằng xặc:

– A ha, mát quá! Mát quá! Quạt nữa đi các con để bố già ngủ.

Lão lặn ình ra sàn gạch bông hàng hiên nhà xác, tu để ừng ực Một lát sau lão ngáy pho pho. Đàn chim vẫn bay lượn, chúng đậu trên nóc nhà xác hít hơi, vỗ cánh phành phạch.

Nửa đêm lão già bỗng kêu rú lên, ôm lấy mặt.

Đôi cánh đen trùn nửa người lão, chiếc mỏ khoằm của con chim vừa xả vào mặt lão, trúng ngay con mắt. Lão hét lên, chống trả kịch liệt. Con chim bay lên. Lão ôm mặt, lao mình vào bóng tối, chạy xuyên qua nghĩa địa vào xóm. Lão kêu la rầm rĩ làm cả xóm thức giấc. Họ bật đèn sáng, mở toang cửa nhìn ra. Lão già điên cuồng:

– Chết tôi rồi, bà con ơi!

Một người đàn ông tung cửa chạy ra, ôm lấy lão rồi rít:

– Gì đó, bác Sáu?

Gã giằng tay bứt mắt lão ra:

– Trời ơi, máu? Sao vậy?

Lão già giãy đành đạch:

– Chết tao rồi, chim, những con chim mổ lòi tròng tao. Khốn nạn, bất nhơn, tụi chúng tưởng tao là xác chết.

Thêm ba người đàn ông từ xưởng hòm chạy ra ôm lấy lão. Khi đó máu ở mặt lão chảy chan hòa. Lỗ mắt mất tròng sâu hoắm.

Họ dìu lão vào nhà, đặt nằm trên đi văng:

– Phải cấp cứu ngay!

– Mẹ, mắt trợn tròn mắt, may mới bị một bên.

Một người đàn bà cầm khăn vừa lau máu cho lão vừa đắp lên mắt. Lão rên rĩ. Sáu cánh tay trần, cứng như thép dần lão xuống mới giữ nổi. Lão quần quai, giấy đập kêu la, đập chân thỉnh thỉnh trên đi vắng, làm náo động cả xóm.

Y tá Chín trong xóm xách thùng thuốc cấp cứu chạy đến, rẽ đám đông bu cửa, vào nhà:

– Các người đang ra để tôi coi.

Gã mở thùng thuốc lấy bông gòn thấm an côn, lau rửa, đắp lên mắt. Lão già xót, giấy lên đành đập. Y tá Chín hét ra lệnh:

– Nằm yên để người ta băng cho, phải sát trùng chớ. Anh em giữ chặt cho tôi, còn phải chích thuốc cầm máu, thuốc giảm đau.

Lão thầy cúng kiêm thầy pháp trong xóm cũng có mặt. Lão ngó qua cửa, lắc đầu:

– Thánh thần ơi! Bọn chim này lộng quá rồi, mới hôm qua chúng nó xơi tái con chó nhà Hai Thọ. Riết rồi chúng làm luôn cả người sống, nhà nào có con nít phải coi chừng...

Y tá Chín băng mắt và chùi máu cho nạn nhân xong, nói với bà con lối xóm đang bu quanh:

– Phải mang bác Sáu đi nhà thương gấp.

Một người cãi:

– Mang sao được giờ này, khoan chờ một giờ nữa, hết giới nghiêm.

– Ủ thôi cũng được, vô nhà thương họ cũng chỉ làm như tôi vậy thôi. Để chả nằm nghỉ ít phút không hại gì.

Thầy giáo Lượn nhìn ra ngoài cửa, hướng lên phía ngọn cây sao chìm trong bóng tối chập lờ:

– Chà, phải tìm cách diệt bọn này, chúng lộng quá rồi.

Y tá Chín ngồi xuống đi vắng an ủi nạn nhân. Nạn nhân vẫn quần quai rên rỉ, chửi lảm nhảm. Anh Bảy Xê ra cửa nạt đám người hiếu kỳ:

– Các người về chớ, đứng xem gì đây, liệu mà giữ lấy thân.

Đám đông từ từ rút lui, họ sát vào nhau, nhìn lên cây cao bàn tán về những con chim quái ác và tai nạn vừa xảy ra cho bác Sáu coi nhà xác.

Đêm vẫn còn tối đen.

* * *

Buổi tối, các đạo tì, âm công, thợ đóng áo quan rảnh rang kéo nhau ra quán nhậu lai rai ba sợi. Quán ở đầu hẻm, chuyên bán đế và rượu rum Vĩnh Sanh Hòa. Món bia ở đây coi như đồ bỏ, vì không ai thèm uống. Dân nhậu toàn là những tay có thể tu nguyên xị đế một hơi mà vẫn ngời tỉnh. Qua hết nguyên lít người say mặt tím ngắt lại rồi từ từ đỡ xuống, không một tiếng la lối hay phá phách. Đồ nhậu phổ thông nhất vẫn là

món canh chua lươn, trộn rau chuối và phi hành thơm ngậy, món canh có thể ăn với bún no bụng.

Anh Bảy Lươn Um chủ quán là một người đàn ông đứng tuổi, tóc hoa râm, tối ngày ở trần, cái quần đùi đen rộng thùng thình ngăn ngang đầu gối, khăn rằn ri vắt vai, mặt và người đỏ như mặt gà chọi. Miệng luôn luôn phì phà cái ống đót tiện bằng xương beo lên nước vàng. Tay anh cầm cái ly cối đầy rượu Vĩnh Sanh Hòa đi từ bàn này sang bàn khác. Bọn khách nhậu là người trong xóm, như có bốn phận, mỗi tối đều đến, mỗi lúc một đông. Họ bận quần áo đen, có xọc trắng, những chiếc kết đội đầu cũng màu đen, huy hiệu kim tuyến thêu hoa lá cành. Họ lột mũ ra liệng chúng ở một cái bàn trống. Hai Thợ, một gã trong bọn lên tiếng:

– Anh Bảy à, sửa soạn đồ nhậu cho nhiều nghen. Hôm nay anh trúng mỗi đạ.

Bảy Lươn Um khật khưỡng đi ra:

– Nhấp nháy mà các cha, có chuyện gì đó?

– À vụ cha Sáu nhà xác và mấy con chim.

– Ủa, mấy con chim, mấy con ác diều.

Nói xong Bảy Lươn Um ngửa cổ nốc một hơi cạn gần nửa ly cối Vĩnh Sanh Hòa. Đám âm công, đạo tì nhao nhao mời:

– Anh Bảy ngồi luôn đây nhậu với bọn này cho vui.

Bảy Lươn Um khà một cái:

– Ấy cái đó hồng được, tôi mà không để mắt vào mấy món nhậu ở nhà bếp là hư hết ráo.

Từ bao nhiêu năm nay, chưa có một khách hàng nào mời được Bảy Lươn Um ngồi chung bàn. Anh luôn luôn tìm cách này hay cách khác từ chối. Khách hàng thì không nghĩ thế, họ cho rằng anh coi thường lượng nhậu của họ. Bảy Lươn Um cầm ly cối, luôn luôn châm đầy, trong khi khách hàng ngã như chuối thì anh vẫn tỉnh khô, vẫn cười khà khà ngồi ở một góc bàn trống, lâu lâu gắp một lời vô hại. Anh chưa từng chê bai tửu lượng khách nhậu. Anh im lặng, nhũn nhặn, chính điều đó làm các bợm nhậu trong xóm tức ói mật. Có người ngầm so tài với anh bằng cách ngầm uống đua cùng lúc Bảy Lươn Um cầm ly cối đầu tiên trong ngày. Họ ngồi từ sáng đến

tối, khi Bảy Lươn Um buông ly vào dọn dẹp, khách ra về vừa bước chân ra cửa là khụy xuống hôn mê bất tỉnh. Bảy Lươn Um mỉm cười ra đỡ địch thủ dìu về nhà. Trong cơn say, địch thủ bèn phun ra hết ý nghĩ của mình và tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Bảy Lươn Um nghe nói vậy vẫn chẳng có một lời nào, anh chỉ mỉm cười. Nụ cười đó như ngấm bảo với địch thủ: «Còn khuya con mới theo kịp bố già, bạn sau đừng có đại dột thế nghe con».

Mười mấy năm qua vẫn chưa có kẻ nào đánh gục được Bảy Lươn Um bằng rượu. Bảy Lươn Um có cái đức của kẻ uống rượu. Không còn một ai dám thách thức nữa. Bảy Lươn Um vẫn ngồi riêng rẽ một ghế. Khách hàng muốn giữ tiếng của mình là tay chơi, tửu lượng cao, chỉ còn một cách tán nhảm, tào lao cho hết giờ. Không nói bậy và khi say chịu hết

nổi chỉ ngã âm thầm. Họ ngán nụ cười
kiêu ngạo của Bảy Lươn Um.

Ánh sáng từ chiếc đèn măng sông
treo giữa quán bỗng tối lại. Bảy Lươn Um
đặt ly rượu xuống bàn, anh bê chiếc ghế
đầu ra giữa nhà rồi leo lên, một tay giữ
đèn, một tay bơm. Tiếng ga bị ép xịt ra
tim đèn kêu khè khè quán sáng trưng trở
lại. Vừa lúc đó có thêm mấy người nữa
vào quán. Lão thầy pháp, mặt xù như đá
ong cao lỏng không. Y tá Chín miệng lúc
nào cũng cười toe toét. Đi sau rốt là thầy
giáo Lượn, giáo viên độc nhất kiêm hiệu
trưởng trường học tư của thầy trong
xóm. Hầu hết con nít trong xóm đều là
học trò của thầy. Thầy giáo Lượn người
như cái que, nhưng lúc nào trông cũng
có vẻ chải chuốt, tóc phết «bi ăng tin»
bóng lưỡng, cằm mặt nhẵn nhụi, mắt
mang kính trắng gọng vàng. Thầy giáo

là người được quý trọng nhất trong xóm rồi mới tới thầy chích, rốt là thầy pháp Ba Gà Mổ. Thầy pháp Ba Gà Mổ không lấy làm hài lòng về địa vị của mình, nhất là cái tên chó đẻ do Hai Thợ, chủ nhân xưởng đóng hòm ôn dịch đặt cho, bởi tại cái mặt lão lỗ chỗ như bị gà mổ. Tên đó dân trong xóm tránh kêu trước mặt thầy. Còn y tá Chín lúc nào cũng toe toét với tất cả mọi người, lúc nào cũng nồng nhiệt với nghề nghiệp «cấp cứu» của mình. Hắn cười nhiều quá nên trở thành vô duyên. Trong ba người, chỉ riêng thầy giáo Lượn trẻ nhất và còn độc thân. Do độc thân và dáng trí thức diêm dúa đó mà thầy giáo Lượn hưởng được nhiều điều tốt lành ở bà con lối xóm. Nhà nào có con gái lớn, tuổi cập kê cũng chỉ mong được thầy giáo để mắt tới. Nhưng dân trong xóm nhận xét hình như thầy chưa để mắt đến đám nào. Họ kính phục

thầy hơn vì thầy là người đứng dẫn đàn ông.

Tất cả mọi người trong bàn đều đứng dậy mời ba vị vào bàn. Hai Thợ dành chỗ cho thầy giáo ngồi cạnh mình. Anh ta lấy có phải bàn với thầy giáo nhiều điều quan trọng, vả lại anh ta là liên gia trưởng.

Bốn tô canh lươn và những đĩa bún từ dưới bếp mang lên bày ra bàn. Rượu Vĩnh Sanh Hòa pha soda đá lạnh đã được mang ra. Liên gia trưởng Hai Thợ nói:

– Hôm nay thầy giáo lai rai với tụi tui chớ?

Thầy giáo Lươn gật đầu:

– Nhậu thì nhậu tôi đâu ngán, hôm nay tôi thả giàn...

Mọi người trong bữa nhậu cười phụ họa. Những chiếc ly cối nâng lên cụng nhau lanh canh. Sau đợt rượu đầu, Hai Thợ đặt ly xuống bàn, lên tiếng:

– Sở dĩ hôm nay có bữa nhậu này do tui muốn bày tỏ với anh em một vấn đề quan trọng về an ninh cho bà con trong xóm.

Hai Thợ nhìn đảo một vòng:

– Nhiều anh em ở đây đã biết lý do, nhưng tôi muốn nói rõ hơn. Tôi muốn nói đến những con chim, giống ác điểu, không hẳn là quạ, không hẳn là kền kền, chính những con chim đậu trên ngọn cây sao kia, loài chuyên ngửi hơi thối và ăn xác chết.

Hai Thợ ngoái cổ chỉ ra ngoài trời, nhiều người như máy nhìn theo. Hai Thợ tiếp, giọng gay gắt:

– Chúng đang phá chúng ta, như trường hợp tai nạn xảy ra cho bác Sáu nhà xác.

Một người trong đám nâng ly uống:

– Biết rồi, vòng vo hoài, muốn gì thì nói phứt cho rồi.

Đang ngon trớn bị kê ngược, Hai Thợ đổ quạu:

– Đ M. dân gì đâu không hà, bộ mày muốn chửi cha tao sao đấy, hả Cộc? Trình bày chuyện gì cũng phải có đầu có đuôi chứ, đây là chuyện quan trọng đến đời sống bà con, mày biết rồi kệ xác mày, nhiều người không biết thì sao? Mày muốn chơi cha tao. Kê tử đứng vào hòng tao...

Vẻ mặt Cộc lạnh như tiền, như khi đào huyết cho người ta. Hấn uống thêm một hớp rượu nữa, nói:

– Ở đây không ai chơi cha ai hết, tôi khoái cái gì cũng vắn tắt nên lên tiếng đó.

Đôi mắt Hai Thợ nẩy lửa. Bàn nhậu xôn xao, mỗi người can một câu. Hai Thợ bắt buộc phải nhin, nhưng vẫn thấy ăm ạch trong lòng. Hấn tiếp tục trình bày:

– Chúng ta phải tìm cách triệt hạ những con chim kia.

Cộc vừa uống rượu vừa cười khinh khỉnh:

– Rồi, gọn bàn vậy có tốt hơn không.

Như lúc khác thì Hai Thợ không ngần ngại cho thẳng chũa một búa, nhưng

lúc này, Hai Thợ thấy mình quan trọng hẳn lên, chẳng gì thì gã cũng là liên gia trưởng, một người chức sắc trong xóm. Anh ta đành làm lơ để bàn đại sự:

– Đó, bà con nghĩ sao?

– Đồng ý.

Cả bàn tiệc đồng ý, kể cả Cộc, thằng cha đào huyết lý lắt nhắt xóm. Hai Thợ nhìn khắp lượt:

– Ai có ý kiến gì nên trình bày ra để thảo luận.

Thầy giáo Lượn ngồi trầm ngâm trước ly Vĩnh Sanh Hòa đã vơi được một phần tư ly. Thầy y tá mồm mỉm cười, những người khác thì ngồi gật gù ra điều suy nghĩ lung lắt. Thầy pháp Ba Gà Mổ sau khi nhả hết một khúc lươn, bỏ xương ra bàn, lên tiếng:

– Há... bà con, tui có ý kiến!

Những con mắt đổ dồn nhìn thầy pháp:

– Sao thầy Ba Gà... có ý kiến gì?

Thầy pháp Ba Gà Mổ nhìn gã vừa buột miệng ra câu Ba Gà. Nhưng thầy bỏ qua, thầy sắp sửa bàn đại sự. Giọng thầy trầm xuống:

– Chim kên kên ở đây là một giống quái đản, không thể sống chung lộn với người được.

Một người nóng ruột hỏi:

– Hẳn thầy đã có phương pháp trừ khử.

Thầy pháp Ba Gà Mổ hơi ngưng lại, đoạn tiếp:

– Ngày xưa, khi tôi còn theo thầy học đạo trên núi Tà Lơn, thầy tôi có luyện được một đạo bùa...

Có tiếng cười xì ra, thầy pháp Ba Gà Mổ làm lơ, kể tiếp:

– Một ngày kia hai thầy trò xuống núi, tới một vùng kia có một cây đa vĩ đại, nghe đồn cây đa đó có ma nên thầy tôi liền ra tay. Sư phụ tôi ếm một đạo bùa vào gốc cây, niệm chú. Sáng hôm sau dân làng ra xem, thấy một con chim mỏ khoằm có mào đỏ nằm chết dang cánh dưới gốc cây, từ đó cây hết còn ma.

– Hay quá há, nhưng xin thầy Ba vắn tắt cho vì ở đây, chúng ta đang bàn chuyện trừ khử mấy con chim quái ác chứ không bàn chuyện ma quỷ thánh thần.

Thầy pháp Ba Gà Mổ cau có:

– Các người đừng có nóng, từ chuyện nọ mới sang chuyện kia được, tui có học được đạo bùa đó.

– Bộ thầy tính ế vào gốc cây?

– Ủa, tôi ế, nếu chúng không chết thì cũng bay đi hết ráo.

Giọng thầy trầm xuống:

– Chỉ cần một cái lễ nhỏ cho thánh thần, một con gà đĩa xôi và nải chuối.

Đám nhậu phát cười ồ:

– Bỏ đi thầy Ba, thời đại xe tăng máy bay mà bàn chuyện bùa ngải nghe lỗi thời làm sao.

Thằng Cộc, vô địch đào huyết, nhai luôn cả xương lươn rau ráu nuốt chửng bằng một hớp rượu:

– Đ. M. xôi gà no thầy, no vợ bé của thầy, chớ thánh thần ma quỷ ăn cái giải gì.

Thầy Ba Gà Mổ tức ói máu, gây gổ lại:

– Này Cộc, mày moi móc tao đó hả, cứ ra lời rồi coi, tao thờ thiên linh cái, không ngán thẳng nào đâu.

Thằng Cộc không vừa:

– Thằng này từng đào huyết chôn cả chục thằng như anh, ngon mà, quân buôn thần bán thánh thì thằng này chửi liền vào mặt chớ chẳng thèm nói moi nói móc. Về mà dạy con vợ bé của anh, anh là cái đồ mù...

Thầy pháp Ba Gà Mổ sấn sổ như con gà chọi sắp lâm trận đấu. Thầy cầm cái ly

cối lên toan xán vào mặt thẳng Cộc. Hai Thợ nắm được cổ tay thầy can:

– Thôi chớ các người, nếu ai có ý kiến cứ trình bày, đâu có phải ý kiến nào cũng được chấp thuận. Còn các người muốn đánh lộn, tui mời các người ra ngoài.

Thầy pháp Ba Gà Mổ còn cố với vát:

– Cộc mày có ngon thì ra ý kiến đi, ngồi đó mà chọc quê người ta thì chó làm cũng được.

Cộc chỉ cười nhạt:

– Chẳng ngu gì, nghề tôi là nghề chôn xác chết mà.

Không khí lạnh dần, thầy y tá Chín chậm rãi lên tiếng:

– Theo tôi thì mình thuốc chết hết mấy con chim.

– Thuốc bằng cách nào?

Chích một mũi thuốc độc vào một con chó chết liệng dưới gốc cây. Mấy con chim ăn phải lẫn ra chết ráo.

Thấy ý kiến có vẻ hợp lý, vài tiếng vỗ tay lấp bốp trong bàn nhậu. Cử tọa im lặng, nhiều người gật gù:

– Ý kiến hay đó, nhưng xin anh Chín cho biết công việc đó ai làm?

– Tui làm, cấp thuốc cho tui, tui làm liền.

Thằng Cộc nóng nảy:

– Đẹp, đẹp! Các người bàn toàn chuyện tào lao không đâu hà.

Hai Thợ cố vãn hồi trật tự:

– Thôi, giờ ai có ý kiến trình bày hết đi, đêm khuya rồi đó.

Chờ cho mọi người chịu trận hết,
Cộc mới ra lời:

– Phương pháp của tôi giản dị lắm,
chúng ta cần có súng bắn rầm rầm là
chim chết cả chùm. Bắn chừng năm ngày
liền là chúng hết còn dám đến nữa.

Thầy pháp Ba Gà Mổ được dịp trả
thù:

– Súng ở đâu nhiều quá vậy hả Cộc?

Cộc vênh vào trả lời:

– Súng trên đồn dân vệ.

– Bộ lên đó cướp giựt sao?

Cộc phanh nút áo cho đỡ nóng, ngửa
cổ uống ực hết nửa ly Vĩnh Sanh Hòa,
gắp một khúc lươn cho vào miệng, nhét
theo một nắm rau chuối. Hắn khề khà,
nhai nhồm nhoàm:

– Có hạng người chuyên lừa gạt mới tính đến chuyện ăn cướp, cướp giựt thôi. Thằng này ngon lành, từng đi lính, hào khí ngất trời có đâu làm chuyện đó được. Thằng này không có loại thầy, loại sư phụ nào dạy nghề lừa gạt ăn cướp hết.

Mặt thầy pháp đã đỏ sẫm bây giờ thành tím ngấn ngắt. Hai mắt đỏ kè trông càng thêm dữ dằn. Cộc vẫn thùng thảng nói:

– Tôi muốn khuyên bà con lối xóm làm cái đơn đệ lên ông đồn trưởng mượn ba người lính mang súng xuống, thứ súng bắn đạn chài đó. Mình cũng trình bày lý do chính đáng thì ổng có tiếc gì vài ba viên đạn. Nè, cô bác nên nhớ rằng đạn chài chỉ cần nổ một phát là chết cả chục mạng như chơi, nó văng miệng tùm lum. Đàng này những ba khẩu kè bắn một lượt lặn. Rầm, rầm...

Thằng Cộc đứng thẳng dậy, cung tay như người bắn súng, miệng phát ra những tiếng rầm rầm tưởng tượng. Dân xin vỗ tay lớp lớp:

– Ý kiến nghe được đó.

Cộc cao hứng càng ba hoa dữ. Nói huyền thuyên về thời hấn còn ở lính, ngày hấn sử dụng khẩu súng đạn chài, chống lại súng ngựa trời của Vixi và chống lại những đợt tấn công biển người.

Sau câu nói, Cộc nhịp nhịp bàn tay như đang hình dung ra phía trước mặt xác người ngổn ngang. Hai Thợ bèn giơ tay vin Cộc ẩn ngồi xuống ghế.

– Thôi xin cha nội, bộ mới uống nhiều đó đã lên vậy sao?

Tóc tai Cộc dựng đứng, hấn lúu rúu nói:

– Các người có công nhận súng đạn chài ăn trùn không?

Hai Thọ xuống nước:

– Ăn trùn là cái chắc, rồi mình phải bàn đến chuyện làm đơn chớ.

Cộc phát vỗ tay bạch bạch:

– Ý kiến của tôi được bà con chấp nhận chớ, nào chúng ta cùng ly.

Tất cả mọi người đều nâng ly cùng vào nhau lạnh canh. Họ ngửa cổ uống ừng ực, nhiều người đã cởi áo vắt vai, rượu tràn ra khỏi miệng chảy dài theo cần cổ xuống ngực. Những đôi mắt đỏ ngầu mất hết vẻ tinh anh, họ cười vu vơ, nói năng lộn xộn. Chiếc đèn măng-sông bị gió từ ngoài thổi vào lao chao làm ánh sáng trong quán trở nên nhấp nháy. Cuối cùng cuộc bàn cãi về việc trừ khử chim

cũng xong. Thầy giáo Lượn được chỉ định việc làm đơn đệ lên đồn trưởng xin lính bắn súng. Thầy giáo Lượn không mấy quan tâm về việc đó. Thầy thấy người mền mệt nên cứ nhấp nhồm muốn về. Khuya cơn hen xuyên của thầy thường nổi lên bất tử.

Thầy giáo Lượn đưa mắt nhìn thầy pháp Ba Gà Mổ, thẳng cha coi bộ đã đời. Câu chuyện nói trong bàn nhậu trở nên bát nháo không còn ra đầu ra đuôi gì nữa.

Bảy Lượn Um thấy trời khuya nên nhắc khéo:

– Khuya rồi đó cô bác, liệu về sớm mai còn đi làm.

Cuộc ăn nhậu tàn, mọi người tản mát ra về. Cộc vừa đi vừa nhìn lên trời.

Những cành cây sao khô vươn lêu nghêu lên bầu trời như những cánh tay xương. Những con chim vẫn đậu ủ rũ trên đó. Có lẽ chúng đói lắm, thỉnh thoảng có một con vỗ cánh phạch phạch kêu lạch lũng. Trời nóng nực đến ngọt ngạt. Có thể đêm nay sẽ đổ xuống một trận mưa. Cộc chỉ tay lên trời hăm:

– Tụi bay sẽ chết mẹ hết nghe, đồ ăn cướp, đồ phá hoại. Hãy kêu đến cho thiệt nhiều rồi chết một lượt cho vui.

* * *

Căn nhà của thầy giáo Lượn ở tuốt tận cuối xóm. Cách gốc cây sao chừng hai chục thước. Một cành khô to vươn ngang nóc nhà, căn nhà làm bằng cây, lợp lá gồi, tầng dưới dùng làm lớp học,

căn trên có cầu thang gỗ bắc từ ngoài lên bao lơn làm lối đi riêng. Hàng đêm, một vài con chim cao hứng tung cánh bay vù vù, xà thấp. Đôi khi chúng đánh nhau chí chóc. Giáo Lượn về tới nhà vào khoảng mười hai giờ đêm. Hấn bật quẹt châm vào ngọn đèn Hoa Kỳ trên bàn làm việc. Hấn mở cửa sổ đứng nhìn mông lung ra ngoài trời. Phía xa là nghĩa địa, căn nhà xác ở phía trái, một con đường nhỏ lượn vòng đủ lọt chiếc xe nhà binh từ ngoài lộ dẫn vào nhà xác.

Giáo Lượn nhìn lên cao, những cành cây khô trụi những con chim đậu trên cành thành những chấm đen bất động. Một cơn gió bỗng dấy lên làm ngọn đèn trong phòng lao chao như muốn tắt. Giáo Lượn nhìn bầu trời không một vì sao. Có lẽ trời mưa mất, hấn nghĩ thầm. Hấn khép hai cánh cửa sổ, gài then căn

thận, trở vào cởi quần áo. Gió bên ngoài mỗi lúc mỗi thổi mạnh hơn. Mái lá mỏng manh chuyển động, các cột kèo kêu rảng rảng, bức tường ghép bằng các tông cũng rung rinh. Giáo Lượn lay lay chiếc cột gỗ như thử lại sức chịu đựng của căn nhà với gió mưa. Hấn chẳng quan tâm đến điều đó. Hấn trở vào lấy bình thuốc xịt có chiếc bơm cao su dài lòng thông kê vào miệng bơm xịt xịt. Hấn ngáp ngáp mấy cái. Dễ chịu. Giáo Lượn tắt đèn lớn, thắp lên chiếc đèn dầu hột vịt, ánh sáng mờ mờ, hấn vào giường nằm. Tiếng gió vẫn rít lên không ngừng, hình như mỗi lúc một mạnh hơn làm căn nhà chuyển mình rắc rắc dễ sợ. Những con chim đậu trên cành cây nháo nhác. Giáo Lượn thây kệ, nằm xái tay lơ mơ ngủ. Mùi rượu nồng nặc vẫn chưa hả, giáo Lượn cảm thấy mệt mỏi một cách lạ lùng...

Đang chập chờn, bỗng tiếng gõ cửa nổi lên dồn dập, giáo Lượn ngồi nhòm dậy nghe ngóng. Khi nhận rõ tiếng gõ cửa có âm hiệu quen thuộc, giáo Lượn vén màn chui ra. ánh sáng đèn lung linh chiếu hắt bóng giáo Lượn lên vách. Tiếng gõ cửa đều đều, mỗi lúc một mạnh hơn. Giáo Lượn gắt:

– Biết rồi, làm chó gì mà rộ lên vậy?

Giáo Lượn cầm đèn đi ra cửa. Hẩn nằng then.

Tiếng đàn bà vọng vào:

– Em đây mà cưng, bộ mệt sao mà gắt dữ vậy?

Cánh cửa hé mở đủ để một người vào lọt, giáo Lượn đưa đèn vào phía trong cho khuất gió. Một khuôn mặt đàn

bà ló vào, vợ bé của thầy pháp Ba Gà Mổ.
Giáo Lợn hỏi nhỏ:

– Hẳn đi đâu rồi?

Chị đàn bà lột hẳn người vào phòng,
tự động đóng cửa cài then:

– Say mềm còn biết trời đất gì nữa
đâu!

Giáo Lợn trở lại giường chui vào
mùng, hẳn nói vọng ra:

– Coi chừng có lần mất mạng cả đôi,
thằng thầy pháp Ba Gà Mổ không vừa
đâu nhá.

Chị đàn bà chui theo vào mùng:

– Nhắm nhỏ gì, thằng chả ngu như
bò.

Giáo Lượn nằm ngửa, thở. Chị đàn bà cúi xuống trên mặt hắn. Giáo Lượn cắn nhả:

– Thôi để nguyên cho người ta ngủ.

Chị đàn bà có vẻ bất mãn, mụ nhìn sững vào mặt người anh, gằn giọng:

– Nè, nói thiệt cho mà nghe, đừng có tính đến chuyện phụ rẫy con này.

Tiếng nói của giáo Lượn trở nên yếu ớt:

– Không phải vậy, nhưng hôm nay anh mệt quá, hồi tối nhậu hơi nhiều, không quen...

Chị không còn gay gắt nữa sau câu nói của giáo Lượn. Chị hỏi:

– Có phải các anh bàn về vụ mấy con chim không?

– Ủa!

– Rồi sao?

– Giết chúng, anh được chỉ định làm đơn gửi lên đồn mượn súng và lính về bắn.

 Gió ngoài trời mỗi lúc một mạnh hơn. Một tiếng động trên mái nhà. Chị đàn bà ôm lấy người tình:

– Cái gì đó?

 Giáo Lượn nghe ngóng rồi trả lời:

– Có lẽ một cành cây gãy.

 Bàn tay mát rượi của chị ta lần vào trong áo giáo Lượn, mắt nhìn lên mái:

– Phía trên mái nhà anh có một cành cây lớn lắm, nó mà rớt xuống là bỏ mạng cả đôi.

Giáo Lợn tỉnh khô:

– Còn khuya em ơi, vả lại mình đâu có ở đây lâu nữa. Được chết bên em là hạnh phúc nhất cho đời anh.

Đôi mắt chị đàn bà hấp háy trong ánh sáng nhá nhem, đôi mắt chị trở nên long lanh tình tứ:

– Thiệt há mình, em chán thẳng cha Ba Gà Mổ quá rồi, nó lường gạt tía em để lấy em, hại cả một đời son trẻ.

– Biết rồi, ráng chịu ít lâu nữa đi nghe, anh còn phải thu xếp...

Giọng chị đàn bà trở nên hờn dỗi:

– Ráng chịu, ráng chịu hoài à! Tình trạng phập phồng này mỗi lần đến với mình em lo lắm.

Giáo Lợn vuốt ve người yêu:

– Nhà mình ở tách biệt hẳn với lối xóm ai biết được. Vả lại, em chỉ đến vào đêm hôm khuya khoắt, mưa gió thế này.

Chị đàn bà giúi mặt mình vào khuôn mặt lép kẹp của người tình. Những chiếc hôn thật dài điểm trên da thịt giáo Lượn làm hẳn thấy xốn xang. Chị như con cọp cái trước miếng mồi xương xẩu. Giáo Lượn năn nỉ:

– Tội nghiệp anh mà, đêm nay anh mệt quá sức rồi.

Ngọn đèn dầu quên tắt trên bàn lao chao. Gió rít mạnh ngoài trời và mưa xối xả trên mái lá. Quá nửa đêm, chị đàn bà tỉnh dậy khi nghe thấy âm thanh gù gù cạnh mình. Đèn tắt, giáo Lượn đang ngồi bó gối trên giường thở gấp, hơi thở hẳn hình như bị tắc nghẹn ở cổ họng. Hẳn ráng thở nên âm thanh trở nên gù

gù. Chi đàn bà mò thấy giáo Lợn, chị phát cười như nắc nẻ:

– Coi kìa, coi kìa, anh gù như con chim bồ câu gọi mái.

Giáo Lợn ráng nhịn thở khều tay ra hiệu cho người tình:

– Cái bơm, cái bơm ở bàn...

Lời nói của giáo Lợn trở nên tội nghiệp. Chị biết mình đùa hơi quá trớn và không phải lúc. Chị lại cảm thấy yêu thương người anh hơn. Chị đỡ giáo Lợn nằm xuống. Nhưng hấn gạt tay ra, hấn không thể nằm được khi cơn hen đang hành hạ.

Chị đàn bà tung màn ra bàn lấy cái bơm, trở lại kê vào họng giáo Lợn. Giáo Lợn ngửa mặt, quờ lấy cái bơm cao su bóp lấy bóp để, như đứa trẻ đói sữa

mò được vú mẹ. Một lát cơn suyễn dịu xuống, giáo Lượn dễ thở hơn. Bấy giờ chị mới đỡ người tình nằm xuống. Gió mưa bên ngoài ào ạt, tiếng chị nói nhỏ bên tai người tình đầy xót xa:

– Tội nghiệp mình quá, tội quá!

Giáo Lượn lim dim trong sự vuốt ve triu mến của người yêu, sự sáng khoái dâng lên ngập hồn. Gần sáng, mưa gió bão bùng mỗi lúc một dữ dội hơn, căn nhà chuyển mình rã rạc làm hai người thức giấc hốt hoảng.

Giáo Lượn tốc màn ngời dậy, hét lên:

– Nguy rồi em ơi!

Nguyên tấm mái lá bị trốc, gió cuốn bung đi, mưa ào ạt tạt vào nhà. Gió thổi bung mất vách, Giáo Lượn và tình nhân chạy cuống lên trong căn nhà tan hoang.

Tiếng thân cây chuyển mình. Cả hai cùng thét lên.

Liên gia trưởng Hai Thợ ngồi bật dậy khi nghe tiếng đổ xầm ở cuối xóm, tiếng đổ nặng nề làm rung rinh cả nhà cửa. Hấn lay vợ:

– Nguy rồi, cây đổ!

Mưa gió vẫn ào ạt. Chị vợ cũng ngồi dậy ngơ ngác:

– Cây đổ vào nhà ai rồi?

Hai Thợ lo lắng:

– Mạn cuối xóm, không chừng chỗ nhà thầy giáo.

– Ủa, em cũng nghĩ vậy.

– Để anh chạy ra coi.

Chị vợ níu tay chồng:

– Đùng anh, nguy hiểm lắm, chờ mưa ngớt đã.

Mãi tảng sáng mưa mới tạnh, cơn bão đã đi qua. Người lối xóm chạy ra chỗ cây đổ hối hôm. Cây vẫn đứng trơ trơ, chỉ riêng một cành lớn gãy, cành cây to bằng một thân cây đè lên sườn nhà còn lại của thầy giáo Lượn. Thầy pháp Ba Gà Mổ từ trong xóm chạy ra kêu um lên:

– Bà con cô bác thấy vợ tôi đâu chỉ giùm làm phước, đêm qua khi tôi về nhà còn thấy nó ngủ kia mà.

Những người khác nhớn nhác gắt gỏng:

– Ai biết, nhà thầy giáo bị cây đè sập rồi, thấy không?

Y tá Chín lon ton xách thùng thuốc chạy ra:

– Có người bị thương không?

Người đầu tiên chạy tới nơi xảy ra tai nạn là liên gia trưởng Hai Thợ. Anh nhìn vào căn nhà nát bấy rồi đứng cúi mặt. Những người chạy chưa tới lên tiếng hỏi:

– Có ai làm sao không, anh Hai?

Hai Thợ không trả lời, anh quay lưng lại. Rồi đám đông cũng tới nơi. Họ đứng lại, có người ôm mặt kêu lên thảng thốt:

– Trời ơi?

Y tá Chín bỏ rơi thùng thuốc xuống chân:

– Vậy còn cứu sao nổi!

Ở quanh đó, nóc vách nhà bay tứ tung, bàn ghế cũng vậy, như có một bàn tay khổng lồ bốc từng nắm tung hê ra bốn phía.

Thầy pháp Ba Gà Mổ chạy tới. Hấn đứng khựng:

– Trời ơi, vợ tôi đây mà!

Dưới chàng ba cây, xác giáo Lượn và xác vợ thầy pháp Ba Gà Mổ chết bẹp bên nhau. Cả hai cùng lổa lổ. Ba Gà Mổ điên tiết, lão dẫm chân bành bạch, mắt quắc muồn tét mí, tay xĩa xói:

– Trời phạt tội bay, tổ cha quân gian phu dân phụ, đồ quạ mổ ó đâm. Trời ơi, tôi đâu có ngờ...

Hai người đàn ông níu chặt hai cánh tay Ba Gà Mổ không cho lão nhào tới xác chết. Xác chết nằm bật ngửa, khắp người đầm đìa máu, máu loang ra cả sàn nhà ướt rác rưởi. Khắp người nạn nhân hình như sau khi chết còn bị những mỏ nhọn rĩa rói, có chỗ trơ xương, bụng bị xé rách

toang, ruột gan lòng thòng. Bốn lỗ mắt sâu hoắm.

Hai Thợ thở dài buồn bã:

– Tôi đâu có dè sự thể như vậy!

Thầy pháp Ba Gà Mổ vẫn gào thét chửi bới. Mọi người ngửa mặt nhìn lên những cành cây sao còn lại. Những con chim vẫn đậu ở đó, chúng rĩa lông rĩa cánh, có con nghển cổ kêu khét khét. Một đứa trẻ chỉ lên cành cây cao:

– Coi kìa, có khúc ruột thòng lòng.

Mọi người định thần nhìn theo hướng tay trỏ của đứa bé. Họ nghi ngờ:

– Hình như không phải khúc ruột.

Mãi sau y tá Chín mới nhận ra:

– A đúng rồi, cái bình bơm thuốc

suyễn của giáo Lợn. Trời, mấy con chim thiệt là...

Y tá Chín bỏ lửng câu nói.

Bầu trời xám ngoét như thấp hẳn xuống. Chín Méo từ đầu tới xăm xăm đi vào, cái thẳng làm nghề tảo mộ bất lương, chuyên môn ăn cắp đồ người chết chôn theo:

– Cô bác yên chí, để tôi bao thầu dọn dẹp luôn đám này cho.

Không chờ ai đồng ý, Chín Méo tự ý dọn dẹp bươi móc những đồ vật vãnh, hình như hẩn vừa đút cái gì vào túi. Có người trông thấy la lên:

– Ê, Chín Méo hôi của!

Chín Méo nhe răng cười:

– Sức mấy không hôi!

Trẻ nhỏ và người lớn nhảy ùa vào.
Chín Méo vừa la vừa nạt nộ:

– Ê, hồng được nghe, tôi tới trước.

– Bỏ đi Tám!

Đám người như giặc cướp xông vào
bối tung lên.

Một đứa nhỏ ôm được chiếc la-dô
chạy pin, một đứa khác có chiếc đồng hồ
để bàn, đứa lượm được cái bóp tiền của
giáo Lượn. Đứa không có gì liền nhảy
đến chụp. Thế là một cuộc xô xát xảy ra,
tiếng chửi thề vang rân át cả tiếng quát
tháo nạt nộ của ông liên gia trưởng Hai
Thợ.

Không ai nghe, nói đúng hơn chẳng
ai cần nghe. Đám xô xát mỗi lúc một dữ
dội, có kẻ đã đổ máu, lần này thêm cả
người lớn nhập cuộc binh con. Hai xác

chết thê thảm vẫn nằm trơ trơ. Thấy pháp Ba Gà Mỏ lên cơn, nhảy múa như lên đồng, hô hoán gọi âm binh. Những con chim đậu trên cành cây ngó ngoái cổ nhìn xuống. Chúng kêu khét khét như âm thầm hỏi nhau chuyện gì xảy ra ở dưới kia thế

Chiếc ống bơm bằng cao su đu đưa trong gió sớm mai.

Bầu trời nặng màu chì.

1960

NGƯỜI Ở LẠI THẾ GIAN

1.

 **L**ÃO BA NGHIÊU SUỐT NGÀY NGỒI TRÊN cái ghế xích đu hút thuốc rê. Một nửa người lão bị tê liệt từ mười năm nay. Chiếc ghế lão nằm kê ngay ở hàng hiên nhìn ra khu vườn xanh rì cây lá. Lão ba Nghiêu đã già lắm, mặt lão nhăn nheo, khô khan như da quả trám khô. Mùa nắng lão chỉ mặc có chiếc quần đùi, cổ vắt một chiếc khăn rằn ri để

lau mồ hôi. Thân hình lão gầy còm khô héo như xác một con ve sầu, hai chân lâu ngày không cử động nhỏ teo như hai chiếc ống sậy. Cái bụng để hở rốn, nhăn nhúm như một cái túi mốc thối. Thú vui độc nhất của lão là hút thuốc rê, trên chiếc miệng móm mém lúc nào cũng bập bập điều thuốc quẩn vụng lớn hắng ngón tay cái. Lão có thể điều khiển điều thuốc chạy từ mép bên này sang mép bên kia rất gọn.

Nhưng đừng vội tưởng lão nằm một chỗ như thế mà không biết gì. Lão là người kỳ cựu ở đây, lão nằm, lão nghe ngóng và biết hết thấy mọi chuyện. Thằng cháu nội của lão là Cu Sún chính nó là một cái cái máy truyền tin nhanh chóng nhất. Bố Cu Sún là anh hai Khâu chạy xích lô máy suốt ngày, ở nhà chỉ có hai

ông cháu. Cu Sún chạy rong trong xóm, nó lưu ý đến tất cả mọi chuyện để về kể lại cho ông nội nghe.

Khi Cu Sún chạy về nhà, ba Nghiêu cũng vừa hút tàn điếu thuốc rê, lão đang bắt đầu quấn điếu khác. Lão để miếng giấy vào lòng bàn tay trái, rắc một ít thuốc lên trên, kể đó lão hơi uốn cong đầu giấy lên, lão dùng bàn tay kia xoa tròn một cái. Thế là điếu thuốc thành hình sâu kèn, lão đưa lên miệng, thè lưỡi ra rơ qua một đường, dán lại. Lão dùng móng tay út lùa những sợi thuốc lồm xồm vào điếu thuốc cho gọn gàng, đoạn để lên môi. Điếu thuốc được chuyển đi chuyển lại nhiều lần từ mép này sang mép kia. Lão chưa đốt vội, lão ngẩng lên hỏi thẳng cháu mặt mày bần tèm lem:

– Có gì lạ không mậy?

– Bữa nay trên chùa ông Tám Tô có đám ma!

– Vậy hả, hèn gì từ sáng đến giờ tao nghe chuông trống động hoai. Mà ai chết hén?

Thằng cu Sún quệt tay ngang mũi:

– Anh Hai Du nội à?

Lão Ba Nghiêu đang định môi lửa, lão ngừng tay bật quệt máy ngẩng lên hỏi:

– Ủa thằng Hai Du đi lính mà!

– Ủa! Ở nhà ảnh mới nhận được tin chết trận!

– Vậy hả. Có mang xác về không?

– Chết mất xác ở đâu đó!

Lão Ba Nghiêu lại bật quẹt máy. Lão bập bập điều thuốc nhả khói mù mịt. Lão chép miệng:

– Tội nghiệp con vợ nó mới cưới năm rồi. Nè mày qua bên thì nói với ông Chắt tao gửi lời chia buồn nghe.

– Dạ!

Thằng cu Sún đang định chạy đi. Lão Ba Nghiêu gọi giật lại:

– Nè, đi đâu đó?

Cu Sún tưởng nội nó hỏi tin tức nữa, nó nói:

– Hết chuyện rồi nội à!

– Tổ cha mày, tao đâu thêm hỏi chuyện nữa. Mày cầm cái máy quẹt xin cho tao ít xăng.

Nói xong, lão trao cho cháu cái máy quẹt, thằng bé chạy khỏi. Lão nằm hút thuốc nhả khói tùm lum nhìn ra ngoài vườn cây, lắng nghe tiếng tụng kinh từ trên chùa Tám Tô vẳng lại. Lão chửi thề lẩm bầm:

– Đ.M. thằng Tám Tô đạo đức giả!

Lão Nghiêu vốn ghét Tám Tô từ hồi nhỏ, lớn lên hai người lại mang một mối thù với nhau. Hồi đó, lão Nghiêu còn trai trẻ, lão yêu con Hồng. Tám Tô cậy thế con nhà giàu cướp của lão. Sau này vợ chồng Tám Tô cũng chẳng được hạnh phúc gì, con Hồng sinh ra bài bạc. Tám Tô lập chùa. Dân trong xóm nói Tám Tô chán đời nên muốn nương nhờ của Phật. Nhưng lão Nghiêu không nghĩ thế. Lão Nghiêu cho rằng Tám Tô có một âm mưu đen tối trong vụ đi tu này. Lão kinh tài bằng của Phật. Này nhé! Lão có một

trại đóng hòm, có chùa, có nghĩa địa cho thuê. Dân vùng này chết, ai cũng phải qua tay Tám Tô hết. Tám Tô bán hòm, làm ma rồi cho thuê luôn đất chôn. Thế là bao nhiêu mối lợi người chết đều vào tay gia đình Tám Tô.

Lão Nghiêu nằm nghĩ lan man về dĩ vãng mình. Cuộc đời lão gắn liền với xóm này, lão ra đời, sống, lấy vợ sinh con đẻ cái ở đây. Lão nghèo nhưng cũng còn có mảnh vườn của ông cha để lại. Lão biết rõ từng gia đình một trong xóm. Qua bao nhiêu đổi dời, lão Nghiêu vẫn sống ở đây. Lão ghét Tám Tô, nhưng vẫn phải sống gần Tám Tô, đó là điều ân hận nhất đời lão. Nhiều khi uất quá, lão nói với Hai Khâu:

– Tao nói thiệt cho mày biết, tao mà chết thì để quạ tới ăn xác tao, chớ mày mà nhờ thằng Tám Tô làm đám, tao về

bóp cổ mày chết tươi đó Khâu à?

Hai Khâu nghĩ cha mình già nên lắm cảm, anh gạt đi:

– Tía thiệt kỳ, chuyện ngày xưa mà hơi đâu nhắc lại hoài nghe bắt gấy!

Lão Nghiêu nói trở đi:

– Tao ghét thằng chả đạo đức giả.

Hai Khâu đi làm về mệt nhọc nên không khỏi bức tức, anh nói bét ra:

– Chớ không phải là chuyện bà Hồng sao?

Thế là lão Nghiêu to tiếng, lão ngoan cố, vừa chửi vừa giải thích. Lão nhất định không nhận lời nói của con gán cho. Hai Khâu không trả lời cha nữa, anh bỏ ra quán chú Liễu nhậu lai rai ba sợi. Lão Nghiêu càng trở nên thâm thù Tám Tô,

có dịp là lão không tiếc lời chửi bới. Nắng đã lên cao, chờ mãi không thấy thằng cu Sún mang quạt máy về, lão đã quần xắn hai ba điều thuốc rê mà không có lửa môi. Lão ngậm một điều thuốc lên môi đưa qua đưa lại, lão thắc mắc hỏi thầm:

– Thằng Sún đi đâu mà lâu vậy cà?

2.

QUÁN CHÚ LIÊU Ở NGAY ĐẦU XÓM. Địa điểm đó là một ngã ba đường dẫn ra lộ chính. Người ta không biết chú đến đây mở cửa hàng từ bao giờ, nhưng từ bao nhiêu năm nay quán vẫn không có gì thay đổi. Bàn ghế cũ kỹ, quán hàng lụp xụp. Thực đơn: buổi sáng có cơm tấm, bún bì, cà phê, buổi chiều có cháo giò heo, bì cuốn, đồ nhậu lai rai và rượu đế. Quán đông khách thường xuyên vào buổi sáng sớm, dân lao động trong xóm ra ăn điểm tâm dăm ba đồng bạc trước khi đi làm. Buổi tối gần như buổi dành riêng cho các tay nhậu. Họ

bàn tán với nhau về đủ mọi chuyện ngoài thành phố. Câu chuyện chỉ tàn khi rượu đã cạn và đêm về khuya. Một vài người quá chén nói bậy nói bạ vài câu trước khi ra về.

Buổi tối hôm nay, trên chùa Tám Tô làm đám cho Hai Du, dân nhậu lo bu đông ở trên. Quán chủ Liễu vắng khách. Dân nhậu lai rai có vài ngoe ngồi trông buồn so, một vài người bàn tán về cái chết của Hai Du. Tất cả đều nói trật lất, họ nói Hai Du bị Việt Cộng dùng mã tấu chém lìa đầu, người nói bị đạn liên thanh bắn banh xác.

Người ôm xác Hai Du lần cuối đang ngồi đây, nó là bạn Hai Du từ hồi nhỏ, nó mặc bộ quần áo nhảy dù rằn ri ngồi uống đế lăm lỳ ở một góc quán. Mặt nó sứt lại như đá, nó lặng lẽ nghe những bậc chú bác nói chuyện về bạn, nhưng không lên

tiếng. Đôi mắt nó ngầu đỏ như mắt trâu điên nhìn ra ngoài trời tối mông lung. Con hẻm tối có những cơn gió chạy dài khua động lá cây xào xạc. Gã thanh niên mặc bộ đồ nhảy dù tu nốt xì để, đặt cái chai không đến cộp xuống bàn:

– Chú Liều à, cho thêm một xì nữa đi!

Chú Liều ngần ngại nhìn nó:

– Keo à! Mà ỹ uống nhiều rồi đó!

Thằng Keo dần mạnh cái chai, đôi mắt dữ tợn, nhắc lại lời nói:

– Cho một xì nữa!

Chú Liều thấy bắt ớn, chú hơi ngạc nhiên về tính nết thay đổi bất thường của thằng Keo. Hồi chưa đi lính, nó là đứa trẻ hiền lành nhất xóm. Vậy mà... roạt!

Nó rút mạnh con dao giấu trong bụng ra cắm phập xuống mặt bàn. Lưỡi dao rung lên. Chú Liều đành ra phía sau nhà rút đế, chú gập thẳng cu Sún đứng thập thò ở đó. Chú nói nhỏ:

– Sún! mày dìu kêu ba thằng Keo ra cho tao, biểu thằng Keo nhậu say đang tính phá quán tao nghe mày!

Sau đó chú Liều cũng mang đế ra cho Keo. Nó tu đế khà luôn miệng như con rắn mái găm. Đôi mắt đỏ ngầu rọi ra đầu xóm tối om. Tất cả mọi người có mặt ở đó thầm hỏi: Thằng Keo đang chờ đợi ai? Nhưng sự thắc mắc ấy chỉ một lát sau được chính thằng Keo giải đáp. Nó uống hết già nửa xị đế, tay cầm cổ chai chống trên đùi, tay kia nắm lấy chuôi dao. Mắt nó quắc lên dữ tợn, hai hàm răng nghiến kèn kẹt. Tiếng nói nó trở nên cay nghiệt:

– Mẹ nó! Tôi phải xả thịt nó ra, quân phản bội, đồ đàn bà chó đẻ.

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau. Thằng Keo rít lên, nhưng rồi nó cười nhạt:

– Đàn bà, đàn bà thể non hện biển rồi nuốt lời. Quân chó đẻ đó tôi không thể để nó sống được ở trên đời này.

Dân nhậu đưa mắt dò hỏi nhau:

– Nè, ai đó?

– Hồng biết!

Mặt thằng Keo lạnh như tiền, miệng lẩm bẩm:

– Về đây con, về đây, ông tổ nội mày lụi mày đúng mười lát dao thôi. Đ.M. mới đi linh mười tháng, thót đi làm điểm rồi. Đ.M. nhân tình thể thái. Đ.M. mình chết

lên chết xuống, cục nhọc còn hơn con chó để nó ở đây chẳng rồn với ba thằng du đảng.

Chửi rửa như vậy hình như thằng Keo chưa đã giận. Nó đứng dậy rút phất con dao cằm lăm lăm trong tay. Dân nhậ nhẹt hoảng hồn, một người lên về kêu ba thằng Keo. Một vài người khác bạo dạn hơn trờ tới tìm lời mềm mỏng khuyên can:

– Keo à, mày có chuyện gì buồn thì vô đây nói tui tao nghe coi. Hung hăng vậy coi sao được, dân nhậ phải tỉnh táo mới đáng mặt chó mậy.

Thằng Keo trừng mắt:

– Mấy người biết gì! Đ.M. đừng xía vô chuyện tôi chết oan ạ hôn! Thằng này giết con Lan xong thằng này tự vận liên cho coi.

Lúc đó đám nhậu mới hiểu nỗi lòng của thằng Keo. Thì ra mèo của thằng Keo là con Lan hiện giờ đi bán “ba” ở Sài Gòn. Chú Liều thấy mình có ít nhiều trách nhiệm trong vụ này, chú xông ra nắm tay thằng Keo:

– Keo à! Mày vô đây tao nói phải quấy mày nghe, giết con Lan tội nghiệp nó. Hoàn cảnh bắt buộc đó mày.

Thằng Keo la lên:

– Ai bắt buộc nó? Phải con dĩ mẹ nó không để tui vô lụi chết luôn một lượt.

Chú Liều xuống nước năn nỉ:

– Thôi Keo ơi tao van mày, quanh đây bà con cô bác không à! Mày xử vậy coi sao được.

Thằng Keo hậm hực:

– Tui chán đời rồi tui đâm đánh cần!
Tui thể con Lan phản bội tui, tui phải giết nó.

Chú Liễu phân lẽ phải trái:

– Mày còn thương con Lan chứ gì?
Mày để nó làm ăn, tội nghiệp nó vì hoàn cảnh gia đình... nó đâu muốn vậy!

Thằng Keo thấy nói vậy, nó bứt hung hăng, tay cầm con dao bỏ xụi lơ. Mắt nó mở thao láo nhìn con hẻm tối. Tất cả mọi bức tức dồn nén bao lâu nay phút chốc làm nó tủi phận. Nó nghĩ đến hình ảnh người yêu, rồi nước mắt chảy ra. Nó trở vào quán gục đầu trên bàn. Nó thật tình thương con Lan, nhưng nó tự ái. Lâu nay con Lan không còn viết thư cho nó nữa, cho tới bây giờ nó trở về để tìm hiểu sự thật. Bao nhiêu nỗi buồn đè nặng trong lòng nó. Hai Du chết rồi và

con Lan đi bán “ba”, nghề đó đâu có xa nghề làm diêm. Và đêm nay Keo ngồi đây, nhất định chờ con Lan về để lại ít dao. Nó tự hỏi không biết mình có mù quáng không? Khách nhậu thấy thằng Keo ngồi gục đầu vào hai tay, đôi vai nó rung lên. Nó đang khóc, nó nức nở gọi tên người yêu:

– Lan ơi! Lan ơi!

Một khách nhậu tính đến an ủi nó thì chú Liêu cản lại:

– Để cho nó khóc, tội nghiệp, nó khóc được thì nó đỡ khổ.

Trong khi đó mẹ con Lan đã được thằng cu Sún chạy báo tin. Bà hoảng hồn chạy ra đầu xóm kêu xe đông tuốt lên chỗ con Lan bán, dặn nó đừng về mà nguy hiểm đến tánh mạng. Con Lan nghe tin

vẻ mặt không hề xúc động, nó nhún vai.

– Ảnh giết con cũng được chứ sao?

Bà Hoa gắt nhỏ:

– Mày vẫn còn thương thằng đó sao?

Lan thản nhiên:

– Hết thương rồi, từ ngày má biểu con, con đâu còn thương ảnh nữa. Ảnh đi lính đâu có tương lai, con ra đây bán hàng kiếm chồng sang hơn ảnh nhiều mà!

Bà Hoa biết con gái nói lẫy, bà cau có:

– Tao có cấm cản mày đâu!

– Dạ! Nhưng ảnh không vừa ý má thì con thôi liền. May ra bán hàng ở đây kiếm ra chồng sĩ quan má à!

Bà Hoa biết con gái nói móc mình, bà đay nghiến:

– Có phải mày gài tiếng ác cho tao không?

Lan cười thản nhiên:

– Má đâu có ác, chỉ có con xấu thôi, con trót thể thốt với người ta rồi con lại nuốt lời. Đứa con gái như vậy đáng băm ra trăm mảnh. Thôi má dìu đi.

Bà Hoa đi khỏi, Lan thở dài, nàng lẩm bẩm một mình:

– Em đáng tội chết lắm anh ơi, phải chi anh hiểu cho em...

Nói xong muốn bật khóc. Nàng trở vô quán, nàng bắt gặp những khuôn mặt đàn ông phè phỡn.

Khi bà già con Lan về tới xóm thì

được bà con cho biết thằng Keo bị bố nó ra xán cho một cây rồi xách cổ về nhà. Bà già con Lan đứng phân bua:

– Đó cô bác coi, tôi khổ vì con quá sức. Biết vậy hồi con Lan còn nhỏ tôi bóp mũi nó chết ngắc cho rồi. Tui biểu nó hoài đừng có thương thằng đó, nó đâu có nghe tui.

Một người khác ngựa miệng xía vô:

– Mà chị cản ngăn nó chi vậy, tui nó thương yêu nhau thì gả phút đi cho rồi.

Mẹ con Lan trề môi:

– Tui biết người biết của lắm mà, tui biết con Lan nó đại dột nên khuyên bảo vậy thôi. Cô bác tính lấy cái thằng suốt ngày chỉ đồn hát mất công mình nuôi rề luôn, cái thứ nghệ sĩ đó đói rã họng suốt đời...

Bà con lối xóm thấy trời khuya tản mát ra về, họ chán nghe cái giọng điệu của bà già con Lan. Đứng nghe bà nói một hồi nữa thì mất công mời cả Trời Phật xuống làm chứng cho tấm lòng đạo đức của bà. Bác bảy Khương đóng cửa cái râm:

– Đ.M. đêm khuya mà um sùm hoài, mẹ cái thứ đạo đức giả đó sao không có thánh thần nào vắn cổ chết cho rồi.

Chị bảy Khương đương nằm trong mùng cho con bú gắt vọng ra:

– Anh thiệt kỳ, chuyện người ta mắc mớ gì tới mình.

Bị vợ át giọng, bảy Khương nổi nóng:

– Nè câm miệng! Xía vô tao động chết mẹ!

Nói xong bảy Khương bỏ ra hàng ba tới ghế bố nằm, anh thoáng trông thấy bóng một thằng nhỏ đứng lấp ló gần đó. Anh lên tiếng hỏi:

– Đứa nào đó?

– Cháu đây bác Bảy!

– Sún đó hả mậy?

– Dạ!

– Không đi dìa ngủ còn đứng lấp ló chi đó?

Thằng cu Sún lùi thúi ra về. Nó chợt lo ngại. Chết mẹ cái máy quẹt chưa tìm thấy, dìa ăn nói sao đây với nội. Quả nhiên khi về tới nhà, nội nó còn nằm ở ghế xích đu hút thuốc rê. Bây giờ lão Ng-hiêu phải dùng chiếc đèn dầu để môi lửa. Thấy cu Sún nép nép đi vào tính chui vô mừng nằm tỉnh, lão gọi giật giọng:

– Sún!

– Dạ!

– Ra tao biểu!

Thằng Sún đành leo xuống. Chờ cho nó tới gần lão Nghiêu hỏi giận dữ:

– Máy quét tao mày kiểm thấy chưa?

Cu Sún đứng gãi đầu gãi tai:

– Dạ! cháu kiểm hoài mà... mà...

– Mà cái con dĩ mẹ mày, tao cho mày ngày mai nữa đó, không kiểm thấy thì đừng có vác cái bản mặt về đây.

Nói xong lão nằm ngửa mặt hít thuốc, lão thưởng thức hương vị đậm đà của điếu thuốc rê. Lão biết dù bây giờ có la cháu cũng vô ích. Lão nghe tiếng trống kêu tung tung từ trên chùa Tám Tô vọng xuống, lão bực mình lăm bắm chửi:

– Đ.M. thằng thầy chùa Tám Tô um sùm hoài.

Quay lại thấy thằng Sún còn tần ngần đứng đó, lão biết ý nó muốn “thông tin”. Lão hất hàm hỏi:

– Chi lạ hông mày?

– Dạ! Thiếu giống!

– Nói tao nghe coi.

Thế là thằng Sún đứng kể thao thao bất tuyệt câu chuyện “rùng rợn” tối nay thằng Keo tính giết con Lan ngoài quán chú Liều cho nội nghe.

Lão hỏi tới:

– Vậy hả! Rồi sau sao?

– Anh Keo bị ông già xách cổ về động đầu vô lu nước.

– Đ. M. Vậy mà không để cho nó lụi
chết thứ đàn bà phản phúc đó cho rồi.
Còn má con Lan sao?

– Bà chửi anh Keo quá trời!

– Ờ, còn con mẹ đó nữa, cũng đáng
lụi cho lát dao lăm. Bà con lối xóm đâu
có ưa.

Thằng Sún chộp được cơ hội:

– Dạ phải đó nội, con có nghe bác
bảy Khương chửi thế.

– Gây với mẹ hả?

– Đâu có, đóng cửa cái rầm rồi chửi
thế!

– Chửi thế sao, nhắc lại nghe coi?

Thằng Sún cố nhớ lại:

– Chửi, chửi à... “Đ. M. đêm khuya

um sùm hoài, mẹ cái thứ đạo đức giả đó sao không có thánh thần nào vắn cổ chết cho rồi”.

Lão Nghiêu nhả điều thuốc, phun bãi nước miếng cái phẹt, vỗ bụng đến đét một cái:

– Đ. M. thằng chả hạp tao đa!

Nói xong một câu, lão Nghiêu khoái tĩ cười hê hê. Đêm khuya, trời nóng, cây lá ngoài vườn đứng im phăng phắc. Thằng cu Sún làm xong nhiệm vụ thông tin, nó chun trở vô mừng nằm ngủ ngáy khè khè.

Lão Nghiêu nằm hút thuốc, dùng quạt xua muỗi phạch phạch. Một lát sau, lão nghe thấy tiếng xích lô máy của hai Khâu trở về. Chưa bước chân vô cửa hai Khâu đã than:

– Trời nóng quá chừng!

Anh thấy cha còn thức liền hỏi:

– Khuya rồi, tía không đi ngủ sao?

– Trời nóng quá tao muốn nằm chơi một lát.

Hai Khâu cởi chiếc áo nhà binh cũ rách liệm lên bàn, anh ra hàng ba đứng ngó trời ngó đất:

– Không chừng đêm nay mưa!

– Tao cũng đoán vậy!

– Ờ! Mưa cái cho mát mẻ, cuối năm trời nóng dữ, à hôm nay trên Sài Gòn người ta chích ngừa bệnh thiên thời, sao vùng này chưa động tĩnh gì há?

Lão Nghiêu quạt phành phạch, lão lại nghe thấy tiếng trống tung tung trên chùa Tám Tô. Lão bỗng nhớ đến một đạo

cách đây mấy năm bệnh thiên thời phát sinh tại vùng này làm chết vô số người. Hồi đó Tám Tô mới có một kiếng chùa nhỏ. Sau vụ đó Tám Tô giàu lớn. Lão Nghiêu búng mầu thuốc ra ngoài vườn:

– Trời giúp Tám Tô mà!

Hai Khâu đương đứng tựa cửa, anh quay lại hỏi:

– Tía nói sao?

– Tao biểu trời giúp Tám Tô làm giàu, một vụ thiên thời nữa thì nó mua hết đất vùng này chôn xác chết, lập thêm mấy kiếng chùa.

Hai Khâu thấy cha nói thế không khỏi bực mình:

– Tía cứ “hằn thù” Tám Tô hoài à! Thôi bỏ đi, chuyện xưa nhắc lại hoài.

Lão Nghiêu cũng nổi nóng, lão la bài hã:

– Tao nhắc lại chuyện xưa hồi nào?

– Vậy sao tía cứ kiểm chuyện nói xấu Tám Tô hoài, người ta tu hành...

Lão Nghiêu càng nổi sùng;

– Đ.M. cái quân buôn xác chết đó mà mày biểu là tu hành hà! Đ.M. cái thứ ba đời cho vay lời, mười đời buôn xác chết đó mà đạo đức cái nổi gì...

Hai Thâu hừ một tiếng, cười khẩy:

– Tui biết tại sao tía thù Tám Tô?

Lão Nghiêu bị con nói móc tức càn hông:

– Mày biết sao, nói tao nghe coi?

Hai Khâu chỉ cười, anh bỏ vô mừng nói vọng ra:

– Tại sao thì tía biết đó, hỏi lại tui làm chi?

Một lát sau lão Nghiêu nghe tiếng con trai ngáy như cửa cây, lão nằm ở ghế xích đu rồi ngủ quên. Nửa đêm trời mưa lớn... Khi tỉnh dậy lão thấy người lạnh run, miệng há ra mà không nói được. Âm thanh cuối cùng của lão nghe thấy là một tiếng sét và tiếng gió mưa ào ạt. Ngọn đèn dầu đã bị gió thổi tắt.

3.

Ờ MỜ SÁNG HÔM SAU ANH HAI KHÂU đã trở dậy. Anh không quên để lại tiền ở đầu giường cho cha và thằng cu Sún. Anh Hai Khâu đi khỏi một lát thì thằng cu Sún cũng thức giấc, nó bỏ ra khỏi giường lấy tiền nhét túi ra khạp nước rửa mặt, nó thấy ông nội ngủ ở ghế xích đu nó không để ý và đông tuốt ra ngoài đường kiếm xôi mua ăn điểm tâm. Cu Sún đoán chừng ông nội còn lâu mới trở dậy nên chưa cần mua cà phê vội. Nó cầm gói xôi đi ăn cùng xóm đầu đầu cũng sà vào một lát.

Nó hy vọng kiểm thấy cái máy quẹt và tiện thể kiểm ít tin tức sốt dẻo để về kể lại cho nội nghe. Nó cố moi khối óc tìm tối coi xem hôm qua bỏ quên cái máy quẹt ở đâu. Nó lăm nhăm kiểm điểm lại từng nơi tới, nó đứng thần thờ ở ngã ba đường, liệng từng hòn xôi vô miệng:

– Ở nhà ra tới đây, gặp thằng Túm, hai đứa ra quán chú Liễu nhặt nút phég, ờ...ờ... rồi sau đó... sau đó... Đ.M. ngu quá! Ủa! Phải rồi chạy lên chùa Tám Tô, dô nhà con Bích, con Bích... rồi... chạy ra ruộng... cha... khó quá. Đ.M, nhớ chi nổi. Cái máy quẹt đứt túi này, không túi này... rút được sao?

Thằng cu Sún đang cố gắng moi khối óc rồi beng của nó thì thằng Túm ở đâu chạy tới. Nó thấy bạn đứng tần ngần như trời trồng ở ngã ba đường, liền hỏi:

– Đứng chi đó mày?

Thằng Sún đang cố gắng nhớ lại một lần chót nhưng rốt cuộc nó chịu thua.

Thấy bạn hỏi, nó chửi thề:

– Đ.M. khó quá!

– Chi mày?

Cu Sún quay sang hỏi bạn:

– À mày biết cái máy quẹt của tao đâu không?

Thằng Túm ngần ngừ:

– Cái máy quẹt nào?

– Cái máy quẹt của nội tao đó, hôm qua ông đưa tao đi đổ xăng rồi tao bỏ đâu mất. Ông bố tao quá chùng.

– Vậy hả? nhớ lại coi.

Cu Sún nhún vai:

– Đ.M. tao hông nhớ nổi.

Thằng Túm nhanh nhẩu:

– Đâu, mày tính lại cho tao nghe coi...

Thế là thằng Sún lại tính toán từ đầu, cuối cùng thằng Túm cũng chịu luôn, nó đánh trống lảng:

– Lúc ở ruộng, má tao kêu, tao về rồi mày đi đâu?

Thằng Sún nói:

– Đó! Tới khúc đó rồi tao ngắc luôn.

Thằng Túm lên mặt:

– Đ.M. ngu quá, phải chi tao, tao nhớ ra liền.

Bị chê ngu bất tử thằng Sún tức càn hông:

– Đ.M. chớ có làm tàng, không chừng mày còn ngu hơn tao kia.

– Ngu sao được!

– Không ngu hả?

– Ủa!

– Đ.M. không ngu! Không ngu!

Thằng Sún nhảy chồm tới sáng luôn hai thoi vào mặt thằng Túm. Thằng Túm không chịu kém, nó lao đầu vào bụng thằng Sún loi chí mạng.

Bốp! Bốp! Thằng Túm té nhủi vào bụi cây. Khi nó rút đầu được ra thì thằng Sún cắn đầu chạy mất. Nó sờ vào lỗ mũi, cha! Máu. Nguy quá! Nó dứt nút hai ngón tay vào lỗ mũi ngửa mặt lên trời để cho

máu ngừng chảy. Và cứ thế nó đi lều đều về nhà, nó lằm bằm chửi:

– Đ.M. Thăng Sún tao unction thấy mẹ mày cho coi!

Hai ba lần nó sa xuống hố lại bò lên, máu cứ ồng ộc chảy ra lỗ mũi. Nó nghĩ cách chữa cầm máu, nó chột nhớ người ta biểu phải kiếm giẻ rách ở quần đàn bà đút nút lỗ mũi lại mới hết chảy máu. Tới sân nhà nó kêu:

– Chị Hai! Chị Hai! Cho xin một miếng vải quần coi! Chị Hai nó đang ở trong bếp thò đầu ra, thấy máu be bét ở mũi em, liền la lên:

–Trời ơi Túm! Sao đó mày?

Thằng Túm vẫn ngửa mặt lên trời:

– Xé cho xin miếng vải quần lệ lên.

Chị Hai chạy đến đỡ em:

– Vô nhà! Thằng nào ỳnh mày vậy?

Thằng Túm lắc đầu:

– Cho xin miếng vải quần!

Chị nó không nghe dất tuốt nó vô nhà đặt nằm xuống ván, chạy đi lấy khăn ướt đắp lên trán nó:

– Ngu quá à! Nằm đó tao chữa cho. Đứa nào ỳnh mày?

Thằng Túm giữ bí mật, nó muốn thanh toán riêng với cu Sún nên nói láo đại:

– Hồng có, tôi tẻ! Mà chị xé cho xin miếng vải đũng quần nhét vô lỗ mũi tôi.

– Xé sao được! Quần tao đang bận, nằm đó tự khắc máu cầm liền.

Quả nhiên một lát sau máu hết chảy.
Nó lại nghĩ đến mối thù với thằng Sún.
Nó hăm một mình:

– Mày làm chảy máu tao, tao cho đổ máu lại.

Khi chị nó xuống bếp, nó len lén lấy con dao nhét vô bụng. Nó chuồn ra cửa, chị nó ngó thấy la lên:

– Chạy đi đâu đó Túm?

Thằng Túm trả lời nhưng không thèm ngó lại:

– Tui đi chơi!

Nó ù té chạy ra ngoài đầu xóm kiếm thằng Sún. Tới ngã ba đường nó gặp Sún đang nhếch nhai khóc chạy ra.

Gặp bạn, Sún quên cả chuyện hành hung vừa rồi. Vừa khóc vừa nói:

– Nội tao chết rồi Túm ơi!

Thằng Túm đứng khựng lại, nó hỏ rơi con dao đến cạch xuống đất:

– Ủa chết hồi nào, sao chết mậy?

– Tao dìu đến nhà thấy ông chết ngắc, hông biết tại sao nữa. Hồi sáng tao thấy ông vẫn nằm ở ghế xích đu...

Mắt nó nhìn xuống con dao liệng dưới đất:

– Mày... mày...

Thằng Túm thấy cơ sự như thế, liền quên luôn mối thù, nó nhe hàm răng đen thui ra cười làm lạnh:

– Thôi, mình huế nghe mày.

– Mày tính mang con dao đi đâu đó?

Thằng Túm cười hì hì:

– Tính lụi mày ít dao!

– Chà, nói thấy ghê!

Thằng Túm trở lại câu chuyện ông nội thằng Sún:

– Mày tính sao về cái xác ông nội mày?

– Tao đi kêu bà con lối xóm.

Thằng Túm đứng suy nghĩ một lát:

– Mày lên kêu cha thầy chùa Tám Tô coi!

– Ủa, coi bộ cha rành về mấy vụ xác chết lắm.

KHI ANH HAI KHÂU NGHE TIN VỀ TỚI NHÀ thì bà con lối xóm đã lo liệu gần xong việc tẩm liệm ông già anh. Tám Tô đứng chỉ huy lớp người làm như một ông tướng cầm quân, ông đã tự đứng ra coi sóc công việc đó một cách tận tình. Thấy thế tuy không vui, nhưng hai Khâu cũng chẳng biết nói sao, anh chỉ chép miệng. Ông Tám Tô biết ý chạy lại nơi anh:

– Vì cháu vắng nhà nên bác phải lo liệu giùm, cháu đừng có ngại cái đó, dẫu

sao giữa ba cháu và bác ngày xưa cũng có ít nhiều... bà con.

Hai Thâu ríu ríu cảm ơn, anh cũng cố nói một câu cho đỡ tủi vong linh ông già:

– Dạ, cảm ơn bác, mà cháu nghe đâu giữa tía cháu và bác ngày xưa có điều không hợp nhau...

Tám Tô vỗ vai Hai Khâu cười thân mật:

– Bác biết điều đó chứ, nhưng mình già rồi hơi sức đâu nhớ hoài tới chuyện ngày xưa chi cho mệt.

Nét mặt Tám Tô buồn buồn:

– Ngày xưa, tuổi trẻ... mà thôi nhắc lại chuyện đó làm chi. Con người mình sống ở trên đời này đâu có được bao lâu.

Giàu sang phú quý hay nghèo hèn lúc chết cũng như nhau, còn lại được ngày nào trên thế gian này thì cốt sao giữ cho tâm hồn được thanh thản. Bác hiểu anh Nghiêu không ưa gì bác, nhiều lần bác muốn giảng hòa, nhưng chưa kịp thì... Chao ôi! Một đời người có nghĩa lý gì đâu... Hồi sáng chính tay bác vuốt mắt ảnh, bác thấy như chính một phần hồn của bác chết theo. Cháu tính coi suốt mấy chục năm trời sống chung trong một xóm. Với lớp người xưa, giờ đây còn lại mình bác ở lại thế gian...

Khi Tám Tô ngưng lời, đôi mắt Hai Khâu đỏ hoe, anh buồn bã nhìn cái bài vị của cha anh, ở đó có ba nén nhang tỏa khói nghi ngút.

Đêm hôm đó Tám Tô ở lại tụng kinh siêu thoát cho ông già Nghiêu. Tiếng tụng kinh ê a điểm tiếng mõ buồn bã

nghe như tiếng khóc than cho một kiếp người.

Anh Hai Khâu và thằng Sún mặc áo tang quỳ phủ phục trước linh cữu ông già Nghiêu. Anh lẩm nhẩm khẩn vái:

– Tía ơi! con mong rằng tía không phiền trách con là đứa con bất hiếu không nghe lời tía. Nếu linh hồn tía thấy cảnh này thì tía sẽ hết hằn thù với Tám Tô. Cuộc đời người ta có được bao lâu đâu tía, vợ con nó bỏ chồng bỏ con đi theo trai con cũng bỏ qua luôn, thì tía cũng đừng để ý đến chuyện ngày xưa chi nữa mà khổ cho linh hồn...

Bà con lối xóm bắt đầu mang đồ phúng điếu đến, mỗi người đều có lời chia buồn. Bà già con Lan đứng ở góc nhà luôn miệng nói “tội nghiệp”. Bà lần chuỗi tràng hạt lên nước nâu không biết

lần thứ bao nhiêu. Anh Bảy Khương vừa đi vào thấy cảnh đó tức lộn tiết. Anh muốn vén quần đái vào mặt con mẹ một bãi cho bỏ ghét.

Khi trở ra anh chửi một mình:

– Đ.M, sao trên đời này nhiều loại đạo đức giả vậy cà!

Về khuya tiếng cầu kinh siêu thoát càng buồn. Ngoài trời nổi gió lớn, cơn gió chạy dài trong lòng hẻm sâu hun hút, làm chuyển mình những thân tre cọ vào nhau kêu kèn kẹt như tiếng nghiêng răng của người mơ ngủ.

Con Lan đi làm về khuya, nó bỗng rùng mình khi nghe tiếng kinh siêu thoát. Nó hỏi thăm:

– Ủa! Ai chết đó?

Một bóng đen từ trong hẻm đi ra, tay nó cầm con dao sáng giới. Con Lan nhìn thấy nhận ra thằng Keo, nó không hề sợ hãi, bình tĩnh tiến lại. Hai đứa nhìn vào mặt nhau không nói một câu. Con Lan thấy tâm hồn mình rạo rực, nó chờ đợi, không phải một nụ hôn như ngày xưa, một lưỡi dao của người tình cắm ngập vào thân thể nó. Tay thằng Keo run lên, nó thất vọng, không có một lời van xin, tay nó từ từ xuôi xuống, thở dài:

– Mai anh đi rồi!

Trong ánh sáng nhá nhem của những vì sao đêm, Keo nhìn thấy hai giọt nước mắt của người tình chạy dài trên gò má phấn son. Keo cúi đầu đi:

– Vĩnh biệt Lan!

Con dao bị bỏ rơi đến cách xuống nền đất rắn. Tiếng tụng niệm của Tám Tô như đuổi theo từng bước chân Keo và đôi mắt của người tình nó cũng đang nhìn theo. Nhưng Keo sẽ chẳng bao giờ nhìn lại nữa, mai nó đi rồi, đi mãi, không bao giờ còn trở lại xóm này.

5.

TAM TÔ THỈNH XONG HỒI
CHUÔNG CHIỀU, ông ra
đăng sau chùa. Ở đó là nghĩa địa, chiếc
mồ của lão Nghiêu mới đắp, đất còn tươi
rói. Buổi chiều cuối năm, các gia đình có
người thân chết chôn tại đây đều đến làm
cỏ sạch trơn. Trời cũng sắp tối, người
thăm mả về hết, nhưng những cây nhang
vẫn còn cháy, những bông hoa cúc còn
tươi. Tám Tô đi vòng qua từng khu mồ
mả, ông đọc tên người chết ở từng tấm
bia đá, hầu hết là những người quen biết
Tám Tô, hoặc thân hoặc sơ. Tám Tô bỗng

nhiên thấy tâm hồn mình buồn mang mang. Ông trở lại đứng trước nắm mồ mới của lão Nghiêu, ông thở dài nhẹ nhẹ, ông nhớ lại ngày xưa, hồi năm chục năm về trước. Đêm động phòng hoa chúc của vợ chồng Tám Tô, Tám Tô bỗng thấy đôi mắt của vợ mình đại đi khi lời ca điệu “hoài tình” của Nghiêu cất lên trong vườn bên cạnh. Tiếng ca của Nghiêu cất lên buồn rười rượi như than thở, trách móc kẻ bạc tình. Năm chục năm thấm thoát chớp mắt, lời ca đó thấm sâu vào tâm hồn Tám Tô, buổi chiều nay nó lại dậy lên khi thể xác Nghiêu đã nằm sâu trong lòng đất, khi tâm hồn Tám Tô tưởng chừng không còn vương vấn chuyện đời. Đang suy nghĩ miên man, bỗng nhiên Tám Tô nghe tiếng động, lão quay lại. Thằng Sún hiện ra, mặt mũi nó bần tèm lem. Tám Tô cất tiếng hỏi:

– Ra đây làm chi đó cháu?

Thằng Sún nhìn nắm mồ ông nội, nó giờ cái máy quẹt ra:

– Cháu tính ra bươi đất chôn cái máy quẹt này xuống mồ nội cháu, kéo ông không có gì mỗi lửa hút thuốc rê.

Tám Tô thoa đầu nó:

– Sao hồi tắm liệm cháu không đưa để bỏ vô hòm luôn.

– Tại cháu mới kiếm thấy, bữa hôm nội cháu đưa máy quẹt cho cháu để xin xăng, cháu làm mất luôn. Hôm nay biết con Bích ăn cắp, cháu unction nó đòi lại đó.

Tám Tô cười dễ dãi:

– Thôi cháu đưa đây, để mỗi đêm tao dùng thắp nhang cắm mộ nội cháu.

- Nội cháu còn hút thuốc rê nữa đó!
- Được tao sẽ cho nội cháu hút.

Lúc đó trời sụp tối. Tám Tô giắt thẳng cu Sún trở về chùa. Tám Tô nhìn lên bầu trời thấy một vì sao hôm mọc đơn độc.

Lão thở dài, lão thấy mình hoàn toàn cô đơn. Tám Tô có cảm tưởng lão là người độc nhất còn ở lại thế gian.

Buồn bã và già cỗi như ngôi sao hôm kia. Rồi đây kẻ nào sẽ vượt mắt mình khi nằm xuống?

(Đã in trong Tập truyện VÁC NGÀ VOI của nhà văn Nguyễn Thụy Long, nhà xuất bản TIẾNG NÓI năm 1964.)

